

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN DANH HÙNG

HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HỢP TÁC XÃ
NÔNG NGHIỆP KIỂU MỚI Ở VIỆT NAM

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: KINH TẾ CHÍNH TRỊ

HÀ NỘI - 2025

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN DANH HÙNG

**HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HỢP TÁC XÃ
NÔNG NGHIỆP KIỂU MỚI Ở VIỆT NAM**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: KINH TẾ CHÍNH TRỊ

Mã số: 9310102

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

1. PGS.TS. VŨ VĂN PHÚC

2. PGS.TS. PHẠM THỊ TÚY

HÀ NỘI - 2025

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tôi. Các số liệu, tư liệu được sử dụng trong luận án là trung thực, có nguồn gốc và xuất xứ rõ ràng. Những kết quả nghiên cứu của luận án chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào.

Tác giả

A handwritten signature in blue ink, consisting of stylized cursive letters, positioned above a horizontal line.

Nguyễn Danh Hùng

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP KIỂU MỚI	10
1.1. Các công trình nghiên cứu nước ngoài, trong nước có liên quan đến luận án.....	10
1.2. Đánh giá chung các công trình nghiên cứu liên quan đã công bố và những khoảng trống luận án cần nghiên cứu	28
Chương 2: LÝ LUẬN VỀ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP KIỂU MỚI Ở VIỆT NAM VÀ BÀI HỌC THỰC TIỄN.....	33
2.1. Khái niệm và sự cần thiết về hỗ trợ của Nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ở Việt Nam	33
2.2. Nội dung, tiêu chí đánh giá và các nhân tố ảnh hưởng đến hỗ trợ của Nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ở Việt Nam	50
2.3. Kinh nghiệm về hỗ trợ của Nhà nước đối với phát triển hợp tác xã ở một số quốc gia và bài học rút ra cho Việt Nam	64
Chương 3: THỰC TRẠNG HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP KIỂU MỚI Ở VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2013 - 2023.....	76
3.1. Khái quát tình hình hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ở Việt Nam giai đoạn 2013-2023	76
3.2. Hiện trạng bộ máy hỗ trợ của Nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ở Việt Nam giai đoạn 2013-2023	92
3.3. Thực trạng hỗ trợ của Nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ở Việt Nam	100
3.4. Đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình hỗ trợ của Nhà nước đối với các hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ở Việt Nam	124
3.5. Đánh giá chung về hỗ trợ của Nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ở Việt Nam	129
Chương 4: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP KIỂU MỚI Ở VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045	143
4.1. Bối cảnh tác động đến sự hỗ trợ của Nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ở Việt Nam	143
4.2. Phương hướng và mục tiêu hỗ trợ của Nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ở Việt Nam	147
4.3. Giải pháp tăng cường hỗ trợ của Nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ở Việt Nam	151
KẾT LUẬN	168
DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN.....	170
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	171
PHỤ LỤC	180

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

Ký hiệu	Ý nghĩa
Bộ NN&PTNT	: Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn
CPTPP	: Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương
EVFTA	: Hiệp định thương mại tự do Việt Nam
HTX	: Hợp tác xã
HTXNN	: Hợp tác xã nông nghiệp
NACF	: Liên đoàn HTXNN Quốc gia Hàn Quốc
NHNN	: Ngân hàng nhà nước
UBND	: Ủy ban nhân dân
XHCN	: Xã hội chủ nghĩa

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 3.1. Tỷ trọng HTXNN kiểu mới/ tổng số hợp tác xã đang hoạt động ở Việt Nam năm 2023	77
Hình 3.2. Số lượng HTXNN kiểu mới ở Việt Nam giai đoạn 2016 - 2023	78
Hình 3.3. Sơ đồ tổ chức của HTXNN kiểu mới theo Luật hợp tác xã năm 2012	80
Hình 3.4: 6 tỉnh/thành có số lượng hợp tác xã giải thể cao nhất cả nước trong giai đoạn 2013-2023.....	83
Hình 3.5: Số lượng HTXNN kiểu mới thành lập mới trong giai đoạn 2013-2023	86
Hình 3.6. Cơ cấu HTXNN kiểu mới theo lĩnh vực ở Việt Nam năm 2023.....	88
Hình 3.7. Phân bổ số lượng HTXNN kiểu mới theo vùng kinh tế ở Việt Nam năm 2023	89
Hình 3.8. Tổng số thành viên HTXNN ở Việt Nam giai đoạn 2013-2023	90
Hình 3.9. Số thành viên/HTXNN kiểu mới giai đoạn 2013-2023	91
Hình 3.10. Cơ cấu số HTXNN kiểu mới phân theo quy mô thành viên.....	92
Hình 3.11. Bộ máy hỗ trợ phát triển HTXNN kiểu mới.....	96
Hình 3.12. Sơ đồ cơ quan tổ chức hỗ trợ phát triển HTXNN giai đoạn 2021-2025	97
Hình 3.13. Bộ máy nhà nước hỗ trợ xúc tiến thương mại sản phẩm	98
Hình 3.14. Bộ máy Nhà nước hỗ trợ HTXNN kiểu mới về vốn và giống khi gặp thiên tai, dịch bệnh	99
Hình 3.15. Số lượng các HTXNN kiểu mới được hỗ trợ thuê đất giai đoạn 2013 - 2023	106
Hình 3.16. Mức kinh phí hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực HTXNN kiểu mới ở Việt Nam giai đoạn 2013-2023	110
Hình 3.17. Ngân sách hỗ trợ cải tiến công nghệ, ứng dụng công nghệ cao đối với HTXNN kiểu mới giai đoạn 2013-2023.....	112
Hình 3.18. Tỷ trọng của các kênh chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp năm 2023	115
Hình 3.19. Các hình thức hỗ trợ thị trường đối với các HTXNN kiểu mới giai đoạn 2013 - 2023	121
Hình 3.20. Số lượng các HTXNN được hỗ trợ xúc tiến thương mại.....	122
Hình 3.21. Phân bổ số lượng HTXNN kiểu mới nhận được hỗ trợ thương mại theo hình thức hỗ trợ	123
Hình 3.22. Ngân sách hỗ trợ thương mại cho các HTXNN kiểu mới giai đoạn 2013-2023	124

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong nền kinh tế thị trường hiện đại, sự tồn tại của hợp tác xã (HTX), nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp, mang tính phổ biến, khách quan. HTX không những đóng góp vào thành quả tăng trưởng, phát triển kinh tế của mỗi quốc gia, mà quan trọng hơn, nó hỗ trợ đắc lực các hình thức kinh doanh ở quy mô nhỏ, nhờ phát huy được ưu thế của sự liên kết ở quy mô lớn theo từng chức năng nhất định của quá trình tái sản xuất. Ở nước ta, HTX có một vai trò đặc biệt hơn nữa. Về mặt lý thuyết, trong quá trình tìm kiếm hình thức thích hợp để đưa nền kinh tế tiểu nông quá độ lên chủ nghĩa xã hội, V.I. Lênin đã tìm ra chế độ HTX. Với hình thức HTX, người nông dân vẫn có thể tham gia giao dịch hàng hóa nhằm bảo vệ lợi ích riêng của mình, đồng thời tạo điều kiện áp dụng các thành quả của cách mạng công nghiệp, đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa (XHCN). Tuy nhiên, trong vận dụng lý thuyết vào thực tiễn, Việt Nam trước cải cách, đã hành chính hóa quản lý HTX đi cùng phi thị trường hóa nền kinh tế, nên đã làm tê liệt các động lực phát triển của HTX. Từ khi cải cách mở cửa, Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam đã từng bước đổi mới chế độ HTX, xây dựng các mô hình HTX kiểu mới đi cùng với phát triển mạnh mẽ kinh tế thị trường. Giờ đây, theo các quy định pháp lý của Việt Nam, các HTX đã là đơn vị kinh doanh tự chủ trên thị trường, cạnh tranh bình đẳng với các loại hình kinh doanh khác nhằm mục đích đem lại dịch vụ tốt nhất cho thành viên. Nhờ những cải cách đó, HTX, trong đó có HTXNN, không những đã khôi phục lại động lực phát triển của mình, mà còn từng bước nâng cao tỷ trọng đóng góp vào GDP, hỗ trợ các hộ kinh doanh cá thể thích ứng với kinh tế thị trường hiện đại, góp phần xóa đói, giảm nghèo ở nông thôn và khuyến khích người dân làm giàu hợp pháp.

Với lựa chọn xây dựng kinh tế thị trường định hướng XHCN, việc tiếp tục củng cố và phát triển HTX trong nông nghiệp, nơi vẫn còn dựa chủ yếu

vào kinh tế hộ gia đình, nơi tìm kiếm thu nhập của 61,8% dân số Việt Nam sống ở nông thôn, trở thành nhiệm vụ quan trọng của Đảng, Nhà nước và nông dân Việt Nam. Từ sau Đổi Mới đến nay, tư duy của Đảng và Nhà nước về HTX nông nghiệp đã có tiến bộ rõ rệt: từ coi HTX như tổ chức hành chính bắt buộc sang công nhận HTX như chủ thể kinh tế tự nguyện, dân chủ, hướng thị trường; từ chính sách chung chung sang hỗ trợ có trọng tâm, có công cụ (luật, chương trình, quỹ, chuyển đổi số). Những văn bản gần đây — Nghị quyết 20-NQ/TW, Luật HTX 2023, Quyết định 1804/QĐ-TTg, Quyết định 167/QĐ-TTg, Chỉ thị 19/CT-TTg - phản ánh rõ tư duy đổi mới và định hướng hành động của Nhà nước trong giai đoạn tới. Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng khẳng định:

Kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác, các HTX, tổ hợp tác có phạm vi hoạt động rộng lớn, với vai trò cung cấp dịch vụ cho các thành viên; liên kết, phối hợp sản xuất kinh doanh, bảo vệ lợi ích và tạo điều kiện để các thành viên nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất kinh doanh, phát triển bền vững. Tăng cường liên kết giữa các HTX, hình thành các hiệp hội, liên hiệp HTX [7].

Chính phủ cũng đưa ra nhiều chính sách hỗ trợ nhằm phát triển và thúc đẩy HTXNN hoạt động hiệu quả, hướng tới cải thiện điều kiện sống cho nông dân. Luật Hợp tác xã (sửa đổi) đã chính thức có hiệu lực ở nước ta từ ngày 1/7/2024 với nhiều quy định thể hiện sự đổi mới đáng kể về cách tiếp cận và phát triển HTXNN phù hợp với tình hình mới.

Tuy nhiên, cho đến nay, các HTXNN ở Việt Nam vẫn còn gặp không ít khó khăn, chưa đảm nhiệm tốt vai trò mà Đảng, Nhà nước, xã hội và người nông dân kỳ vọng. Tính đến cuối năm 2023 Việt Nam mới có 31.764 HTX, 158 liên hiệp HTX và 73.000 tổ hợp tác xã, đóng góp gần 4% GDP. Trong khi đó, Nghị quyết số 20-NQ/TW xác định mục tiêu “Đến năm 2030, cả nước có khoảng 140.000 tổ hợp tác, 2 triệu thành viên; 45.000 HTX với 8 triệu thành

viên; 340 liên hiệp HTX với 1.700 HTX thành viên” [2]. Những năm gần đây số lượng HTX thành lập mới hàng năm còn ít. Kết quả hoạt động của các HTX vẫn chưa đủ sức hấp dẫn đối với nhiều hộ gia đình nông dân. Một số tổ chức kinh tế đăng ký thành lập dưới hình thức HTX nhưng thực tế hoạt động chưa hoàn toàn tuân thủ các nguyên tắc của HTX. Nhìn chung, năng lực cạnh tranh, trình độ nhân lực, nhất là trình độ của cán bộ quản lý HTX, còn thấp. Các liên kết doanh nghiệp - HTX - hộ gia đình nông dân còn ít và lỏng lẻo khiến người sản xuất nông nghiệp còn hứng chịu nhiều rủi ro thị trường. Hỗ trợ của Nhà nước, nhất là trong khâu triển khai còn chậm chễ, chưa phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

Để phát triển nhanh các HTXNN kiểu mới nhằm đạt mục tiêu vào năm 2030 cũng như các năm tiếp theo, hạn chế những rủi ro trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Do đó, luận án: ***“Hỗ trợ của Nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ở Việt Nam”*** với việc tập trung khai thác những vấn đề xoay quanh về hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới được nghiên cứu sinh lựa chọn làm nghiên cứu cho trình độ tiến sĩ kinh tế chính trị của mình.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Trên cơ sở làm rõ lý luận và kinh nghiệm thực tiễn về sự hỗ trợ của Nhà nước đối với HTXNN kiểu mới, luận án tập trung phân tích, đánh giá thực trạng hỗ trợ của Nhà nước Việt Nam đối với HTXNN kiểu mới trong giai đoạn 2013-2023, qua đó làm cơ sở để đưa ra các đề xuất về phương hướng và các giải pháp tăng cường hỗ trợ của Nhà nước đối với sự phát triển HTXNN kiểu mới đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Nhằm cụ thể hoá mục tiêu nghiên cứu nêu trên, luận án thực hiện những nhiệm vụ sau:

Hệ thống hoá những vấn đề lý luận về sự hỗ trợ của Nhà nước đối với HTXNN kiểu mới.

Tổng hợp, phân tích kinh nghiệm từ thực tiễn hỗ trợ của một số quốc gia đối với HTXNN, đúc rút bài học cho Việt Nam.

Phân tích, đánh giá thực trạng chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với HTXNN kiểu mới ở Việt Nam giai đoạn 2013-2023.

Đề xuất phương hướng và giải pháp tăng cường hỗ trợ của Nhà nước đối với HTXNN kiểu mới ở Việt Nam.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là các hỗ trợ của Nhà nước đối với HTXNN kiểu mới ở Việt Nam.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nội dung: nội dung hỗ trợ của Nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp (HTXNN) kiểu mới không chỉ là tập hợp các công cụ chính sách đơn lẻ, mà còn phản ánh quan hệ lợi ích, vai trò của Nhà nước trong điều tiết, phân bổ nguồn lực và định hướng phát triển khu vực kinh tế tập thể. Các chính sách này mang tính đa dạng, đan xen nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội, nhưng trong khuôn khổ luận án, nội dung nghiên cứu được giới hạn ở năm nhóm chính sách cơ bản phù hợp với Luật HTX 2012 và Luật HTX 2023, gồm: (1) Chính sách hỗ trợ tài chính nhằm giải quyết quan hệ vốn và tái sản xuất mở rộng; (2) Chính sách đất đai với tư cách là tư liệu sản xuất chủ yếu trong nông nghiệp; (3) Chính sách đào tạo và phát triển nguồn nhân lực để nâng cao chất lượng lao động nông thôn; (4) Chính sách hỗ trợ tiếp cận khoa học - công nghệ nhằm thúc đẩy đổi mới lực lượng sản xuất; và (5) Chính sách hỗ trợ tiếp cận thị trường gắn với quá trình lưu thông hàng hóa và hội nhập kinh tế. Các chính sách này được phân tích cả trên phương diện nội dung (mục tiêu, công cụ, đối tượng tác động) và quá trình triển khai thực tiễn, qua đó làm rõ tính hiệu lực và hiệu quả trong việc thúc đẩy phát triển HTXNN kiểu mới.

Phạm vi không gian: Việt Nam.

Phạm vi thời gian: Các dữ liệu thứ cấp được thu thập và sử dụng trong giai đoạn 2013 - 2023 (giai đoạn hình thành và phát triển HTXNN kiểu mới phù hợp với Luật hợp tác xã 2012). Quan điểm, phương hướng và các giải pháp hỗ trợ của Nhà nước đối với HTXNN kiểu mới đề xuất cho giai đoạn từ nay đến năm 2030.

4. Phương pháp tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp tiếp cận

Hỗ trợ của Nhà nước đối với HTXNN được tiếp cận theo phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tức nghiên cứu bản chất, nội dung, phương thức hỗ trợ của Nhà nước để thúc đẩy sự phát triển của các HTXNN phù hợp với kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam trong bối cảnh quốc tế hiện nay.

Bổ sung cho cách tiếp cận kinh tế chính trị là cách tiếp cận hệ thống, logic, lịch sử, mục tiêu, tức xem xét hỗ trợ của Nhà nước đối với HTXNN kiểu mới theo các giai đoạn lịch sử cụ thể đặt trong tổng thể cải cách đổi mới, phát triển nền kinh tế Việt Nam và bối cảnh quốc tế giai đoạn 2023-2035, từ đó tìm ra các xu hướng có tính quy luật trong hỗ trợ của Nhà nước đối với HTXNN kiểu mới nhằm hoàn thành mục tiêu mà Đảng và Nhà nước đã đặt ra.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp biện chứng duy vật

Phép biện chứng duy vật không chỉ là một lý luận khoa học cho phép phản ánh đúng đắn các sự vật, hiện tượng, nó còn là một công cụ sắc bén để mổ xẻ, phân tích các vấn đề xã hội và tìm ra các giải pháp thích hợp cho từng giai đoạn phát triển lịch sử cụ thể. Việc vận dụng phương pháp biện chứng duy vật trong nghiên cứu về chính sách hỗ trợ HTXNN ở Việt Nam là cơ sở để thấy rõ hơn tính tất yếu của việc chuyển đổi từ HTXNN kiểu cũ sang HTXNN kiểu mới. Với phương pháp này, cũng là tiền đề giúp nghiên cứu

sinh nhận thức và luận giải tính đúng đắn cũng như những hạn chế trong quá trình thiết lập các chính sách hỗ trợ HTXNN kiểu mới hiện nay ở Việt Nam.

Phương pháp trừu tượng hoá khoa học

Phương pháp trừu tượng hoá khoa học là phương pháp nghiên cứu cơ bản trong luận án dựa trên sự kế thừa các thành tựu nghiên cứu khoa học đã có với sự bổ sung từ dữ liệu báo cáo và số liệu thống kê của các tổ chức chính thức. Vận dụng phương pháp này tác giả luận án nghiên cứu, phân tích, khái quát hóa các dữ liệu đã có để xây dựng các khái niệm trung tâm của luận án; nghiên cứu kinh nghiệm hỗ trợ của Nhà nước đối với HTXNN ở một số quốc gia để rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam. Phương pháp trừu tượng hoá khoa học được sử dụng chủ yếu ở chương 1 và chương 2 của luận án.

Trong chương 1, tác giả luận án cũng bám sát quan điểm, chủ trương, đường lối chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước cũng như vận dụng một số lý thuyết kinh tế khác liên quan đến HTXNN kiểu mới.

Trong chương 2, dựa trên sự phân tích, so sánh, đánh giá kinh nghiệm của các quốc gia trong việc thực hiện các hỗ trợ của Nhà nước đối với HTXNN kiểu mới, đúc rút ra những bài học thiết thực trong hỗ trợ của Nhà nước đối với HTXNN kiểu mới ở Việt Nam hiện nay.

Phương pháp phân tích - tổng hợp

Phương pháp này được sử dụng để phân tích sâu các khái niệm liên quan đến luận án (khái niệm HTX, HTXNN, HTXNN kiểu mới; hỗ trợ, hỗ trợ của Nhà nước) để luận giải một cách khoa học nội dung đối tượng nghiên cứu của luận án. Đồng thời, thông qua phân tích - tổng hợp các số liệu thứ cấp, báo cáo của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền như Bộ NN&PTNT; Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Luật hợp tác xã 2012; Luật hợp tác xã 2023,... giúp nghiên cứu sinh mô tả toàn diện về hỗ trợ của Nhà nước đối với HTXNN kiểu mới. Phương pháp phân tích, tổng hợp được sử dụng ở chương 2 và chương 3 của luận án.

Phương pháp logic kết hợp lịch sử

Phương pháp logic kết hợp lịch sử được sử dụng nhằm làm rõ hơn quá trình vận động phát triển của hỗ trợ từ Nhà nước đến HTXNN kiểu mới trong từng bối cảnh lịch sử cụ thể; từ đó, làm cơ sở thực tiễn để đề xuất những giải pháp phù hợp với hoàn cảnh cụ thể hiện nay của Việt Nam. Phương pháp này chủ yếu sử dụng trong chương 3, chương 4 của luận án.

Phương pháp thống kê, so sánh

Phương pháp này được áp dụng để thu thập, khai thác và thống kê thông tin từ các nguồn tư liệu có sẵn liên quan đến các nội dung mà luận án nghiên cứu. Phương pháp này được sử dụng ở chương 3 để đánh giá những kết quả đạt được và khó khăn trong việc triển khai các hỗ trợ của Nhà nước đối với HTXNN kiểu mới giai đoạn 2013-2023; luận giải những nguyên nhân của kết quả và hạn chế về phát triển HTXNN kiểu mới ở Việt Nam trong thời gian qua.

Phương pháp chuyên gia

Phương pháp chuyên gia được sử dụng để thu thập thông tin, số liệu, tài liệu sơ cấp về các vấn đề lý thuyết và thực tiễn thực hiện hỗ trợ của Nhà nước đối với HTXNN kiểu mới và các thông tin khác có liên quan đến luận án. Các chuyên gia được lựa chọn là những đối tượng có thâm niên làm việc 10 năm trở lên trong lĩnh vực quản lý HTXNN cũng như triển khai các chính sách của Nhà nước đối với HTXNN kiểu mới. Họ có trải nghiệm và nắm bắt khá rõ tình hình thực tiễn về hoạt động của các HTXNN kiểu mới thời gian qua. Việc sử dụng phương pháp chuyên gia sẽ giúp nghiên cứu tháo gỡ những khó khăn và có những giải pháp phù hợp với tình hình phát triển của các HTXNN kiểu mới cũng như các chính sách đang được triển khai hiện nay.

Để thực hiện phương pháp chuyên gia, nghiên cứu sinh xây dựng phiếu phỏng vấn dưới dạng câu hỏi bán cấu trúc, số lượng 10 chuyên gia (được lựa

chọn theo phương pháp ngẫu nhiên hệ thống) ở các đơn vị khác nhau tại các cơ quan: Bộ NN&PTNT; Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, các nhà quản lý, các nhà làm chính sách đối với HTXNN kiểu mới (xem Phụ lục 5 và Phụ lục 6).

5. Những đóng góp mới của luận án

5.1. Đóng góp mới về lý luận

Luận án hệ thống hoá có bổ sung lý thuyết hỗ trợ của Nhà nước đối với HTXNN kiểu mới trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN. Cụ thể là trong Luận án đã xác định rõ khái niệm, nội dung, tiêu chí đánh giá và nhân tố ảnh hưởng đến hỗ trợ của Nhà nước đối với HTXNN kiểu mới phù hợp với kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam.

5.2. Đóng góp mới về thực tiễn

Luận án mô tả rõ nét “bức tranh” tổng thể về quá trình phát triển HTXNN kiểu mới ở Việt Nam sau khi có Luật hợp tác xã 2012. Khái quát hóa và rút ra được những kết quả cũng như những vấn đề cần tháo gỡ mà hỗ trợ của Nhà nước đối với HTXNN kiểu mới ở Việt Nam đạt được trong giai đoạn 2013-2023.

Luận án góp phần khẳng định sự đúng đắn của chủ trương phát triển bền vững các loại hình HTX nói chung và HTXNN kiểu mới nói riêng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Khẳng định HTXNN kiểu mới có vai trò quan trọng trong phát triển ngành nông nghiệp hiện đại, là mô hình tạo ra được sức hút đối với nông dân nếu có sự hỗ trợ đủ mức của Nhà nước.

Luận án đưa ra những đề xuất về quan điểm (phương hướng) giải pháp tăng cường hỗ trợ của Nhà nước để HTXNN kiểu mới ở Việt Nam đảm đương được vai trò quan trọng của nó trong giai đoạn từ nay đến 2035.

6. Ý nghĩa khoa học của luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận

Luận án góp phần bổ sung và làm sâu sắc hơn lý luận về chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với HTXNN kiểu mới dưới góc độ tiếp cận của chuyên ngành Kinh tế chính trị.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Luận án cung cấp cơ sở khoa học cho các cơ quan có thẩm quyền xây dựng quy định, chính sách và chỉ đạo thực hiện quá trình triển khai các hoạt động hỗ trợ của Nhà nước đối với HTXNN kiểu mới đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.

7. Kết cấu của luận án

Kết cấu luận án gồm 4 chương, ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới.

Chương 2: Lý luận về hỗ trợ của Nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ở Việt Nam và bài học thực tiễn

Chương 3: Thực trạng hỗ trợ của Nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ở Việt Nam giai đoạn 2013 - 2023

Chương 4: Phương hướng và giải pháp tăng cường hỗ trợ của Nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ở Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP KIỂU MỚI

1.1. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU NƯỚC NGOÀI, TRONG NƯỚC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1.1.1. Các công trình nghiên cứu nước ngoài có liên quan đến luận án

Thứ nhất, các công trình nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển HTX nông nghiệp

Kurimoto (2014) nhấn mạnh tầm quan trọng của “thể chế” trong việc định hình và phát triển loại hình HTXNN. Tác giả cho rằng: thể chế có sức ảnh hưởng vô cùng lớn đối với sự phát triển của một tổ chức, trong đó có mô hình tổ chức HTXNN. Nghiên cứu đi sâu phân tích nguồn gốc ra đời của HTXNN và nhận xét rằng, loại hình này xuất hiện ở Châu Âu vào cuối thế kỷ XIX, sau đó đã định hình và phát triển khá đa dạng ở nhiều quốc gia khi chịu sự chi phối khá mạnh từ thể chế nông nghiệp cũng như các chính sách đặc thù cụ thể của từng nước. Xu hướng phát triển trên thế giới chuyển từ bảo hộ sang cạnh tranh ngành/lĩnh vực trong thế kỷ XX đã kéo theo những thay đổi của thể chế và đặt ra các áp lực mới đối với loại hình HTXNN ở Nhật Bản. Tương lai của các HTXNN ở quốc gia này phụ thuộc vào sự sẵn sàng cải tiến mô hình HTXNN bằng cách thích ứng với điều kiện sản xuất mới song song với quá trình áp dụng các lợi thế trong hợp tác [67].

Aimin và Shunfeng Song (2016) đã liệt kê ra 5 yếu tố là rào cản trong phát triển HTXNN: *thứ nhất*, sự manh mún và nhỏ lẻ đất đai; *thứ hai*, phân tầng đối với người nông dân; *thứ ba*, thiếu hụt đội ngũ lao động có trình độ cao; *thứ tư*, những tàn dư từ mô hình HTXNN kiểu cũ có thể ảnh hưởng đến quá trình chuyển đổi sang HTXNN kiểu mới và *thứ năm*, khác biệt về cách thức tổ chức giữa các mô hình HTXNN [36].

Osterberg, P. Nilsson (2009) nhận định sự thành công của HTXNN phụ thuộc khá lớn vào sự tham gia của các thành viên HTX và năng lực của ban quản trị. Kết quả này được rút ra từ khảo sát 2250 nông hộ có tham gia vào HTXNN tại Thụy Điển. Bên cạnh đó, các yếu tố khác cũng được nhắc đến như là yếu tố quan trọng cho sự thành công của HTXNN, bao gồm: (1) sự cải thiện về khả năng nâng cao thu nhập khi tham gia HTXNN; (2) niềm tin vào thị trường tiêu thụ đầu ra khi tham gia vào HTXNN [73].

Yamashita Kazuhito (2009), nghiên cứu ảnh hưởng về môi trường chính trị và vai trò của cộng đồng nông thôn đối với quá trình phát triển HTXNN ở Nhật Bản. Đó là những quyết định, can thiệp của chính phủ trong việc thiết lập giá lương thực cao được thông qua các hệ thống kiểm soát thực phẩm chủ yếu. Sự nổi lên đối với các HTX, hiệp hội HTXNN của Nhật Bản (JA) dưới sự tác động, hỗ trợ của chính phủ đối với sự kiểm soát phân phối và giá cả của các thực phẩm chủ yếu khi bán ra thị trường quốc gia này [78].

Yếu tố tiếp cận tín dụng cũng là góp phần đáng kể trong việc xây dựng và phát triển các mô hình HTXNN kiểu mới (Mohamed và Temu, 2008) [70]. Các nhà khoa học tin rằng việc tiếp cận tín dụng thúc đẩy việc áp dụng các công nghệ thông qua việc xóa bỏ rào cản thanh khoản cũng như tăng khả năng chịu rủi ro của các HTXNN. Trong một số trường hợp, cần phải thiết kế các gói tín dụng đáp ứng nhu cầu các nhóm HTXNN cụ thể (Muzari và cộng sự, 2013) [72]. Ví dụ tại Kenya, Chính phủ đã bắt đầu một chương trình cung cấp các khoản vay không lãi suất cho các HTXNN. Điều này giúp nâng cao vị thế của HTXNN và giúp họ áp dụng công nghệ nông nghiệp để tăng năng suất góp phần tăng trưởng kinh tế.

Elena Garnevskia, Guozhong Liu and Nicola Mary Shadbolt (2011), trong nghiên cứu: *Factors for successful development of Agricultural Cooperatives in Northwest China* (Tạm dịch: Các yếu tố tạo nên sự thành công trong phát triển các hợp tác xã nông nghiệp ở Tây Bắc Trung Quốc) đã

nhấn mạnh tầm quan trọng của hỗ trợ từ bên ngoài đến hoạt động của HTXNN và nhận thấy rằng sự hỗ trợ từ bên ngoài đã cải thiện đáng kể sinh kế của cộng đồng nông thôn và tạo điều kiện cho các HTXNN tiếp cận thị trường cho sản phẩm, dịch vụ của HTX tốt hơn. Tuy nhiên, sự can thiệp từ bên ngoài vào công tác tổ chức, quản lý cũng có thể ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển bền vững của HTXNN. Hỗ trợ từ bên ngoài có thể tạo ra hội chứng phụ thuộc, ngay cả chịu sự điều phối hay kiểm soát từ Chính phủ, các nhà tài trợ. Điều này có thể làm giảm cam kết từ phía các thành viên [60].

Birchall (2004) chỉ ra rằng mức độ gắn kết cộng đồng và sự đồng thuận xã hội ảnh hưởng trực tiếp đến tính ổn định và khả năng huy động nguồn lực cho HTX. Bối cảnh hoạt động của HTXNN sẽ ảnh hưởng đến hiệu suất và sự tồn tại của HTXNN. Nhiều tài liệu chỉ ra rằng: thất bại của thị trường đã góp phần vào sự thành công của các HTXNN. Thất bại thị trường là điều kiện cần thiết để hình thành nên HTXNN, quy tụ từ các hộ nông dân sản xuất quy mô nhỏ, hỗ trợ tiếp cận thị trường dễ dàng hơn và khả năng thương lượng của HTXNN được dễ dàng hơn. Tuy vậy, thất bại thị trường cũng có thể là một trở ngại cho sự thành công của HTXNN. Rõ ràng là HTXNN rất khó để tự vươn lên, hay tìm được giải pháp hợp lý trong bối cảnh khó khăn nếu như không có sự hỗ trợ hay can thiệp kịp thời của Chính phủ. Một khi môi trường hoạt động không minh bạch hay không có cơ chế kiểm soát giá hợp lý có thể làm cho tình hình trở nên phức tạp hơn đối với HTX.

World Bank (2016) trong báo cáo *Transforming Vietnamese Agriculture* chỉ ra rằng khả năng liên kết thị trường và tham gia chuỗi giá trị nông sản quyết định sự tồn tại của HTX. Thiếu kết nối với doanh nghiệp và thị trường tiêu thụ dẫn đến hoạt động HTX kém hiệu quả. FAO (2019) trong nghiên cứu về phát triển HTX tại Đông Nam Á khẳng định năng lực tài chính, nguồn nhân lực và sự tham gia tích cực của xã viên quyết định tính bền vững của HTX.

Thứ hai, các nghiên cứu về vai trò của Nhà nước trong việc hỗ trợ phát triển HTXNN

Marites A. Guinto và Takaaki Otahara (2018) khi nghiên cứu HTXNN dưới góc nhìn vai trò của cơ quan quản lý Nhà nước ở Philippines đã cho thấy rằng: có sự chênh lệch khá lớn giữa chính sách hỗ trợ của Nhà nước so với thực tiễn hoạt động của các HTXNN. Sự chênh lệch này khởi phát từ chính độ trễ về mặt chính sách; nghĩa là các chính sách có tính “đi sau” so với nhu cầu cần hỗ trợ của các HTXNN. Nghiên cứu cũng nêu lên những “sai lầm” của chính phủ trong việc hỗ trợ các HTXNN: thứ nhất, chính phủ chỉ nên thực hiện chức năng giám sát ở mức độ vừa phải để đảm bảo rằng quá trình triển khai và hoạt động của các HTXNN không vượt quá những giới hạn khuôn khổ pháp luật; tuyệt nhiên không nên can thiệp sâu và “làm thay” các chức năng của các HTXNN. Quá trình hỗ trợ của chính phủ nên chú trọng vào những lĩnh vực mà HTXNN thực sự cần, ví dụ như: nền tảng kết nối thông tin thị trường; giáo dục nguồn nhân lực trong các HTXNN hơn là đi sâu vào các quyết định mang tính độc lập của mỗi HTXNN. Nghiên cứu vẫn còn hạn chế ở chỗ: chưa đưa ra những nguyên tắc đảm bảo cho mức độ “vừa đủ” trong giám sát hoạt động các HTX.

Eddie Oczkowski; Kay Plummer (2013) trong nghiên cứu “*The meaning, importance and practice of the co-operative principles: Qualitative evidence from the Australian co-operative sector*” (Tạm dịch: Ý nghĩa, tầm quan trọng và thực hành các nguyên tắc hợp tác: Bằng chứng định tính từ khu vực hợp tác xã của Úc) cho rằng: để phát huy hết những lợi thế lớn của mình, điều quan trọng nhất là chính Chính phủ của các quốc gia cần có sự thay đổi nhanh chóng về cách nhìn nhận “hình ảnh” HTXNN. Cụ thể: hãy xem HTXNN là một tổ chức kinh tế sở hữu những ưu thế khác biệt so với các loại hình khác thay vì đây là nơi hội tụ của những người nông dân yếu thế cần sự hỗ trợ của Nhà nước. Các tác giả cũng nhấn mạnh tính tất yếu cần sự đổi

xử mang tính chất bình đẳng với các loại hình kinh doanh, sản xuất khác. Do đó, việc Nhà nước quá chú trọng vào việc hỗ trợ cho những đối tượng “yếu thế” trong HTXNN rất dễ tạo ra tâm lý “ỷ lại” vào các chính sách hỗ trợ khiến kết quả hỗ trợ không đủ sức khơi thông những giá trị tích cực từ các tổ chức HTXNN và về lâu dài có thể gây nguy cơ HTXNN giải thể. Vì vậy, quá trình hỗ trợ của Nhà nước nên dựa vào những nhận định được rút ra trong nghiên cứu của Marites A. Guinto và Takaaki Otahara (2018) là: Chính phủ không nên can thiệp sâu vào các kết cấu tổ chức sản xuất bên trong của các HTXNN, mà chỉ nên hướng đến tạo lập một môi trường để HTXNN phát triển một cách lành mạnh nhất. Chính phủ nên hướng đến các chính sách hỗ trợ mang tính dài hạn như: đào tạo nguồn nhân lực; gia tăng năng lực tiếp cận công nghệ sản xuất trồng trọt mới; dự báo xu hướng tiêu dùng sản phẩm nông nghiệp trong tương lai trên nền tảng phân tích, đánh giá nguồn dữ liệu sơ cấp, thứ cấp từ các thị trường tiêu dùng trọng yếu các sản phẩm nông nghiệp ở trong nước và quốc tế [59].

Monica Juarez Adeler khi nghiên cứu hơn 50 HTXNN trong cộng đồng tại ba tỉnh của Mỹ, Colombia và Bỉ đã chỉ ra rằng, mức độ phát triển của HTXNN liên quan trực tiếp đến bản chất của các chính sách hỗ trợ, điều kiện về cơ sở hạ tầng [71]. Những người khởi nghiệp HTXNN có nhu cầu được hỗ trợ cả về kỹ thuật và các nguồn tài chính; Chính phủ có vai trò quan trọng thiết lập chính sách tăng cường và cung cấp các nguồn lực cho cơ sở hạ tầng, thông qua hỗ trợ tài chính trực tiếp hoặc gián tiếp bằng cơ chế ưu đãi thuế để phát triển HTXNN. Những giải pháp chính sách phát triển HTX có hiệu quả cao tại ba quốc gia là: i) Chính phủ cần tạo niềm tin bằng các cam kết đối với sự phát triển của khu vực HTXNN, bao gồm cả việc các bên liên quan cùng tham gia xây dựng chính sách công để đảm bảo mô hình sản xuất kinh doanh tốt hơn cho các cá nhân và cộng đồng HTXNN; ii) Đầu tư ý chí chính trị và các nguồn lực trong chiến lược, tầm nhìn cho phát triển HTXNN và đảm bảo

rằng quá trình này được dẫn dắt bởi các liên đoàn HTX với khả năng huy động các đối tượng và nguồn lực cần thiết để đạt được các mục tiêu; iii) Nâng cao năng lực của Liên đoàn HTX, bao gồm giáo dục, hỗ trợ kỹ thuật và đào tạo, nghiên cứu và xây dựng chính sách/vận động chính sách, và các chức năng hoạt động trong sự thành công của HTXNN; iv) Tạo ra cơ chế ưu đãi về thuế để tăng cường cơ sở hạ tầng và các hiệp hội ngành liên kết, cũng như tạo ra một quỹ phát triển do hội đồng quản trị quản lý. Điều này có thể đạt được thông qua sự đóng góp của chính bản thân HTXNN, với sự kết hợp của chính phủ. Mặc dù vậy, nghiên cứu chưa đề cập tới cách thức hoạch định, tổ chức thực hiện các chính sách hỗ trợ, ưu đãi cụ thể đối với HTXNN như: chính sách đất đai đối với HTXNN; chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực của HTXNN; chính sách bảo hiểm; hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.... nhất là chính sách xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường đối với HTXNN, đây có thể xem là khâu yếu nhất đối với HTXNN của Việt Nam và rất cần phải có nghiên cứu sâu hơn [71].

Chủ trương, chính sách của Chính phủ được thực hiện chủ yếu thông qua hệ thống chính sách vĩ mô của Nhà nước nhằm kích thích, phát huy vai trò của HTXNN trong xã hội. Hệ thống chính sách có vai trò quan trọng cho sự hình thành, tạo môi trường pháp lý cho HTXNN hoạt động và hỗ trợ về vật chất để tăng cường năng lực của các HTXNN. Bên cạnh đó, sự can thiệp của Chính phủ đôi khi có ảnh hưởng ngược lại như việc thực hiện chính sách giá, đặc biệt là ở các nước đang phát triển, thực hiện với nhiều động cơ trái ngược nhau nhằm bảo vệ người tiêu dùng, cũng như nhà sản xuất, giúp thoát khỏi sự bất ổn về giá. Việc Chính phủ không thiết lập giá hiệu quả (thiếu thông tin đầy đủ) có thể ảnh hưởng tiêu cực đến các nhà sản xuất (Spielman, D.J., Hartwich, F. and Grebmer, K.V. (2010) [77].

Khung pháp lý và những quy định chưa chặt chẽ, không đảm bảo tuân thủ nghiêm túc trong thực thi hợp đồng giữa các chủ thể hay không áp dụng

các hình thức trừng phạt hợp lý đối với những người vi phạm hợp đồng có thể làm ảnh hưởng đến hoạt động của các HTXNN (Rodney B. Holcomb (2018). Thêm vào đó, chính vì sự yếu kém đó có thể đánh mất đi niềm tin trong các hợp đồng pháp lý đã thỏa thuận và làm tăng chi phí giao dịch [76].

Thứ ba, các nghiên cứu về khuyến nghị chính sách hỗ trợ phát triển HTXNN

Khi nghiên cứu quá trình phát triển các HTX trên thế giới trong hơn 50 năm qua, Cục Chính sách phát triển xã hội Liên Hợp quốc khuyến nghị các quốc gia thành viên về chính sách phát triển HTX bao gồm những nội dung sau: i) Chính sách hỗ trợ là cần thiết trong việc tạo ra một môi trường hoạt động cho sự phát triển HTX; ii) Chính sách cần phải nhất quán và hài hoà với các chính sách liên quan khác có ảnh hưởng đến HTX hoạt động và phát triển; iii) Chính sách phát triển HTX cần xác định vai trò của HTX trong kinh tế, xã hội và văn hoá của cộng đồng, làm cho thành viên và cộng đồng nhận thức được các nguyên tắc hợp tác và các giá trị trong tổ chức và hoạt động HTX.

Pauline Moris (2018) trong nghiên cứu “*Cooperative development - viewed from a social perspective*” (Tạm dịch: *Phát triển hợp tác xã - Nhìn từ góc độ xã hội*) được thực nghiệm thông qua 120 HTX ở Quebec để đi đến một nhận định rằng: đánh giá các chính sách phát triển HTX không nên nhìn vào các con số kinh tế được định lượng đơn điệu mà cần nhìn nhận một cách toàn diện thông qua những lợi ích xã hội mà HTX mang lại. Theo nghiên cứu này, để một chính sách hỗ trợ HTX thực sự có hiệu quả, cần đi theo lộ trình gồm bốn bước cơ bản sau: *Thứ nhất*, cần quan tâm đến quá trình triển khai những nội dung của các chính sách đến các thành viên HTX sao cho dễ hiểu nhất bởi đặc thù của ngành nông nghiệp, trình độ hiểu biết về chính sách pháp luật không cao bằng các lĩnh vực khác. *Thứ hai*, cải tiến hệ thống hỗ trợ vốn và tài chính; nâng cao năng lực quản trị cho ban quản trị các HTX. *Thứ ba*, cần xác định rõ vai trò của HTX để đưa định hướng cũng như định hình con đường

phát triển của HTX trong tương lai. *Thứ tư*, để các chính sách hỗ trợ thực sự hiệu quả, cần khơi thông và thiết lập một đội ngũ nhân lực làm việc ở các HTX hiệu quả, hướng đến trẻ hoá đội ngũ này để HTX trở thành một mô hình phát triển tốt hơn trong tương lai. Tuy nhiên, nghiên cứu chưa nêu lên được các biện pháp cụ thể để xác định rõ hơn về lợi ích xã hội mà HTX mang lại; do đó các định hướng chính sách vẫn còn khá chung chung; chưa đi vào các biện pháp cụ thể để làm nổi bật và phát triển các lợi ích xã hội mà mô hình HTX mang lại [74].

Elena Garnevskaja, Guozhong Liu and Nicola Mary Shadbolt (2011) [60], cho rằng: để các HTXNN ở vùng Tây Bắc Trung Quốc đạt được những thành tựu khả quan, điều kiện tiên quyết là một môi trường pháp lý ổn định. Bên cạnh đó, sự hậu thuẫn về mặt chính sách phải hướng đến tính cụ thể ở từng đối tượng cùng với những chính sách hỗ trợ thị trường đầu ra năng động và tích cực. Nghiên cứu cũng đi sâu vào nhấn mạnh tầm quan trọng của người sáng lập/giám đốc các HTX, yêu cầu mang tính tiên quyết chính là sự tận tâm và quyết đoán; có sự am hiểu và trình độ nhất định để giữ vai trò định hướng cho quá trình hoạt động, sản xuất của các HTX trong tương lai.

Nghiên cứu của World Bank, FAO (2007), *Agriculture at a Crossroads: Global Report*. Washington, DC: Island Press [65] khi đánh giá sự chuyển biến trong quá trình phát triển các HTXNN ở các nước đang phát triển giai đoạn 2009-2019 đã đưa ra một số khuyến nghị để loại hình HTXNN thực sự phát triển bền vững là: *Thứ nhất*, cần có sự nhất quán trong các chính sách hỗ trợ, hướng đến tạo lập một môi trường hỗ trợ mang tính chất công bằng (không cào bằng) cho các HTXNN. *Thứ hai*, các chính sách hỗ trợ phát triển HTXNN cần được đánh giá trên nhiều góc độ: kinh tế, xã hội và môi trường để có cái nhìn mang tính chất toàn diện trong quá trình thực thi chính sách. *Thứ ba*, xác định đúng các tác nhân ảnh hưởng đến quá trình triển khai các chính sách hỗ trợ; xác định vai trò của các chủ thể tham gia triển khai

chính sách đối với các HTXNN. Nhận diện đâu là các yếu tố chính, yếu tố phụ, đồng thời làm rõ thực trạng biến chuyển của tình hình mới để cập nhật các chính sách hỗ trợ của chính phủ cho phù hợp với nhu cầu phát triển của các HTXNN.

Trong nghiên cứu của mình, GF Ortmann & RP King (2020) đã tiến hành nghiên cứu HTXNN dưới góc độ cấu trúc (vòng đời) phát triển. Nhóm đã nghiên cứu khảo sát các loại hình HTXNN ở Nam Phi. Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng, chu trình sống của HTXNN được chia thành ba giai đoạn: hình thành, tăng trưởng, tái tổ chức hoặc giải thể. Nghiên cứu cũng cho rằng, ở từng vòng đời phát triển, HTXNN cần có cơ chế “thích ứng” với những sự biến đổi từ môi trường kinh doanh bên ngoài, điển hình như: sự đổi mới công nghệ; công nghiệp hoá lĩnh vực nông nghiệp hoặc hành vi sản xuất của thành viên có sự thay đổi khi chủ nghĩa cá nhân đang phát triển mạnh. Bên cạnh đó, nhóm tác giả cũng chỉ rõ sự khác biệt trong hỗ trợ chính sách của chính phủ dựa trên đặc trưng về mặt quy mô. Theo đó, các chính sách hỗ trợ ở Nam Phi chú trọng vào các HTXNN quy mô nhỏ hơn là các HTXNN quy mô lớn, trọng tâm hướng đến hỗ trợ quá trình thành lập hơn là đi sâu vào cơ chế hoạt động của HTXNN. Theo giải thích của nhóm nghiên cứu, đặc trưng này xuất phát từ giới hạn nguồn lực ngân sách hỗ trợ ở Nam Phi. Nhóm nghiên cứu chưa đi sâu vào việc đưa ra các giải pháp cụ thể trên nền tảng thực trạng hỗ trợ của chính phủ được nêu ra [62].

Maureen Casile (2020) trong nghiên cứu: “*The success of agricultural cooperatives - A case study in the state of California*” khi đi sâu tìm hiểu những lý do tạo ra sự thịnh vượng về mặt kinh tế và tính hiệu quả về mặt tổ chức của các HTXNN ở bang California (Mỹ). Thông qua quá trình khảo sát và đánh giá 320 mô hình HTXNN thành công, nghiên cứu đã chỉ ra một số lý do trọng yếu sau: (1) Sự tuân thủ pháp luật và năng lực hấp thụ các chính sách ưu đãi của chính phủ đối với các HTXNN. (2) Tính thích ứng với thị trường

đầu ra vô cùng lớn; giá trị hàng hoá nông nghiệp của các HTXNN luôn tăng dần qua các năm do đáp ứng được thị hiếu ngày một cao và đa dạng của người tiêu dùng. (3) Đa dạng hoá cách thức huy động nguồn lực tài chính; thay vì quá phụ thuộc vào nguồn tiền huy động được từ các xã viên HTXNN và (4) Cơ hội tiếp cận những công nghệ mới khá cao; làm cho các HTXNN luôn ở vị thế tiên phong trong các xu hướng nông nghiệp trên thế giới [68].

1.1.2. Các nghiên cứu trong nước có liên quan đến luận án

Thứ nhất, các công trình nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển HTXNN

Minh Thư (2021) cho rằng, hoạt động hỗ trợ kinh tế của Nhà nước đối với HTXNN chủ yếu thể hiện ở ba khía cạnh: (1) Làm dịch vụ đầu vào đầu ra, đầu tư vào các lĩnh vực, các địa bàn mà các thành phần kinh tế khác không đủ sức hoặc không muốn đầu tư hoặc hỗ trợ để các thành phần kinh tế cùng nhau phát triển. (2) Tạo mối liên kết, ổn định lâu dài cho các HTXNN theo hướng liên kết “bốn nhà” [14].

Nguyễn Hồng Thư (2015) Bàn về nhân tố con người, nhân mạnh yếu tố cản trở lớn nhất quá trình phát triển HTXNN chính là đội ngũ quản lý HTX. Sự biến động và thay đổi liên tục của thị trường đầu vào đầu ra trong sản xuất nông nghiệp đòi hỏi bản thân người quản trị HTXNN cần có sự linh hoạt và thích ứng nhanh đối với thị trường. Việc bảo thủ trong quá trình sản xuất cũng như truyền thông sản phẩm là yếu tố làm HTXNN đối diện với tình trạng trì trệ, khó lòng tạo ra các bứt phá và cải thiện nhằm nâng cao thu nhập cho các thành viên trong HTXNN [15].

Chu Tiến Quang (2012) phân tích các yếu tố tác động đến sự phát triển HTXNN kiểu mới ở hai khía cạnh: ngoại sinh và nội sinh. Kết quả nghiên cứu chỉ ra những yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến sự phát triển của các HTXNN như: sự tham gia của các thành viên vào quá trình sản xuất; vốn tín dụng, vốn xã hội, năng lực quản trị hoạt động sản xuất kinh doanh của hội

đồng quản trị hợp tác xã. Tác giả phân tích sự ảnh hưởng các nhân tố cụ thể trong từng ngành nghề của nông nghiệp như: HTXNN có tín dụng nội bộ; HTXNN cung ứng vật tư; HTXNN cung ứng dịch vụ nông nghiệp; hợp tác xã chế biến và tiêu thụ sản phẩm; HTXNN sản xuất tập trung. Từ đó đề xuất các giải pháp khắc phục khó khăn nhằm thúc đẩy HTXNN phát triển trong thời gian tới [5].

Nguyễn Minh Ngọc (2012) phân tích chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước - yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển của HTX nói chung và HTXNN nói riêng và các xu thế phát triển của nó. Về cơ chế kinh tế, tác giả nhận định với việc chuyển đổi cơ chế kinh tế góp phần làm cho các nguyên tắc tự nguyện, dân chủ, công bằng, minh bạch đi vào cuộc sống rõ ràng hơn [16].

Bên cạnh việc phác thảo bức tranh hiện trạng về ứng dụng công nghệ số ở các HTXNN, Đinh Quang Hiếu và cộng sự (2019) trong nghiên cứu: *“Hiện trạng áp dụng công nghệ số tại các HTXNN trong hoạt động sản xuất và kinh doanh ở Việt Nam”* đã chỉ ra hạn chế, khó khăn chính trong áp dụng công nghệ số tại các HTXNN là do cơ sở vật chất về công nghệ thông tin còn thiếu và lạc hậu, trình độ công nghệ thông tin của các thành viên trong hợp tác xã còn yếu. Tất cả các HTXNN đều mong muốn được hỗ trợ, chuyển giao, làm chủ công nghệ truy xuất nguồn sản phẩm trong thời gian tới. Nghiên cứu đã mô tả được sơ bộ bức tranh về thực trạng áp dụng công nghệ số ở các HTXNN và một số khó khăn chính trong áp dụng công nghệ số ở các HTX này. Tuy nhiên, nghiên cứu mới chỉ tập trung vào một khía cạnh về hiện trạng áp dụng công nghệ số ở HTXNN mà chưa xem xét, đánh giá bức tranh tổng quan về quá trình chuyển đổi số ở các HTXNN [8].

Phạm Thị Tân (2021), khẳng định HTXNN ở Việt Nam có bước phát triển đáng kể về quy mô và cách thức tổ chức. Tuy nhiên, trong bối cảnh hội nhập và phát triển, HTXNN đang đối mặt với những thời cơ và thách thức rất

lớn. Đặc biệt, quá trình này tác động trực tiếp đến năng lực cạnh tranh của các HTXNN ở Việt Nam. Theo đó, nghiên cứu cho rằng có rất ít các HTXNN đủ khả năng cạnh tranh để tồn tại trong môi trường hội nhập quốc tế. Đa phần các HTXNN ở Việt Nam còn khoảng cách khá xa so với các HTXNN trong khu vực và trên thế giới ở các khía cạnh như: giá cả, thị trường, tổ chức tiêu thụ, uy tín, thương hiệu. Trên cơ sở đó, tác giả nêu một số khuyến nghị về xây dựng chiến lược phát triển kinh tế, đào tạo nhân lực, khoa học công nghệ vào sản xuất kinh doanh [24].

Trần Quốc Nhân cùng cộng sự (2012) cho rằng tiêu chí lợi ích HTXNN kiểu mới mang lại cho các thành viên HTX rất quan trọng; thể hiện thông qua việc nâng cao trình độ sản xuất cho thành viên, giải quyết đầu ra sản phẩm nông nghiệp, nếu giải quyết tốt các vấn đề này thì HTXNN sẽ phát triển cả về số lượng lẫn chất lượng [30].

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn TP.HCM (2017) đã xây dựng các tiêu chí trong việc đánh giá mô hình HTXNN tiên tiến, hiện đại phù hợp tình hình sản xuất, lợi thế sản xuất trên địa bàn từng huyện/quận. Trong đó có các tiêu chí nổi bật: (1) Hoạt động phù hợp giữa quy hoạch và triển khai sản xuất nông nghiệp; (2) Tổ chức dịch vụ hậu cần cho hoạt động sản xuất nông nghiệp; (3) Chuỗi liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm và (4) Năng lực tổ chức và quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh đáp ứng nhu cầu thị trường. Nghiên cứu cũng nêu lên những thách thức trong quá trình triển khai mô hình HTXNN kiểu mới trên địa bàn TP.HCM: (1) Kết cấu hạ tầng cho sản xuất chưa hoàn chỉnh; (2) Khó khăn trong tiếp cận đất đai quy mô lớn để sản xuất nông nghiệp; (3) Nhu cầu vay vốn của các HTXNN hiện vẫn còn khó khăn rất lớn [288].

Thông qua quá trình đi sâu nghiên cứu đặc thù của các loại hình HTX; Hoàng Vũ Quang và cộng sự (2016) cho rằng các loại HTX xem xét dưới góc độ cơ cấu ngành thì loại hình HTXNN vẫn chiếm đa số. Thông qua dữ liệu

thực tiễn của các quốc gia, nghiên cứu cũng chỉ rõ đây là xu hướng chung không chỉ riêng Việt Nam mà ở hầu hết các quốc gia trên thế giới. Tính phổ biến của loại hình HTXNN bắt nguồn từ một số lý do cơ bản sau: (1) So với các loại hình kinh tế khác, hàm lượng công nghệ và tính phức tạp không quá cao; điều này làm cho các hoạt động kết nối trong sản xuất nông nghiệp dưới dạng HTX trở nên dễ hơn. (2) Ngành nông nghiệp vốn là ngành sản xuất thiết yếu, không chỉ đáp ứng nhu cầu tiêu dùng hằng ngày; còn là lĩnh vực giữ vai trò chiến lược trong đảm bảo an ninh lương thực. Do đó, HTXNN có “độ mở” lớn về mặt thị trường và là lĩnh vực bắt buộc không một quốc gia nào không quan tâm đến quá trình phát triển của nó. (3). Nghiên cứu cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc thiết lập các thể chế hỗ trợ phát triển bởi nền tảng phát triển của mỗi quốc gia là khác nhau; chưa kể ngành nông nghiệp công nghệ cao là một xu hướng mới mà trong đó hình thức kinh doanh nông nghiệp cá thể khó có khả năng phát triển toàn diện so với hình thức HTXNN. Thể chế không chỉ dừng lại ở việc hỗ trợ mà còn là kênh tạo lập môi trường để HTXNN thực sự phát huy hết tiềm năng của nó [10].

Thứ hai, các nghiên cứu về vai trò của Nhà nước trong việc hỗ trợ phát triển HTXNN

Nghiên cứu của Nguyễn Minh Tú được thực hiện sau năm 2012 - thời điểm mà luật HTX kiểu mới vừa có tính hiệu lực. Dựa trên kết quả khảo sát khoảng 200 HTX ở nhiều lĩnh vực khác nhau; nghiên cứu đã chỉ ra những cách thức cụ thể để thiết lập các chính sách hỗ trợ kịp thời của Nhà nước. *Thứ nhất*, các chính sách hỗ trợ HTX nên dựa trên đặc thù của loại hình HTX vì rõ ràng HTXNN khác hoàn toàn so với đặc thù của HTX ngành dịch vụ, ví dụ về năng lực tài chính; khả năng thu hồi vốn; tiềm năng ngành và tính thiết yếu của loại hình HTX đó. *Thứ hai*, các chính sách hỗ trợ nên dựa trên “nhu cầu” hỗ trợ của chính các HTXNN; không thể hỗ trợ mang tính chất cào bằng vì nhu cầu hỗ trợ không giống nhau. *Thứ ba*, các chính sách hỗ trợ bên cạnh đảm bảo đúng tính

định hướng và mục tiêu cần thiết lập các hướng dẫn cụ thể vì thực tiễn, có nhiều chính sách không triển khai được vì thiếu các quy định dưới luật [17].

Trong nghiên cứu “*Rào cản trong phát triển HTXNN ở vùng Đông Nam bộ*”, Lý Nhã Hân (2014) đã tiến hành khảo sát 120 HTX thuộc lĩnh vực nông nghiệp để thu thập các ý kiến xoay quanh các chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với HTXNN kể từ khi Luật Hợp tác xã năm 2012 đi vào triển khai. Theo đó, luật HTX mới đã hướng đến tạo độ mở nhất định đối với các thành viên HTX trong quá trình sản xuất thông qua việc thừa nhận cụ thể hơn quyền lợi và trách nhiệm của các xã viên. Một điểm nghẽn vẫn còn hiện hữu là các hướng dẫn dưới luật vẫn chưa chi tiết hoá; điều này dẫn đến tình trạng các hoạt động hỗ trợ rất khó thực hiện mặc dù nhu cầu của các HTXNN là tồn tại. Về chính sách phát triển HTXNN, tác giả đề xuất: Nhà nước hỗ trợ và khuyến khích HTXNN phát triển nhưng không can thiệp quá sâu vào công việc nội bộ của hợp tác xã; coi trọng chất lượng trong phát triển HTXNN. Hiện nay vẫn còn tồn tại một bộ phận hợp tác xã trá danh để hưởng các chính sách ưu đãi của Nhà nước với một bộ phận HTXNN hình thức do thành viên chưa toàn tâm, toàn ý xây dựng HTXNN. Mục tiêu của các tổ chức này chỉ là nhằm thu lợi nhuận cho cá nhân hoặc một nhóm nhỏ các thành viên của nó mà không chú ý tới nguyên tắc hợp tác, chú trọng lợi ích của tất cả các thành viên tham gia. Nếu tiếp tục phát triển các HTXNN kiểu này sẽ khó có phong trào HTX lành mạnh và là nguy cơ tạo ra môi trường cạnh tranh không lành mạnh. Do đó, cần xoá bỏ các tổ chức kinh tế núp danh nghĩa HTX để hoạt động các tổ chức này cần phải được chuyển sang các hình thức doanh nghiệp khác phù hợp với bản chất của nó, chịu sự điều chỉnh và tác động của khung pháp lý và chính sách phù hợp. Tuy vậy, bối cảnh kinh tế - xã hội đất nước đã thay đổi rất nhiều so với thời điểm nghiên cứu nên phát sinh nhiều vấn đề mới trong hoạch định và thực thi chính sách phát triển HTX (vấn đề tái cơ cấu ngành nông nghiệp; vấn đề xây dựng nông thôn mới; vấn đề hội nhập quốc tế...) cần phải được nghiên cứu.

Tiếp cận 70 HTXNN trải dài các vùng, miền trong cả nước; nghiên cứu của Trần Đức Quang và cộng sự (2019) [30] thông qua các tiêu chí: lĩnh vực hoạt động; thời gian thành lập; mức độ chuyên môn hoá và doanh thu trong giai đoạn 2010-2018 để làm cơ sở đánh giá cụ thể hơn các chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với các HTXNN. Nghiên cứu chỉ ra một số những khó khăn trong quá trình triển khai các chính sách hỗ trợ hiện nay như: (1) Bộ máy thực hiện chính sách vẫn còn khá nhiều sự chồng chéo; chưa phân định rõ chức năng ở mỗi bộ phận, thiếu tính thống nhất; thiếu một đội ngũ cán bộ mạnh và cốt cán, nắm rõ thực tiễn khó khăn mang tính phổ biến của các HTXNN. (2) Số lượng chính sách mặc dù nhiều nhưng điều kiện triển khai chính sách khó khăn, thiếu tính khả thi. Trên thực tiễn rào cản triển khai chính sách; nghiên cứu cũng đề xuất năm nhóm giải pháp cụ thể để hiện thực hoá hơn quá trình hỗ trợ của Nhà nước, đó là: *Thứ nhất*, nhóm giải pháp về củng cố vai trò quản lý của Nhà nước đối với các HTXNN; đặc biệt nhấn mạnh tầm quan trọng của Bộ NN&MT trong việc chi tiết hoá các tiêu chuẩn hỗ trợ. *Thứ hai*, các giải pháp hướng đến hỗ trợ chuyển đổi trên cơ sở Luật Hợp tác xã mới (vào năm 2012) đi vào hoạt động. *Thứ ba*, nhóm giải pháp về nâng cao chất lượng nguồn lực lao động. Đối với nhóm giải pháp này, nghiên cứu hướng đến nhấn mạnh tầm quan trọng của các hoạt động hỗ trợ đào tạo từ Nhà nước. *Thứ tư*, nhóm giải pháp gia tăng tính hiệu quả và nâng cao khả năng tiếp cận đất đai trong phát triển loại hình HTXNN bởi đất đai là nguồn lực cực kỳ quan trọng trong sản xuất nông nghiệp. Thứ năm, cần có các chính sách cụ thể trong việc chia sẻ kinh nghiệm cũng như nhân rộng các mô hình HTXNN có hiệu quả. Tuy nhiên, cách tiếp cận trong nghiên cứu vẫn còn quá chú trọng vào việc tìm hiểu các chính sách hỗ trợ thay vì đi sâu đánh giá tính hiệu quả của các chính sách này đối với các HTXNN.

Điểm khác biệt lớn trong nghiên cứu của Nguyễn Minh Ngọc (2012) là nhìn nhận HTXNN là một tổ chức kinh tế - xã hội chứ không phải là một tổ chức kinh tế thuần túy. Nghiên cứu cho rằng: việc quá chú trọng vào việc

đánh giá các kết quả của phát triển kinh tế là một thiếu sót lớn trong nghiên cứu về loại hình HTXNN bởi các giá trị văn hoá và xã hội mà hợp tác xã nông mang lại là vô cùng lớn khi với hình thức hợp tác này là cơ sở để giao lưu và học hỏi, phát triển các giá trị văn hoá vốn có của làng quê. Tạo công ăn việc làm gắn với trình độ của người nông dân là ý nghĩa xã hội lớn khi phát triển các HTXNN. Do cách tiếp cận toàn diện như vậy, các chính sách hỗ trợ của Nhà nước dưới góc nhìn của tác giả cũng có phần khác biệt hơn khi cần tập trung vào quá trình hỗ trợ đời sống của thành viên như hỗ trợ bảo hiểm y tế đối với các thành viên; khuyến khích duy trì các ngành nghề truyền thống để duy trì những nét đẹp văn hoá lâu đời. Cùng với đó, chính sách thuế cũng cần có những cải tiến khi trích ra một phần thuế giữ lại cho các HTXNN để thành lập quỹ “phát triển cộng đồng”. HTX cần được phát triển theo mô hình HTX phục vụ thành viên và mô hình HTX lao động hơn là HTX hoạt động vì lợi nhuận, các HTX hoạt động ngược với hai mô hình trên cần được chuyển đổi sang hình thức doanh nghiệp. Trong quá trình thành lập HTX mới, tiêu chí nhu cầu chung của thành viên cần được coi là một trong những tiêu chí quan trọng trong việc thẩm định hồ sơ thành lập HTX. Mặc dù vậy, nghiên cứu cũng chưa chỉ ra được phương pháp xác định thế nào là mô hình HTX phục vụ thành viên và mô hình HTX lao động để từ đó có những chính sách phát triển phù hợp [16].

Thứ ba, các nghiên cứu về khuyến nghị chính sách hỗ trợ phát triển HTXNN

Trần Trọng Phương & Lưu Đức Chinh (2015) đã tiến hành tổng hợp khá đầy đủ về những chính sách hỗ trợ đối với HTXNN thông qua các văn bản quy phạm pháp luật từ năm 2014 trở về trước. Theo đó, nghiên cứu không đi vào những thành công mà đi sâu vào đánh giá những mặt còn khiêm tốn của quá trình triển khai các chính sách nêu trên. Một số bất cập có thể được kể ra như:

(i) Vẫn còn độ chênh khá lớn giữa các quy định về mặt pháp luật và thực tiễn nhu cầu hỗ trợ chính sách cho các HTXNN; một số chính sách hỗ trợ chưa phù hợp với sự khuyến cáo do ICA nêu ra. Môi trường phát triển của các HTX vẫn còn khá khiêm tốn.

ii) Chưa đánh giá một cách toàn diện về tầm quan trọng của HTX trong tiến trình phát triển kinh tế - xã hội ở mỗi địa phương. Việc chạy theo cơ cấu kinh tế hiện đại; chú trọng các lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ vô hình chung tạo ra một khoảng cách khá xa giữa các loại hình HTX công nghiệp - nông nghiệp - dịch vụ.

iii) Các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho các thành viên vẫn còn chung chung; mang tính rập khuôn qua các thời kỳ; chưa đi sâu vào trọng tâm, trọng điểm và chưa gắn với nhu cầu sản xuất thực tiễn ở các HTX. Chưa đi sâu vào các nội dung giảng dạy nhấn mạnh tầm quan trọng của hình thức HTX. Điều này đã làm cho một thời gian dài, quy mô và số lượng các HTX có xu hướng sụt giảm.

Phan Xuân Thắng (2015) đã đưa ra những kiến nghị chủ yếu về chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển HTXNN về ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ như sau: i) Chính sách phải đặc thù với HTXNN, cần đủ mạnh, đủ tầm; chính sách phải phù hợp với điều kiện tổ chức và hoạt động của HTXNN, dễ dàng trong triển khai thực hiện, phù hợp với bản chất của tổ chức hợp tác xã, phù hợp với thực tế, mang tính khả thi và phù hợp với cam kết quốc tế của Việt Nam; đáp ứng nhu cầu đích thực và phù hợp với năng lực tiếp nhận của tập thể thành viên; chính sách phải được thống nhất và tổ chức thi hành trên phạm vi cả nước; ii) Nghiên cứu bổ sung, hoàn thiện các chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển HTXNN; sớm ban hành nghị định về HTXNN; xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển HTXNN giai đoạn 2015- 2020 nhằm tập trung nguồn lực hỗ trợ HTXNN phát triển; iii) Hoàn thiện công tác tổ chức xây dựng và thực hiện chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển HTXNN, mà chủ yếu là tập trung vào việc

tăng cường vai trò quản lý nhà nước đối với kinh tế tập thể, tăng cường năng lực và đổi mới hoạt động cơ quan hỗ trợ phát triển HTXNN và tăng cường trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong việc phối hợp xây dựng, ban hành chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển HTXNN và tổ chức thực hiện. Tuy nhiên, những chính sách khác phục vụ phát triển HTXNN cũng cần phải nghiên cứu toàn diện để từ đó xác định được vị trí, vai trò của chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển HTXNN về ứng dụng khoa học công nghệ nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong việc ban hành và thực thi chính sách này trong hệ thống chính sách phát triển HTXNN.

Hoàng Minh Thái (2021) trong nghiên cứu *Giải pháp tháo gỡ vướng mắc khi tiếp cận vốn tín dụng của các HTX* cho thấy loại hình kinh tế HTX ở nước ta tuy phát triển nhưng chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra, đang có những tồn tại, bất cập, hạn chế cần được quan tâm, giải quyết như: Tỷ lệ lớn hộ cá thể ở địa bàn nông thôn chưa tham gia HTX, tổ hợp tác; một bộ phận lớn HTX có quy mô nhỏ, vốn ít, năng lực quản trị hạn chế, liên kết thành viên còn thấp, chưa có uy tín và thương hiệu trên thị trường, năng lực quản trị của HTX còn yếu; công tác quản trị nhân sự và quản trị tài chính của HTX còn chưa minh bạch, đầy đủ theo quy định, việc tiếp cận nguồn vốn tín dụng của các HTX vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất, kinh doanh. Một số HTX sử dụng không hiệu quả nguồn vốn vay, sử dụng vốn vay sai mục đích, nợ quá hạn kéo dài, có tâm lý ỷ lại, trông chờ sự hỗ trợ của Nhà nước. Các HTX thường không có tài sản bảo đảm khi vay vốn, một số ít được thành viên dùng tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay, tuy nhiên, giá trị không nhiều. Ngoài ra, các thành viên góp vốn vào HTX bằng tài sản, nhưng vẫn mang tên cá nhân của người chủ sở hữu chưa chuyển tên cho HTX, gây khó khăn cho hợp tác xã trong việc sử dụng tài sản để thế chấp vay vốn. Rà soát, cải tiến, đổi mới quy trình, thủ tục, điều kiện cấp tín dụng phù hợp với yêu cầu và thực tiễn hoạt động của HTX để từng bước mở rộng và tăng cường hỗ trợ vốn, cũng như khả năng tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng cho đối tượng này.

1.2. ĐÁNH GIÁ CHUNG CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐÃ CÔNG BỐ VÀ NHỮNG KHOẢNG TRỐNG LUẬN ÁN CẦN NGHIÊN CỨU

1.2.1. Đánh giá chung về những kết quả đạt được

Về lý luận

Thứ nhất, các nghiên cứu đã tiếp cận đa dạng những vấn đề liên quan đến HTXNN. Một số công trình đã phân tích các giai đoạn hình thành và phát triển của các HTXNN. Một số công trình khác phân tích vai trò của HTXNN. Hầu hết các công trình đều thống nhất ở nhận định: HTXNN đem lại nhiều lợi ích và có thể hoạt động hiệu quả trong nền kinh tế thị trường hiện đại. Nhiều nhà khoa học nhấn mạnh cả vai trò kinh tế lẫn vai trò xã hội của HTXNN. Họ cho rằng, một mặt HTXNN phải được đối xử bình đẳng với các loại hình tổ chức sản xuất, kinh doanh khác để khuyến khích HTXNN hoạt động hiệu quả, tránh tâm lý ỷ lại sự hỗ trợ của Nhà nước và xã hội. Mặt khác, nhiều nhà khoa học đề cao vai trò hỗ trợ của HTXNN cho các thành viên về các phương diện cung cấp dịch vụ chất lượng cao chi phí thấp. Họ nhấn mạnh tính hai mặt của HTXNN, đó là vừa là tổ chức kinh doanh, cạnh tranh bình đẳng với các tổ chức kinh doanh khác, vừa là tổ chức xã hội của thành viên, trong đó các thành viên hợp tác với nhau để tạo sức mạnh cạnh tranh cũng như để tạo điều kiện sản xuất, kinh doanh theo quy mô lớn, ứng dụng được công nghệ hiện đại. Các nghiên cứu trong và ngoài nước đều khẳng định phát triển HTXNN kiểu mới là yêu cầu khách quan trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế.

Thứ hai, các nghiên cứu đã đánh giá theo nhiều chiều các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển của HTXNN kiểu mới. Có thể thấy các yếu tố này khá đa dạng. Có thể liệt kê một số yếu tố được nhiều công trình đề cập như:

Một là các yếu tố bên trong HTXNN kiểu mới gồm: thái độ tham gia của các thành viên HTX và năng lực của ban quản trị; những e ngại từ mô hình HTXNN kiểu cũ; khả năng nâng cao thu nhập cho thành viên khi tham gia HTXNN; kỳ vọng vào những dịch vụ ưu đãi HTX mang lại cho thành viên...

Hai là những yếu tố bên ngoài gồm: môi trường chính trị và vai trò của cộng đồng nông thôn đối với quá trình phát triển HTXNN; hỗ trợ của Nhà nước trong việc can thiệp vào giá nông sản, hỗ trợ tiếp cận tín dụng, hỗ trợ đào tạo nhân lực,...bối cảnh hoạt động của HTXNN, nhất là trạng thái thị trường và môi trường vĩ mô.

Thứ ba, các công trình nghiên cứu đều khẳng định Nhà nước có vai trò quan trọng trong tạo hành lang pháp lý cũng như hỗ trợ cho HTXNN kiểu mới phát triển. Những nội dung khuyến nghị hỗ trợ là: tạo lập một môi trường để HTXNN phát triển một cách lành mạnh nhất đi đôi với giám sát ở mức độ vừa phải để đảm bảo rằng quá trình triển khai và hoạt động của các HTXNN không vượt quá những giới hạn khuôn khổ pháp luật; nên hướng đến các chính sách hỗ trợ mang tính dài hạn như: đào tạo nguồn nhân lực; gia tăng năng lực tiếp cận công nghệ nông nghiệp hiện đại; dự báo xu hướng tiêu dùng sản phẩm nông nghiệp trong tương lai trên nền tảng phân tích, đánh giá nguồn dữ liệu sơ cấp, thứ cấp từ các thị trường tiêu dùng trọng yếu các sản phẩm nông nghiệp ở trong nước và quốc tế; hỗ trợ tài chính trực tiếp hoặc gián tiếp bằng cơ chế ưu đãi thuế để phát triển HTXNN. Tuy nhiên nhiều nhà khoa học cũng khuyến nghị các cơ quan Nhà nước không nên hỗ trợ không đúng sẽ khiến HTXNN kiểu mới không phát triển bền vững. Những nội dung Nhà nước hạn chế tác động là: không can thiệp sâu vào các quyết định mang tính độc lập của mỗi HTXNN cũng như không can thiệp vào kết cấu tổ chức sản xuất bên trong của các HTXNN; không nên coi HTXNN là nơi hội tụ của những người nông dân yếu thế để hỗ trợ.

Về thực tiễn

Thứ nhất, điểm nổi bật trong các nghiên cứu về HTXNN kiểu mới là sự nhấn mạnh đến yêu cầu về việc con người trong đó có ban quản trị lẫn thành viên cần phải đổi mới tư duy, đổi mới nhận thức để thích ứng và phát triển. HTXNN kiểu mới không chỉ dừng lại ở kết quả năng suất mà cần lòng ghép

trong đó các kỹ năng về kỹ trị, về marketing, về truyền thông, về tổ chức hiệu quả đầu ra của sản phẩm. Sự thay đổi và linh hoạt, thích ứng là điểm nổi bật quan trọng để HTXNN kiểu mới thực sự thành công trong tương lai.

Thứ hai, hầu hết các nghiên cứu trong và ngoài nước đều khẳng định vai trò to lớn của HTXNN đối với sự phát triển kinh tế - xã hội. Mô hình này đóng góp vào nền kinh tế quốc gia cũng như kinh tế địa phương trên nhiều phương diện, như: nâng cao thu nhập, tạo việc làm, góp phần xây dựng nông thôn, giải quyết an sinh xã hội,... Mặc dù vai trò của HTXNN kiểu mới khá lớn nhưng trong thực tế các bài viết cũng đã chỉ rõ những hạn chế chưa được phát huy như: thiếu hụt các nguồn lực (vốn, nhân lực) trong phát triển; thể chế vẫn còn chung chung, kỹ năng quản trị chưa cao.

1.2.2. Khoảng trống luận án cần tiếp tục nghiên cứu

Về lý luận

Thứ nhất, mặc dù việc tiếp cận các vấn đề xoay quanh HTX là khá đa dạng đặc biệt là các HTXNN, tuy nhiên các nghiên cứu về mặt lý thuyết mới chỉ dồn sự chú ý nhiều vào các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển HTX cũng như nhấn mạnh vai trò hỗ trợ của Nhà nước cho các HTXNN mà chưa đi sâu nghiên cứu nội dung, cách thức thực hiện và kết quả của các chính sách hỗ trợ cụ thể. Một số công trình nghiên cứu có đề cập đến các chính sách cụ thể như chính sách đất đai, chính sách vốn trong phát triển HTXNN để rút ra các khuyến nghị nên hay không nên hỗ trợ theo các góc độ, mức độ cụ thể. Chưa có công trình nào đi sâu nghiên cứu để thiết lập một bức tranh phản ánh toàn diện các chính sách hỗ trợ của Nhà nước Việt Nam đối với các HTXNN kiểu mới trong bối cảnh những năm 2013-2023.

Thứ hai, phần lớn các nghiên cứu ở nước ngoài chỉ dừng ở khảo sát dưới góc độ hẹp hỗ trợ của Nhà nước mà chưa liên kết các chính sách hỗ trợ thành hệ thống để khảo sát, đánh giá, khuyến nghị. Các công trình ở trong nước chủ yếu nghiên cứu quá trình chuyển đổi HTX từ kiểu cũ sang kiểu mới cũng như phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến HTXNN kiểu mới để kiến

ngiht Nhà nước hỗ trợ. Có thể thấy, mặc dù các công trình nghiên cứu cả trong nước và ngoài nước đã đưa ra nhiều quan điểm, luận điểm, cơ sở lý thuyết làm cơ sở khoa học cho hoạch định vai trò và chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với HTXNN, nhưng các quan điểm, luận điểm, cơ sở lý thuyết đó khá rời rạc, gắn với một số chính sách cụ thể, chưa có công trình nào trình bày hệ thống về cơ sở lý luận của hỗ trợ Nhà nước nhằm phát triển bền vững HTXNN kiểu mới trong bối cảnh chuyển sang kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế của Việt Nam.

Về thực tiễn

Thứ nhất, những nghiên cứu về kinh nghiệm nước ngoài có thể hữu ích nhưng khá khác biệt với Việt Nam nên cần bước nghiên cứu sâu hơn, hệ thống hơn mới có thể sàng lọc ra những bài học hữu ích với Việt Nam.

Những công trình nghiên cứu trong nước thường bàn về các chính sách về phát triển HTX trong giai đoạn 2003-2012 theo tinh thần Luật Hợp tác xã năm 2003 (kiểu cũ). Số lượng các nghiên cứu về HTXNN kiểu mới (sau năm 2012) tuy có nhiều nhưng chưa đi sâu vào đánh giá cụ thể các chính sách hỗ trợ của Nhà nước về HTXNN kiểu mới, đặc biệt chưa có công trình nghiên cứu phù hợp với bối cảnh Luật Hợp tác xã mới vừa mới có hiệu lực trong năm 2024. Trong khi đó, đặc trưng của các chính sách hỗ trợ HTX phụ thuộc khá lớn vào Luật và các văn bản dưới luật đi kèm. Do đó, tương ứng với các luật hợp tác xã kiểu cũ, các chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với HTXNN cũng theo kiểu cũ, lạc hậu so với yêu cầu hiện nay. Chính vì vậy, mặc dù số lượng nghiên cứu về hợp tác xã khá đa dạng nhưng tính kế thừa từ các chính sách hỗ trợ trong thực tiễn sẽ không cao. Điển hình như Chính sách ứng dụng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (Điều 24, Luật hợp tác xã 2012); Chính sách hỗ trợ tư vấn tài chính và đánh giá rủi ro (Điều 27, Luật hợp tác xã 2012) vốn là các chính sách hỗ trợ mới (vì trước đây chỉ đánh giá sâu vào chính sách hỗ trợ tài chính hơn là chính sách tư vấn hỗ trợ tài chính).

Do đó, cần có một nghiên cứu bám sát vào các chính sách hỗ trợ gắn liền với bối cảnh và thực tiễn vận hành của các HTXNN kiểu mới ở Việt Nam.

Thứ hai, phần lớn các nghiên cứu về chính sách hỗ trợ đối với HTXNN gắn liền với thực tiễn vận hành ngành nông nghiệp ở mỗi địa phương cụ thể. Do đó, việc nghiên cứu dưới góc độ chính sách hỗ trợ mang tính bao trùm toàn quốc chưa nhiều.

Thứ ba, bối cảnh thế giới và trong nước đang trải qua và tiếp nhận những thành tựu từ cuộc CMCN4.0, HTXNN kiểu mới muốn thành công cần tận dụng một cách có hiệu quả những lợi thế về công nghệ. Yêu cầu đặt ra, các chính sách hỗ trợ của Nhà nước cần tương thích với nhu cầu mới của các HTXNN kiểu mới nhưng ở thời điểm hiện tại, chưa có nghiên cứu nào tiếp cận dưới góc độ này.

Thứ tư, bối cảnh xu hướng bảo hộ lĩnh vực nông nghiệp sau đại dịch covid-19 cũng tạo ra không ít những thách thức lớn đối với quá trình phát triển các HTXNN nói riêng và ngành nông nghiệp nước nhà nói chung. Còn thiếu các nghiên cứu về các chính sách hỗ trợ của Nhà nước bám sát vào bối cảnh thực tế hiện nay của Việt Nam.

Tiểu kết chương 1

Chương 1 đi sâu vào tổng quan các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan đến hỗ trợ của nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới. Theo đó, nội dung tổng quan tập hợp vào ba mảng: Thứ nhất, các công trình nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển HTX nông nghiệp. Thứ hai, các nghiên cứu về vai trò của Nhà nước trong việc hỗ trợ phát triển HTXNN. Thứ ba, các nghiên cứu về khuyến nghị chính sách hỗ trợ phát triển HTXNN. Cùng với đó, các đúc kết được rút ra về lý luận và thực tiễn là cơ sở để nghiên cứu tiếp thu và là căn cứ để phát triển trong luận án này.

Chương 2

LÝ LUẬN VỀ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP KIỂU MỚI Ở VIỆT NAM VÀ BÀI HỌC THỰC TIỄN

2.1. KHÁI NIỆM VÀ SỰ CẦN THIẾT VỀ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP KIỂU MỚI Ở VIỆT NAM

2.1.1. Khái niệm sự hỗ trợ và chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ở Việt Nam

2.1.1.1. Khái niệm hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới

* Khái niệm hợp tác xã nông nghiệp

Theo ICA (International Cooperative Alliance - Liên minh hợp tác xã quốc tế): “Hợp tác xã là một hiệp hội độc lập gồm các cá nhân tự nguyện cùng tập hợp lại để đáp ứng những nguyện vọng và nhu cầu chung về kinh tế, xã hội và văn hóa thông qua một hoạt động kinh doanh dựa trên vốn chủ sở hữu tập thể và quyền lực được thực thi một cách dân chủ”. Với cách tiếp cận này, có thể thấy nội hàm của HTX được cấu thành bởi các yếu tố sau: Một là, HTX là hình thức tổ chức mang tính chất đồng sở hữu; các thành viên là người sử dụng những sản phẩm và dịch vụ do HTX mang lại cho họ. Hai là, các thành viên vừa là người tham gia trực tiếp các hoạt động của HTX, vừa là chủ sở hữu tài sản của HTX. Ba là, mục tiêu của HTX là: (1) thoả mãn cao nhất tính hữu ích của các thành viên tham gia và (2) tạo ra giá trị lợi nhuận cao để HTX có thể tồn tại trong cạnh tranh và phát triển bền vững [64].

Trong tài liệu: *Agricultural Cooperative Development - Amanual for Trainers*, FAO (2001) [61] cho rằng, HTX muốn tồn tại cần đảm bảo các nguyên tắc chính yếu sau: (1). Mở rộng cơ hội cho tất cả người dân tự nguyện tham gia; (2) Đảm bảo tính dân chủ trong quản lý và vận hành HTX; (3) Hướng đến tính độc lập, tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong hoạt động; (4) Đảm bảo năng lực giáo dục đào tạo và kết nối thông tin giữa HTX và các

điều kiện bên ngoài; (5) Đảm bảo duy trì các giá trị cộng đồng và cần thiết có sự liên kết giữa các HTX.

Theo Vienney (1980): HTXNN là nhóm các nông dân có mối liên hệ lẫn nhau để hình thành nên một tổ chức có chức năng cung ứng dịch vụ cho chính họ, trong mối quan hệ kép giữa tham gia tích cực và tư cách thành viên chính thức. Nguyên tắc hoạt động của HTX không chỉ là kinh doanh nông nghiệp, vì nông nghiệp là ngành mang lại thu nhập chính cho họ, mà còn ở sự phối hợp của nông dân với nhau bằng việc sử dụng các phương tiện sẵn có để tạo ra lợi nhuận và phát triển các hoạt động kinh tế của họ.

Kế thừa hạt nhân hợp lý từ những khái niệm về HTXNN ở trên có thể đưa ra định nghĩa về HTXNN như sau: *HTXNN là tổ chức kinh tế tập thể do nông dân hay hộ nông dân có nhu cầu, cùng vì lợi ích chung, tự nguyện góp vốn để phát huy sức mạnh tập thể của các thành viên tham gia vào HTX, để cùng giúp nhau thực hiện có hiệu quả các hoạt động sản xuất, kinh doanh nông nghiệp, qua đó góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của thành viên HTXNN, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.*

Về cơ bản, các thành viên HTXNN có hoạt động kinh tế giống nhau và cùng ở một địa bàn lãnh thổ xác định; có nhu cầu chung về một số sản phẩm, dịch vụ nào đó mà HTXNN có thể cung ứng với hiệu quả cao hơn so với từng thành viên đơn lẻ tự phục vụ (Vũ Hợp tác xã, 2007). Chẳng hạn như các hộ nông dân có nhu cầu giống nhau trong sản xuất nông nghiệp như: cung ứng dịch vụ cung cấp phân bón, thuốc trừ sâu, dịch vụ kỹ thuật, thủy lợi, giống, chế biến và tiêu thụ nông sản... Nếu từng hộ nông dân tự đáp ứng những nhu cầu đó thì chi phí sẽ đắt đỏ, khả năng mắc cả trên thị trường yếu, bị ép giá do bản thân hộ nông dân cạnh tranh lẫn nhau. Để khắc phục nhược điểm đó, hộ nông dân lập ra HTX để thay mặt họ cung ứng thống nhất các dịch vụ đáp ứng nhu cầu chung của các thành viên, nhờ vậy dịch vụ sẽ rẻ hơn, sức cạnh tranh do HTX tạo ra sẽ mạnh hơn nhờ thống nhất hành động của các thành viên.

Về mặt lý thuyết, HTXNN cần hội tụ những đặc trưng mang tính chất tiền đề sau:

Thứ nhất, giới hạn của các HTXNN là cung cấp các dịch vụ liên quan đến sản xuất, phân phối, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp và các dịch vụ hỗ trợ cho ngành nông nghiệp.

Thứ hai, đặc trưng của HTXNN là một tổ chức kinh tế vừa hướng tới hiệu quả (tối đa hóa lợi nhuận trong điều kiện có thể), vừa hướng tới cung cấp dịch vụ phục vụ thành viên. Đây là đặc trưng làm cho HTXNN khác biệt căn bản với các loại hình tổ chức sản xuất kinh doanh khác trong môi trường kinh tế thị trường. Lịch sử hình thành HTXNN cũng như quy định pháp luật hiện hành ở hầu hết các nước đều phản ánh tính hai mặt của HTXNN. Bên cạnh chức năng kinh doanh, các HTXNN còn có chức năng xã hội, thể hiện qua các nguyên tắc hoạt động của HTXNN như sau: (1) HTXNN là hình thức tổ chức hướng đến thoả mãn nhu cầu sản xuất và kinh doanh mảng nông nghiệp của người nông dân, nông hộ (2) HTXNN là tổ chức giúp khắc phục những yếu điểm của hình thức sản xuất đơn lẻ như: thiếu hụt vốn, tiếp cận khoa học công nghệ còn thấp hay chưa nắm bắt đầy đủ các thông tin thị trường của hộ nông dân (3) Hoạt động sản xuất kinh doanh của HTXNN hướng đến mục đích chính là gia tăng hiệu suất về mặt kinh tế, cải thiện điều sống cho người nông dân (4) HTXNN hướng đến tạo lập một nền văn hoá nông nghiệp bản sắc truyền thống trên nền tảng tiếp thu các giá trị hiện đại từ các ngành khác bổ trợ. (5) Tạo ra các giá trị mang tính chất bình đẳng cho các thành viên; tạo lập một hệ sinh thái sản xuất xanh, an toàn và bền vững.

*** *Khái niệm HTXNN kiểu mới***

HTXNN kiểu mới là bộ phận HTX trong lĩnh vực nông nghiệp được tổ chức và hoạt động theo Luật hợp tác xã 2023. Từ “mới” với hàm ý phân biệt với “cũ” đồng thời hàm nghĩa là đang diễn ra, đang trở thành hiện thực, theo tinh thần Luật hợp tác xã 2023. Bởi vì trong Luật hợp tác xã 2012 và trong khoảng 2013-2023 HTXNN mà Nhà nước Việt Nam chủ định xây dựng cũng

được gọi là HTX kiểu mới với hàm ý phân biệt với hợp tác xã kiểu cũ theo Luật Hợp tác xã 2003.

Theo Luật hợp tác xã 2023:

Hợp tác xã là tổ chức có tư cách pháp nhân do ít nhất 05 thành viên chính thức tự nguyện thành lập, hợp tác tương trợ trong sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm nhằm đáp ứng nhu cầu chung về kinh tế, văn hóa, xã hội của thành viên, góp phần xây dựng cộng đồng xã hội phát triển bền vững [27].

So sánh khái niệm HTX của Luật hợp tác xã 2012 với khái niệm HTX của Luật hợp tác xã năm 2023, có thể xác định khái niệm HTXNN kiểu mới là:

HTXNN kiểu mới là tổ chức có tư cách pháp nhân do ít nhất 05 thành viên chính thức tự nguyện thành lập, hợp tác tương trợ trong sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm nhằm đáp ứng nhu cầu chung về kinh tế, văn hóa, xã hội của thành viên, góp phần xây dựng cộng đồng xã hội phát triển bền vững [27].

Trong khái niệm nêu trên, điểm khác biệt là có sự giới hạn số lượng thành viên tham gia HTXNN kiểu mới khi con số thành viên chuyển từ 7 xuống còn 5. Ngoài ra, cách tiếp cận trong luật mới hiện đại hơn so với các khái niệm cũ khi xem xét đến tính hiệu quả của HTX không chỉ giới hạn ở góc độ kinh tế mà còn mở rộng ra trên phương diện văn hoá, xã hội. Thêm vào đó, đích hướng đến của HTX là phải tham gia vào việc nâng cao các giá trị của phát triển bền vững - tức mục tiêu chung mà đất nước đang định hình trên con đường phát triển.

Trong khái niệm HTXNN kiểu mới theo tinh thần Luật hợp tác xã 2023, có thể rút ra một số đặc trưng cơ bản của loại hình này như sau:

Thứ nhất, mục tiêu hoạt động của HTXNN kiểu mới là tối đa lợi ích của thành viên, phục vụ nhu cầu về sản phẩm, dịch vụ; nâng cao thu nhập cho thành viên một cách có hiệu quả nhất, góp phần gắn kết cộng đồng.

Thứ hai, HTXNN kiểu mới hoạt động dựa trên nguyên tắc dân chủ, tự nguyện, tự chịu trách nhiệm xuất phát từ nhu cầu, lợi ích chung của các thành viên.

Thứ ba, thành viên góp vốn vào HTXNN kiểu mới và sở hữu tài sản của HTXNN kiểu mới theo vốn góp điều lệ; các thành viên được hưởng quyền lợi bình đẳng và có quyền biểu quyết như nhau, không có sự phân biệt đối xử theo tỷ lệ góp vốn.

Thứ tư, HTXNN kiểu mới có vai trò quan trọng trong tổ chức liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trên nền tảng kinh tế hộ nhằm tăng giá trị gia tăng, góp phần thúc đẩy kinh tế hộ phát triển.

Thứ năm, đối tượng tác động của nông nghiệp vẫn chủ yếu là cây và con, nhưng quy trình, yêu cầu của sự sinh trưởng của cây và con đang chuyển nhanh theo cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0) và nhu cầu khắt khe của người tiêu dùng, thị trường đòi hỏi nông sản phải theo quy chuẩn về giống, xuất xứ, nguồn nước, nguồn phân, không khí, ánh sáng, cách thức chống sâu bệnh,... Tổng hợp những yêu cầu, đòi hỏi trên gọi chung là nông sản xanh, đồng thời bản chất hoạt động của nó xuất phát từ nhu cầu, lợi ích của các thành viên, các thành viên góp vốn, tài sản, trí tuệ cùng nhau hợp tác sản xuất, kinh doanh [27].

Thứ bảy, Hợp tác xã nông nghiệp (HTXNN) kiểu mới ở Việt Nam không chỉ là một mô hình kinh tế thuần túy mà còn mang tính chất bao trùm và đa chiều. Về kinh tế, HTXNN giúp nông dân liên kết sản xuất, tiếp cận thị trường, ứng dụng khoa học - công nghệ và nâng cao năng suất, từ đó cải thiện thu nhập và giảm thiểu rủi ro. Về xã hội, HTXNN tạo ra cơ chế hợp tác dựa trên tinh thần dân chủ, bình đẳng, hỗ trợ lẫn nhau, góp phần củng cố sự gắn kết cộng đồng nông thôn. Về văn hóa, HTXNN duy trì các giá trị truyền thống, khuyến khích tinh thần tương trợ và trách nhiệm xã hội, đồng thời thích ứng với yêu cầu hội nhập và cạnh tranh toàn cầu. Đặc biệt, trong kỷ nguyên số, HTXNN kiểu mới trở thành công cụ quan trọng thúc đẩy chuyển đổi số nông nghiệp, phát triển kinh tế tuần hoàn và kinh tế xanh, qua đó góp

phần thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) mà Việt Nam đã cam kết. Với vai trò này, HTXNN không chỉ giúp giải quyết các vấn đề kinh tế hộ nhỏ lẻ, mà còn là điểm tựa chiến lược trong xây dựng nông thôn mới, xóa đói giảm nghèo, bảo vệ môi trường, và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trong giai đoạn phát triển mới.

2.1.1.2. Hỗ trợ của Nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ở Việt Nam

**** Khái niệm hỗ trợ***

Hỗ trợ hay giúp đỡ phản ánh mối quan hệ tương tác giữa hai chủ thể, bên giúp đỡ và bên nhận giúp đỡ, hay được giúp đỡ. Hiểu đơn giản hơn, hỗ trợ là hành vi của bên hỗ trợ tác động giúp đỡ cho người được hỗ trợ, giúp người được hỗ trợ vượt qua trở ngại, thách thức hoặc đạt mục tiêu, kế hoạch đã nêu ra. Sự hỗ trợ, thường được nhấn mạnh trong trường hợp, nếu không có sự hỗ trợ thì người nhận sẽ không thể vượt qua khó khăn thách thức, không thể hoàn thành mục tiêu. Hỗ trợ có thể được tiếp cận dưới 2 góc độ: (1) hỗ trợ vật chất và (2) hỗ trợ tinh thần/sự động viên.

Chủ thể của hành vi hỗ trợ là những người (cá nhân, tổ chức, cơ quan, đơn vị, pháp nhân..) có thực lực kinh tế, hoặc có thể tạo ra những sản phẩm động viên tinh thần như có quyền ban hành các quyết định khen thưởng, tôn vinh, phong tặng danh hiệu tinh thần. Chủ thể nhận hỗ trợ là những người đang ở trạng thái không có, hoặc thiếu những thứ cần hỗ trợ.

Từ sự phân tích trên, có thể hiểu: *Hỗ trợ là hành vi của một chủ thể đem lại cho bên được hỗ trợ những giá trị vật chất và tinh thần để bên được hỗ trợ vượt qua khó khăn hoặc đạt mục tiêu xác định.*

Cần chú ý, hỗ trợ khác biệt với mua bán ngang giá theo nguyên lý thị trường. Hỗ trợ là giúp đỡ, là cho đi một cái gì đó, là đưa đến cho người được hỗ trợ những lợi ích, những quyền lợi, những điều kiện tiền đề để người được hỗ trợ

có năng lực vượt qua khó khăn, đạt mục tiêu mà nếu không có, hoặc thiếu hỗ trợ người đó sẽ không thể làm được. Ngay cả khi hỗ trợ được thực hiện dưới hành vi mua bán thì bản chất của việc mua đó không phải là ngang giá mà bên hỗ trợ sẽ tự nguyện chịu thiệt một ít để giúp đỡ bên được hỗ trợ. Nói cách khác, sự hỗ trợ, hành vi hỗ trợ là sự tạo điều kiện cho người được hỗ trợ nhận những quyền ưu đãi, thuận lợi mà tự họ không thể hoặc khó tạo lập được.

*** *Khái niệm chính sách hỗ trợ***

Theo Jame Anderson (2020), chính sách hỗ trợ là một quá trình hành động có mục đích của các chủ thể hướng đến các đối tượng cụ thể trong xã hội nhằm đạt được các mục tiêu mà chính chủ thể đó quan tâm. Nguyễn Mai Thi (2019) cho rằng, có hai loại hình chính sách hỗ trợ, đó là chính sách công do nhà nước triển khai và chính sách tư do tư nhân/doanh nghiệp trong nền kinh tế thực hiện. Nghiên cứu cũng chỉ rõ sự khác biệt về quy mô và đối tượng thụ hưởng sự hỗ trợ của hai loại hình chính sách hỗ trợ này khi chính sách công tập trung vào đối tượng yếu thế trong xã hội, có quy mô lớn thì chính sách tư hướng đến đối tượng phụng sự cho chính doanh nghiệp đó.

Brown. J (2017) nhấn mạnh tầm quan trọng của chính sách hỗ trợ công trong bối cảnh các chủ thể kinh tế đứng trước những rủi ro từ những biến động ngoại sinh liên tục từ thế giới bên ngoài. Nghiên cứu chỉ rõ mối quan hệ thuận chiều giữa độ mở thương mại của nền kinh tế với các chính sách hỗ trợ đến từ nhà nước. Tác giả cho rằng chính độ mở thương mại cao bên cạnh lợi ích trong xuất nhập khẩu, những rủi ro biến động từ thị trường quốc tế rất dễ gây ra những “tổn thương” cho người sản xuất trong nước, do đó các chính sách hỗ trợ công cần song hành để khắc phục những khó khăn trong quá trình phát triển.

Trong luận án này chính sách hỗ trợ được tiếp cận chủ yếu là chính sách hỗ trợ công do các cơ quan Nhà nước thực hiện, *đó là hành vi cung cấp môi trường, điều kiện, giá trị vật chất, tinh thần từ các cơ quan Nhà nước*

cho các chủ thể kinh tế trong nền kinh tế quốc gia nhằm giúp họ khắc phục khó khăn để đạt được các mục tiêu chung cho chủ thể kinh tế đó và cơ quan Nhà nước.

*** Khái niệm hỗ trợ của Nhà nước đối với HTXNN kiểu mới**

Có nhiều cách khác nhau tiếp cận khái niệm hỗ trợ của Nhà nước:

Theo Bùi Bảo Tuấn (2020): “Hỗ trợ của Nhà nước là tập hợp những chính sách kinh tế vĩ mô có tác dụng giúp đỡ trực tiếp hoặc gián tiếp đến các thực thể kinh tế (tổ chức hoặc cá nhân) nhằm đảm bảo cho các thực thể kinh tế, toàn bộ nền kinh tế nói chung phát triển tốt hơn theo các mục tiêu đã xác định, đồng thời phù hợp với lợi ích quốc gia”. Trong khái niệm này tác giả đã nhấn mạnh phương thức hỗ trợ (trực tiếp và gián tiếp), mục tiêu chung của các thực thể kinh tế và Nhà nước [3].

Theo Phạm Ngọc Quang (2009) [20] cho rằng: “Hỗ trợ của Nhà nước là tổng thể các quan điểm, chủ trương, mục tiêu và các công cụ tài chính của chính phủ có ảnh hưởng đến quá trình hoạt động của đối tượng được hỗ trợ nhằm tạo ra các lợi thế giúp đối tượng nhận hỗ trợ phát triển tốt hơn trong tương lai”.

Theo Lê Thiết Lĩnh (2021): “Hỗ trợ của Nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp là tập hợp những hình thức và biện pháp có tác dụng giúp đỡ trực tiếp hoặc gián tiếp đến các thành phần tham gia vào lĩnh vực nông nghiệp nhằm thúc đẩy cho lợi ích cho đối tượng thụ hưởng cũng như lợi ích đất nước” [11].

Theo Monica Juarez Adeler (2019): hỗ trợ của Nhà nước mang lại lợi ích trực tiếp cho đối tượng tiếp nhận hỗ trợ và lợi ích gián tiếp cho lợi ích của địa phương và quốc gia. Theo đó, tác giả cho rằng, một khi các HTXNN thành công, lợi ích kinh tế thu lại cho các thành viên sẽ góp phần cải thiện sinh kế, an sinh xã hội được cải thiện [71].

Kế thừa những điểm phù hợp của các định nghĩa nêu trên, trong luận án

này, hỗ trợ của Nhà nước đối với HTXNN kiểu mới được hiểu là *tập hợp những chính sách kinh tế có tác dụng giúp đỡ trực tiếp hoặc gián tiếp đến HTXNN kiểu mới nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các HTXNN kiểu mới phát triển hiệu quả, qua đó góp phần cải thiện điều kiện kinh doanh và thu nhập của các hộ thành viên, góp phần tăng trưởng kinh tế, phù hợp với kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam*. Với định nghĩa này hỗ trợ của Nhà nước đối với HTXNN kiểu mới có những đặc trưng cơ bản sau:

Một là, hỗ trợ của Nhà nước có thể được đánh giá theo 2 hình thức: trực tiếp và gián tiếp. Trực tiếp có thể lượng hóa qua các giá trị bằng tiền hoặc các chính sách cụ thể nhắm trực tiếp vào các HTXNN kiểu mới nhận hỗ trợ. Gián tiếp có thể thông qua việc tạo thuận lợi trong môi trường đầu tư kinh doanh, giúp các HTXNN kiểu mới nhận sự hỗ trợ có cơ hội để hoạt động sản xuất kinh doanh thuận lợi hơn.

Hai là, hỗ trợ của Nhà nước vừa có tính khái quát vừa có tính cụ thể. Tính khái quát trong quá trình hỗ trợ được thể hiện thống nhất trong các văn bản quy phạm pháp luật như Luật hợp tác xã. Đặc thù ở mỗi giai đoạn kinh tế - xã hội và sự ảnh hưởng từ các yếu tố ngoại sinh khác nhau (như hội nhập quốc tế; biến động chính trị; CMCN4.0,...) nên đòi hỏi các chính sách hỗ trợ cũng khác nhau qua các thời kỳ nhưng phải thống nhất chung trong toàn hệ thống HTX. Tính cụ thể phụ thuộc vào đặc thù mảng nông nghiệp ở mỗi địa phương bởi mỗi địa phương khác nhau có những lợi thế riêng biệt về ngành nông nghiệp cũng như những khó khăn khác nhau, vì thế các chính sách hỗ trợ cũng sẽ khác nhau.

Ba là, hỗ trợ của Nhà nước chủ yếu đề cập tới những chính sách, chế độ, mang tính khuyến khích, động viên, mở đường, tạo điều kiện,...tránh thiên về ép buộc. Kèm với đó, hỗ trợ của Nhà nước còn thể hiện sự khích lệ về mặt tinh thần, giúp cho các HTXNN kiểu mới thụ hưởng sự hỗ trợ có những cải tiến đáng kể về lĩnh vực mà họ đang tham gia.

Bốn là, hỗ trợ của Nhà nước đối với HTXNN kiểu mới không chỉ trong giai đoạn ra đời - thành lập, đăng ký, được cấp phép để bắt đầu hoạt động với tư cách pháp nhân, mà còn tiếp tục duy trì trong quá trình phát triển của HTXNN kiểu mới. Kinh tế thị trường có một quy luật rất khắc nghiệt: quy luật cạnh tranh sẽ đào thải khỏi thị trường những HTX yếu kém, làm ăn không hiệu quả. Sự hỗ trợ của Nhà nước trong giai đoạn khởi đầu rất quan trọng, nhưng các HTXNN kiểu mới cần sự hỗ trợ, giúp đỡ thường xuyên, liên tục, ổn định và thực sự hiệu quả sau đó. Hỗ trợ thực sự hiệu quả của Nhà nước đối với HTXNN kiểu mới được hiểu là: giúp đỡ đúng lúc, đúng những gì hợp HTXNN kiểu mới cần, tác động thực chất và tạo sự chuyển biến tích cực rõ rệt.

2.1.2. Vai trò của hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới và sự cần thiết hỗ trợ của Nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới trong phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam

2.1.2.1. Vai trò của hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới trong phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam

Trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam, kinh tế hợp tác nói chung, HTXNN nói riêng có vai trò đặc biệt quan trọng. Vai trò đó thể hiện trên những khía cạnh sau:

Một là, HTX là hình thức quá độ chuyển từ kinh tế cá thể sang kinh tế tập thể, là quan hệ sản xuất XHCN ở trình độ phù hợp với tiểu nông. Do đó, phát triển HTXNN kiểu mới ở Việt Nam không những mang tính tất yếu về mặt kinh tế (vì nó góp phần làm cho kinh tế cá thể của nông dân hiệu quả hơn), mà còn có ý nghĩa chính trị, xã hội, một mặt tạo tiền đề cải thiện thu nhập, gia tăng giá trị kinh tế cho các thành viên (người lao động trực tiếp trong nông nghiệp), tạo cơ sở để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên bình diện lãnh thổ quốc gia; mặt khác sự phát triển hiệu quả của các HTXNN kiểu mới còn từng bước hình thành và củng cố quan hệ sản xuất XHCN, tạo nền tảng vững chắc cho thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam.

Hai là, các HTXNN kiểu mới góp phần nâng cao vai trò kinh tế tập thể trong nền kinh tế, cùng với kinh tế Nhà nước tạo nền tảng cho chế độ kinh tế XHCN. Chính vì thế, trong nhiều năm nay, mặc dù tích cực cải cách đổi mới theo hướng kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế Đảng và Nhà nước ta vẫn kiên định mục tiêu xây dựng, mở rộng và phát triển kinh tế tập thể. Bối đặc trưng của kinh tế tập thể là một hình thức liên kết, hợp tác được biểu hiện cụ thể bằng các mô hình liên minh hợp tác; HTXNN kiểu mới là cơ sở để hình thành những khu sản xuất quy mô lớn, tập trung; hình thành các cánh đồng mẫu lớn, gia tăng chuỗi giá trị trong hoạt động sản xuất nông nghiệp và là tiền đề quan trọng để có thể cơ giới hoá, công nghệ hoá, hiện đại trong sản xuất ngành nông nghiệp. HTXNN kiểu mới thích hợp để tạo ra sản phẩm có giá trị gia tăng nhiều hơn, đáp ứng tốt hơn nhu cầu ngày càng đa dạng của thị trường tiêu dùng. Cùng với đó, HTXNN kiểu mới sẽ giúp khắc phục nhược điểm của loại hình kinh tế hộ nhỏ lẻ.

Ba là, các HTXNN kiểu mới có thể trực tiếp tiến hành một số hoạt động sản xuất, kinh doanh tập thể như, chăn nuôi đàn lớn gia cầm, gia súc, xây dựng cánh đồng mẫu lớn, mua chung, hoặc thực hiện bán sản phẩm tập thể. Như vậy, hoạt động sản xuất dịch vụ chung của các thành viên dựa vào nguồn lực chung của HTXNN kiểu mới, lợi nhuận trước khi phân phối lại cho thành viên phải trích lập quỹ không chia và mua sắm tài sản chung phục vụ lợi ích cộng đồng đồng thời vẫn phải tuân thủ quy luật thị trường và những thước đo chung của xã hội về tiêu chuẩn sản phẩm. Về khía cạnh này các HTXNN kiểu mới góp phần cơ cấu lại lĩnh vực nông nghiệp nhằm đạt được các mục tiêu của phát triển nông nghiệp bền vững.

2.1.2.2. Sự cần thiết hỗ trợ của Nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới trong phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam

HTXNN kiểu mới có vai trò rất lớn trong cơ cấu nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta, nhưng để chúng có thể tồn tại và phát triển bền

vững rất cần sự hỗ trợ của Nhà nước. Có thể thấy, vai trò hỗ trợ của Nhà nước đối với các HTXNN kiểu mới ở nước ta thể hiện trên các nội dung sau:

Thứ nhất, tạo điều kiện vật chất và pháp lý cho HTXNN kiểu mới ra đời và phát triển

Trong nền kinh tế thị trường, bất kỳ một mô hình tổ chức sản xuất kinh doanh nào đó cũng phải được thành lập và hoạt động hợp pháp. Có như vậy Nhà nước mới có thể hạn chế các hoạt động không có lợi cho xã hội, cũng như tạo điều kiện cho chúng phát triển và bảo vệ lợi ích kinh tế của chúng. HTXNN kiểu mới không phải là trường hợp ngoại lệ. Ở Việt Nam, HTXNN kiểu mới là tổ chức kinh tế ra đời và hoạt động tuân thủ Luật hợp tác xã mặc dù chúng cần thêm sự tự nguyện đóng góp vốn và tham gia quản lý của các thành viên (xã viên) trong hình thành vốn điều lệ (góp đất hoặc các tài sản khác nhằm chuyển trạng thái hoạt động của tư liệu sản xuất từ *dùng riêng* sang *dùng chung*) được sử dụng khai thác theo phương thức tập thể. Lý luận Mác - Lênin nhấn mạnh tính tự nguyện của kinh tế tập thể và HTX, theo đó quyền quyết định sẽ do tập thể các thành viên HTXNN kiểu mới quyết định, song vẫn phải tuân thủ pháp luật.

Theo Luật Hợp tác xã của Việt Nam HTXNN kiểu mới là thực thể kinh tế có tư cách pháp nhân, do đó khi thành lập phải tiến hành hàng loạt những thủ tục về pháp lý, tài chính, tài khoản, ngân hàng, trụ sở làm việc, mã số thuế, phương tiện vận tải, khai thác thị trường, quảng bá sản phẩm... liên quan đến rất nhiều tổ chức, cơ quan, đơn vị công quyền. Do các sáng lập viên HTXNN kiểu mới có thể không am hiểu hết các quy định của pháp luật, nên Nhà nước phải hỗ trợ họ về trình tự, thủ tục pháp lý để hình thành HTXNN kiểu mới đúng Luật.

Để HTXNN kiểu mới tồn tại và phát triển từ những bước đi ban đầu chập chững, cần hỗ trợ các chức danh lãnh đạo thông hiểu pháp luật, tạo dựng năng lực làm việc và quản trị HTXNN kiểu mới hiệu quả. Do đặc thù HTXNN

kiểu mới không chỉ là tổ chức kinh doanh, mà còn là tổ chức xã hội tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau giữa các thành viên, nên cần hỗ trợ cán bộ quản trị HTXNN kiểu mới thực hiện các hoạt động hạch toán kinh tế nhằm tìm kiếm phương thức hoạt động mang lại lợi ích cao nhất cho các thành viên. Đồng thời cũng cần quán triệt cán bộ quản lý HTXNN kiểu mới để họ chú trọng chức năng tạo điều kiện và cung ứng những dịch vụ cần thiết với giá cả hợp lý cho thành viên, tránh lạm dụng HTX để thu lợi cho cán bộ quản trị HTX.

Nhiệm vụ kinh tế quan trọng của Nhà nước là hỗ trợ, giúp đỡ các thành phần kinh tế tồn tại bình đẳng trong môi trường hợp tác, cạnh tranh lành mạnh và tuân thủ Hiến pháp và pháp luật. Tuy nhiên, chính sách và phương châm xử lý của Nhà nước đối với các thành phần kinh tế là không giống nhau. Kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác không ngừng được củng cố, phát triển là một sự “ưu tiên” có trọng tâm, trọng điểm. Chính sách của Nhà nước đối với HTXNN kiểu mới không chỉ khu trú trong lĩnh vực kinh tế mà còn tác động sâu sắc tới nhiều lĩnh vực khác của đời sống kinh tế - xã hội. Do đó, khi tiếp cận thuật ngữ hỗ trợ của Nhà nước đối với HTXNN kiểu mới cần dựa trên quan điểm phát triển bao trùm, đa diện, đa tầng nấc.

Hỗ trợ của Nhà nước không chỉ là sự tác động cá biệt, một sự giúp đỡ riêng lẻ mà phải là một chính sách, một chế độ thường xuyên, liên tục và ổn định. Sự hỗ trợ của Nhà nước đối với HTXNN kiểu mới góp phần làm tăng tỷ trọng GDP, tăng số lao động trung khu vực kinh tế tập thể, tăng năng suất lao động cao hơn hẳn so với làm ăn riêng lẻ, tăng năng suất đất đai, tăng hiệu quả kinh tế trên một diện tích đất, và cũng là giảm thiểu sự bạc màu của đất, sự hủy hoại phá vỡ cân bằng sinh thái.

Thứ hai, hỗ trợ của nhà nước góp phần điều chỉnh quan hệ sản xuất trong nông nghiệp

Trước đổi mới, quan hệ sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam chủ yếu dựa trên mô hình tập thể hóa cưỡng bức và cơ chế quản lý hành chính, làm triệt tiêu động lực của nông dân. Sau đổi mới, với sự ra đời của Luật HTX 2012 và

Luật HTX 2023, Nhà nước đã định hình HTXNN kiểu mới như một hình thức sở hữu tập thể hiện đại, vừa tôn trọng quyền sở hữu, quyền tự chủ của hộ nông dân, vừa gắn kết họ trong mối quan hệ hợp tác - liên kết theo nguyên tắc tự nguyện, dân chủ, cùng có lợi. Thông qua các chính sách hỗ trợ về đất đai, vốn, tín dụng, khoa học công nghệ, đào tạo nhân lực và tiếp cận thị trường, Nhà nước góp phần tạo lập môi trường thể chế thuận lợi để các HTXNN hoạt động hiệu quả, qua đó khắc phục tình trạng sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, thiếu sức cạnh tranh. Hỗ trợ HTX là hình thức “can thiệp phân phối chủ động” của Nhà nước nhằm điều tiết các bất bình đẳng, bảo vệ lợi ích của nông dân và các bên liên quan. Việc hỗ trợ này sẽ tác động tới tổ chức lại sản xuất và thúc đẩy liên kết chuỗi giá trị; HTXNN kiểu mới từ đó trở thành hạt nhân tổ chức lại sản xuất nông nghiệp theo hướng thị trường, gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ. Đây cũng chính là cách thức cụ thể hóa quan điểm của kinh tế chính trị Mác - Lênin về phù hợp hóa quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đảm bảo cho nông nghiệp Việt Nam vừa phát triển theo hướng hàng hóa hiện đại, vừa giữ được tính cộng đồng và công bằng xã hội. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số, sự hỗ trợ này còn giúp HTXNN trở thành cầu nối giữa hộ nông dân với chuỗi giá trị toàn cầu, góp phần quan trọng trong thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới theo hướng bền vững.

Thứ ba, hỗ trợ của Nhà nước cho các HTXNN kiểu mới góp phần hiện thực mục tiêu xây dựng nền nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh

Văn kiện Đại hội Đảng XIII của Đảng xác định:

Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong quá trình phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới. Gắn xây dựng giai cấp nông dân với phát triển nông nghiệp và quá trình công nghiệp hoá, đô thị hoá nông thôn, tạo điều kiện để cư dân nông thôn trở thành cư dân đô thị

mà không dẫn đến di cư quy mô lớn. Có chính sách hợp lý để chuyển lao động nông thôn sang các ngành phi nông nghiệp. Huy động và phát huy mọi nguồn lực từ nông dân, nông thôn cùng với các nguồn lực khác để thực hiện thành công mô hình nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh [7].

Mục tiêu lâu dài của chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta là xây dựng giai cấp nông dân tiến bộ “ngang bằng” với giai cấp công nhân. Lực lượng vật chất quan trọng nhất là công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, đô thị hóa nông thôn đồng thời cũng là quá trình *công nhân hóa nông dân*. Thông qua việc lao động bằng máy móc và lao động dựa trên nền tảng tri thức khoa học, công nghệ, đặc biệt cuộc CMCN 4.0 sẽ dần dần trang bị cho giai cấp nông dân những đức tính mới của người làm việc bằng máy móc, với môi trường khoa học, công nghệ hiện đại.

Sự chuyển dần giai cấp nông dân thành giai cấp công nhân sẽ ngày càng củng cố sự vững chắc của khối liên minh công- nông- trí, một trong những trụ cột vững chắc nhất của chế độ cũng như thể chế chính trị nước ta, đó là Đảng Lãnh đạo, cầm quyền; Nhà nước tổ chức, quản lý và Nhân dân làm chủ, phản biện, giám sát và là chủ thể thật sự của quyền lực. Hầu hết các mục tiêu nêu trên chỉ có thể dần dần hiện thực hóa thông qua vai trò ngày càng lớn của các HTXNN kiểu mới với sự hỗ trợ tích cực của Nhà nước.

2.1.3. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về hỗ trợ của Nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới

Hình thức HTXNN đã tồn tại và phát triển khá lâu ở nước ta. Ở mỗi thời kỳ khác nhau, cách nhìn nhận về vai trò và chức năng của HTXNN cũng có sự khác biệt. Sau Đổi Mới năm 1986, khi đất nước đi theo kinh tế thị trường định hướng XHCN, nhận thức về chức năng của HTXNN cũng có sự thay đổi đáng kể. Luật hợp tác xã năm 1996 ra đời hướng đến cụ thể hóa hơn về động lực phát triển cũng như nền tảng pháp lý cho mô hình HTX trong thời

kỳ mới. Tuy nhiên trong nội dung luật hợp tác xã giai đoạn này, vẫn chưa định hình cụ thể về thành phần tham gia cũng như những đặc trưng riêng cho HTX trong lĩnh vực nông nghiệp.

Để tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể mà nòng cốt là HTX, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương (năm 2002) đã ra đời. Điểm nổi bật trong Nghị quyết này là quan điểm hình thành một thể chế lành mạnh và một môi trường thông thoáng, cởi mở cho hình thức HTX phát triển, cùng với đó là tiến hành dung nạp những chính sách tương thích hơn, hiệu quả hơn để HTX có những điểm tựa nhất định trong quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng.

Trên tinh thần đó, Luật hợp tác xã 2003 được ban hành đã bám sát bản chất, giá trị và nguyên tắc cơ bản của mô hình HTX phù hợp với kinh tế thị trường. Hoạt động của HTX bước đầu đáp ứng được những yêu cầu cơ bản của thành viên tham gia, hoạt động kinh tế được chú trọng hơn, gắn với phát triển xã hội, gắn kết cộng đồng. Tiếp đến, Luật hợp tác xã 2012 được triển khai đã làm rõ bản chất của HTX kiểu mới, mở rộng đối tượng tham gia HTX, quyền và nghĩa vụ của HTX đối với việc cung ứng sản phẩm, dịch vụ, việc làm cho các thành viên. Sự ra đời của Luật hợp tác xã 2012 được xem là cột mốc đánh dấu sự ra đời của mô hình HTXNN kiểu mới hoạt động có hiệu quả hơn trong nền kinh tế thị trường và bối cảnh hội nhập quốc tế.

Để đẩy mạnh phát triển hợp tác xã gắn với xây dựng nông thôn mới, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 32/2016/QH14 về tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, trong đó có nội dung: *“Phấn đấu đến năm 2020 có 15.000 HTX và liên hiệp HTXNN hoạt động có hiệu quả”*.

Đại hội Đảng lần thứ XIII (năm 2021) đã nhấn mạnh HTXNN là hình thức sản xuất cần khuyến khích phát triển: *“Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, hiệu quả; đẩy mạnh hợp tác, liên kết trong sản*

xuất và tiêu thụ nông sản, kết nối với hệ thống tiêu thụ toàn cầu. Phát triển mạnh doanh nghiệp nông nghiệp; hỗ trợ, khuyến khích phát triển kinh tế trang trại, HTXNN và các tổ hợp tác". Luận điểm "kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác không ngừng được củng cố, phát triển" trong văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII thể hiện tập trung nhận thức quan điểm và định hướng của Đảng ta về thành phần kinh tế tập thể, trong đó hợp tác xã là "tâm điểm". Tuy rằng thuật ngữ "công hữu về tư liệu sản xuất" ít được sử dụng song, bản chất của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa phải và chỉ được thể hiện thông qua hai thành phần kinh tế, đó là kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể.

Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII là một văn kiện quan trọng, đánh dấu bước phát triển mới trong nhận thức và định hướng chính sách đối với kinh tế tập thể (KT TT) ở Việt Nam. Văn kiện này kế thừa, phát triển và khắc phục những hạn chế của Nghị quyết số 13-NQ/TW (năm 2002), đồng thời đặt ra mục tiêu chiến lược phù hợp với bối cảnh mới của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế sâu rộng. Nghị quyết khẳng định KT TT là một thành phần kinh tế quan trọng, cùng với kinh tế nhà nước dần trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Mô hình hợp tác xã kiểu mới, tổ hợp tác và liên hiệp HTX được coi là hạt nhân của KT TT, giữ vai trò then chốt trong việc liên kết, hỗ trợ nông dân, hộ gia đình, cá nhân và doanh nghiệp nhỏ tham gia chuỗi giá trị, thúc đẩy sản xuất hàng hóa lớn, nâng cao thu nhập và đời sống. Nghị quyết 20 cũng đề ra mục tiêu đến năm 2045, khu vực KT TT cùng với kinh tế nhà nước thực sự trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Trong đó, HTX kiểu mới phải có sức cạnh tranh cao, quản trị hiện đại, trở thành điểm tựa tin cậy của nông dân và thành viên, góp phần xây dựng nông thôn mới, đảm bảo an sinh xã hội, bảo vệ môi trường và hội nhập thành công với kinh tế toàn cầu.

2.2. NỘI DUNG, TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VÀ CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP KIỂU MỚI Ở VIỆT NAM

2.2.1. Nội dung hỗ trợ của Nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ở Việt Nam

2.2.1.1. Hỗ trợ bằng nguồn lực tài chính đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ở Việt Nam

Khó khăn lớn nhất mà các HTXNN kiểu mới cần được hỗ trợ chính là khả năng tiếp cận nguồn lực tài chính ưu đãi. Bởi đặc trưng của HTXNN đến từ tính kết nối của các xã viên làm nông nghiệp. Khi xem xét sự tương quan với các ngành nghề khác, khả năng tích lũy vốn tài chính trong nông nghiệp không cao. trong khi đó nhu cầu của các HTXNN kiểu mới khá lớn, nhất là giai đoạn mới thành lập, tài sản để thế chấp hầu như không có, vì thế hỗ trợ của Nhà nước có thể được coi là điều kiện tiên quyết để HTXNN kiểu mới có vốn kinh doanh. Trong số các hình thức hỗ trợ tài chính, hỗ trợ về lãi suất và hỗ trợ về tín dụng ưu đãi là những loại hình hỗ trợ có tác động lớn đến các HTXNN kiểu mới.

Thứ nhất, hỗ trợ về lãi suất

Tùy vào từng thời điểm mà Nhà nước sẽ triển khai nhiều gói hỗ trợ lãi suất khác nhau. Mục đích chính của việc hỗ trợ lãi suất cho các HTXNN kiểu mới là giúp họ tiếp cận được nguồn vốn thị trường với chi phí vốn giảm, từ đó có khả năng giảm chi phí sản xuất, giảm rủi ro trong quá trình vận hành của các HTXNN kiểu mới. Với một mức lãi suất thấp, tác động tích cực trực tiếp chính là tạo cơ hội để mở rộng đầu tư trong nông nghiệp của các HTXNN kiểu mới theo hướng công nghệ cao; gián tiếp góp phần vào chiến lược phát triển chung của nông nghiệp cũng như chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng bền vững. Góp phần giải quyết các vấn đề an sinh xã hội ở khu vực nông thôn nói chung và đời sống kinh tế - xã hội của các xã viên nói riêng.

Thứ hai, hỗ trợ về tín dụng ưu đãi

Tín dụng ưu đãi của Nhà nước thường áp dụng để hỗ trợ các HTXNN kiểu mới tiếp cận nguồn vốn trong phát triển và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Hỗ trợ tín dụng ưu đãi cũng phải dựa trên quy định hoạt động của hệ thống các ngân hàng, các tổ chức tín dụng. Tuy nhiên, Nhà nước có thể thành lập các quỹ tín dụng đặc thù hoặc thành lập các tổ chức hỗ trợ về tài sản đảm bảo, các tổ chức bảo lãnh, Quỹ hỗ trợ phát triển,...cho các HTXNN kiểu mới vay vốn tín chấp hoặc tỷ lệ tài sản đảm bảo thấp. Bên cạnh việc tạo cơ hội cho tiếp cận tài chính, hỗ trợ tín dụng còn giúp HTXNN kiểu mới mở rộng nguồn vốn để hoạt động hiệu quả hơn.

Trong giai đoạn hiện nay, các HTXNN kiểu mới có thể tận dụng cơ hội do Quyết định số 55/2015/ QĐ-CP ngày 9/6/2015 về chính sách tín dụng đối với nông nghiệp, nông thôn tạo ra. Trong Quyết định này Chính phủ đã xác định:

Chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn bao gồm một số chính sách, biện pháp của Nhà nước để tạo điều kiện đối với tổ chức, cá nhân vay vốn phát triển lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn đồng thời khuyến khích các tổ chức tín dụng đẩy mạnh cho vay đối với lĩnh vực này nhằm góp phần thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới và từng bước nâng cao đời sống nhân dân [4].

2.2.1.2. Hỗ trợ chính sách đất đai đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ở Việt Nam

Chính sách đất đai có vai trò quan trọng đối với kinh doanh nông nghiệp, giao dịch đất đai theo cơ chế thị trường, qua đó ảnh hưởng đến hoạt động của các HTXNN kiểu mới cả về phương diện trực tiếp (chính sách giao đất của Nhà nước cho HTX) lẫn gián tiếp (kinh doanh của xã viên). Trong

điều kiện của Việt Nam quỹ ruộng đất có hạn, dân số sống bằng nông nghiệp lại chiếm phần rất lớn, cho nên chính sách đất đai là một trong những chính sách hàng đầu, quan trọng nhất và là xuất phát điểm của các chính sách khác đối với nông nghiệp.

Nội dung hỗ trợ qua chính sách đất đai của Nhà nước đối với HTXNN kiểu mới thể hiện qua các giác độ:

Thứ nhất, chính sách đất đai cần giải quyết dứt điểm các vấn đề nảy sinh trong quan hệ đất đai liên quan đến HTXNN kiểu mới do yếu tố lịch sử để lại. Ví dụ như giải quyết dứt điểm quyền của HTXNN kiểu mới trong kế thừa sử dụng đất của HTXNN kiểu cũ; giải quyết dứt điểm mối quan hệ lợi ích trong sử dụng đất giữa HTXNN kiểu mới và xã viên, tạo hành lang pháp lý thông thoáng cho việc xã viên góp vốn bằng quyền sử dụng đất....

Thứ hai, để hỗ trợ HTXNN kiểu mới có thể khai thác quyền sử dụng đất hiệu quả chính sách đất đai phải bảo đảm sự hài hoà về lợi ích trong sử dụng ruộng đất giữa các hộ nông dân là xã viên HTXNN kiểu mới, chú ý thích đáng đến các hộ nông dân thuộc dân tộc ít người ở vùng sâu, vùng xa, hộ nông dân nghèo. Yêu cầu chung đối với chính sách đất đai là phải làm cho hộ nông dân sử dụng đất không chỉ có khai thác có hiệu quả, đảm bảo thu nhập của họ, mà còn phải bảo vệ, cải tạo và tăng cường chất lượng của ruộng đất.

Thứ ba, chính sách đất đai phải nhằm giải phóng đất đai và các nguồn lực sản xuất khác, bảo đảm cho việc chuyển nền nông nghiệp từ tự cấp, tự túc sang sản xuất hàng hoá, sử dụng ngày càng hiệu quả nguồn lực đất đai. Chính sách đất đai còn nhằm ổn định thời gian dài trong việc sử dụng, tạo điều kiện cho các HTXNN kiểu mới yên tâm đầu tư thâm canh phát triển sản xuất, bảo đảm được tình đoàn kết trong nông thôn, ngăn ngừa tình trạng tranh chấp ruộng đất, góp phần ổn định tình hình kinh tế - xã hội nông thôn. Chính sách đất đai có vai trò quan trọng trong quá trình chuyển các HTXNN kiểu mới ở nước ta từ một nền nông nghiệp sản xuất mang tính tự cấp, tự túc sang nền

nông nghiệp sản xuất hàng hoá quy mô lớn, đáp ứng được các tiêu chí khắt khe của thị trường quốc tế. Chính sách đất đai hợp lý còn tạo ra những điều kiện rất cơ bản để không ngừng nâng cao hiệu quả sử dụng đất đai.

Thứ tư, chính sách hỗ trợ về đất đai cần đầu tư vào xây dựng quy hoạch của chính quyền địa phương để có quỹ đất nhất định dành cho HTXNN kiểu mới hình thành và phát triển.

2.2.1.3. Hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ở Việt Nam

Hỗ trợ về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực cho các HTXNN kiểu mới là một hệ thống các công cụ của nhà nước nhằm giúp các HTXNN kiểu mới nâng cao năng lực của bộ máy quản trị HTX, nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn sản xuất, kinh doanh của thành viên; cập nhật các kiến thức mới giúp gia tăng hiệu quả sản xuất, kinh doanh của HTX. Các hình thức hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực hiện nay có thể là:

Thứ nhất, hỗ trợ đào tạo nghề: đối tượng của hoạt động hỗ trợ này là các xã viên/ tổ viên của hợp tác xã. Đặc thù của ngành nông nghiệp trong bối cảnh mới là sự thay đổi liên tục về nhu cầu hàng hóa nông sản và yêu cầu quy chuẩn về mặt chất lượng ngày càng cao; do đó, những cải tiến về mặt sản xuất là một hoạt động diễn ra liên tục, không ngừng nghỉ. Chính vì sự biến động đó mà cơ quan nhà nước cần phải thống kê nhu cầu đào tạo thực tế của HTXNN kiểu mới đối chiếu với các điều kiện hỗ trợ thuộc các chương trình, chính sách do nhà nước ban hành để hỗ trợ một phần hoặc toàn bộ nguồn kinh phí nhằm đạt được mục tiêu phát triển nguồn nhân lực cần thiết cho các HTXNN kiểu mới.

Thứ hai, cung cấp các chương trình tập huấn

Với vai trò định hướng, Nhà nước phối hợp với các chuyên gia, cơ sở đào tạo xây dựng và ban hành các chương trình đào tạo dưới nhiều hình thức khác nhau đáp ứng nhu cầu thực tế và nhu cầu của HTXNN kiểu mới trong

quá trình phát triển. Các chương trình đào tạo có thể tập trung vào đào tạo kỹ năng quản lý cho đội ngũ quản trị HTX hay đào tạo kỹ năng, kỹ thuật cho các xã viên tại HTX. Chương trình đào tạo được xây dựng dựa trên nhu cầu thực tiễn và những vướng mắc mà các HTXNN kiểu mới đang đối diện, yêu cầu tính thực tế và thiên về kỹ năng thực hành hơn là các lý thuyết, bài vở.

2.2.1.4. Hỗ trợ tiếp cận và thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ở Việt Nam

Thị trường nông sản thế giới nói chung, Việt Nam nói riêng, đã có sự thay đổi rõ nét khi dịch chuyển mạnh nhu cầu từ đảm bảo số lượng hàng hóa nông sản sang đáp ứng nhu cầu chất lượng nông sản ngày một cao. Để gia tăng chất lượng nông sản, ngoài việc đổi mới kỹ thuật canh tác, thì công nghệ ứng dụng trong các khâu, quy trình từ sản xuất, chế biến, vận chuyển đến hậu cần đều hết sức cần thiết. Chính sách hỗ trợ phát triển khoa học công nghệ góp phần khai thác có hiệu quả các nguồn lực khan hiếm trong sản xuất thông qua việc tăng năng suất cây trồng, vật nuôi. Chính sách này còn nhằm làm tăng thu nhập của nông dân, giảm tối đa số hộ nghèo, bảo đảm an ninh lương thực, thực phẩm và tăng chất lượng sản phẩm tiêu dùng trong nước cũng như xuất khẩu. Ngoài ra, chính sách hỗ trợ các HTXNN kiểu mới ứng dụng công nghệ cao còn góp phần vào công cuộc công nghiệp hóa và hiện đại hóa ngành nông nghiệp. Trong khi đó thực tế áp dụng những cải tiến công nghệ trong sản xuất nông nghiệp nói chung và ở các HTXNN kiểu mới nói riêng là một việc không hề dễ dàng bởi rào cản từ nguồn vốn tài chính và bản quyền là khá lớn. Do đó, cần thiết có sự hỗ trợ của Nhà nước nhằm giúp cho các HTXNN kiểu mới sớm tiếp cận được các công nghệ tiên tiến, hiện đại, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nông nghiệp. Các hình thức hỗ trợ về công nghệ, cải tiến sản phẩm bao gồm:

- Thành lập các cơ quan, tổ chức có chức năng tìm kiếm, tiếp cận, mua các công nghệ tiên tiến trên thế giới đồng thời tổ chức chuyển giao công nghệ cho các HTXNN.

- Phối hợp với các viện nghiên cứu, các trường đại học thành lập các tổ chức nghiên cứu và phát triển các nghiên cứu mới, hiện đại. Làm cầu nối chuyển giao công nghệ giữa viện nghiên cứu và các HTXNN kiểu mới.

- Thành lập quỹ hỗ trợ nghiên cứu và phát triển nhằm hỗ trợ các HTXNN kiểu mới quy mô lớn có năng lực tự nghiên cứu và cải tiến các công nghệ mới.

- Tạo môi trường thuận lợi cho các HTXNN kiểu mới đổi mới công nghệ.

- Nâng cao chất lượng các dự án đầu tư đổi mới công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp.

2.2.1.5. Hỗ trợ thông tin, dự báo của Nhà nước đối với HTXNN kiểu mới

Mô hình HTXNN kiểu mới không thể gọi là thành công khi các quy trình từ đầu tư, sản xuất, cải tiến công nghệ đều đạt trình cao nhưng sản phẩm đầu ra lại không có thị trường tiêu thụ. Do đó, việc hỗ trợ tiếp cận thị trường có ý nghĩa then chốt và quyết định sự thành công của một mô hình phát triển. Hỗ trợ của Nhà nước trên nền tảng gia tăng sự kết nối và giúp cho quan hệ giữa HTXNN kiểu mới và thị trường đầu ra được rút ngắn thời gian và tiếp cận một cách toàn diện hơn, hướng đến việc bán được nhiều hàng hóa nông sản, là tiền đề bền vững cho quá trình tái sản xuất và mở rộng hoạt động của các HTXNN kiểu mới. Hỗ trợ tìm kiếm thị trường có thể được tiếp cận ở nhiều khía cạnh:

Thứ nhất, hỗ trợ của Nhà nước về cung cấp thông tin thị trường mục tiêu

Bất kể loại hình sản xuất, kinh doanh nào nói chung và HTXNN kiểu mới nói riêng đều cho thấy tầm quan trọng nhất định của việc xác định thị trường đầu ra mục tiêu cho mình. Các thông tin về thị hiếu tiêu dùng, quy mô thị trường tiêu thụ, nhu cầu tiếp cận,... sẽ dễ dàng đối với các loại hình kinh tế có những tổ chức kinh doanh độc lập và hiện đại. Ở nước ta, HTX nói chung và HTXNN kiểu mới nói riêng, xưa giờ vẫn chú trọng nhiều về tính chuyên môn, kĩ thuật trong sản xuất, trồng trọt, chăn nuôi hơn là nắm bắt các kĩ năng về

phân phối tiêu thụ. Do đó, đây có thể được coi là điểm yếu lớn trên con đường phát triển của các loại hình HTXNN kiểu mới. Tại một số quốc gia phát triển trên thế giới, để gia tăng cơ hội phát triển cho ngành nông nghiệp, Nhà nước đứng ra thành lập các tổ chức chuyên môn trong việc phân tích, đánh giá các thông tin về thị trường trong và ngoài nước, thiết lập kho dữ liệu dùng chung và là nền tảng chia sẻ cho các HTXNN kiểu mới trong nước, giúp kết nối và hỗ trợ quá trình tiêu thụ đầu ra của nông sản. Việc thiết lập một đội ngũ chuyên gia hàng đầu trong phân tích đánh giá thông tin để cung cấp thông tin có chất lượng hỗ trợ hoạt động kinh doanh của HTXNN kiểu mới (dẫn theo Vũ Mạnh Hùng, 2020) là một hướng đi có hiệu ứng tốt.

Thứ hai, hỗ trợ gia nhập thị trường

Mỗi thị trường tiêu dùng khác nhau sẽ có những đặc thù khác biệt, chịu sự chi phối bởi lối sống, văn hóa, tập tục và các thể chế chính thức như pháp luật, quy định. Đôi khi những điều này là rào cản lớn đối với các HTXNN kiểu mới trong việc tiếp cận và gia nhập thị trường. Nhà nước - với vai trò cơ quan cung cấp các quy định pháp lý cũng như dùng tầm ảnh hưởng của mình để tác động có thể dàn xếp và hỗ trợ cho các HTXNN kiểu mới những điều kiện cần thiết để dễ dàng hơn trong việc gia nhập thị trường.

Thứ ba, hỗ trợ xúc tiến thương mại, giới thiệu sản phẩm

Hỗ trợ HTXNN kiểu mới tham gia các hội chợ trong nước và quốc tế, tham gia các hoạt động giao lưu thương mại là nội dung hỗ trợ quan trọng giúp các HTXNN kiểu mới quảng bá hình ảnh và thương hiệu nông sản của mình cho các thị trường trong và ngoài nước. Nhà nước trong trường hợp này đóng vị thế trung gian tổ chức các chương trình xúc tiến gắn kết và giới thiệu nông sản của HTX cho khách hàng, đồng thời tạo tiền đề để hoạt động sản xuất kinh doanh của các HTXNN kiểu mới trở nên hiệu quả và phát triển lâu dài hơn.

Thứ tư, hỗ trợ HTXNN kiểu mới trong việc xây dựng thương hiệu sản phẩm

Việc xây dựng thương hiệu sản phẩm không đơn giản là một quy trình trong việc đưa hàng nông nghiệp ra thị trường, đến tay người tiêu dùng trong

và ngoài nước, mà còn là một khâu cực kỳ quan trọng, góp phần nâng cao chuỗi giá trị hàng nông nghiệp, đặc biệt là các nông sản Việt trên thị trường thế giới. Chuỗi giá trị càng tăng cao, điều này đồng nghĩa với việc sẽ gia tăng thu nhập, cải thiện sinh kế cho người nông dân nói chung và thành viên trong các HTXNN kiểu mới nói riêng.

2.2.2. Tiêu chí đánh giá hỗ trợ của Nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ở Việt Nam

Theo Lê Thiết Lĩnh (2021) để đánh giá hoạt động hỗ trợ của Nhà nước cần tiếp cận dưới 3 phương diện: thứ nhất, công tác ban hành và triển khai hỗ trợ; thứ hai, tiêu chí kết quả của hoạt động hỗ trợ và thứ ba, đánh giá kết quả tác động từ hỗ trợ đến hoạt động của HTXNN kiểu mới [11].

Phạm Văn Đình và cộng sự (2019) cho rằng, đánh giá hỗ trợ của Nhà nước cần dựa trên 3 căn cứ: bước 1: xác định bộ máy hỗ trợ; bước 2: thực hiện hỗ trợ và bước 3: đánh giá kết quả hỗ trợ.

Trong nghiên cứu này, nghiên cứu sinh tiếp cận dưới góc độ quy trình của một hoạt động hỗ trợ nhằm xác lập các tiêu chí đánh giá những hoạt động hỗ trợ của Nhà nước đối với HTXNN kiểu mới.

2.2.2.1. Bộ máy hỗ trợ

Hoạt động hỗ trợ từ cơ quan Nhà nước đối với HTXNN kiểu mới đòi hỏi phải được thiết lập dựa trên các văn bản pháp luật mang tính chất chính quy; có thể đến từ cấp trung ương thông qua nội dung tại định hướng, đường lối của Đảng; hiến pháp và các luật nhất định có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đối với lĩnh vực HTXNN kiểu mới hoặc thông qua các văn bản dưới luật do chính quyền địa phương ban hành tương thích với mỗi địa phương khác nhau. Bộ máy hỗ trợ bao gồm các cơ quan, ban ngành từ trung ương đến địa phương, có vai trò ban hành các chính sách và hoạt động hỗ trợ mang tính chất kịp thời. Tùy thuộc vào bối cảnh và nhu cầu của các HTX, bộ máy sẽ ban hành các chính sách cụ thể (các hình thức hỗ trợ) nhằm giúp cho các HTXNN

kiểu mới duy trì, tháo gỡ những điểm nghẽn hoặc phát triển hơn về quy mô và chất lượng. Bộ máy hỗ trợ của Nhà nước sẽ thực hiện các hoạt động như nghiên cứu, ban hành, triển khai chính sách hỗ trợ. Tiêu chí đánh giá bộ máy hỗ trợ phải trả lời được các câu hỏi:

- Hệ thống phân cấp bộ máy hỗ trợ từ trung ương đến địa phương đã hợp lý chưa?
- Các phân hệ trong bộ máy đã hoạt động đúng phạm vi trách nhiệm và hiệu quả chưa?
- Biên chế các cơ quan đã phù hợp với nhiệm vụ được giao chưa?
- Bộ máy hỗ trợ đã phù hợp với nội dung, mục tiêu hỗ trợ của Nhà nước đối với HTXNN kiểu mới chưa? (Weimer và cộng sự, 2005).

2.2.2.2. Tổ chức thực hiện hỗ trợ

Quá trình triển khai thực thi là quá trình biến chính sách hỗ trợ thành những hoạt động cụ thể, biểu hiện rõ nhất qua các kế hoạch triển khai chính sách hỗ trợ của bộ máy hỗ trợ. Trong thực tế, thông qua các hoạt động theo kế hoạch của bộ máy nhà nước nhằm hiện thực hóa các nội dung hỗ trợ đã đề ra. Quá trình tổ chức thực hiện bao gồm các giai đoạn: chuẩn bị triển khai, phổ biến tuyên truyền, phân công phối hợp thực hiện, duy trì quá trình thực hiện hỗ trợ, theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện, tổng kết rút kinh nghiệm và hoàn thiện chương trình (Phạm Văn Đình và cộng sự (2019). Tổ chức thực hiện hỗ trợ cần xác định được cơ quan chủ trì hoạt động hỗ trợ, cách thức triển khai hỗ trợ (trực tiếp hay gián tiếp) và cách thức triển khai.

Đánh giá quá trình tổ chức thực hiện phải trả lời được các câu hỏi sau:

- Quá trình chuẩn bị đã đáp ứng yêu cầu chưa?
- Các hình thức phổ biến tuyên truyền có hiệu quả không?
- Sự phân công phối hợp thực hiện có gặp vấn đề gì không?
- Các hình thức hỗ trợ có phù hợp với nhu cầu phát triển của HTXNN kiểu mới không?

- Tiến độ thực hiện kế hoạch hỗ trợ như thế nào?
- Hoạt động kiểm tra, điều chỉnh, sơ kết, tổng kết ... được thực hiện như thế nào?

2.2.2.3. *Đánh giá kết quả hỗ trợ*

Hoạt động hỗ trợ của Nhà nước chỉ thực sự thành công khi hỗ trợ mang lại kết quả tích cực cho các HTXNN kiểu mới. Tính tích cực này được thể hiện thông qua kết quả hoạt động của chính các HTXNN kiểu mới, mức độ phát triển, tính tiến bộ hoặc tính lan tỏa giá trị của hoạt động hỗ trợ đối với sự phát triển kinh tế - xã hội. Đánh giá kết quả hỗ trợ cần nhìn nhận dưới các tiêu chí cụ thể:

- + Sự thay đổi trong giá trị kinh tế của các HTXNN kiểu mới (lợi nhuận, doanh thu)
- + Sự thay đổi trong giá trị xã hội của các HTXNN kiểu mới (tạo việc làm, tăng thu nhập, độ mở thị trường,...)
- + Đánh giá kết quả thu được so với mục tiêu ban đầu mà Nhà nước hướng đến trước khi tiến hành hỗ trợ.
- + Đánh giá kết quả thực hiện giám sát thực hiện các chính sách.

2.2.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến hỗ trợ của Nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới

2.2.3.1. *Cơ chế chính sách chung của Nhà nước*

Các hình thức hỗ trợ HTXNN kiểu mới được xây dựng đều phải dựa trên các quy định của pháp luật hiện hành, chưa kể các phương thức triển khai hỗ trợ khi thực hiện cũng phải đảm bảo không được trái với các quy định của hệ thống pháp luật. Hệ thống pháp luật nhất quán, có tính bền vững sẽ giúp cho hoạt động hỗ trợ của nhà nước diễn ra đúng tiến độ và tránh những vướng mắc trong quá trình triển khai hỗ trợ. Các quy định pháp lý ảnh hưởng lớn đến hỗ trợ của nhà nước cho HTXNN kiểu mới là: Luật Đất đai, Luật các tổ chức tín dụng, Luật Hợp tác xã, các luật thuế, Luật cạnh tranh, các quy định về vệ sinh, an toàn thực phẩm, các hiệp định thương mại....

2.2.3.2. Môi trường kinh tế vĩ mô

Môi trường kinh tế vĩ mô có ảnh hưởng lớn đến chiến lược cũng như hệ thống chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với hoạt động của các HTXNN kiểu mới. Khi môi trường kinh tế ổn định thì các HTXNN kiểu mới có thể yên tâm, tập trung sản xuất kinh doanh và ít chịu các tác động tiêu cực từ thị trường cũng như sự thay đổi chính sách của Nhà nước, khi đó nhu cầu hỗ trợ của Nhà nước đối với các HTXNN kiểu mới khá ổn định và không lớn. Ngược lại, những bất ổn của kinh tế vĩ mô diễn ra liên tục sẽ tác động tiêu cực đến thị trường tiêu thụ, cách thức sản xuất, khi đó yêu cầu hỗ trợ từ Nhà nước cho các HTXNN kiểu mới sẽ gia tăng.

Đặc biệt, với một nền kinh tế với độ mở thương mại hơn 200% so với GDP, Việt Nam có môi trường kinh tế vĩ mô nhạy cảm hơn với các biến động từ thị trường thế giới. Chính vì vậy các HTXNN kiểu mới cũng chịu ảnh hưởng nhiều từ thị trường đầu ra của nông sản xuất khẩu. Do đó, Nhà nước cần nắm rõ những biến động này để có các chính sách hỗ trợ phù hợp và kịp thời, tránh cho HTXNN kiểu mới phải chịu những tổn thất quá lớn trong quá trình sản xuất và phân phối sản phẩm.

2.2.3.3. Năng lực của cơ quan thực thi hỗ trợ của Nhà nước

Năng lực của cơ quan thực thi hỗ trợ là thước đo bao gồm nhiều tiêu chí phản ánh về đạo đức công vụ, về năng lực thiết kế tổ chức, năng lực thực tế, năng lực phân tích và dự báo để có thể chủ động ứng phó với những tình huống phát sinh trong tương lai. Năng lực này được thể hiện ở trình độ chuyên môn, khả năng quản lý điều hành và tinh thần trách nhiệm, ý thức kỷ luật của công chức. Bởi vì, dù chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước được hoạch định ở các cơ quan trung ương, nhưng việc ban hành các chính sách cụ thể và tiến độ, chất lượng triển khai thực hiện chủ trương, chính sách của cấp trên lại do các cơ quan thực hiện hỗ trợ địa phương thực hiện. Do đó, năng lực của địa phương và cơ quan thực thi có ảnh hưởng không nhỏ đến

hiệu quả của hoạt động hỗ trợ. Nếu địa phương tổ chức thực hiện tốt, chủ động, linh hoạt, sáng tạo sẽ hỗ trợ đúng đối tượng, đảm bảo hoàn thành đúng thời hạn và đạt được hiệu quả cao. Ngược lại, khi năng lực của địa phương hạn chế, thụ động, kém linh hoạt thì dù mục tiêu hỗ trợ thực sự rất tốt, chủ trương đúng đắn nhưng kết quả mang lại cho HTXNN kiểu mới vẫn chưa xứng tầm hoặc chưa hiệu quả.

2.2.3.4. Nguồn lực thực hiện hỗ trợ

Nguồn vốn là điều kiện tiên quyết để triển khai các chính sách hỗ trợ. Các chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển HTXNN như đầu tư hạ tầng, hỗ trợ tín dụng ưu đãi, đào tạo nhân lực, ứng dụng khoa học - công nghệ, xúc tiến thương mại... chỉ có thể đi vào thực tiễn khi được bảo đảm bằng nguồn ngân sách đầy đủ và kịp thời. Nguồn vốn tạo động lực thúc đẩy chuyển đổi mô hình HTXNN truyền thống sang HTXNN kiểu mới. Trong bối cảnh hội nhập và cách mạng công nghiệp 4.0, HTXNN muốn hoạt động hiệu quả phải có khả năng đầu tư vào máy móc hiện đại, công nghệ bảo quản - chế biến, xây dựng thương hiệu và chuỗi giá trị nông sản. Nhà nước hỗ trợ vốn sẽ giúp HTXNN giảm bớt áp lực tài chính, mạnh dạn đổi mới phương thức sản xuất - kinh doanh. Mục tiêu của hỗ trợ sẽ đạt được khi Nhà nước không những huy động được đủ nguồn vốn để thực hiện mà còn phân bổ nguồn vốn này kịp thời cho các cơ quan thực thi. Ngân sách Nhà nước thâm hụt vô hình chung làm cho hoạt động hỗ trợ trở nên chậm chạp do chậm được cấp kinh phí, sẽ không tháo gỡ kịp thời những khó khăn mà các HTXNN kiểu mới đang đối diện. Điều này sẽ dẫn đến bỏ lỡ những cơ hội trong phát triển HTXNN kiểu mới, điển hình như các cơ hội về công nghệ, cơ hội về thị trường đầu ra nông sản.

2.2.3.5. Năng lực nội tại của hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới

Hỗ trợ có thành công hay không, có tác động tích cực hay tiêu cực như thế nào đến các HTXNN kiểu mới chịu sự ảnh hưởng bởi sự đồng tình ủng hộ

của đối tượng thụ hưởng, bởi thái độ, trình độ cũng như tiềm lực của các HTXNN kiểu mới.

HTXNN kiểu mới vừa là đối tượng chịu tác động vừa là đối tượng trực tiếp tham gia hiện thực hóa mục tiêu hỗ trợ của Nhà nước, vừa trực tiếp thụ hưởng những lợi ích từ các hoạt động hỗ trợ này mang lại. Nếu hình thức hỗ trợ đáp ứng được nhu cầu thực tế của xã hội về mục tiêu, biện pháp thực hành sẽ nhanh chóng được các HTXNN ủng hộ thực hiện. Ngược lại hình thức hỗ trợ không thiết thực sẽ bị “tẩy chay” hoặc bị “bỏ rơi” không thực hiện.

Khi nhận hỗ trợ từ Nhà nước, các HTXNN kiểu mới phải nhận thức được trách nhiệm tạo ra động lực đối với các đối tượng thụ hưởng gián tiếp. Để đạt được điều đó, ngoài việc thực hiện đúng đắn mục tiêu hỗ trợ cần tận dụng mọi cơ hội, năng lực sẵn có của mình để lan tỏa tác động hiệu quả của hoạt động hỗ trợ từ nhà nước.

Kachule (2004) lược khảo từ các công trình nghiên cứu trước đây nhận thấy rằng, một trong những lý do dẫn đến sự thất bại của HTXNN chính là do năng lực của đội ngũ quản lý HTXNN kém. Chính vì sự đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý không được quan tâm, đầu tư hợp lý nên dẫn đến các thành viên trong Ban quản trị hợp tác xã có trình độ rất thấp, không thể giúp họ hiểu rõ được chức năng, nhiệm vụ, ngay cả quyền và nghĩa vụ của họ đối với HTXNN. Nguồn tài chính bị hạn chế, đặc biệt là nguồn vốn góp không đủ để bù đắp cho công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức liên quan đến hoạt động quản lý và lãnh đạo HTX, do đó việc giám sát và kiểm soát tài chính không hiệu quả, dễ dẫn đến việc chiếm dụng nguồn vốn HTXNN. Vì vậy, HTX được khuyến cáo cần nâng cao năng lực quản trị thông qua các chương trình đào tạo và sử dụng nguồn vốn hiệu quả hơn (Suyanto, 2012). Hơn nữa, cũng chính trong nội bộ của HTX thường phát sinh nhiều mâu thuẫn, các nguyên tắc hợp tác cũng bị thách thức bởi sự không đồng nhất của các thành viên HTX về quy mô thành viên, nền tảng văn hóa và công nghệ. Những mâu thuẫn này làm ảnh hưởng đến sự hài lòng của các

thành viên đối với HTX (Hovelaque et al., 2009). Để giải quyết vấn đề này, Ban quản trị HTX cần phải có các cách tiếp cận mới với các thành viên không đồng nhất và không tham gia mỗi khi mức độ hài lòng thấp giữa các thành viên có thể khiến họ nản lòng trong các hành động tập thể và khiến cho các HTX thất bại. Do đó, yêu cầu đối với Ban quản trị HTX phải có năng lực, linh động trong giải quyết vấn đề không đồng nhất giữa các thành viên về quy mô thành viên, nền tảng văn hóa và công nghệ (Abdelrahman and Smith, 2007). Thông qua kết quả nghiên cứu thực nghiệm đánh giá hiệu quả sản xuất cao su thiên nhiên của các hộ gia đình trong cùng HTX tại tỉnh Kon Tum, Thái Thanh Hà (2009) nhận thấy 03 yếu tố thuộc về cấp hộ như vốn vay, học vấn và quy mô có mối tương tác với nhau và có mối tương quan thuận chiều với các chỉ số hiệu quả kỹ thuật và hiệu quả chi phí trong sản xuất cao su thiên nhiên cấp hộ gia đình. Như vậy, đối với mỗi HTXNN kiểu mới, năng lực quản lý luôn có mối tương quan với nguồn vốn và quy mô thành viên. Các mối quan hệ này được giải quyết một cách phù hợp sẽ thúc đẩy hiệu quả hoạt động HTX.

2.2.3.6. Sự tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và toàn cầu hoá đến hỗ trợ của Nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới

Hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ra đời trong bối cảnh những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang “thấm thấu” khá nhanh vào hầu hết các ngành, lĩnh vực cũng như đời sống xã hội. Các công nghệ mới ra đời trên nền tảng kết nối thông minh IoT hay Điện toán đám mây không những giúp cho lĩnh vực sản xuất nông nghiệp trở nên hiệu quả về mặt sản lượng nông sản đầu ra mà còn gia tăng tính kết nối, tự động hoá với một khả năng chính xác cao ở các khâu và quy trình sản xuất. Tính tất yếu, sản xuất nông nghiệp quy mô lớn như HTXNN kiểu mới sẽ có những đột phá nhất định về năng suất và vì thế sự hỗ trợ của Nhà nước cũng có những khác biệt cơ bản so với loại hình HTXNN kiểu cũ. Thứ nhất, các chính sách hỗ trợ không chỉ chú trọng vào hỗ trợ tín dụng như trước đây mà bắt đầu có những

loại hình chính sách hỗ trợ mới như hỗ trợ chuyển đổi số (Điều 24 của Luật hợp tác xã 2023), hỗ trợ chuyển giao công nghệ hay hỗ trợ loại hình đầu tư con, cây cho phù hợp. Thứ hai, các chính sách hỗ trợ đòi hỏi bộ máy hỗ trợ song hành với những công nghệ mới, hiện đại; nắm bắt kịp thời để phù hợp với xu thế phát triển nông nghiệp công nghệ cao trên thế giới mà kết nối với nhu cầu công nghệ của các HTXNN kiểu mới ở Việt Nam hiện nay.

Toàn cầu hoá vừa là một thuận lợi lớn nhưng cũng chứa đựng không ít các rủi ro phát sinh trong quá trình hỗ trợ của Nhà nước đối với HTXNN kiểu mới. Điểm tích cực rõ nét ở đây là mở ra cơ hội cho một thị trường tiêu dùng nông sản rộng lớn hơn cho các HTXNN kiểu mới. Việc duy trì những thị trường quốc tế đa dạng là điều kiện quan trọng để các HTXNN kiểu mới duy trì hoạt động sản xuất và mở rộng quy mô phát triển. Chính sách hỗ trợ thông tin thị trường do đó đặt ra những nhiệm vụ mới cho Nhà nước trong việc gia tăng các chính sách đối ngoại phù hợp để hàng hoá nông sản các HTXNN kiểu mới phổ biến ở các thị trường quốc tế. Thách thức lớn khi những giá trị nông sản ngoại nhập giá rẻ ngày càng tạo ra sức ép lớn cho hàng nội địa, HTXNN kiểu mới phải bước vào một “cuộc chiến” giành giữ thị phần nội địa. Chính sách hỗ trợ của Nhà nước hướng đến các hoạt động hỗ trợ gián tiếp nhằm đảm bảo thế đứng vững của hàng nông sản nội địa trong lòng người tiêu dùng trong nước.

2.3. KINH NGHIỆM VỀ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ Ở MỘT SỐ QUỐC GIA VÀ BÀI HỌC RÚT RA CHO VIỆT NAM

2.3.1. Kinh nghiệm về hỗ trợ của Nhà nước đối với phát triển hợp tác xã ở một số quốc gia

Việc lựa chọn ba quốc gia: Nhật Bản, Hàn Quốc và Ấn Độ là điển hình về hỗ trợ HTXNN vì Nhà nước ở cả ba nước đều coi HTX là công cụ trung tâm để phát triển nông nghiệp và nông thôn. Nhật Bản nổi bật với mô hình JA đa chức năng, Hàn Quốc gắn HTX với chiến lược Nông thôn mới,

còn Ấn Độ dùng HTX như công cụ xóa nghèo và đảm bảo an ninh lương thực. Điểm chung là sự hỗ trợ toàn diện, lâu dài và có định hướng chiến lược của Nhà nước đối với HTXNN.

2.3.1.1. Kinh nghiệm của Nhật Bản

Các HTXNN ở Nhật Bản thu hút 98% nông dân tham gia vào 850 HTXNN đa chức năng. Ở khu vực nông thôn Nhật Bản, các HTXNN đa chức năng đóng vai trò rất quan trọng, cung cấp hầu hết các dịch vụ phục vụ sản xuất và đời sống cho nông dân như cung cấp nguyên liệu đầu vào, máy móc, thiết bị nông nghiệp, xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất, hướng dẫn kỹ thuật, thu mua, chế biến và tiêu thụ nông sản, cung cấp các dịch vụ ngân hàng, tín dụng, bảo hiểm, y tế, tổ chức các cửa hàng bán lẻ, cung cấp đồ gia dụng, xây dựng nhà tang lễ, tổ chức các hoạt động văn hoá, thể thao, du lịch, các câu lạc bộ sinh hoạt cộng đồng, v.v.. Hệ thống các HTXNN được tổ chức từ cấp cơ sở cho đến các liên hiệp HTX cấp tỉnh và liên hiệp các HTX trung ương Nhật Bản, trong đó Liên minh HTX trung ương Nhật Bản là tổ chức cấp cao nhất mang tính đại diện cho nông dân, cho phong trào hợp tác xã và triển khai các hoạt động chính trị, tham gia xây dựng chính sách pháp luật, hướng dẫn về tổ chức và quản lý, cung cấp các hoạt động thông tin, đào tạo, kiểm toán,... Hơn nữa, ở Nhật Bản còn có các liên đoàn HTXNN chuyên ngành với chức năng hỗ trợ các HTXNN triển khai các hoạt động kinh tế trong từng lĩnh vực hay chăm lo đến đời sống tinh thần của nông dân, như Liên đoàn cung tiêu quốc gia các HTXNN, Liên đoàn bảo HTX nông - lâm - ngư nghiệp, Liên đoàn phúc lợi quốc gia các HTXNN, Liên đoàn thông tin báo chí quốc gia các HTXNN, các cơ sở khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe,...

Nhật Bản là quốc gia có hệ thống hợp tác xã nông nghiệp (Japan Agricultural Cooperatives - JA) phát triển mạnh và đặc thù bậc nhất trên thế giới. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, trong bối cảnh nông nghiệp manh mún, sản xuất nhỏ lẻ và thiếu nguồn lực, chính phủ Nhật Bản đã xây dựng khung

pháp lý và cơ chế tổ chức để hình thành một hệ thống HTXNN chặt chẽ, tạo nền tảng cho việc hỗ trợ toàn diện nông dân cả về vốn, kỹ thuật, tiêu thụ sản phẩm và an sinh xã hội. Luật Hợp tác xã nông nghiệp ban hành năm 1947 cùng những cải cách tiếp theo đã mở ra một mô hình HTX có phạm vi hoạt động đa chức năng, liên kết chặt chẽ từ cấp cơ sở đến trung ương, trở thành công cụ quan trọng trong chiến lược phát triển nông nghiệp quốc gia (JICA, 2015). Điểm nổi bật đầu tiên trong kinh nghiệm của Nhật Bản là sự xây dựng khung pháp lý rõ ràng, đi đôi với cơ cấu tổ chức liên kết đa tầng. JA hoạt động không chỉ như một tổ chức kinh tế tập thể đơn lẻ mà là một mạng lưới liên hiệp vững chắc, bao gồm các HTX địa phương, các liên hiệp tỉnh, trung ương và các tổ chức tài chính, bảo hiểm, thương mại trực thuộc. Cơ chế này bảo đảm cho HTX vừa gắn bó mật thiết với nông dân, vừa đủ quy mô để triển khai các chính sách hỗ trợ lớn của Nhà nước. Chính nhờ vậy, JA đã trở thành cầu nối hiệu quả giữa Nhà nước và nông dân trong việc chuyển tải chính sách, đồng thời duy trì khả năng tự chủ tương đối trong vận hành (JICA, 2015).

Một kinh nghiệm quan trọng khác là Nhật Bản đã thiết kế mô hình hỗ trợ nông dân thông qua HTX theo cơ chế “một cửa”, tức là kết hợp đồng bộ tín dụng, bảo hiểm và dịch vụ kỹ thuật. Hệ thống tài chính HTXNN, tiêu biểu là Ngân hàng Norinchukin và mạng lưới ngân hàng JA, cung cấp tín dụng ưu đãi, tạo điều kiện cho nông dân tiếp cận vốn thuận lợi. Song song, hệ thống bảo hiểm JA Kyosai giúp nông dân giảm thiểu rủi ro thiên tai và biến động thị trường, trong khi các dịch vụ khuyến nông, hướng dẫn kỹ thuật do HTX cung cấp giúp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm. Sự kết hợp này đã hình thành một cơ chế hỗ trợ toàn diện, làm giảm đáng kể chi phí giao dịch và nâng cao hiệu quả chính sách hỗ trợ nông nghiệp (USDA, 2016). Bên cạnh sự bảo trợ của Nhà nước, Nhật Bản cũng chú trọng khuyến khích HTXNN tự đổi mới và tự cải cách (self-reform). Từ sau những cải cách luật năm 2015, JA được yêu cầu tái cơ cấu theo hướng nâng cao hiệu quả kinh doanh, tập trung vào

nâng cao thu nhập của nông dân thay vì duy trì bộ máy công kênh. Nhà nước khuyến khích JA sáp nhập, tinh gọn bộ máy, tăng cường năng lực marketing nông sản và đẩy mạnh liên kết chuỗi giá trị. Điều này cho thấy, kinh nghiệm của Nhật không chỉ là hỗ trợ từ trên xuống, mà còn là tạo động lực từ dưới lên để HTX tự nâng cao năng lực cạnh tranh trong bối cảnh hội nhập (Norinchukin Institute, 2018). Tuy nhiên, kinh nghiệm Nhật Bản cũng cho thấy một thách thức quan trọng: đó là sự ảnh hưởng chính trị mạnh mẽ của JA. Trong nhiều thập kỷ, JA là lực lượng chính trị có ảnh hưởng lớn, tác động đến quá trình hoạch định chính sách nông nghiệp, thậm chí trở thành “lá chắn” bảo vệ quyền lợi nông dân trong đàm phán thương mại. Mặc dù điều này giúp nông dân được bảo vệ trong ngắn hạn, song lại cản trở những cải cách cần thiết để nâng cao sức cạnh tranh trong dài hạn, đặc biệt trong bối cảnh Nhật Bản gia nhập WTO và các hiệp định thương mại tự do. Bài học rút ra là khi triển khai chính sách hỗ trợ HTXNN, Nhà nước cần cân bằng giữa việc bảo đảm lợi ích thành viên và tránh để tổ chức HTX trở thành lực lượng chính trị cản trở đổi mới, đồng thời tăng cường minh bạch và trách nhiệm giải trình (Tokyo Foundation, 2017). Một bài học khác từ Nhật Bản là khuyến khích HTX đa dạng hóa hoạt động, song cần duy trì trọng tâm vào nông nghiệp. Trong nhiều giai đoạn, các JA mở rộng sang lĩnh vực bán lẻ, dịch vụ xã hội để gia tăng nguồn thu, nhưng điều này đôi khi khiến mục tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp bị phân tán. Các nghiên cứu gần đây chỉ ra rằng hiệu quả và tính bền vững cao hơn sẽ đạt được nếu HTX tập trung phát triển chuỗi giá trị nông sản, như chế biến sâu, xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại và xuất khẩu, thay vì mở rộng quá mức sang lĩnh vực phi nông nghiệp (Harimaya, 2022). Thêm vào đó, Nhật Bản đang đối mặt với thách thức lão hóa dân số và thiếu hụt lao động nông nghiệp. Chính sách hỗ trợ HTX ở Nhật được lồng ghép với chiến lược phát triển vùng, bao gồm thu hút thanh niên trở lại nông thôn, tích tụ đất đai, đầu tư cơ giới hóa và ứng dụng công nghệ cao. Đây là một điểm đặc biệt quan trọng đối với những

quốc gia có cơ cấu nông nghiệp mạnh mẽ, bởi chính sách hỗ trợ HTX không thể tách rời chính sách phát triển nông thôn và chính sách xã hội. Như vậy, bài học quan trọng rút ra từ Nhật là: chính sách hỗ trợ HTXNN phải có tính tích hợp liên ngành, gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội toàn diện (Norinchukin Institute, 2018).

2.3.1.2. Kinh nghiệm của Hàn Quốc

Năm 1961, nhận thấy lực lượng nông dân có ý nghĩa sống còn về kinh tế và chính trị với đất nước, Chính phủ Hàn Quốc đã thiết lập Liên đoàn HTXNN Quốc gia (NACF) dựa trên hai tổ chức hoạt động độc lập lúc đó là Ngân hàng nông nghiệp và tổ chức HTX cũ. Sau đó, Liên đoàn tiến hành thiết lập mạng lưới HTX từ trung ương xuống cơ sở nhằm thực hiện hai mục tiêu cơ bản: i) Cung cấp vốn cho nông dân. Trong giai đoạn này, thị trường vốn hoạt động yếu, đặc biệt trên địa bàn nông thôn, nông dân thường phải vay nặng lãi, ảnh hưởng xấu tới sản xuất và đời sống. Do đó, chính phủ Hàn quốc đã ban hành luật cấm cho vay nặng lãi ở khu vực nông thôn và thông qua hoạt động của các HTXNN hỗ trợ vốn cho nông dân mua nguồn vật tư nông nghiệp phục vụ sản xuất. ii) Tiêu thụ sản phẩm cho nông dân. Để thúc đẩy đa dạng hoá sản phẩm nông nghiệp như một biện pháp nâng cao đời sống của cộng đồng nông thôn, Chính phủ tạo điều kiện cho các HTXNN mở rộng vai trò trong hoạt động tiếp thị, tiêu thụ sản phẩm. Hoạt động của các HTX trong những năm đầu của thập kỷ 1960 không phát triển do 3 nguyên nhân sau: a) Việc xây dựng hệ thống HTX áp đặt từ trên xuống, không đáp ứng nhu cầu của nông dân. Việc thành lập NACF không gặp trở ngại do quyết tâm và sự đầu tư tập trung của Chính phủ, tuy nhiên cách làm này không xuất phát từ nhu cầu tự phát của nông dân, họ chưa cảm nhận được sự cần thiết của việc tham gia HTX; b) Trình độ sản xuất thấp. Trong thời kỳ này, sản xuất nông nghiệp Hàn quốc chưa phát triển, mang tính tự cung tự cấp, sản lượng hàng hóa thấp. Do đó, nhu cầu của nông dân đối với các hoạt động dịch vụ hỗ trợ

không cao; iii) Quy mô các HTX nhỏ, thiếu vốn, do đó không thể đóng vai trò chủ đạo và có tác động rõ nét đến hoạt động kinh tế của nông dân.

Từ năm 1980, hệ thống HTXNN ở Hàn Quốc đang dần dần chuyển mình và có những đóng góp khá tích cực đối với ngành nông nghiệp Hàn Quốc nói riêng và kinh tế Hàn Quốc nói chung. NACF có nhiều chức năng của một tổ chức kinh doanh đa ngành, từ quá trình quảng bá, giới thiệu sản phẩm, sản xuất và chế biến sản phẩm, cung ứng thiết bị vật tư cho sản xuất nông nghiệp, hỗ trợ tín dụng và bảo hiểm rủi ro cho ngành nông nghiệp, vận tải, lưu kho, quảng cáo và các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ thông tin cho khoảng 5 triệu người nông dân ở Hàn Quốc. NACF còn là một ngân hàng mà nhờ chất lượng hoạt động tốt nên tạo dựng được niềm tin lớn của người gửi tiền, trở thành ngân hàng huy động lớn nhất cả nước. Tổng số lao động làm việc trong các cơ sở của NACF là 17.806 người và 51.231 nhân viên làm việc trong HTX.

Hiện nay, phong trào hợp tác ở Hàn Quốc phát triển rất mạnh trong lĩnh vực nông nghiệp, tín dụng và nghề cá. Hàn Quốc có khoảng 1.239 HTXNN gồm các HTX dịch vụ nông nghiệp, sản xuất cây lương thực, chăn nuôi gia súc và hơn 88 HTX chuyên trồng cây ăn quả, hoa, rau, nhân sâm, thu hút 100% nông dân tham gia làm xã viên với khoảng 2,4 triệu người. Tất cả các HTX này đều là thành viên của Liên đoàn HTXNN Hàn Quốc, tạo thành một hệ thống thống nhất triển khai các dịch vụ hỗ trợ nông dân từ khâu lập kế hoạch và hướng dẫn kỹ thuật sản xuất, cung ứng nguyên vật liệu đầu vào, chế biến và tiêu thụ nông sản cho đến cung cấp các dịch vụ ngân hàng và bảo hiểm. Hệ thống HTXNN hiện có 4600 các chợ và cửa hàng bán nông sản trên cả nước giúp tiêu thụ sản phẩm cho nông dân với tổng doanh số đạt 37 ngàn tỷ won/năm; 5.041 văn phòng, các điểm giao dịch phục vụ các hoạt động ngân hàng trên toàn quốc với 36 triệu khách hàng, chiếm 67% dân số Hàn Quốc. Dưới sự hỗ trợ của Liên đoàn quốc gia, các HTXNN được xây dựng

thành những trung tâm tài chính, văn hoá và phúc lợi của địa phương, đáp ứng các nhu cầu đa dạng của nông dân và người dân nông thôn.

2.3.1.3. Kinh nghiệm của Ấn Độ

Ấn Độ là một nền kinh tế nông nghiệp với 72% dân số ở nông thôn. Rất nhiều loại dịch vụ của người dân cần đến sự giúp đỡ của HTX. Những HTX đầu tiên của Ấn Độ ra đời vào năm 1904. Kể từ đó, phong trào HTX đã đạt được tiến bộ đáng kể, mở rộng trên cả nước. Hiện nay ước tính có 230 triệu thành viên trên toàn quốc gia Ấn Độ. Hệ thống HTX tín dụng của Ấn Độ có mạng lưới lớn nhất thế giới và chiếm thị phần nhiều hơn trong lĩnh vực nông nghiệp. Các HTX không chỉ cung cấp yếu tố đầu vào có tính chiến lược cho người làm nông nghiệp, mà còn đáp ứng yêu cầu tiêu dùng của họ ở mức giá ưu đãi. Hoạt động tiếp thị của HTX giúp nông dân có được mức giá có lợi và việc hợp tác với các đơn vị chế biến góp phần làm tăng giá trị các sản phẩm thô... Ngoài ra, các HTX còn mở rộng hoạt động hỗ trợ nông dân vượt qua những biến động về hàng nông sản như: xây dựng kho lạnh, làm đường giao thông nông thôn, cung cấp hạ tầng thủy lợi, điện, giao thông và y tế.

Ấn Độ có HTX phân bón (IFFCO) bảo đảm sản xuất và phân phối hơn 35% thị trường phân bón ở Ấn Độ. Các sản phẩm khác chiếm thị phần, như: HTX sản xuất và chế biến đường chiếm hơn 58%, 60% thị phần tiếp thị và phân phối bông, 55% sản phẩm dệt may, 50% thị trường chế biến và phân phối các loại dầu ăn. Tại Ấn Độ, đã hình thành các HTX trong lĩnh vực bảo hiểm; một số HTX trong lĩnh vực này của nông dân Ấn Độ còn hợp tác với công ty nước ngoài thành lập công ty liên doanh để tiến hành kinh doanh bảo hiểm. Phong trào HTX đã có bước tiến toàn diện, có vai trò đa chức năng, đóng góp đáng kể cho sự tiến bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn của Ấn Độ.

Cấu trúc các HTX ở Ấn Độ bao gồm các hình thức tổ chức khác nhau. Ở dưới cùng của cấu trúc này là các hiệp hội (societies) với nhiều loại hình dịch vụ,

trong đó chiếm khoảng 80% là dịch vụ có liên quan đến nông nghiệp. Các hiệp hội thực hiện chức năng khác nhau như tín dụng, thủy lợi, tiếp thị, vận tải... và được chia thành hai nhóm: hiệp hội tín dụng và hiệp hội phi tín dụng. Mỗi nhóm lại được chia thêm thành các nhóm nhỏ hơn: Hiệp hội Nông nghiệp và Hiệp hội Phi nông nghiệp (hai nhóm này đều phát triển ở các vùng nông thôn).

Ngân hàng trung ương và Ngân hàng HTX Nhà nước là tổ chức hỗ trợ và giám sát tài chính cho các hội tín dụng HTX. Hoạt động của các ngân hàng này giống như một liên kết giữa các hội HTX và thị trường tiền tệ, có chức năng trung gian trong việc chuyển các quỹ của hội dư thừa cho hội thiếu vốn. Ở phía trên của các HTX tín dụng là Ngân hàng HTX nhà nước được gọi là ngân hàng đỉnh (apex bank), điều khiển và cung cấp tài chính cho hoạt động của các ngân hàng trung ương, chỉ đạo phong trào HTX trong tiểu bang. Nguồn tài chính từ vốn cổ phần, tiền gửi công, các khoản cho vay từ Nhà nước và Ngân hàng Dự trữ Ấn Độ.

Các liên minh HTX quốc gia Ấn Độ là tổ chức cao nhất thúc đẩy phong trào HTX trong nước. Trong cấu trúc này, có các loại HTX: HTX tín dụng nông nghiệp, HTX tín dụng phi nông nghiệp, HTX tiếp thị nông nghiệp, HTX nông hội và HTX dịch vụ xã hội. Phong trào HTX có ý nghĩa lớn đối với một nước đông dân như Ấn Độ, bởi đây là một tổ chức cho người nghèo, học vấn thấp, giúp đỡ và chia sẻ lẫn nhau, hạn chế xung đột xã hội, làm giảm sự phân chia giai cấp xã hội và các tệ nạn quan liêu, cực đoan của các phe phái chính trị...

Hiện nay, phong trào HTX ở Ấn Độ đang trong quá trình cải cách. Mục tiêu cải cách này nhằm duy trì các giá trị và nguyên tắc của HTX, tăng cường tính chuyên nghiệp trong quản trị, phát triển nguồn nhân lực, hướng các hợp tác xã vào phát triển sản xuất, cung cấp dịch vụ công ở khu vực nông thôn, tham gia sản xuất và phân phối ở các lĩnh vực hiệu quả nhất. Ấn Độ ngày càng nhận thức rằng, hệ thống HTX có năng lực và tiềm năng để trung hòa tác

động bất lợi phát sinh từ quá trình toàn cầu hóa, tự do hóa và tiếp tục đóng vai trò quan trọng tạo ra nhiều việc làm và xóa đói, giảm nghèo.

Sự phát triển mô hình HTX ở Ấn Độ cho thấy, Nhà nước có vai trò quyết định đến quá trình hình thành và phát triển trong từng giai đoạn khác nhau. Chính phủ đã tác động trực tiếp và gián tiếp bằng những biện pháp cụ thể. Chính sách phát triển HTX luôn được chú trọng điều chỉnh và hoàn thiện chính sách nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn; đồng thời chính phủ trực tiếp tác động vào quá trình hình thành và phát triển các HTX đặc biệt là các HTX trong chế biến, bảo quản, tiêu thụ nông lâm sản cũng như phát triển các vùng nông thôn lạc hậu.

2.3.2. Bài học kinh nghiệm rút ra cho Việt Nam

Thông qua bài học kinh nghiệm từ các chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với các HTXNN trên thế giới, có thể rút ra một số bài học cụ thể sau:

Thứ nhất, Nhà nước có các chính sách khai thác thế mạnh của các thành phần kinh tế trong xã hội

Các mô hình HTXNN thu được nhiều thành công trên thế giới đều biết cách tận dụng thế mạnh liên kết của các đơn vị, tổ chức và các thành phần kinh tế khác nhau trong xã hội. Ngoài việc liên kết với các tổ chức, doanh nghiệp ở các lĩnh vực khác nhau như tín dụng, kinh doanh...việc không hạn chế các thành viên liên kết trong các HTXNN Nhật Bản hay việc coi thành viên là những khách hàng của mình như các HTXNN của Ấn Độ đã tạo ra khả năng tận dụng các thế mạnh đến từ rất nhiều thành phần kinh tế khác nhau trong xã hội. Chính những thành viên liên kết này vừa chia sẻ kinh nghiệm sản xuất, thông tin trung thực các tín hiệu thị trường góp phần định hướng sản xuất của HTX, vừa là những tổ chức tiêu thụ sản phẩm của HTX một cách phù hợp và hiệu quả. Nhờ kết hợp các thông tin thị trường và thế mạnh trong sản xuất nông nghiệp của các thành viên HTX mà HTXNN có thể thực hiện các dịch vụ hỗ trợ sản xuất từ đầu vào đến khi tiêu thụ sản phẩm của thành

viên một cách tốt nhất, hiệu quả nhất, đem lại lợi ích kinh tế cho cả thành viên và HTX. Nói cách khác, việc tổ chức thực hiện các dịch vụ hỗ trợ cho sản xuất của thành viên từ định hướng sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm được thực hiện một cách có hiệu quả nhờ vào sức mạnh liên kết trong nội tại của mỗi HTX là chính, không trông chờ vào những tổ chức bên ngoài, không trông chờ vào các loại hợp đồng dịch vụ giữa HTX với các tổ chức, doanh nghiệp bên ngoài. Cũng chính nhờ vào sức mạnh liên kết nội tại này mà hầu hết các mô hình HTXNN thành công trên thế giới luôn phát triển bền vững, không lo hợp đồng dịch vụ bị phá vỡ mỗi khi có biến động của thị trường về giá vật tư đầu vào cho sản xuất hay giá nông sản.

Thứ hai, Nhà nước chủ động thực hiện hỗ trợ thị trường tiêu thụ sản phẩm của nông dân

Tiêu thụ sản phẩm do người nông dân làm ra là vấn đề khó khăn, nan giải và cần thiết nhất đối với bất kỳ một tổ chức nào của người nông dân hoặc một tổ chức muốn giúp đỡ người nông dân, nhất là trong hoàn cảnh cạnh tranh trên thị trường ngày càng gay gắt như hiện nay. Mô hình HTXNN kiểu mới có tồn tại và phát triển được hay không phụ thuộc rất nhiều vào kết quả hỗ trợ người nông dân tiêu thụ sản phẩm của mình. Rất nhiều mô hình HTXNN thành công trên thế giới đều nhờ giải quyết rất tốt vấn đề này. Để làm được điều đó, nhà nước ở các nước đó chủ động trong việc định hướng sản xuất cho các HTXNN kiểu mới từ những kỳ họp hội nghị toàn thể hay đại biểu toàn thể nhờ các thông tin thị trường của các xã viên, nhất là các xã viên liên kết hoặc từ các khách hàng của HTX cũng như nhờ vào sự miễn cán của đội ngũ lãnh đạo HTX. Sự liên kết giữa các xã viên trong HTXNN kiểu mới, giữa các HTXNN kiểu mới với nhau và giữa HTXNN kiểu mới với các tổ chức, doanh nghiệp liên quan trong xã hội là những yếu tố quan trọng tạo nên định hướng sản xuất của mỗi xã viên trong các HTX. Có thể nói rằng mỗi xã viên HTX, trước khi trồng cây gì, nuôi con gì, đều biết mình sẽ bán nó ở đâu, bán nó như thế nào nhờ vào các dịch vụ hỗ trợ của nhà nước.

Thứ ba, nâng cao vai trò của Nhà nước trong quá trình động viên và hỗ trợ các hoạt động khởi nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp ở các HTXNN kiểu mới

Nhà nước đóng một vai trò cực kỳ quan trọng trong việc hình thành và phát triển các mô hình HTXNN kiểu mới ứng dụng công nghệ cao. Các quốc gia có mô hình này thành công đều coi kinh tế HTX là một bộ phận quan trọng trong nền kinh tế quốc dân nói chung và kinh tế nông nghiệp, nông thôn nói riêng.

HTXNN kiểu mới muốn phát triển tốt, bên cạnh năng lực nội tại mà HTX đang sở hữu, sự hỗ trợ từ bên ngoài của nhà nước có tính chất quan trọng. Không có quốc gia nào trên thế giới, sự vận hành của nền kinh tế nói chung và hình thức HTX nói riêng mà ở đó “thiếu vắng bóng dáng” của nhà nước trong quá trình phát triển. Hầu hết các quốc gia này đều ban hành bộ luật hợp tác xã từ rất sớm và có tính khả thi cao. Ở Đức, luật hợp tác xã được ra đời từ năm 1890; Ở Nhật Bản, luật hợp tác xã cũng ra đời từ năm 1900 và luật HTXNN được ban hành từ năm 1947 đến nay vẫn còn được tuân thủ. Pháp lệnh hợp tác xã và luật hợp tác xã của Malaysia cũng được ban hành từ rất sớm (1922 và 1923),...Tuỳ vào mỗi thời kỳ khác nhau mà các quy định pháp luật về khả năng hỗ trợ đối với các hoạt động khởi nghiệp cũng có sự khác biệt cơ bản.

Thứ tư, vai trò của Nhà nước trong phát triển HTXNN kiểu mới thông qua xây dựng khuôn khổ pháp luật, ban hành chính sách.

Không có một loại hình kinh tế nào có thể phát triển hiệu quả nếu không có một nền tảng pháp luật đồng bộ, cụ thể và hiệu quả. Bởi khuôn khổ pháp luật không hẳn là các chế tài để răn đe và xử phạt mà ở đó tính lợi ích của nó đảm bảo cho các HTXNN kiểu mới đi đúng hướng và hiệu quả hơn. Bài học từ Ấn Độ và Hàn Quốc có thể thấy rõ, quy định pháp luật về HTX cụ thể ngay từ buổi đầu đã là một nền tảng pháp lý quan trọng để HTX phát triển

hung thịnh trong một thời gian dài. Và đây là bài học lớn cho các nhà thiết lập pháp luật về nông nghiệp nói chung, HTXNN kiểu mới nói riêng bám sát với thực tiễn phát triển để hình thành các quy định nhằm hỗ trợ cho quá trình hình thành và phát triển HTXNN kiểu mới ở nước ta.

Tiểu kết chương 2

Chương 2 đi sâu vào quá trình lý luận trên cơ sở kế thừa các nghiên cứu đi trước nhằm thiết lập các khái niệm cơ bản trong nghiên cứu: Khái niệm hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới; chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ở Việt Nam; vai trò của hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới và sự cần thiết hỗ trợ của Nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về hỗ trợ của Nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới. Bên cạnh đó, nội dung, tiêu chí đánh giá và các nhân tố ảnh hưởng đến hỗ trợ của Nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ở Việt Nam cũng được nghiên cứu chỉ rõ. Bài học kinh nghiệm từ Nhật Bản, Hàn Quốc và Ấn Độ được chất lọc trong chương 2 nhằm đúc rút ra các bài học kinh nghiệm và là cơ sở đề xuất giải pháp cho quá trình hỗ trợ Nhà nước đối với các HTXNN kiểu mới ở Việt Nam.

Chương 3

THỰC TRẠNG HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP KIỂU MỚI Ở VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2013 - 2023

3.1. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP KIỂU MỚI Ở VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2013-2023

3.1.1. Số lượng, cơ cấu hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ở Việt Nam giai đoạn 2013-2023

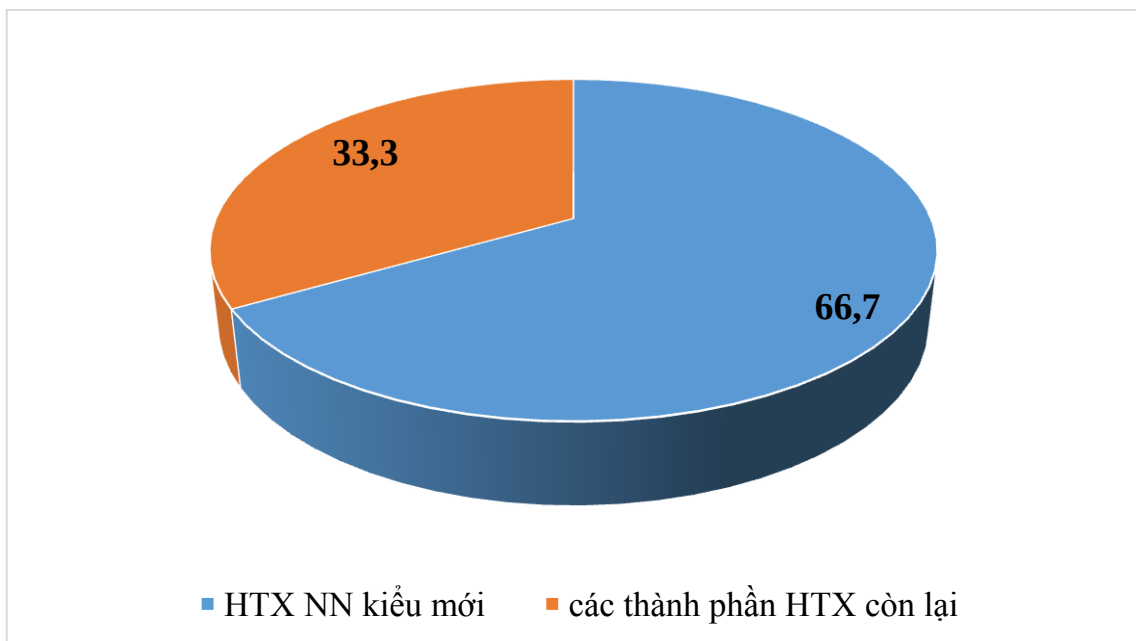
Sau khi Luật hợp tác xã năm 2012 có hiệu lực thi hành từ 01/7/2013 tình hình hoạt động của HTXNN kiểu mới trên cả nước có những chuyển biến tương đối tích cực như: Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý, hoạt động dịch vụ; quyền, nghĩa vụ của HTX đối với thành viên và ngược lại, chế độ thông tin, báo cáo; hướng dẫn của cơ quan chuyên môn... Đến đầu năm 2016, tất cả các HTXNN trên cả nước đã chuyển đổi theo Luật hợp tác xã năm 2012. Đây được xem là bước chuyển biến tích cực để xoá bỏ những rào cản từ mô hình HTXNN truyền thống để chuyển sang HTXNN kiểu mới.

So sánh trong cơ cấu HTX, tính đến 12/2023 có khoảng 20.500 HTXNN kiểu mới đang hoạt động; chiếm khoảng 66,7% tổng số HTX trong cả nước. So với năm 2022, tổng số hợp tác xã năm 2023 tăng 1.261 hợp tác xã (tăng 4%). Việc chiếm một tỷ trọng cao của HTXNN kiểu mới trong cơ cấu HTX nói chung thể hiện tính phổ biến của loại hình HTXNN kiểu mới cũng như tầm quan trọng của HTXNN kiểu mới trong phát triển ngành nông nghiệp nói riêng và kinh tế - xã hội cả nước nói chung.

Sau Đổi Mới 1986, việc Nhà nước chuyển dần từng bước từ cơ chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang cơ chế kinh tế thị trường theo định hướng XHCN, coi trọng khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế hộ, kinh tế cá thể, kinh tế tư nhân, coi kinh tế hộ là chủ thể kinh tế tự chủ đã dẫn đến sự

thay đổi cơ chế kinh tế, giảm dần vai trò và lợi thế của HTXNN kiểu cũ cũng như làm bộc lộ sự yếu kém của HTXNN kiểu cũ. Do đó trong giai đoạn 1986-2012, số lượng hợp tác xã biến động theo chiều hướng suy giảm. Ngược lại trong giai đoạn 2013-2023, số lượng HTXNN kiểu mới có sự biến động tích cực theo xu hướng tăng. Số lượng HTXNN kiểu mới được thành lập mới cũng tăng nhanh trong giai đoạn từ 2013 đến 2020, dù có bị sụt giảm chút ít trong năm 2021 do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. Trong những năm gần đây, số lượng HTXNN kiểu mới thành lập mới có dấu hiệu phục hồi về số lượng. Nhờ đó, số lượng HTXNN kiểu mới năm 2023 tăng gấp 2 lần so với năm 2013, điều này chứng tỏ HTXNN kiểu mới thực sự là một mô hình kinh tế có sức hút lớn và có những tiềm năng kinh tế lớn, giữ vai trò trọng yếu trong hoạt động kinh tế của người dân ở nông thôn.

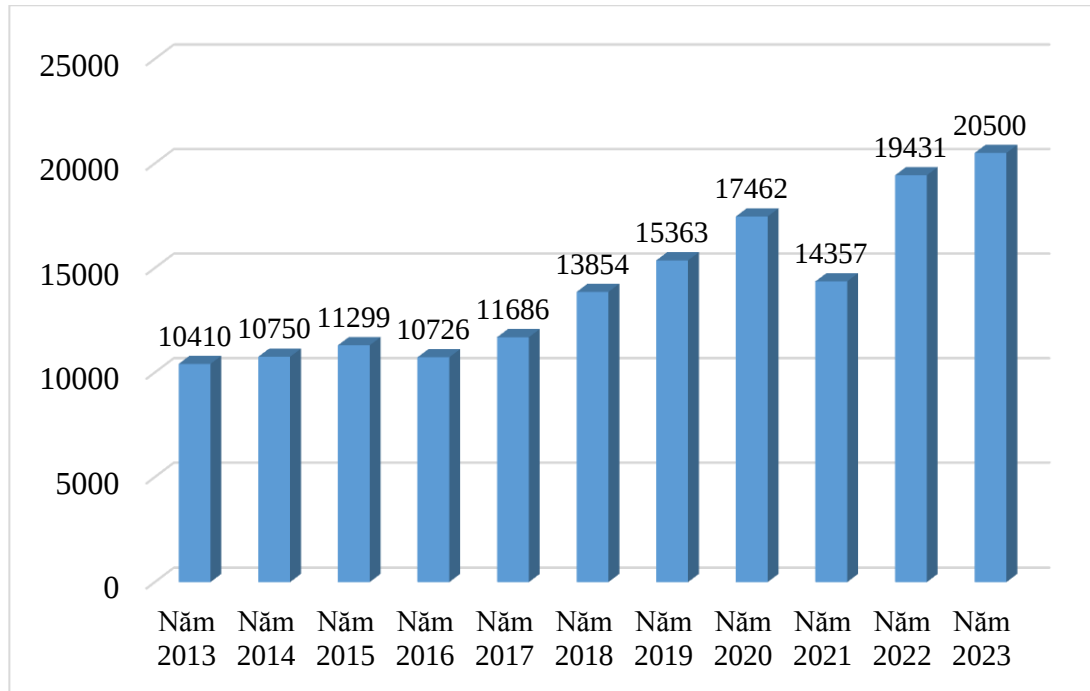
ĐVT: %



Hình 3.1. Tỷ trọng HTXNN kiểu mới/ tổng số hợp tác xã đang hoạt động ở Việt Nam năm 2023

Nguồn: Liên minh hợp tác xã Việt Nam, 2024

ĐVT: hợp tác xã



Hình 3.2. Số lượng HTXNN kiểu mới ở Việt Nam giai đoạn 2016 - 2023

Nguồn: Bộ Kế hoạch và đầu tư: Sách trắng hợp tác xã Việt Nam, 2024

3.1.2. Bộ máy tổ chức của hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ở Việt Nam

Hiện nay, ở Việt Nam có hai mô hình quản lý HTXNN được phân thành hai nhóm chính: (1) Quản lý riêng, điều hành riêng; (2) Vừa quản lý, vừa điều hành. Trong đó, mô hình quản lý thứ 2 được áp dụng phổ biến đối với HTXNN kiểu mới.

Đối với HTXNN kiểu mới, bộ máy tổ chức có sự khác biệt cơ bản khi xem xét và đối chứng giữa hai Luật: Luật Hợp tác xã năm 2012 và Luật Hợp tác xã năm 2023. Nếu trong Luật Hợp tác xã 2012; cơ cấu tổ chức HTXNN được thiết lập gồm: đại hội thành viên, Hội đồng quản trị; Giám đốc và Ban kiểm soát thì trong Luật Hợp tác xã năm 2023 đã có sự linh hoạt nhất định khi căn cứ trên quy mô thành viên mà HTX đó có quyền giữ theo cơ cấu quản trị đầy đủ hoặc theo hình thức quản trị rút gọn khi chỉ còn 3 thành phần: đại hội thành viên, giám đốc và kiểm soát viên. Đối với các HTX có quy mô thành viên trên 10 xã viên trở lên (quy mô vừa và lớn) bắt buộc phải tổ chức theo bộ

máy quản trị đầy đủ. Quy mô nhỏ với số lượng thành viên dưới 10 xã viên được quyền lựa chọn giữa hai hình thức quản trị rút gọn hoặc quản trị đầy đủ. Có thể thấy, đây là điểm mới của Luật Hợp tác xã năm 2023 so với Luật Hợp tác xã năm 2012.

Trong đó, Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý HTXNN do Hội nghị thành lập. Hội đồng quản trị gồm Chủ tịch và thành viên. Giám đốc HTXNN thực hiện chức năng điều hành và Ban Kiểm soát kiểm soát mọi hoạt động của HTXNN kiểu mới [26].

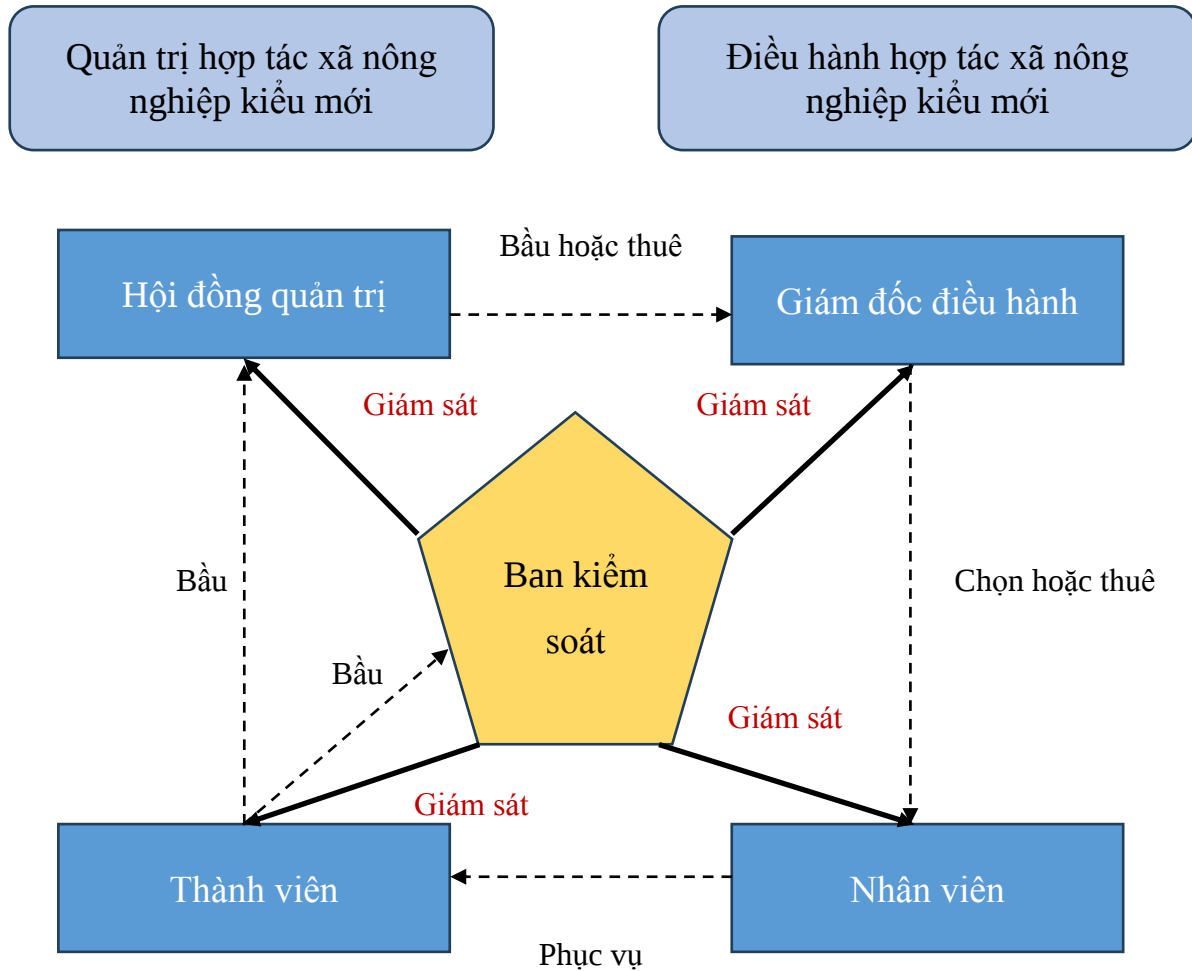
Đội ngũ quản lý HTXNN bao gồm Giám đốc, Phó Giám đốc, Trưởng Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng.

- Giám đốc HTXNN kiểu mới: Giám đốc là người chịu trách nhiệm chính trong quá trình triển khai, vận hành tình hình hoạt động của các HTXNN; Theo Luật Hợp tác xã, Giám đốc phải có năng lực tổ chức các phương án sản xuất, kinh doanh của HTX. Bên cạnh đó, giám đốc giữ vai trò triển khai những nội dung, nghị quyết được ban hành sau các kỳ đại hội từ đại hội thành viên và tuân thủ các quyết định từ hội đồng quản trị. Hằng năm, vai trò của giám đốc là sẽ trình báo cáo tài chính về tình hình hoạt động của HTXNN; đánh giá được những kết quả khả quan; tiêu cực mà HTX đã đổi diện đồng thời sẽ xây dựng kế hoạch hoạt động cho năm mới làm cơ sở để Hội đồng quản trị đưa ra quyết định.

Cùng với đó, Giám đốc chịu trách nhiệm trong tuyển dụng và xây dựng bộ máy điều hành HTX; thực hiện những yêu cầu được quy định rõ trong khoản 2 Điều 38 Luật Hợp tác xã năm 2012. Giám đốc có thể là thành viên của HTX. Trong trường hợp giám đốc là cá nhân do HTX thuê ngoài sẽ bám sát vào những quy định cụ thể được nêu ra trong hợp đồng lao động và có trách nhiệm tham gia vào các cuộc họp của hội đồng quản trị khi có yêu cầu.

- Phó Giám đốc HTXNN kiểu mới: là người giúp việc cho Giám đốc và đại diện cho HTXNN khi Giám đốc ủy quyền. Đây là một chức danh quan

trọng không kém, là người cần phải có đủ trình độ và các kỹ năng cần thiết để giúp cho Giám đốc trong việc điều hành và tổ chức các hoạt động sản xuất kinh doanh của HTXNN kiểu mới.



Hình 3.3. Sơ đồ tổ chức của HTXNN kiểu mới theo Luật hợp tác xã năm 2012

Nguồn: tác giả vẽ từ Luật hợp tác xã 2012, (2024)

- Trưởng ban kiểm soát: Đây là một chức danh mà các HTXNN kiểu mới bắt buộc phải có, với đặc điểm HTXNN thuộc loại hình kinh tế tập thể, các thành viên cùng góp vốn, góp sức vào HTXNN nên trong quy định của Luật hợp tác xã năm 1996, 2003 và hiện tại là Luật hợp tác xã năm 2012 và Luật hợp tác xã năm 2023 đều bắt buộc phải có Ban kiểm soát. Trưởng Ban kiểm soát có nhiệm vụ theo dõi, giám sát hoạt động HTXNN theo quy định

của pháp luật và điều lệ, các vấn đề khác liên quan đến HTXNN và đồng thời chịu trách nhiệm trước đại hội thành viên. Chính vì vậy, Trưởng Ban kiểm soát đòi hỏi phải có trình độ chuyên môn, kỹ năng cần thiết để có thể đánh giá, kiểm tra được các hoạt động sản xuất kinh doanh của HTXNN. Thực hiện tốt được vai trò của người kiểm soát mới tạo được lòng tin với thành viên, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của HTXNN thực hiện theo đúng tinh thần mà đại hội thành viên đã đề ra.

Chức năng của trưởng ban kiểm soát là sẽ thông báo cho hội đồng quản trị về kết quả của quá trình kiểm soát, bỏ phiếu. Kiến nghị những vấn đề còn tiêu cực trong quá trình phát triển của hợp tác xã. Có khả năng đề xuất, đưa ra các yêu cầu trong việc tiếp cận các thông tin, tài liệu, giấy tờ và những chứng từ cần thiết để hỗ trợ cho hoạt động kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động của hợp tác xã nhằm đảm bảo tính minh bạch và công bằng. Bên cạnh đó, ban kiểm soát cần chuẩn bị chương trình và triệu tập đại hội thành viên bất thường theo quy định tại khoản 3 Điều 31 của Luật hợp tác xã năm 2012; thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật này. Ban Kiểm soát được sử dụng con dấu của hợp tác xã để thực hiện nhiệm vụ (Điều 39, Luật hợp tác xã 2012). Tuy nhiên một đặc trưng nổi bật là: trưởng ban kiểm soát chỉ được tham gia các cuộc họp của hội đồng quản trị nhưng sẽ không được quyền tham gia biểu quyết.

- Kế toán trưởng: Là người trực tiếp theo dõi vấn đề thu chi của HTXNN kiểu mới, Kế toán trưởng của HTXNN kiểu mới có thể là thành viên hoặc được thuê làm việc cho HTXNN kiểu mới. Với vai trò này, năng lực của Kế toán trưởng được đòi hỏi ở mức cao hơn, phải có kiến thức chuyên môn vững vàng, đồng thời phải có một số kỹ năng cần thiết để tư vấn cho Ban quản lý HTXNN kiểu mới có những định hướng, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh hiệu quả.

Hiện nay, vai trò của đội ngũ quản lý HTXNN kiểu mới ngày càng tăng do yêu cầu về công tác quản lý, nhu cầu sản xuất ngày càng phát triển cả

chiều rộng lẫn chiều sâu. Bên cạnh đó, thị trường nông sản tồn tại sự cạnh tranh quyết liệt, điều đó làm tăng số lượng các phương án và quyết định lựa chọn phương án tối ưu trở nên phức tạp hơn. Tác động của các quyết định đối với HTXNN kiểu mới vừa sâu sắc, vừa có hiệu quả lớn hoặc để lại hậu quả nghiêm trọng, đòi hỏi trách nhiệm cao của mỗi thành viên trong Ban quản lý đảm bảo cả về số lượng và chất lượng, lẫn tính khoa học của các quyết định trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

Qua phân tích chức năng, nhiệm vụ của đội ngũ quản lý HTXNN kiểu mới cho thấy một trong những yếu tố cần thiết để thành lập và hoạt động của HTXNN kiểu mới có hiệu quả đòi hỏi đội ngũ quản lý phải có kiến thức chuyên môn, kinh nghiệm thực tiễn, năng động, nhiệt tình, tâm huyết... để có đủ khả năng đưa ra sáng kiến, có khả năng nắm bắt thông tin và dự báo thị trường, sự linh hoạt để đáp ứng trước những yêu cầu đa dạng phức tạp của cơ chế thị trường, chung sức xây dựng chiến lược hoạt động của HTXNN kiểu mới, cung ứng các dịch vụ mà thành viên có nhu cầu, cũng như đảm bảo khả năng kinh doanh của HTXNN kiểu mới với các loại hình tổ chức khác. Sự thành công của các HTXNN kiểu mới phụ thuộc rất nhiều vào năng lực của người quản lý. Tính hiệu quả của đội ngũ này có thể được tạo ra thông qua việc xây dựng các mối quan hệ giữa các cá nhân, như là một nguồn sức mạnh trong hoạt động của ban quản lý HTXNN (Bhuyan, 2007). Tuy nhiên, các thành viên sẽ tham gia khi họ được tạo điều kiện và động viên thông qua các kỹ năng giao tiếp hiệu quả (Borgen, 2001). Như vậy, đội ngũ quản lý HTXNN kiểu mới xem là lực lượng “đầu tàu” có ảnh hưởng lớn đến quá trình phát triển HTXNN kiểu mới. Đội ngũ quản lý HTXNN kiểu mới cần phải thể hiện được vai trò của người quản lý, có khả năng lãnh đạo, đảm bảo cân bằng giữa năng lực quản lý với năng lực lãnh đạo để vận dụng, phối hợp thực hiện tốt công tác quản lý theo mô hình HTXNN kiểu mới. Để đội ngũ quản lý HTXNN đóng góp cho sự thành công của HTXNN kiểu

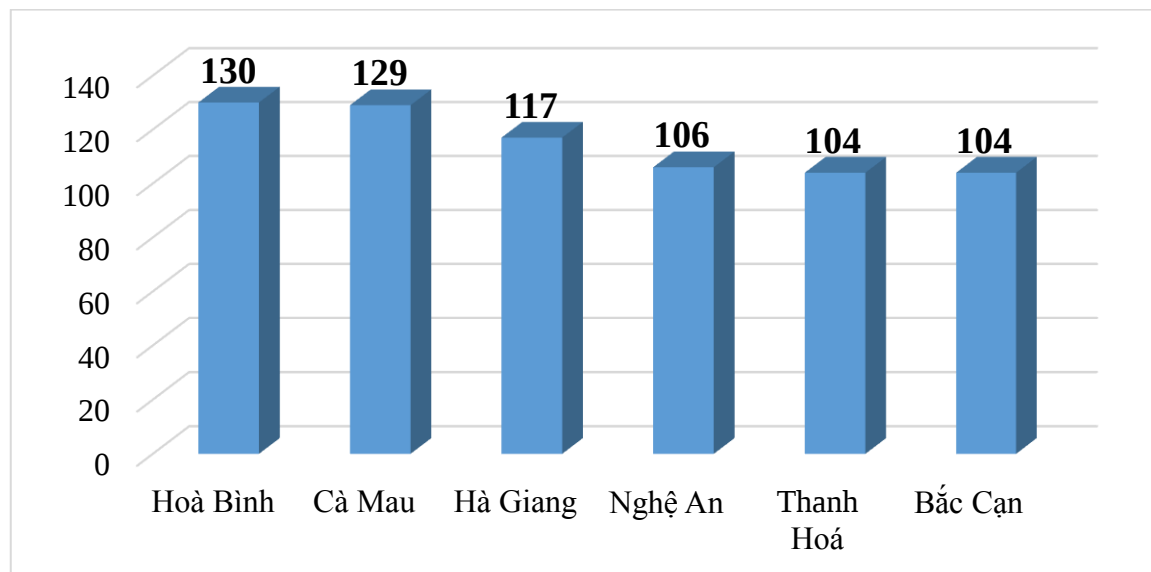
mới, một số năng lực quan trọng được đề xuất như: (1) Kiến thức chuyên môn; (2) Khả năng lãnh đạo; (3) Giao tiếp; (4) Quan hệ con người; (5) Hoạch định chiến lược.

3.1.3. Tình hình biến động hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ở Việt Nam

3.1.3.1. *Thực trạng giải thể hợp tác xã nông nghiệp hoạt động kém hiệu quả giai đoạn 2013-2023*

Trong giai đoạn 2013-2023; số lượng HTXNN kiểu mới bị giải thể và sáp nhập trong cả nước khá cao, khoảng 2.074 HTXNN. Đứng đầu cả nước phải kể đến tỉnh Hoà Bình với 130 HTXNN bị giải thể; Cà Mau với 129 HTXNN. Phần lớn các HTXNN kiểu mới bị giải thể ở các tỉnh/thành miền bắc và miền trung. Đến nay, vẫn còn khoảng 795 HTXNN vẫn còn gặp vướng mắc về mặt pháp lý chưa thể giải thể mặc dù đã ngưng hoạt động từ lâu (chiếm khoảng 6,6% so với tổng số HTXNN hiện nay trên cả nước).

DVT: hợp tác xã



Hình 3.4: 6 tỉnh/thành có số lượng hợp tác xã giải thể cao nhất cả nước trong giai đoạn 2013-2023

Nguồn: Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, 2024

Số lượng HTXNN kiểu mới chưa thể triển khai các cách thức giải thể mặc dù đã ngưng hoạt động từ lâu, khởi phát từ các lý do sau:

Thứ nhất, vẫn còn nhiều rào cản và khó khăn trong việc giải quyết triệt để các vấn đề xoay quanh tài sản của HTXNN sau khi giải thể; chưa có hướng dẫn cụ thể trong việc xử lý công nợ, chủ yếu đến từ sự thoả thuận từ các bên. Khó khăn vướng mắc nhất chính là đến từ những tài sản không chia có nguồn vốn bắt nguồn từ các HTXNN. Quá trình này tốn khá nhiều thời gian và rất khó để các thành viên đạt được đồng thuận sau quá trình giải thể.

Thứ hai, tình trạng né tránh việc giải thể HTXNN mặc dù thực tế không còn hoạt động nữa bắt nguồn từ các điều kiện đảm bảo những tiêu chí xây dựng nông thôn mới tại địa phương. Việc chạy theo các tiêu chí mới luôn đặt ra áp lực phải duy trì thực trạng hoạt động mặc dù các HTXNN không đảm bảo tính hiệu quả trong hoạt động.

Thứ ba, bắt nguồn từ các quy định ngặt nghèo khi yêu cầu phải tồn tại đại diện của HTXNN mới được giải thể; tuy nhiên, hoạt động giải thể là hệ quả cuối cùng, tức vốn dĩ đã có sự phân tán của các thành viên từ trước rồi mới giải thể nên khoảng thời gian giải thể không có ai đứng ra là đại diện cho HTXNN. Bên cạnh đó, một số HTXNN còn đối diện với tình huống khó xác định được thành viên của HTXNN qua các thời kỳ do tính biến động từ việc xin vào - ra HTXNN nên việc giải quyết đến các vấn đề về tài sản chung trở nên khó khăn hơn. Cùng với đó là các khó khăn trong thất lạc hồ sơ, con dấu; thành viên tham gia nên hoạt động giải thể trở nên gián đoạn và chưa thực sự hiệu quả.

3.1.3.2. Đăng ký lại hợp tác xã nông nghiệp theo Luật Hợp tác xã năm 2012

Từ khi Luật Hợp tác xã 2012 bắt đầu có hiệu lực từ 1/7/2013, quá trình đăng ký lại HTXNN kiểu mới diễn ra khá nhanh chóng. Xem xét theo quy định ban hành; có khoảng 7.012/10.425 HTXNN kiểu mới cần phải thực hiện quá trình chuyển đổi này. Chỉ trong vòng 1,5 năm; đã có 6.850/7.012 HTXNN chuyển đổi thành công; đó là một bước tiến lớn và nhanh trong quá trình cơ cấu lại hệ thống HTXNN theo Luật mới. Và đến năm 2016, 100% số

lượng HTXNN kiểu mới đã hoàn thành nhiệm vụ này; và rõ ràng chỉ trong vòng 3 năm - đây là một con số tích cực để quá trình vận hành hợp tác xã nhanh chóng tương thích với những yêu cầu và quy định mới.

Tuy nhiên, quá trình đăng ký lại các HTXNN kiểu mới vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức cụ thể:

Thứ nhất, mặc dù luật được thông qua nhưng các văn bản dưới luật ra đời sau đó chậm và cần có thời gian điều chỉnh nên rất khó đưa ra các căn cứ chuẩn cho quá trình đăng ký lại tại các địa phương. Do đó, có một độ trễ nhất định về mặt thời gian để triển khai các chính sách HTXNN theo luật mới.

Thứ hai, theo quy định mới trong nội dung của Nghị định 193 năm 2013 về đối tượng khách hàng không phải là thành viên HTXNN chỉ nhận được số lượng cung ứng không quá 32% làm cho thực tiễn là một số HTXNN kiểu mới đã không đáp ứng những tiêu chuẩn về thành viên tham gia trong quá trình đăng ký lại theo luật mới. Dẫn đến việc một số HTXNN không đáp ứng được yêu cầu khi thực hiện đăng ký lại có số thành viên phải giảm đi, nhưng mức độ phục vụ không thay đổi dẫn đến hợp tác xã không đăng ký lại.

Thứ ba, nếu trước đây, theo luật cũ thì tỷ lệ góp vốn không quá 30% nhưng theo luật hiện hành, tỷ lệ này không vượt quá con số 20%. Chính điều này dẫn đến một thực trạng là các HTXNN loay hoay đi tìm các giải pháp để tháo gỡ, bởi HTXNN kiểu mới chưa tìm ra đâu nguồn tiền để trả lại đối với các thành viên vốn góp cao hơn so với quy định mới.

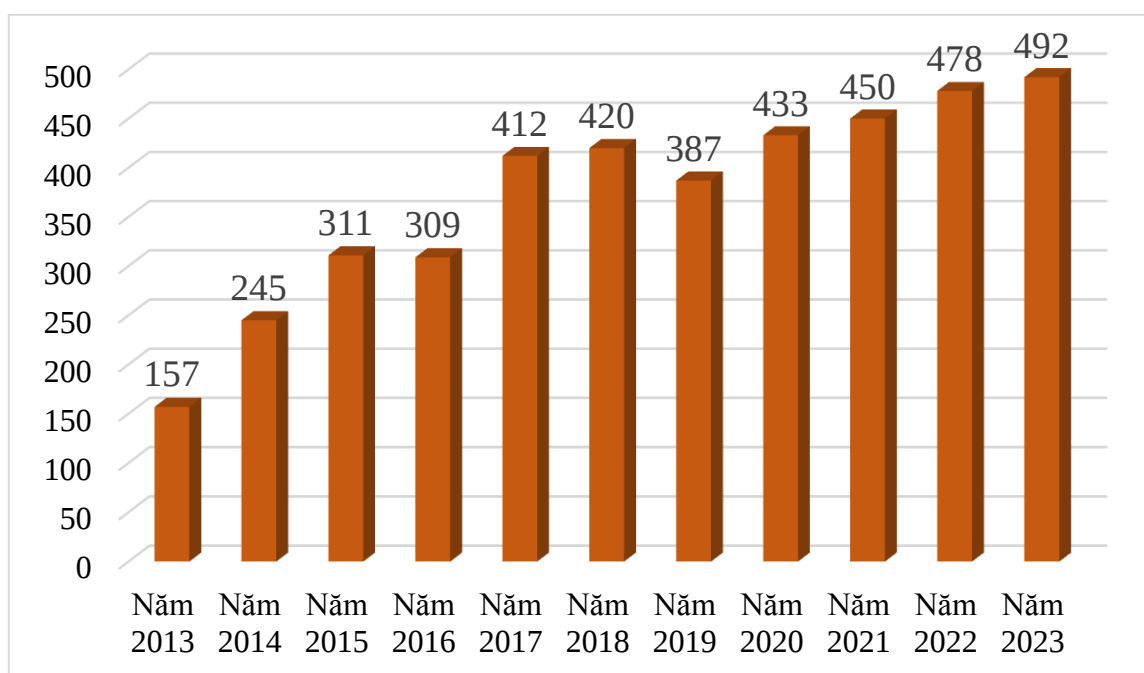
Thứ tư, tính chậm trễ trong quá trình triển khai các văn bản luật và dưới luật do đội ngũ cán bộ thực thi chưa nắm rõ tinh thần và nội dung của các văn bản này.

Thứ năm, một số HTXNN do trình độ của cán bộ quản lý HTXNN yếu nên không tổ chức thực hiện được việc đánh giá, rà soát và làm thủ tục đăng ký lại HTXNN theo quy định. Ở một số địa phương công tác quản lý nhà nước đối với HTXNN còn chông chéo dẫn đến việc trông chờ, ỷ lại trong việc hướng dẫn các HTXNN thực hiện đăng ký lại.

3.1.3.3. Thành lập mới các hợp tác xã nông nghiệp theo Luật hợp tác xã năm 2012

Số lượng HTXNN thành lập mới có dấu hiệu gia tăng tích cực trong giai đoạn 2013-2023. Giai đoạn đầu, số lượng còn khiêm tốn và có sự gia tăng đáng kể trong những năm sau này. Theo các chuyên gia, lý do chính cho sự gia tăng số lượng HTXNN kiểu mới đến từ cơ hội xuất khẩu hàng nông sản của Việt Nam nói chung và của các HTXNN nói riêng vô cùng lớn. Sau khi gia nhập WTO và đặc biệt sau khi gia nhập CPTPP; EVFTA, các hợp đồng thương mại nông sản có sự gia tăng đáng kể. Đi kèm với đó là các yêu cầu về sản phẩm có chất lượng cao; sản xuất quy mô lớn; đảm bảo các tiêu chuẩn xanh sạch và có xu hướng ưu tiên đối với các hợp tác xã quy mô lớn.

ĐVT: hợp tác xã



Hình 3.5: Số lượng HTXNN kiểu mới thành lập mới trong giai đoạn 2013-2023

Nguồn: Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, 2024

Tuy nhiên, trong quá trình thành lập mới HTXNN còn gặp một số tồn tại, vướng mắc như: Quy định thủ tục thành lập khó khăn hơn so với doanh

ngiệp (phải có điều lệ HTX và phương án sản xuất kinh doanh; phải ghi ngành, nghề kinh doanh vào giấy chứng nhận đăng ký HTX). Tâm lý của người dân chưa tin tưởng vào HTXNN kiểu mới. Công tác vận động, tuyên truyền thành lập HTXNN kiểu mới của nhiều địa phương không được quan tâm. Còn có địa phương cấp xã không tạo điều kiện hoặc can thiệp vào việc bố trí nhân sự của HTXNN kiểu mới khi thành lập.

3.1.3.4. Chia tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi sang loại hình khác

Theo Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, giai đoạn 2013-2023 có 252 HTXNN chuyển đổi sang loại hình tổ chức khác bao gồm tổ hợp tác và doanh nghiệp, trong đó tỉnh Bắc Ninh có số lượng lớn nhất với 212 HTXNN chuyển đổi sang tổ hợp tác; Đồng Nai có 11 HTXNN chuyển đổi, còn lại các tỉnh khác chỉ có 1-4 hợp tác xã chuyển đổi. Việc chuyển đổi do chưa có hướng dẫn nên thực chất là các hợp tác xã thực hiện giải thể và chuyển sang hoạt động với hình thức khác. Các HTXNN chuyển đổi ở Bắc Ninh nhiều chủ yếu là do các HTX trồng trọt trong quá trình đô thị hóa dẫn đến đất canh tác nông nghiệp chuyển dần sang đất đô thị và công nghiệp nên các HTX không còn đất sản xuất, còn một số diện tích đất công bàn giao về thôn quản lý và đất của thành viên tự quản lý.

Đối với các HTXNN thực hiện chuyển đổi sang hình thức khác đa số tài sản, vốn quỹ không còn, không có công nợ và chủ yếu chuyển đổi sang loại hình tổ hợp tác nên thuận lợi trong quá trình chuyển đổi. Việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất các HTXNN đều có sự chỉ đạo của địa phương và sự đồng tình của các HTXNN trong quá trình thực hiện nên không gặp khó khăn, vướng mắc.

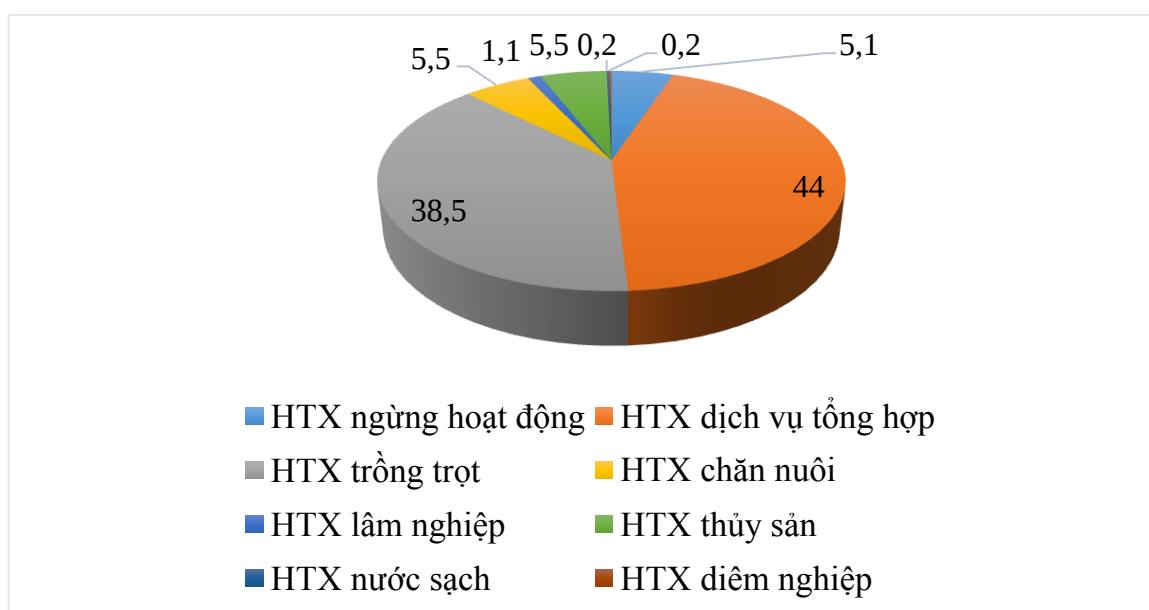
3.1.4. Cơ cấu hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới theo các lĩnh vực và theo vùng kinh tế ở Việt Nam

3.1.4.1. Cơ cấu hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới theo lĩnh vực

Tính đến 12/2023, loại hình HTX dịch vụ tổng hợp chiếm tỷ trọng cao nhất trong số các HTXNN kiểu mới đang hoạt động ở nước ta. Loại hình HTX trồng trọt đứng vị thứ 2 với 38,5% tỷ trọng; HTX trong lĩnh vực thủy

sản và chăn nuôi chiếm tỷ trọng bằng nhau 5,5% và thấp nhất là loại hình HTX diêm nghiệp tập trung ở các tỉnh thành ven biển như Phú Yên, Bình Thuận, Bình Định, Quảng Ngãi với 0,2%. Trong số các loại hình HTXNN kiểu mới, hiện vẫn còn một nhóm các HTXNN (chiếm khoảng 5,5%) ngừng hoạt động và đang trong giai đoạn làm các quy trình giải thể. Có thể thấy, với cơ cấu loại hình HTX dịch vụ tổng hợp chiếm tỷ trọng cao nhất là hoàn toàn phù hợp với tình hình phát triển chung của ngành nông nghiệp hiện đại; bởi với năng lực tài chính và khoa học ngày càng tăng, mô hình HTXNN có xu hướng hội tụ tất cả các khâu, quy trình vào chung một loại hình, nghĩa là HTX không chỉ đơn nhất một hình thức sản xuất mà trong đó bao gồm cả hoạt động chế biến, chế tạo nhằm khai thác triệt để chuỗi giá trị nông sản.

DVT: %



Hình 3.6. Cơ cấu HTXNN kiểu mới theo lĩnh vực ở Việt Nam năm 2023

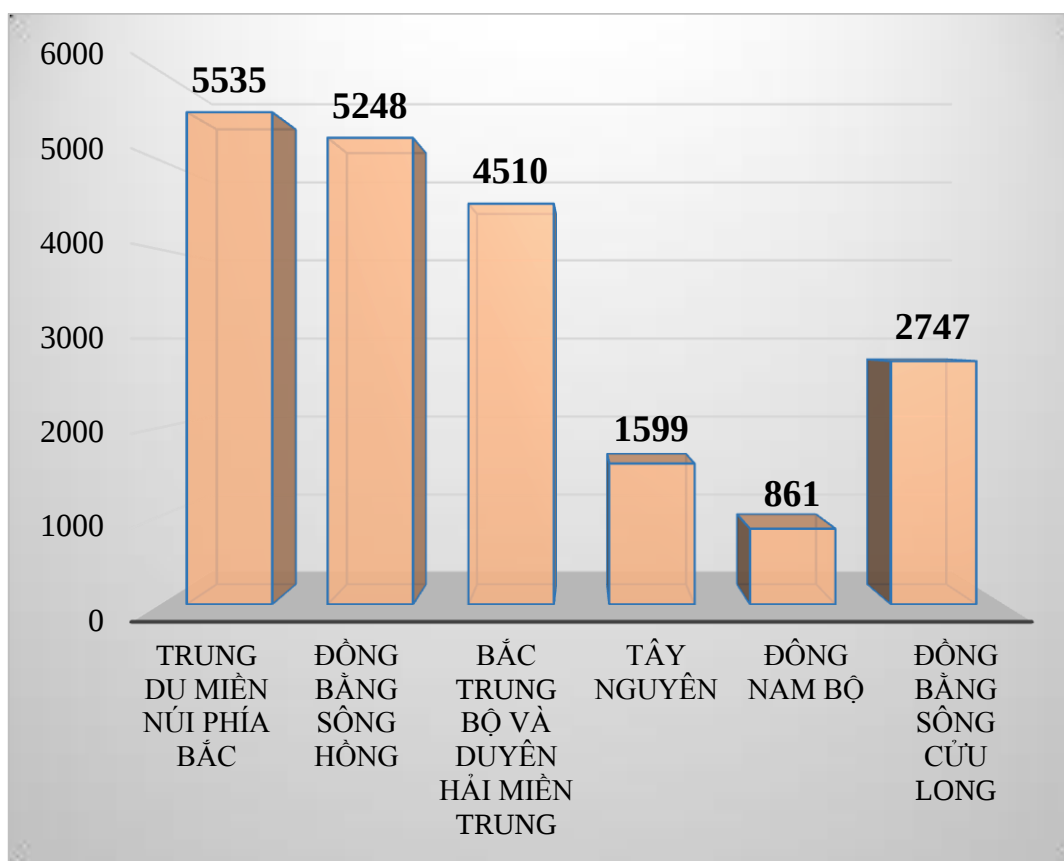
Nguồn: Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, 2024

3.1.4.2. Cơ cấu hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới theo vùng kinh tế

Tính đến 12/2023, Trung du miền núi phía Bắc có số lượng HTXNN kiểu mới nhiều nhất với 5.535 hợp tác xã (chiếm 27%); đồng bằng sông

Hồng; có 5,248 hợp tác xã (chiếm 25,6%); Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung 4.510 hợp tác xã (chiếm 22%); Tây Nguyên có 1.599 hợp tác xã (chiếm 7,8%); Đông Nam Bộ có 861 hợp tác xã (chiếm 4,2%); Đồng bằng sông Cửu Long 2.747 hợp tác xã (chiếm 13,4%). Các vùng có số lượng HTXNN tăng nhanh trong giai đoạn 2013-2023 là Đồng bằng sông Cửu Long, Đồng bằng sông Hồng và Tây Nguyên.

ĐVT: hợp tác xã



Hình 3.7. Phân bổ số lượng HTXNN kiểu mới theo vùng kinh tế ở Việt Nam năm 2023

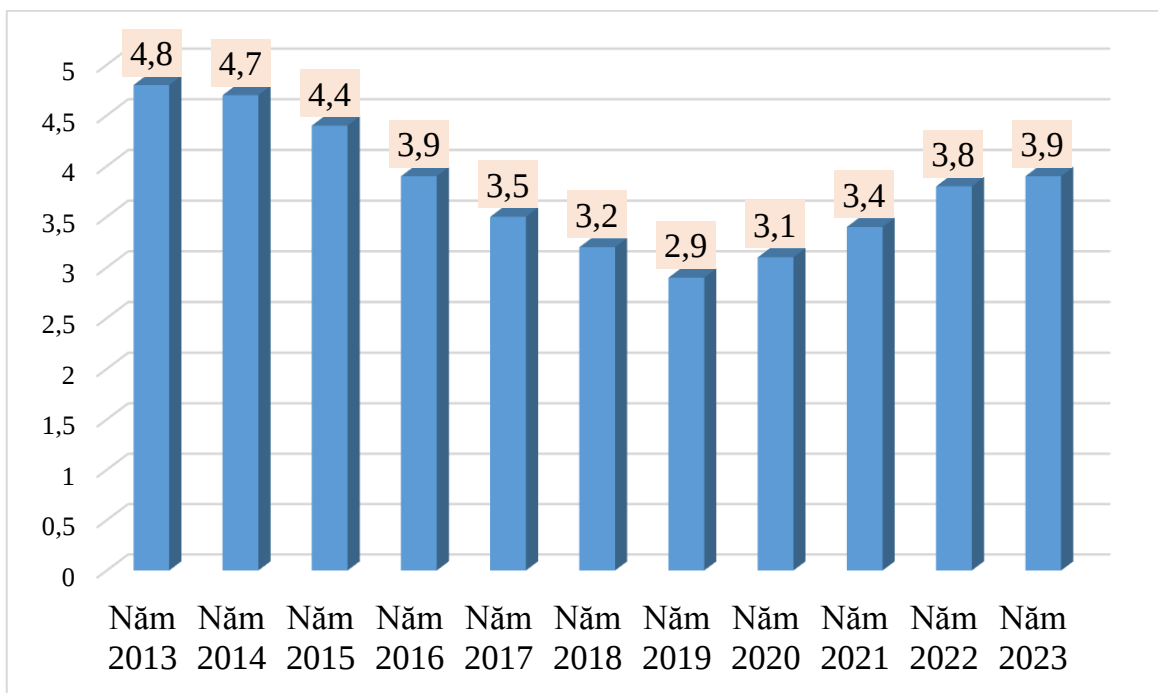
Nguồn: Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, 2024

Sở dĩ số lượng HTXNN kiểu mới tồn tại tập trung chủ yếu ở vùng Trung du miền núi phía Bắc và đồng bằng sông Hồng đến từ việc kế thừa tính lịch sử trong quá trình phát triển. Sau khi giành được độc lập, miền Bắc hoàn toàn giải phóng đi lên chủ nghĩa xã hội và trở thành hậu phương, chi viện cho

miền Nam đấu tranh thống nhất nước nhà, hình thức kinh tế chủ đạo giai đoạn này là các HTXNN - đại diện cho hình thức sở hữu tập thể của chủ nghĩa xã hội. Do đó, sau khi hai miền được thống nhất, miền Bắc vẫn kế thừa các cách thức phát triển HTX; đó là lý do dễ thấy tính đến thời điểm hiện tại, dù với kiểu cũ hay mới, HTXNN vẫn là mô hình kinh tế được thịnh hành và phát triển ở các tỉnh miền Bắc hơn so với vùng Đông Nam bộ và Đồng bằng sông Cửu Long. Chính điều này đã dẫn đến một thực tế, số lượng các HTXNN kiểu mới ứng dụng công nghệ cao ở vùng trung du, miền núi phía bắc và vùng đồng bằng sông Hồng chiếm vị thế áp đảo so với các địa phương vùng Nam bộ (xem Hình 3.7).

3.1.5. Khái quát lao động trong các hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới

DVT: triệu người



**Hình 3.8. Tổng số thành viên HTXNN ở Việt Nam
giai đoạn 2013-2023**

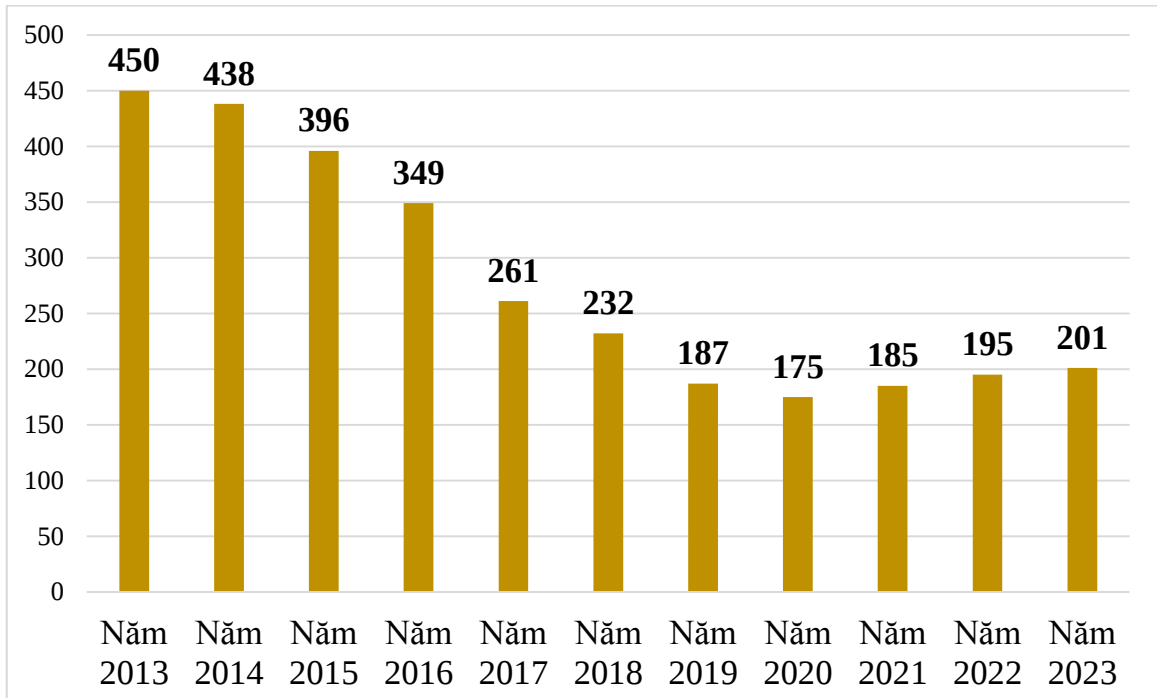
Nguồn: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2024

Từ năm 2013 đến 2019, các HTXNN kiểu mới có xu hướng tăng lên (xem Hình 3.5) nhưng số lượng thành viên của các HTXNN kiểu mới lại có

xu hướng giảm đi (xem Hình 3.8 và Hình 3.9). Từ năm 2020 đến nay, số lượng HTXNN kiểu mới có xu hướng tăng chậm hơn so với trước nhưng số lượng thành viên HTXNN kiểu mới lại tăng lên khá mạnh (xem Hình 3.8), điều này cho thấy các địa phương đã không chú trọng nhiều đến việc tăng số lượng HTXNN kiểu mới mà đi sâu vào tăng quy mô thành viên và nâng cao hiệu quả của các HTXNN kiểu mới.

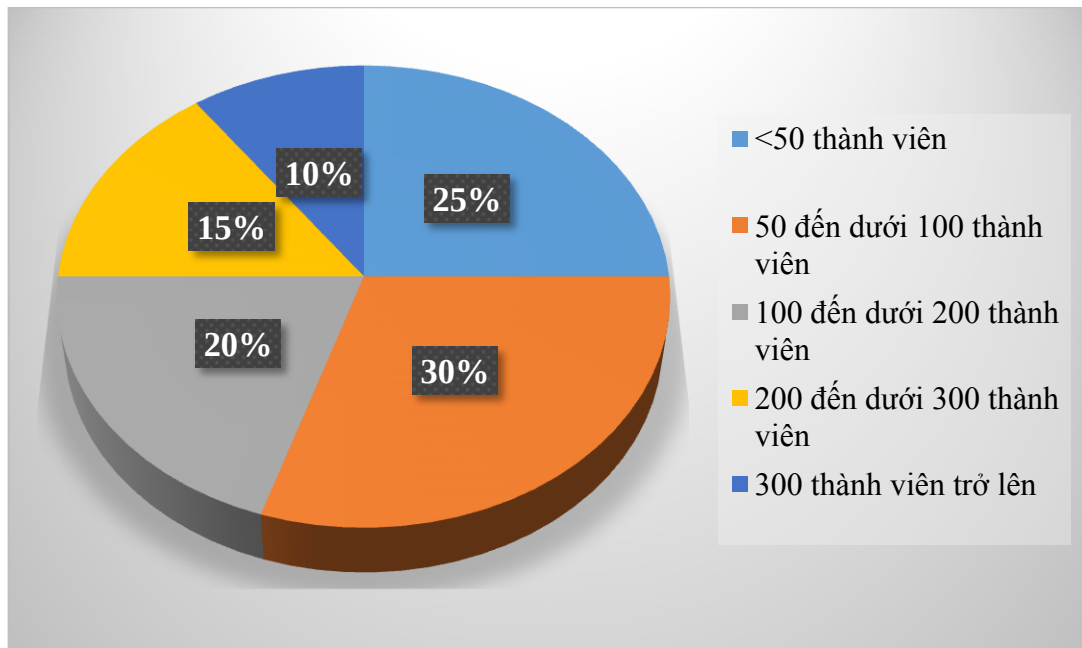
Tổng số thành viên tham gia HTXNN kiểu mới khoảng 3,8 triệu thành viên với khoảng 1,57 triệu lao động làm việc thường xuyên trong HTXNN (trong đó có 357.107 lao động đồng thời là thành viên của HTX). Như vậy có thể thấy, hiện thành viên HTXNN kiểu mới có nguồn thu nhập và công việc ngoài HTX vẫn còn khá lớn. Điều này có điểm tích cực là tạo nên sự đa dạng trong thu nhập của thành viên nhưng hạn chế là rất khó tạo nên sự “toàn tâm” trong việc phát triển quy mô và hiệu quả của HTXNN kiểu mới trong tương lai.

DVT: số thành viên



Hình 3.9. Số thành viên/HTXNN kiểu mới giai đoạn 2013-2023

Nguồn: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2024



Hình 3.10. Cơ cấu số HTXNN kiểu mới phân theo quy mô thành viên

Nguồn: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2024

Theo số liệu thống kê, số lượng HTXNN kiểu mới có quy mô từ 50-100 thành viên hiện đang chiếm tỷ trọng nhiều nhất với khoảng 30%, HTXNN có quy mô lớn (trên 300 thành viên) chiếm tỉ lệ thấp, chỉ khoảng 10% tổng số HTXNN cả nước. Điều này có thể thấy, mặc dù là số lượng HTXNN tăng lên nhưng quy mô hoạt động vẫn còn khá khiêm tốn. Và đây cũng chính là rào cản trong quá trình huy động nguồn lực tài chính cũng như thực hiện những cải tiến về công nghệ mới trong các HTXNN kiểu mới.

3.2. HIỆN TRẠNG BỘ MÁY HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP KIỂU MỚI Ở VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2013-2023

Bộ máy hỗ trợ của nhà nước đối với HTXNN kiểu mới ở nước ta được triển khai thông qua 2 cấp: cấp trung ương và cấp địa phương.

3.2.1. Bộ máy hỗ trợ của Nhà nước đối với HTX NN kiểu mới ở cấp trung ương

Trên cơ sở nội dung quyết định số 352/QĐ-TTg ngày 22/3/2017 về

thành lập “Ban chỉ đạo quốc gia về kinh tế tập thể” và nội dung Quyết định số 1242/QĐ-TTg ngày 25/10/2023 hướng đến việc kiện toàn “Ban chỉ đạo đổi mới và phát triển kinh tế tập thể”; có thể thấy bộ máy hỗ trợ nhà nước đối với HTXNN kiểu mới cấp trung ương do phó thủ tướng chính phủ làm trưởng ban chỉ đạo. Theo đó, nhiệm vụ chính của Ban là làm gia tăng tính kết nối và phối hợp giữa các ngành nhằm đưa ra các định hướng và hỗ trợ người đứng đầu chính phủ đi đến các quyết sách cuối cùng trong phát triển kinh tế tập thể nói chung, HTXNN kiểu mới nói riêng.

Song song với đó, có 3 phó trưởng ban song hành cùng phó thủ tướng tham gia điều hành và quản lý các hoạt động có liên quan đến HTX nói chung và HTXNN kiểu mới nói riêng, bao gồm: (1) Bộ trưởng Bộ kế hoạch và đầu tư; (2) Bộ trưởng Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn và (3) Chủ tịch liên minh hợp tác xã Việt Nam. Mặt khác, các thứ trưởng ở các Bộ sẽ đảm nhiệm vị trí uỷ viên của Ban chỉ đạo đổi mới và phát triển kinh tế tập thể, HTX.

Trong giai đoạn 2013-2023, bộ máy hỗ trợ cấp trung ương đã thông qua một số quyết định và chính sách hỗ trợ HTXNN kiểu mới sau đây:

- Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn quy định tại Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 và Quyết định 971/QĐ-TTg ngày 01/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”.

- Chính sách hỗ trợ phát triển và ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp theo Quyết định số 1895/QĐ-TTg ngày 17/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thuộc Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020.

- Chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn quy định tại Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/06/2015 của Chính phủ.

- Quyết định số 461/QĐ-TTg ngày 27-4-2018 phê duyệt đề án phát triển 15.000 Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả đến năm 2020. Tập trung triển khai các mô hình HTX ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp.

- Chính sách hỗ trợ HTX quy định tại Quyết định số 2261/QĐ-TTg về chương trình hỗ trợ phát triển HTX giai đoạn 2015 - 2020 và các văn bản hướng dẫn. Chuyển sang giai đoạn 2021 - 2025, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1804/QĐ-TTg, ngày 13/ 11/ 2020, phê duyệt chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, HTX giai đoạn 2021 - 2025.

- Chính sách khuyến nông quy định tại Nghị định số 83/2018/NĐ- CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông.

- Chính sách hỗ trợ phát triển các sản phẩm đặc thù mỗi xã một sản phẩm, nguồn vốn từ Chương trình mỗi xã một sản phẩm theo Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 07/05/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

Nhiệm vụ chính của Ban chỉ đạo, bao gồm:

(1) Xây dựng các chương trình đào tạo, hỗ trợ phát triển nguồn lực lao động cho các HTX;

(2) Tìm kiếm các cơ hội thị trường đầu ra cho nông sản;

(3) Tiếp cận và hỗ trợ tiếp cận các công nghệ mới trong quá trình sản xuất, phân phối sản phẩm nông sản;

(4) Hình thành nguồn vốn và thiết lập các chính sách tiếp cận vốn cho các hợp tác xã;

(5) Tạo điều kiện tham gia các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế - xã hội;

(6) Thiết lập các tiêu chí trong quá trình hình thành và phát triển HTXNN kiểu mới.

Bên cạnh việc tiếp cận các nội dung hỗ trợ mang tính chất chung của ban chỉ đạo đối với HTX; các HTXNN kiểu mới còn được hưởng những chính sách mang tính chất đặc thù sau: được Nhà nước đầu tư vào kết cấu hạ tầng nông thôn; có chính sách hỗ trợ về đất nông nghiệp sản xuất; giao và cho thuê đất để hướng đến quá trình hình thành các HTXNN kiểu mới quy mô lớn; hỗ trợ đặc thù về tín dụng nông nghiệp nông thôn. Nhận được các chính sách hỗ trợ về giống cây trồng vật nuôi khi đối diện với các khó khăn hiện hữu về thiên tai, dịch bệnh.

Bên cạnh nguồn vốn tín dụng được ưu đãi từ hệ thống tín dụng ngân hàng, liên minh Hợp tác xã Việt Nam sẽ chịu trách nhiệm quản lý và phân bổ nguồn vốn hỗ trợ do Trung ương ban hành.

3.2.2. Bộ máy hỗ trợ của Nhà nước đối với HTX NN kiểu mới ở cấp địa phương

Bộ máy quản lý và hỗ trợ chính sách phát triển HTXNN kiểu mới ở cấp địa phương sẽ có sự phân trách đối với các sở:

(1) Sở Nông nghiệp và môi trường chịu trách nhiệm quản lý các vấn đề nội dung thuộc chuyên môn nông nghiệp, nông thôn; đặc biệt là chất lượng sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp.

(2). Sở Tài chính ở các tỉnh là cơ quan quản lý nhà nước chung về tình hình hoạt động của các HTXNN trên địa bàn.

Ở các sở khác sẽ bố trí các phòng ban mang tính chất kiêm nhiệm nhằm nắm bắt các thông tin chung về tình hình hoạt động của các HTXNN kiểu mới trên địa bàn. Hầu hết các tỉnh, thành phố đều giao Liên minh Hợp tác xã tỉnh làm nhiệm vụ theo dõi, tổng hợp, tham mưu, củng cố, phát triển HTXNN kiểu mới trên địa bàn.

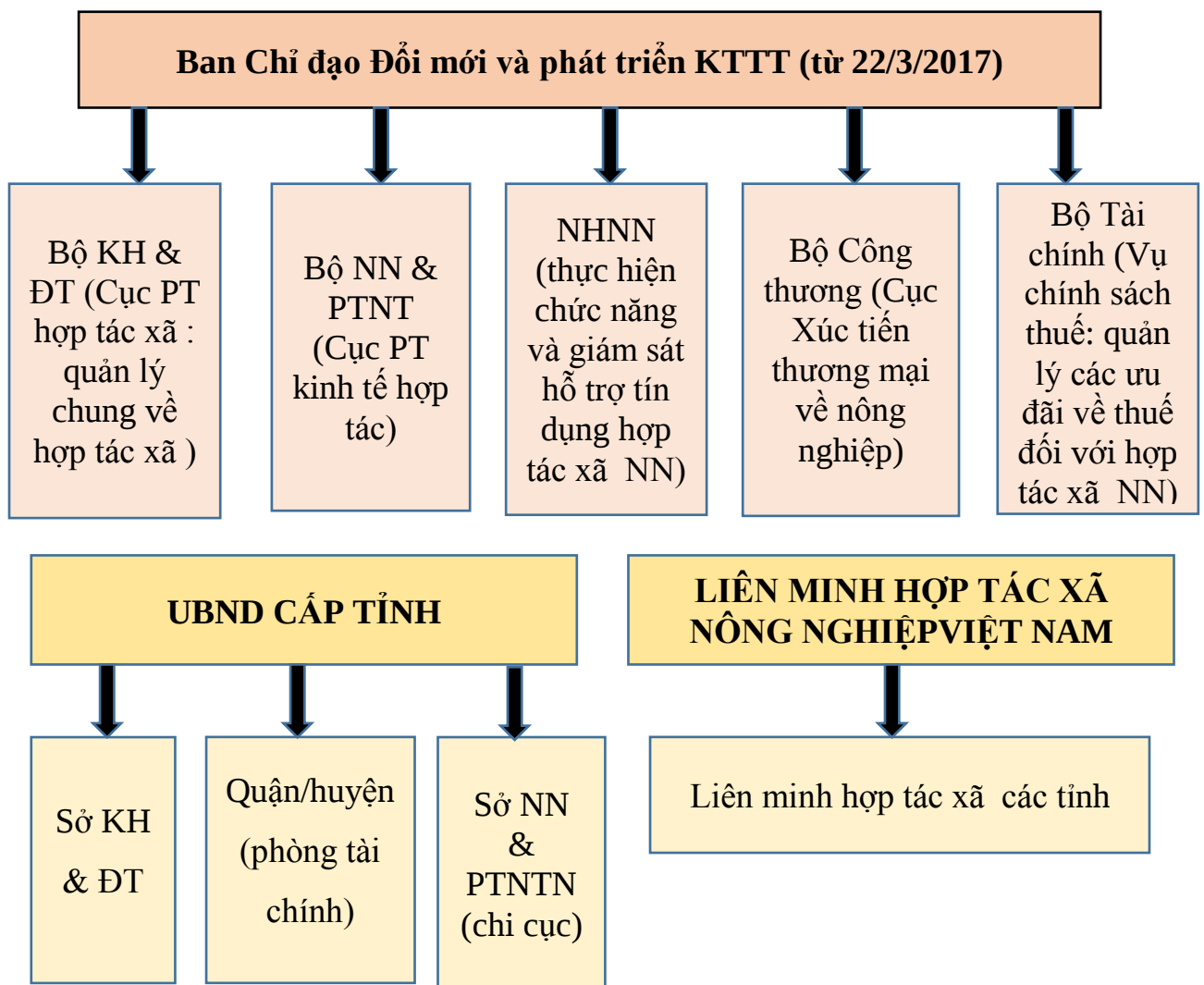
Tính đến 6/2025, đối với cấp huyện và xã: UBND cấp huyện sẽ giao cho phòng kế hoạch - tài chính đảm nhiệm các nội dung liên quan đến giải quyết thủ tục, hồ sơ đăng ký thành lập các HTXNN kiểu mới trên địa bàn. Những phòng ban khác giữ vai trò phối hợp và có trách nhiệm tham mưu các nội dung để UBND huyện thực hiện tốt hơn chức năng quản lý nhà nước của mình đối với sự vận hành của các Huyện. Ở cấp xã, bố trí kiêm nhiệm giao cho 01 công chức cấp xã tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý nhà nước về nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, trong đó có lĩnh vực HTXNN.

Nội dung của hình 3.12 cho thấy, mỗi HTXNN kiểu mới hiện đang chịu sự quản lý và điều phối đến từ khá nhiều cơ quan chuyên trách. Điều này vô hình dung tạo nên sự chồng chéo và rất khó đưa ra những chính sách mang tính chất nhất quán cho quá trình phát triển các HTXNN kiểu mới.

Dựa trên cấu trúc phân tầng từ hình 3.11 và 3.12; quá trình triển khai các chính sách hỗ trợ hằng năm được thiết lập dựa trên các quy trình sau:

Thứ nhất, Bộ kế hoạch và đầu tư tổng hợp các nhu cầu dự toán kinh phí từ ngân sách trung ương cho các bộ, ngành và địa phương nhằm thực hiện các chính sách liên quan trực tiếp đến các HTXNN kiểu mới;

Thứ hai, bộ Tài chính sẽ có sự kết nối và phối hợp cùng bộ Kế hoạch và đầu tư trong việc thiết lập và cân đối lại nguồn ngân sách cho triển khai và thực hiện chính sách;

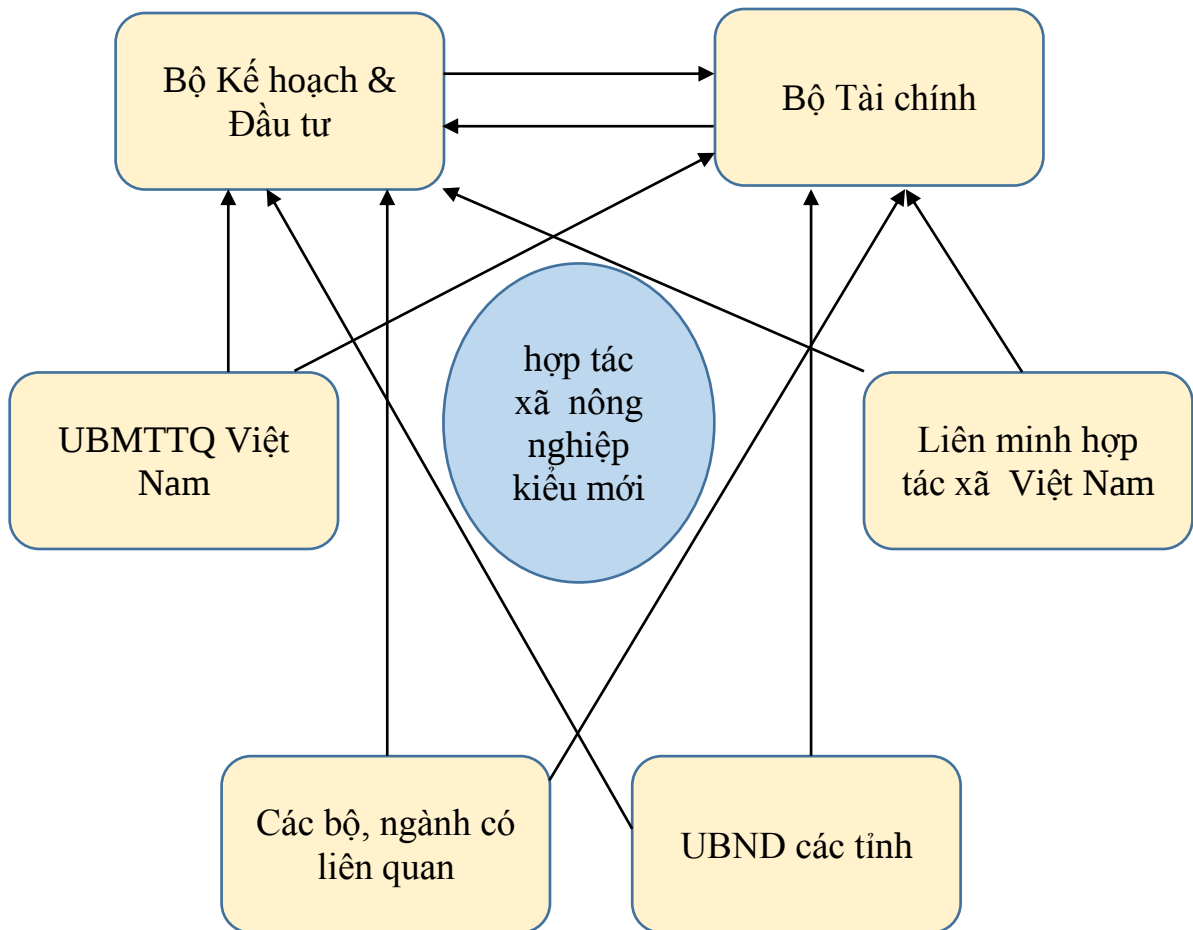


Hình 3.11. Bộ máy hỗ trợ phát triển HTXNN kiểu mới

Nguồn: Vũ Mạnh Hùng (2020)

Thứ ba, Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn tổng hợp nhu cầu và xây dựng kế hoạch hỗ trợ theo các nội dung của Chính sách theo lĩnh vực

quản lý nhà nước chuyên ngành; lập dự toán Chương trình và tổng hợp chung trong dự toán của ngành, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính tổng hợp; Tổ chức hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình, hàng năm tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Chương trình chuyên ngành, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp chung.



**Hình 3.12. Sơ đồ cơ quan tổ chức hỗ trợ phát triển HTXNN
giai đoạn 2021-2025**

Nguồn: tác giả vẽ theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg: Chương trình hỗ trợ phát triển KTTT, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025

UBND các tỉnh: Tổng hợp nhu cầu và xây dựng kế hoạch hỗ trợ theo các nội dung của chương trình; lập dự toán và tổng hợp chung trong dự toán của tỉnh, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và Bộ chuyên ngành tổng hợp; Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quản lý nhà nước của cơ quan quản lý

nhà nước về hợp tác xã trên địa bàn; tổ chức thực hiện chương trình, hàng năm tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Chương trình, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ chuyên ngành để tổng hợp. Trên thực tế, chỉ cần giao cho một bộ (cơ quan trung ương) phối hợp với UBND các tỉnh tổ chức thực hiện chính sách này.

Tương tự như vậy, Chính sách đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực có quá nhiều đầu mối tổ chức thực hiện, nội dung đào tạo trùng lặp giữa các đầu mối:

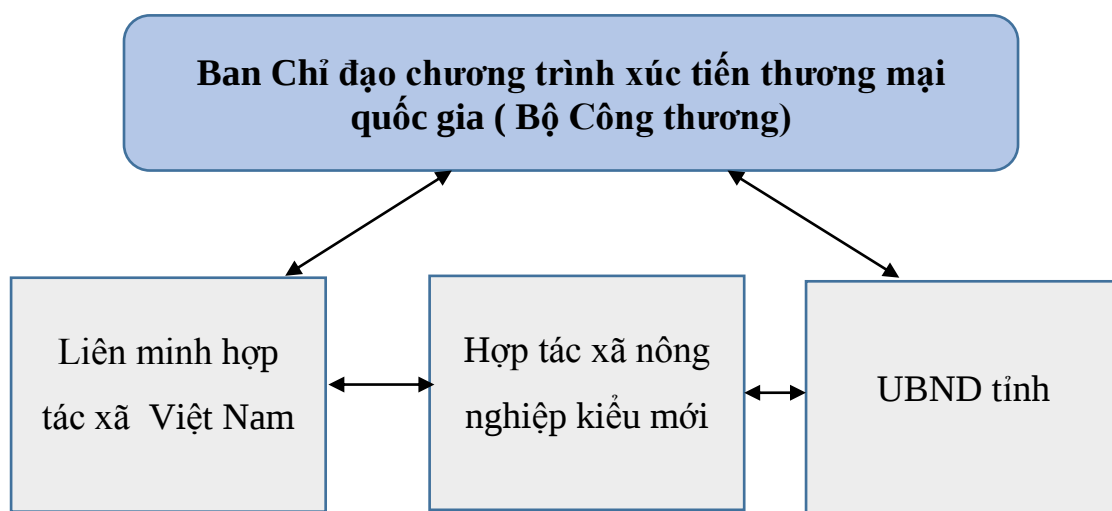
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Hướng dẫn nội dung các văn bản quy phạm pháp luật về HTX, các Luật liên quan, các vấn đề về tài chính, kế toán, tổ chức quản lý HTX;

- Liên minh hợp tác xã Việt Nam: Hướng dẫn nội dung các văn bản quy phạm pháp luật về HTX, các Luật liên quan, các vấn đề về tài chính, kế toán, tổ chức quản lý HTX; các nội dung về nghiệp vụ quản lý, hoạt động của HTXNN;

- Bộ NN&PTNT và các cơ quan khác: Đào tạo, tập huấn, hướng dẫn về quy phạm pháp luật về HTX, các Luật liên quan; các hoạt động chuyên ngành;

- UBND các tỉnh: Tổ chức đào tạo, tập huấn, hướng dẫn tất cả các nội dung liên quan tới HTX theo nhu cầu của HTXNN.

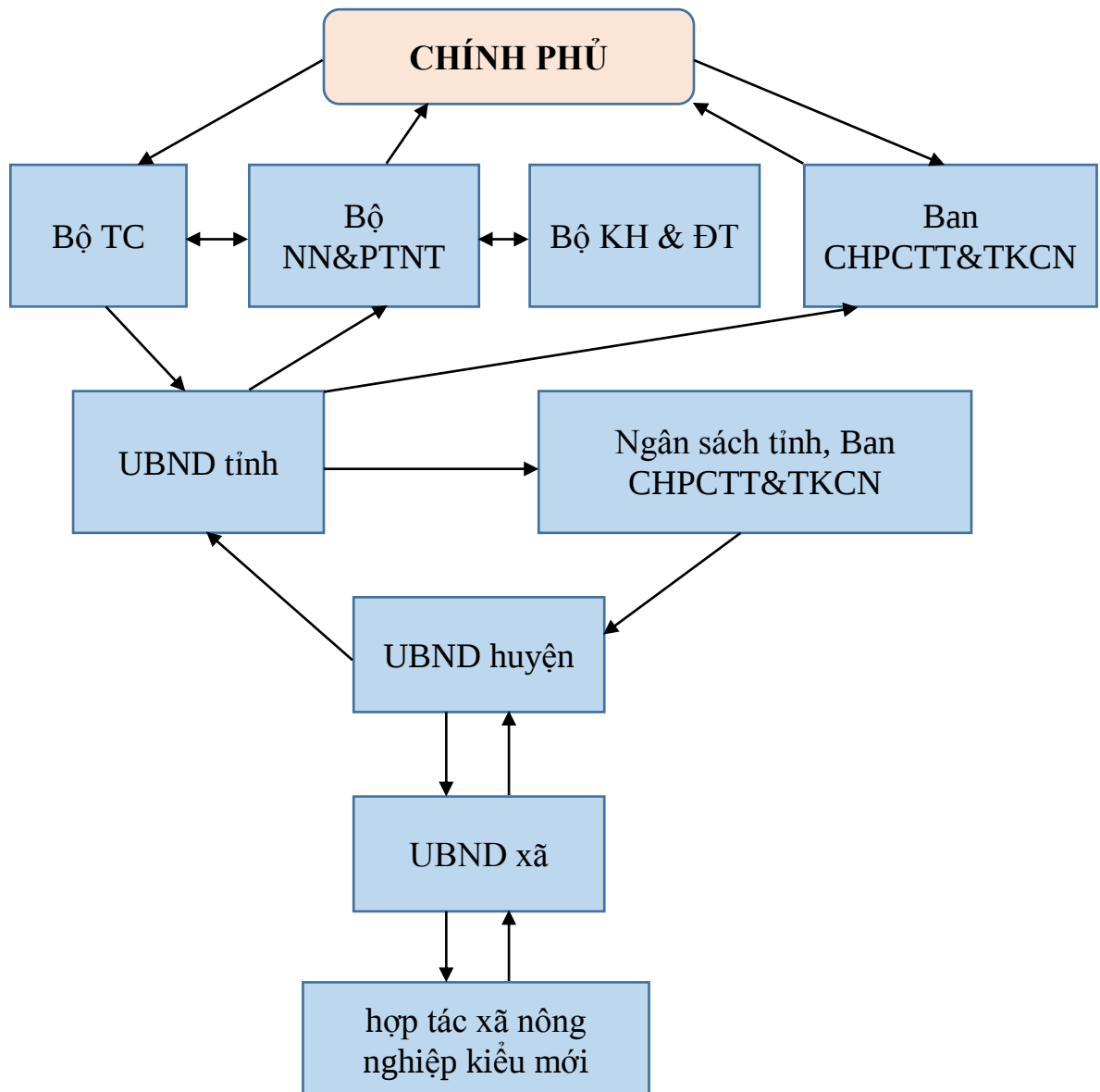
Trên thực tế chỉ cần giao đầu mối cho 1 cơ quan chủ trì là có thể tổ chức thực hiện hỗ trợ đào tạo nhân lực cho HTXNN kiểu mới.



Hình 3.13. Bộ máy nhà nước hỗ trợ xúc tiến thương mại sản phẩm HTXNN kiểu mới

Nguồn: quyết định số 72/2010/QĐ-TTg và quyết định số 12/2019/QĐ-TTg, 2024

Bộ máy tổ chức thực hiện *Chính sách hỗ trợ xúc tiến thương mại* khá tinh gọn (Hình 3.13), trong đó Liên minh hợp tác xã Việt Nam chủ trì, phối hợp với UBND các tỉnh thực hiện. Tuy còn một số vấn đề bất cập, bộ máy tổ chức thực hiện chính sách này được đánh giá thực hiện khá hiệu quả trong thời gian qua.



Hình 3.14. Bộ máy Nhà nước hỗ trợ HTXNN kiểu mới về vốn và giống khi gặp thiên tai, dịch bệnh

Nguồn: Nghị định số 02/2017/NĐ-CP của Chính phủ: Về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh, 2024

Phức tạp nhất là bộ máy tổ chức thực hiện Chính sách hỗ trợ vốn, giống khi gặp thiên tai, dịch bệnh (Hình 3.14). Để có thể nhận được các chính sách hỗ trợ của nhà nước trong thời kỳ chịu rủi ro từ thiên tai, bão lũ phải trải qua 8 tầng nấc trung gian. Do đó, thời gian thực hiện các chính sách này thường có độ trễ nhất định. Thậm chí sau khi đảm bảo được các điều kiện nhất định để được hỗ trợ, bản thân các HTX đã bước qua thời kỳ vàng - thời kỳ cấp thiết nhất để hỗ trợ về con nuôi, cây giống kịp thời tái sản xuất lại sau thiên tai. Một điểm bất hợp lý nữa là mặc dù có nhiều cấp trung gian như vậy, nhưng nhân sự thực thi chính sách trong mỗi cấp lại rất mỏng và phân tán, phần lớn không được đào tạo kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ về HTXNN kiểu mới.

3.3. THỰC TRẠNG HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP KIỂU MỚI Ở VIỆT NAM

Đặc trưng của quá trình hỗ trợ Nhà nước đối với phát triển HTXNN kiểu mới được thể hiện thông qua các nội dung hỗ trợ: hỗ trợ bằng nguồn lực tài chính; hỗ trợ đất đai, hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; hỗ trợ công nghệ, cải tiến sản phẩm nông nghiệp; hỗ trợ thông tin, dự báo của nhà nước đối với HTXNN kiểu mới.

3.3.1. Thực trạng hỗ trợ bằng nguồn lực tài chính đối với HTXNN kiểu mới

Thứ nhất, căn cứ hỗ trợ

Những năm qua, Ngân hàng Nhà nước đã hoàn thiện cơ chế, chính sách về tiền tệ, tín dụng ngân hàng, triển khai các chương trình tín dụng nhằm tạo điều kiện mở rộng đầu tư tín dụng phục vụ phát triển kinh tế tập thể, HTX. Cụ thể, Ngân hàng Nhà nước đã tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP với một số

chính sách ưu đãi, hỗ trợ như: (i) Quy định mức cho vay không có tài sản bảo đảm tối đa 1 tỉ đồng đối với HTX ; tối đa 2 tỉ đồng đối với HTX nuôi trồng thủy sản, liên hiệp HTX hoạt động trên địa bàn nông thôn hoặc hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp; tối đa 3 tỉ đồng đối với liên hiệp HTX nuôi trồng thủy sản hoặc khai thác hải sản xa bờ, cung cấp dịch vụ phục vụ khai thác hải sản xa bờ; (ii) Chính sách xử lý nợ đặc thù trong trường hợp khách hàng gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng, thiên tai, dịch bệnh trên phạm vi rộng (cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ; khoan nợ); (iii) Chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sản xuất nông nghiệp theo mô hình liên kết, chuỗi giá trị (mức cho vay không có tài sản bảo đảm lên đến 70% - 80% giá trị dự án, phương án; khách hàng được sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay của dự án, phương án sản xuất, kinh doanh ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp làm tài sản bảo đảm cho khoản vay; quy định về quản lý dòng tiền cho vay liên kết trong sản xuất nông nghiệp làm cơ sở để các tổ chức tín dụng đẩy mạnh cho vay; (iv) Chính sách giảm lãi suất cho vay với mức tối thiểu 0,2%/năm so với lãi suất của các khoản cho vay cùng loại và có thời hạn tương ứng khi người dân mua bảo hiểm trong nông nghiệp.

Hệ thống ngân hàng thương mại đã tích cực triển khai các chính sách tín dụng hỗ trợ phục hồi sản xuất, kinh doanh theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội; Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 31/2022/NĐ-CP ngày 20/5/2022 về chính sách hỗ trợ lãi suất 2%/năm trong hai năm 2022 - 2023 từ ngân sách nhà nước thông qua hệ thống các ngân hàng thương mại đối với khoản vay của doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh nhằm hỗ trợ phục hồi sản xuất, kinh doanh; Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân

tộc thiểu số và miền núi giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030, trong đó HTX được vay vốn lãi suất ưu đãi triển khai dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị (lãi suất cho vay bằng 50% lãi suất cho vay sản xuất, kinh doanh đối với hộ cận nghèo quy định trong từng thời kì) và dự án phát triển vùng trồng được liệu quý (lãi suất cho vay 3,96%/năm).

Thứ hai, thực tiễn triển khai hoạt động hỗ trợ

Hệ thống Quỹ hỗ trợ phát triển HTX được tổ chức từ Trung ương đến địa phương. Ở Trung ương, Quỹ hỗ trợ phát triển HTX được giao cho Liên minh hợp tác xã Việt Nam quản lý. Việc tiếp cận vốn tín dụng của các HTX khó khăn nên cần có chính sách hỗ trợ HTX để có vốn sản xuất kinh doanh thông qua nguồn khác; với việc thành lập và hỗ trợ HTX thông qua quỹ hỗ trợ phát triển HTX đã tạo điều kiện cho các HTX giải quyết một phần khó khăn về vốn hoạt động.

Theo báo cáo của Quỹ hỗ trợ phát triển HTX Việt Nam, đến ngày 31/12/2022, cả nước có 56 quỹ HTX. Tính đến ngày 31/12/2022, đối với Quỹ HTX Việt Nam, tổng nguồn vốn hoạt động là 1.005 tỷ đồng, quỹ này đã thực hiện cho vay các HTX được 318 dự án đầu tư, tổng doanh số cho vay 981 tỷ đồng, dư nợ cho vay đạt 436,2 tỷ đồng.

Đối với quỹ HTX ở địa phương, tổng nguồn vốn hoạt động của các quỹ là 2.262 tỷ đồng, trong đó, vốn điều lệ do ngân sách nhà nước địa phương cấp là 990 tỷ đồng, doanh số cho vay đạt 19.870 tỷ đồng; dư nợ cho vay đạt 1.561 tỷ đồng cho 11.059 lượt HTX, 2.200 tổ hợp tác, 750.000 lượt thành viên HTX, trong đó khu vực nông nghiệp và nông thôn chiếm 68%, phi nông nghiệp chiếm 32%.

Về cơ cấu cho vay giai đoạn 2013 - 2023:

(1) *Cơ cấu cho vay phân theo ngành nghề*: Cho vay ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và diêm nghiệp: 131 dự án chiếm 59,28%, doanh số cho vay 261 tỷ đồng chiếm 32,59%; vận tải kho bãi: 41 dự án chiếm 18,55%,

doanh số cho vay 389 tỷ đồng chiếm 48,58%; chế biến, chế tạo: 17 dự án chiếm 7,69%, doanh số cho vay 63 tỷ đồng chiếm 7,84%; các lĩnh vực khác (xây dựng, sửa chữa, khai khoáng, y tế, giáo dục) chiếm tỷ trọng nhỏ.

(2) *Cơ cấu cho vay phân theo lĩnh vực nông nghiệp, địa bàn nông thôn:* Cho vay lĩnh vực nông nghiệp và địa bàn nông thôn: 179 dự án chiếm 81%, doanh số cho vay 446 tỷ đồng chiếm 55,62%; còn lại là phi nông nghiệp ngoài địa bàn nông thôn.

(3) *Cơ cấu cho vay phân theo vùng kinh tế:* Cho vay vùng Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung: 42 dự án chiếm 19%, doanh số cho vay 132 tỷ đồng chiếm 16,5%; vùng đồng bằng sông Cửu Long: 18 dự án chiếm 8,14%, doanh số cho vay 21 tỷ đồng chiếm 2,64%; vùng đồng bằng sông Hồng: 60 dự án chiếm 27,15%, doanh số cho vay 457 tỷ đồng chiếm 57,04%; vùng Đông Nam Bộ: 03 dự án chiếm 1,36%, doanh số cho vay 04 tỷ đồng chiếm 0,51%; vùng Tây Nguyên: 16 dự án chiếm 7,24%, doanh số cho vay 41 tỷ đồng chiếm 5,13%; vùng Trung du và miền núi phía Bắc: 82 dự án chiếm 37,1%, doanh số cho vay 146 tỷ đồng chiếm 18,17%.

(4) *Cơ cấu cho vay phân theo mục đích hỗ trợ:* Cho vay đầu tư đổi mới công nghệ kỹ thuật: 46 dự án chiếm 20,81%, doanh số cho vay 127 tỷ đồng chiếm 15,83%; đổi mới phát triển sản phẩm: 21 dự án chiếm 9,5%, doanh số cho vay 104 tỷ đồng chiếm 12,95%; phát triển thị trường, mở rộng tiêu thụ sản phẩm: 116 dự án chiếm 52,49%, doanh số cho vay 473 tỷ đồng chiếm 59,03%; phát triển và nhân rộng mô hình mới, mô hình điển hình tiên tiến: 38 dự án chiếm 17,19%, doanh số cho vay 98 tỷ đồng chiếm 12,18%.

Tuy nhiên, các quỹ HTX hiện còn một số tồn tại, hạn chế cần được tiếp tục hoàn thiện. Cụ thể, cơ cấu tổ chức quản lý của quỹ HTX hiện nay chủ yếu là cán bộ liên minh HTX kiêm nhiệm, hiện đang trong quá trình thực hiện cơ cấu lại bộ máy của quỹ. Năng lực tài chính của quỹ HTX còn hạn chế, nguồn vốn hoạt động chủ yếu phụ thuộc vào ngân sách nhà nước bố trí.

Chất lượng tín dụng của các quỹ còn tiềm ẩn nhiều rủi ro do chuyên môn của cán bộ nghiệp vụ còn yếu; các quỹ HTX đa số chưa ứng dụng hệ thống công nghệ thông tin trong quản lý tài chính, đánh giá, thẩm định cho vay đối với các HTX, liên hiệp HTX.

Trong thực tế, quá trình tiếp cận nguồn vốn tài chính hỗ trợ gặp không ít khó khăn hiện hữu bởi khá nhiều HTX chưa thoả mãn những điều kiện cơ bản trong tiếp cận tín dụng, ví dụ như: tiêu chí năng lực điều hành của giám đốc HTX; năng lực quản trị của ban quản trị; tính khách quan của ban kiểm soát HTX. Bên cạnh đó, vẫn còn tình trạng thiếu công khai và minh hoá các thông tin về tình hình kinh doanh, quản lý tài chính; chưa tuân thủ những yêu cầu đặt ra theo Luật hợp tác xã mới nên chưa hoàn chỉnh về mặt pháp lý trong việc tiếp cận nguồn vốn tín dụng được hỗ trợ từ nhà nước. Phần lớn các HTXNN kiểu mới hoạt động vẫn còn mang tính chất manh mún; chưa hình thành chuỗi giá trị lớn, ổn định thị trường đầu ra nên rất khó tạo ra niềm tin trong tiếp cận tín dụng.

3.3.2. Thực trạng hỗ trợ đất đai

Thứ nhất, căn cứ hỗ trợ

Muốn HTXNN kiểu mới thành công phải dựa trên quy mô diện tích canh tác lớn để áp dụng quy trình, công nghệ sản xuất khép kín, do đó yêu cầu về tích tụ ruộng đất là một việc làm rất cần thiết. Chính phủ đã có quy định để giảm mức độ manh mún đất đai thông qua việc tập trung đất đai (Điều 78 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai 2013 và đã được sửa đổi, bổ sung vào điểm a, b, c khoản 1 Điều 192 Luật Đất đai số 21/2024/QH 15 ngày 18/01/2024 và hướng dẫn tại Điều 77 của Nghị định số 102/2024/NQĐ-CP của Chính phủ ngày chi tiết Luật Đất đai năm 2024, thông qua mô hình HTXNN hộ sản xuất nông nghiệp tham gia thành viên HTX để thực hiện việc tập trung đất đai có quy mô diện tích lớn. Tuy nhiên, hiện tại hầu hết các địa phương trong cả nước,

việc tập trung đất nông nghiệp theo mô hình HTXNN kiểu mới còn hạn chế và có nhiều tồn tại. bất cập.

Căn cứ quy định tại Điều 21 Luật hợp tác xã 2023 như sau:

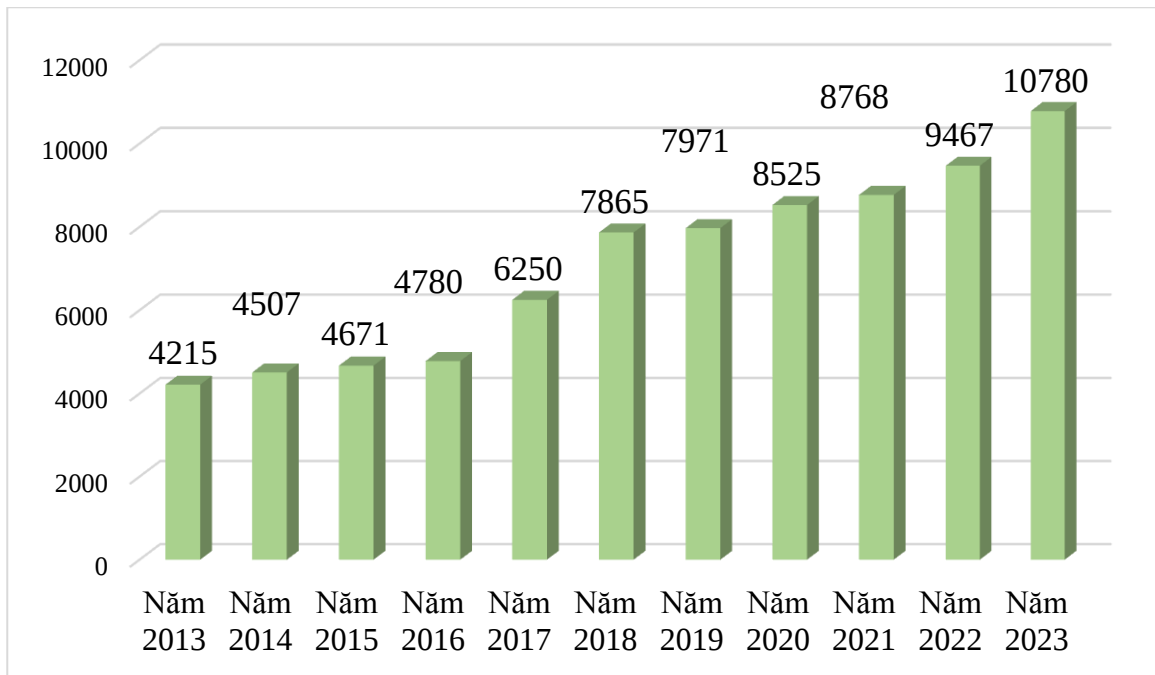
1. Trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, chính quyền địa phương ưu tiên bố trí quỹ đất cho tổ hợp tác, HTX, liên hiệp HTX thuê; ưu đãi hợp lý về giá và thời gian cho thuê đất đối với tổ hợp tác, HTX, liên hiệp HTX chưa được hỗ trợ thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan.

2. Tổ hợp tác, HTX, liên hiệp HTX thuê đất, đất có mặt nước của Nhà nước để sản xuất, kinh doanh thì được miễn, giảm tiền thuê đất, thuê đất có mặt nước; trường hợp thuê, thuê lại đất, đất có mặt nước của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân để sản xuất, kinh doanh thì được Nhà nước hỗ trợ tiền thuê đất, thuê đất có mặt nước theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. Nhà nước tạo điều kiện để tổ hợp tác, HTX, liên hiệp HTX sử dụng đất ổn định trong hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật về đất đai.

Thứ hai, thực tiễn triển khai hoạt động hỗ trợ

Với các quy định cụ thể trong Luật Hợp tác xã năm 2012 và Luật Đất đai năm 2013, cơ hội tiếp cận đất đai để mở rộng quy mô sản xuất của các Hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ở Việt Nam trong giai đoạn 2013 - 2013 đã có sự thay đổi rõ nét. Tỷ lệ các HTXNN kiểu mới được cấp và hỗ trợ thuê đất ổn định, lâu dài có sự gia tăng đáng kể trong giai đoạn 2013 - 2023. Có thể thấy, đây là dấu hiệu khá tích cực để HTXNN kiểu mới càng phát triển hơn về quy mô và chất lượng tăng trưởng bởi đặc trưng của ngành nông nghiệp Việt Nam nói chung và HTXNN kiểu mới nói riêng cho thấy đất đai là yếu tố mang tính chất “sống còn” để phát triển.

ĐVT: số hợp tác xã

Hình 3.15. Số lượng các HTXNN kiểu mới được hỗ trợ thuê đất giai đoạn 2013 - 2023

Nguồn: Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, 2024

Mặc dù có những thay đổi đáng kể về số lượng các HTXNN tiếp cận được với đất đai nhưng rõ ràng thời gian để các chính sách hỗ trợ đất đai thực sự phát huy chất lượng hỗ trợ vẫn còn khá lâu và không dễ dàng một sớm một chiều tạo ra những điều kiện dễ dàng “dồn điền đổi thửa” nhằm phát triển nông nghiệp quy mô lớn. Số lượng các HTXNN tiếp cận chính sách hỗ trợ đất đai có sự gia tăng song tính trên tổng số lượng các HTXNN kiểu mới cần hỗ trợ vẫn còn khá khiêm tốn. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến việc tiếp cận đất đai của HTX khó khăn. Cụ thể, Nghị định số 46/2014/NĐ-CP quy định miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với HTXNN đến hết năm 2020, trong đó HTX thuê đất để sử dụng làm trụ sở, cơ sở sản xuất kinh doanh được giảm 50% tiền thuê đất, nhưng chỉ áp dụng đối với các dự án mới. Nghị định số 123/2017/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 1/1/2018 nhìn chung đã khắc phục cơ bản bất cập của các chính sách miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước trước đây. Tuy nhiên, chưa

có chính sách cho HTX được thuê đất công ích, trong đó đất vượt 5% được thuê lâu dài, tạo thuận lợi cho HTXNN kiểu mới được thuê đất làm trụ sở và sản xuất kinh doanh (hiện chỉ quy định đối với đối tượng hộ gia đình, cá nhân).

Chưa có chính sách hỗ trợ kinh phí đo đạc và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với đất sử dụng vào làm mặt bằng xây dựng trụ sở, sân phơi, nhà kho; xây dựng các cơ sở dịch vụ trực tiếp phục vụ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối đối với HTXNN; chưa có chính sách miễn, giảm hoặc hỗ trợ kinh phí chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp sử dụng vào làm mặt bằng xây dựng trụ sở, sân phơi, nhà kho; xây dựng các cơ sở dịch vụ trực tiếp phục vụ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối đối với HTXNN.

Tổ chức kinh tế (HTX, Liên hiệp HTX) là đối tượng không được nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp trừ trường hợp phải có phương án sử dụng đất nông nghiệp được UBND cấp tỉnh chấp thuận (Điều 49, Luật). Trên thực tế việc lập phương án đất khả thi được chấp thuận là rất khó khăn đối với các hợp tác xã, đồng thời hạn mức để chuyển đổi hàng năm của các địa phương có hạn, do vậy cũng rất khó khăn để thực hiện việc tích tụ, tập trung ruộng đất để ứng dụng khoa học, công nghệ, cơ giới vào sản xuất hiệu quả, cần thiết có những chính sách đặc thù cho tổ chức này.

Chưa có quy định rõ ràng vai trò của Nhà nước trong việc hỗ trợ HTX, Liên hiệp HTX thuê lại hoặc nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất nông nghiệp của nông dân nên việc triển khai các dự án đầu tư của hợp tác xã sản xuất nông nghiệp quy mô lớn còn gặp khó khăn.

3.3.3. Thực trạng hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

Thứ nhất, căn cứ hỗ trợ

Chính sách của Nhà nước về hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực tổ hợp tác, HTX, liên hiệp HTX được quy định tại Điều 7 Nghị định 113/2024/NĐ-CP như sau:

(1) Đối tượng hỗ trợ:

- Cơ sở giáo dục đại học có triển khai nội dung về đào tạo kinh tế tập thể; cơ sở đào tạo lý luận chính trị, bồi dưỡng quản lý nhà nước;
- Thành viên, người lao động đang làm việc tại tổ hợp tác, HTX, liên hiệp HTX đáp ứng tiêu chí theo quy định tại Điều 6 Nghị định 113/2024/NĐ-CP và được tổ hợp tác, HTX, liên hiệp HTX cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nội dung của khóa học;
- Cán bộ, công chức, viên chức làm nhiệm vụ về kinh tế tập thể tại bộ, cơ quan trung ương và địa phương;
- Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của hệ thống Liên minh hợp tác xã Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các hội, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội;
- Viên chức, giảng viên về kinh tế tập thể trong các cơ sở nghiên cứu khoa học, giáo dục, đào tạo.

(2) Nội dung hỗ trợ:

- Hỗ trợ kinh phí biên soạn, xây dựng, phát hành chương trình, giáo trình về kinh tế tập thể sử dụng trong các cơ sở giáo dục đại học, đào tạo lý luận chính trị, bồi dưỡng quản lý nhà nước;
- Hỗ trợ kinh phí xây dựng, triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng trong nước và nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan để nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức, viên chức làm nhiệm vụ về phát triển kinh tế tập thể và thành viên, người lao động làm việc trong tổ hợp tác, HTX, liên hiệp HTX;
- Chương trình bồi dưỡng về chuyên môn kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ, kỹ thuật được thực hiện thông qua hình thức trực tiếp và trực tuyến. Thực hiện nội dung bồi dưỡng theo khung kiến thức phù hợp với Chương trình tổng thể về phát triển kinh tế tập thể;
- Hỗ trợ chi phí đi lại, ăn, ở cho thành viên, người lao động của tổ hợp

tác, HTX, liên HTX tham gia các khóa tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ, kỹ thuật trong nước;

- Lương, thưởng và phúc lợi cho người lao động tốt nghiệp cao đẳng, đại học, sau đại học làm việc tại các tổ hợp tác, HTX, liên hiệp HTX;

- Xây dựng và triển khai các chương trình truyền thông để nâng cao nhận thức, kiến thức quản trị và sản xuất, kinh doanh của tổ hợp tác, HTX, liên hiệp HTX phù hợp với từng ngành, lĩnh vực và địa bàn;

- Hợp tác quốc tế trong đào tạo chính quy về kinh tế tập thể theo quy định của pháp luật về giáo dục.

(3) Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước:

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 100% chi phí xây dựng, triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao năng lực;

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 100% kinh phí chi trả học phí, tài liệu học tập theo quy định của cơ sở đào tạo; hỗ trợ kinh phí ăn, ở cho học viên ít nhất bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng nơi tổ chức khóa học cho thành viên, người lao động trong tổ hợp tác, HTX, liên hiệp HTX khi tham gia khóa học trong nước. Đối với khóa bồi dưỡng ở nước ngoài, thành viên, người lao động trong tổ hợp tác, HTX, liên hiệp HTX được Nhà nước hỗ trợ như đối với cán bộ, công chức, viên chức;

- Ngân sách nhà nước chi trả 100% kinh phí đối với công chức, viên chức cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, hệ thống Liên minh HTX Việt Nam, các hiệp hội, tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, giảng viên tham gia đào tạo, bồi dưỡng;

- Ngân sách địa phương hỗ trợ cho mỗi lao động làm việc tại tổ chức kinh tế tập thể hàng tháng ít nhất bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định theo từng thời kỳ;

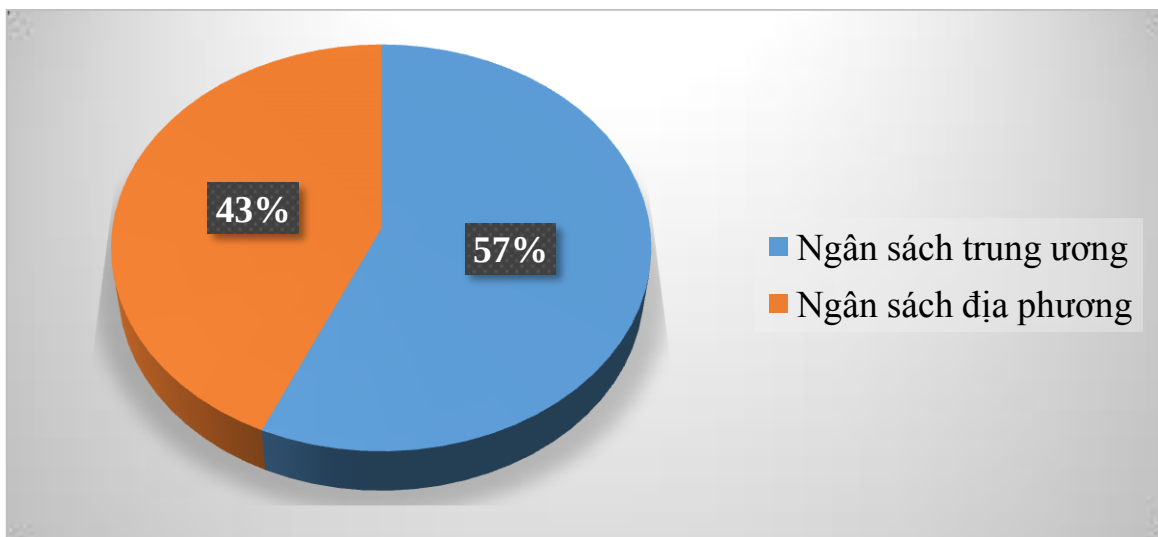
- Mức kinh phí hỗ trợ cụ thể thực hiện từng chính sách do bộ, cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân các cấp xem xét, quyết định hoặc trình cấp có

thẩm quyền xem xét, quyết định phù hợp với định hướng ưu tiên và khả năng cân đối nguồn lực trong từng thời kỳ và quy định của pháp luật.

Thứ hai, thực tiễn triển khai hoạt động hỗ trợ

Nguồn nhân lực là yếu tố quyết định hoạt động của HTX, tuy nhiên trình độ cán bộ quản lý và kỹ thuật của HTXNN kiểu mới còn khá hạn chế, chủ yếu là xuất thân từ nông dân và đa số chưa được đào tạo chuyên nghiệp, chính vì vậy việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ hợp tác xã cần được quan tâm và tổ chức thường xuyên. Để hỗ trợ HTXNN kiểu mới phát triển, các địa phương đã tích cực triển khai và bố trí kinh phí hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ HTX: Trong 04 năm qua, các địa phương đã hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cho 63.621 lượt cán bộ HTX với kinh phí 467,9 tỷ đồng, chiếm 43,8% số kinh phí hỗ trợ (trong đó ngân sách Trung ương 265.040 triệu đồng, ngân sách địa phương 202.854 triệu đồng). Đây là chính sách được hỗ trợ nhiều nhất, tuy nhiên, hiệu quả hỗ trợ chưa cao do việc hỗ trợ còn dàn trải, chưa trọng tâm, trọng điểm vào các nội dung cần đào tạo; mặt khác chương trình và giáo trình đào tạo còn chưa phù hợp với đối tượng học.

ĐVT: %



Hình 3.16. Mức kinh phí hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực HTXNN kiểu mới ở Việt Nam giai đoạn 2013-2023

Nguồn: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, 2024

3.3.4. Thực trạng hỗ trợ trong tiếp cận và thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ

Thứ nhất, căn cứ hỗ trợ

Chính sách của nhà nước về hỗ trợ phát triển công nghệ cho các tổ hợp tác, HTX, liên hiệp HTX được quy định tại Điều 11 Nghị định 113/2024/NĐ-CP như sau:

(i) Tư vấn giải pháp chuyển đổi số đối với quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ và chuyển đổi mô hình kinh doanh.

(ii) Thuê, mua giải pháp chuyển đổi số để tự động hóa, nâng cao hiệu quả quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ cho tổ hợp tác, HTX, liên hiệp HTX và chuyển đổi mô hình kinh doanh.

(iii) Tư vấn xác lập quyền sở hữu trí tuệ; tư vấn quản lý và phát triển sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; tư vấn chuyển giao công nghệ.

(iv) Nhà nước phát triển một số phần mềm, ứng dụng phục vụ cho sản xuất, kinh doanh để các tổ hợp tác, HTX, liên hiệp HTX dùng chung và không thu tiền.

(v) Xây dựng trang thông tin điện tử cho HTX, liên hiệp HTX và kết nối với Hệ thống thông tin quốc gia về HTX.

(vi) Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện chính sách.

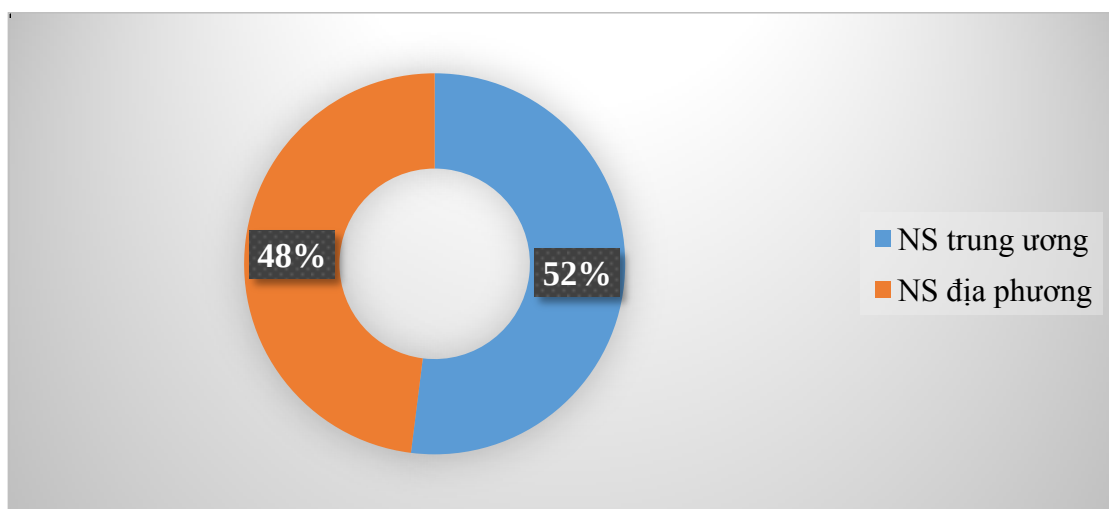
(vii) Mức kinh phí hỗ trợ cụ thể thực hiện từng chính sách do bộ, cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân các cấp xem xét, quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định phù hợp với định hướng ưu tiên và khả năng cân đối nguồn lực trong từng thời kỳ và quy định của pháp luật.

Thứ hai, thực tiễn triển khai hoạt động hỗ trợ

Trong thời đại khoa học kỹ thuật đang phát triển mạnh mẽ góp phần tạo ra năng suất, chất lượng sản phẩm cao thì việc hỗ trợ nông dân thay đổi tập

quản sản xuất truyền thống từ xa xưa truyền lại là rất cần thiết. Với chính sách hỗ trợ ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới, các địa phương đã thực hiện hỗ trợ 3.926 hợp tác xã với kinh phí 1206 tỷ đồng, chiếm 18,6% số kinh phí hỗ trợ (trong đó ngân sách Trung ương 627 tỷ đồng, ngân sách địa phương 579 tỷ đồng). Việc hỗ trợ chủ yếu do Bộ NN&PTNN sử dụng nguồn lực của Trung ương hỗ trợ cho các tỉnh theo Chương trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ mới, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm nông nghiệp.

ĐVT: %



Hình 3.17. Ngân sách hỗ trợ cải tiến công nghệ, ứng dụng công nghệ cao đối với HTXNN kiểu mới giai đoạn 2013-2023

Nguồn: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, 2024

Bên cạnh đó, Nhà nước hỗ trợ HTXNN kiểu mới ứng dụng khoa học và công nghệ mới thông qua Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia. Theo báo cáo của Bộ Khoa học và Công nghệ, năm 2023 tỷ lệ áp dụng máy móc, thiết bị trong sản xuất nông nghiệp có mức gia tăng 47% so với năm 2013, các tiến bộ khoa học và công nghệ đã đóng góp khoảng 30 - 40% vào tăng trưởng nông nghiệp. Xem xét dưới góc độ dịch chuyển, hỗ trợ KHCN của nhà nước đối với HTXNN kiểu mới có 4 kênh phát triển cụ thể: (1) Hỗ

trợ nhập khẩu công nghệ cao từ nước ngoài; (2) Hỗ trợ chuyển hoá trong quá trình dịch chuyển nguồn lao động; (3) Hỗ trợ liên kết công nghệ trong sản xuất nông nghiệp và (4) Hỗ trợ nghiên cứu và phát triển nội bộ.

Thứ nhất, nhập khẩu công nghệ sản xuất nông nghiệp từ nước ngoài

Mang những đặc trưng tương đồng với các quốc gia đang phát triển khác, nhập khẩu các công nghệ mới từ nước ngoài vào nhằm tiết kiệm tối đa thời gian cho hoạt động nghiên cứu và phát triển trong lĩnh vực nông nghiệp. Năm 2022, nhập khẩu tư liệu sản xuất đạt 284 tỉ USD (Lê Thiết Lĩnh, 2021). Đây có thể được xem là một hướng đi tất, tiết kiệm thời gian trong quá trình tiếp cận nguồn lực phát triển mới, tuy nhiên, không phải là một hướng đi mang tính “dài hơi” bởi nguồn vốn tài chính có hạn, khả năng hữu hạn trong nguồn nhân lực hiện nay của ngành nông nghiệp. Do đó, về lâu dài, hoạt động R&D (nghiên cứu và phát triển công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp) vẫn là một hoạt động xác định độ bền cho tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp nói chung và HTXNN kiểu mới nói riêng trong tương lai.

Theo thời gian có thể thấy, tỷ trọng nhập khẩu các công nghệ mới trong nông nghiệp ngày càng cao, phần lớn nằm ở nhập khẩu máy móc và con giống, cây trồng có năng suất cao. Mặc dù tỷ trọng công nghệ cao trong tổng kim ngạch nhập khẩu vào ngành nông nghiệp thời gian qua vẫn còn khá khiêm tốn so với tỷ trọng của các sản phẩm ngành khác, nhưng rõ ràng với sự tăng trưởng đã phần nào phản ánh nỗ lực của Nhà nước trong việc thúc đẩy đổi mới công nghệ thông qua nhập khẩu tư liệu sản xuất chất lượng cao, từ đó dẫn đến chuyển biến tích cực trong cơ cấu thương mại ngành nông nghiệp.

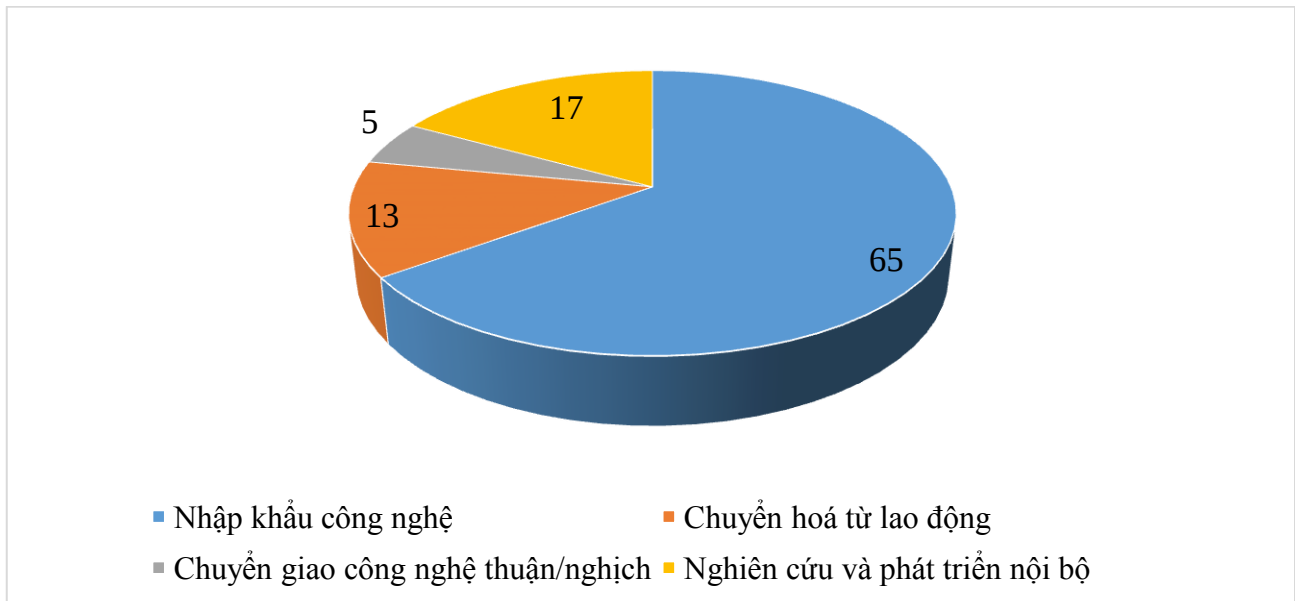
Thứ hai, lao động nông nghiệp là đối tượng trung gian trong chuyển giao công nghệ giữa các quốc gia

Trong quan niệm truyền thống, chuyển giao công nghệ chỉ là hoạt

động chuyển giao máy móc, trang thiết bị hiện đại từ quốc gia này cho quốc gia khác, doanh nghiệp này cho doanh nghiệp khác. Ngày nay, chuyển giao công nghệ qua đội ngũ lao động được xem là một phương thức chuyển giao công nghệ kiểu mới. Bởi đây là hình thức mà thông qua đó công nghệ dưới dạng bí quyết và kinh nghiệm có được từ các công việc trước được chuyển giao khi người lao động chuyển sang các môi trường làm việc mới. Tuy nhiên, mặt tiêu cực của phương thức này là rất dễ xảy ra hiện tượng “chảy máu chất xám” khá hiện hữu hiện nay không chỉ riêng ở Việt Nam mà hầu hết các quốc gia trên thế giới. Chảy máu chất xám (*human capital flight* hoặc *brain drain*) là thuật ngữ dùng để chỉ vấn đề di cư quy mô lớn của nguồn nhân lực có kiến thức và kỹ thuật từ một nước qua những nước khác. Đây là hiện tượng phổ biến mang tính chất toàn cầu, hiện tượng này thường phổ biến ở các quốc gia đang phát triển bởi sự thu hút từ các chính sách đãi ngộ, tiền lương ở các quốc gia phát triển khác. Đối với hình thức chuyển giao công nghệ này, thực tiễn triển khai trong ngành nông nghiệp ở Việt Nam nói chung và các HTXNN kiểu mới nói riêng vẫn còn khá khiêm tốn vì thực chất hoạt động hợp tác xã của chúng ta vẫn còn mang tính nhỏ lẻ, chưa hiện đại và quy mô lớn; do đó việc thuê các đội ngũ chuyên gia chỉ mang tính chất “hỗ trợ” chứ chưa tạo ra những tiền đề lâu dài, mang tính phổ biến trong phát triển ngành nông nghiệp. Và hiện nay, trong Luật hợp tác xã 2023 cũng chưa đề cập hoặc chưa có những định hướng cụ thể trong việc phát triển công nghệ trong HTXNN kiểu mới dạng này. Hình thức phổ biến trong chuyển giao công nghệ dưới dạng lao động trong nông nghiệp ở nước ta vẫn theo xu hướng xuất khẩu lao động sang các quốc gia có nền nông nghiệp hiện đại dưới dạng lao động giản đơn.

Thứ ba, liên kết công nghệ sản xuất nông nghiệp

ĐVT: %



Hình 3.18. Tỷ trọng của các kênh chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp năm 2023

Nguồn: tác giả tính toán từ dữ liệu của VCCI, 2024

Xét dưới phương diện lý thuyết, quốc gia nào càng tạo những lợi thế để thu hút FDI thì khả năng cao sẽ nhận được những lợi ích tích cực từ hoạt động chuyển giao các bí kíp công nghệ đến từ thành phần kinh tế này. Tuy nhiên, lý thuyết này dường như không đúng với trường hợp ngành nông nghiệp ở nước ta. Mặc dù trong Luật hợp tác xã 2023 đã có những thay đổi đáng kể về quy định người nước ngoài được đầu tư vào các HTX nhưng rõ ràng, để trở thành một kênh phổ biến và chính quy trong thu hút FDI vào HTXNN kiểu mới là một vấn đề còn khá dài và phức tạp. Theo kết quả điều tra của VCCI được thể hiện trong Hình 3.18, các hợp tác xã cho rằng quá trình liên kết công nghệ giữa các thành phần kinh tế đặc biệt là FDI không phải là một kênh quan trọng. Có đến 76% HTXNN cho rằng không có sự tương thích về quy mô giữa HTXNN và các nhà đầu tư FDI, chính sự không “cân xứng” này là điều kiện làm rào cản khả năng chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp.

Thứ tư, nghiên cứu và phát triển công nghệ nội bộ

Gần đây, hoạt động R&D (nghiên cứu và phát triển) nổi lên như là một kênh phát triển công nghệ mới và dần đang giữ vai trò quan trọng trong hoạt động nông nghiệp ở cả nước. Đặc trưng cơ bản của hoạt động R&D chính là tạo ra các công nghệ mới hoặc điều chỉnh các công nghệ hiện có cho phù hợp với điều kiện và tình hình hoạt động của ngành nông nghiệp. Với đặc trưng là một nền kinh tế mới nổi, sự có hạn trong nguồn lực tài chính nên phần lớn hoạt động R&D của các HTXNN kiểu mới đều là điều chỉnh các công nghệ hiện có cho phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của họ. So với các kênh phát triển công nghệ khác, hoạt động R&D trong lĩnh vực nông nghiệp là một kênh trọng yếu trong thời gian gần đây bởi những rào cản trong quá trình tiếp cận công nghệ từ các doanh nghiệp FDI, cùng với đó với chính sách mở cửa nhà nước, việc nói lỏng room tín dụng đối với các doanh nghiệp khoa học công nghệ thời gian qua đã tạo cơ hội cho hoạt động R&D lĩnh vực nông nghiệp nói chung và ở các HTXNN kiểu mới nói riêng trở nên khởi sắc đặc biệt trong giai đoạn 2013-2023. Tuy nhiên, khả năng áp dụng các công nghệ mới từ hoạt động R&D trong nông nghiệp vẫn còn nhiều khó khăn bởi đây là hoạt động đòi hỏi nguồn vốn tài chính lớn, lâu dài và đòi hỏi có sự bắt kịp với công nghệ thế giới - đây vốn là các điểm yếu của các HTXNN kiểu mới trong quá trình cải tiến công nghệ. Do đó, với vai trò trọng yếu của mình, Nhà nước cần có các chính sách kịp thời để nâng cao năng lực nghiên cứu và phát triển cho các HTXNN kiểu mới hiện nay.

3.3.5. Thực trạng hỗ trợ tiếp cận và nghiên cứu thị trường của nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới

Thứ nhất, căn cứ hỗ trợ

Hiện nay, trong bối cảnh nước ta đang phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và chủ động hội nhập quốc tế sâu rộng, xúc tiến thương mại ngày càng khẳng định là công cụ quan trọng trong việc thúc đẩy

hoạt động thương mại, góp phần tăng trưởng kinh tế. Sự ra đời của Luật Thương mại năm 1999 đã tạo cơ sở quan trọng cho việc tiến hành các hoạt động xúc tiến thương mại. Cùng với việc hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách trong từng giai đoạn khác nhau, hàng loạt các văn bản pháp luật đã được ban hành.

Luật Thương mại năm 2005; Nghị định số 81/2018/NĐ-CP, ngày 22-5-2018, của Chính phủ, “Quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại”; Thông tư số 11/2019/TT-BCT, ngày 30-7-2019, của Bộ Công Thương, “Hướng dẫn thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương thuộc Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại”; Quyết định số 2124/QĐ-BCT, ngày 10-8-2020, của Bộ Công Thương, “Kế hoạch hoạt động xúc tiến thương mại giai đoạn 2020 - 2025 góp phần phát triển xuất khẩu bền vững trong bối cảnh thực thi EVFTA, CPTPP và các hiệp định thương mại tự do”; Thông tư số 40/2020/TT-BCT, ngày 30-11-2020, của Bộ Công Thương, “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương thuộc Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại”; Quyết định số 1163/QĐ-TTg, ngày 13-7-2021, của Thủ tướng Chính phủ, “Phê duyệt Chiến lược phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045”; Quyết định số 493/QĐ-TTg, ngày 19-4-2022, của Thủ tướng Chính phủ, “Phê duyệt Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa đến năm 2030”; Công văn số 4827/BCT-XTTM, ngày 15-8-2022, của Bộ Công Thương, “Về việc kế hoạch luân phiên tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại cấp vùng”.

Quyết định số 493/QĐ-TTg, ngày 19-4-2022, của Thủ tướng Chính phủ, “Phê duyệt Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa đến năm 2030” giúp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực xúc tiến thương mại; tạo

môi trường pháp lý ổn định để doanh nghiệp tiến hành các hoạt động kinh doanh; đồng thời góp phần bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của người tiêu dùng trong việc sử dụng hàng hoá, dịch vụ.” Cùng với đó, chính sách của nhà nước về hỗ trợ tiếp cận và nghiên cứu thị trường đối với tổ hợp tác, HTX, liên hiệp HTX được quy định tại Điều 12 Nghị định 113/2024/NĐ-CP như sau:

(1) *Đối tượng hỗ trợ:* tổ hợp tác, HTX, liên hiệp HTX.

(2) *Nội dung hỗ trợ:*

- Tổ hợp tác, HTX, liên hiệp HTX được cung cấp thông tin về pháp lý, kinh tế; khảo sát và nghiên cứu thị trường; thông tin dự báo, cảnh báo các biện pháp phòng vệ thương mại áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam trên Cổng thông tin quốc gia về HTX và các trang thông tin điện tử của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương của hội, đoàn thể, UBND cấp tỉnh;

- Hỗ trợ kinh phí tham gia hội chợ, triển lãm, diễn đàn và hoạt động xúc tiến thương mại của bộ, ngành, địa phương tổ chức trong và ngoài nước;

- Hỗ trợ kinh phí xây dựng chứng nhận chất lượng, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa, truy xuất nguồn gốc;

- Hỗ trợ kinh phí áp dụng và chứng nhận các tiêu chuẩn để phát triển thị trường cho tổ hợp tác, HTX, liên hiệp HTX có hợp đồng liên kết hình thành vùng nguyên liệu, sản xuất, tiêu thụ sản phẩm;

- Hỗ trợ chi phí thuê địa điểm và vận hành các điểm giới thiệu, bán sản phẩm tại các địa phương;

- Hỗ trợ kinh phí xây dựng, triển khai, tham gia sàn giao dịch thương mại điện tử;

- Ưu tiên, hỗ trợ kinh phí tham gia chương trình sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ có nguồn gốc địa phương, có đặc trưng về giá trị kinh tế, văn hóa, lợi thế của địa phương.

(3) Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước:

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 100% kinh phí tham gia hội chợ, triển lãm trong nước; kinh phí thuê địa điểm và vận hành một số điểm giới thiệu, bán sản phẩm của các tổ chức kinh tế tập thể;

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 100% kinh phí tham gia hội chợ, triển lãm tại nước ngoài; tổ chức diễn đàn kinh tế tập thể; hỗ trợ việc đăng ký chứng nhận chất lượng, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa; xây dựng và triển khai sàn giao dịch thương mại điện tử;

- Mức kinh phí hỗ trợ cụ thể thực hiện từng chính sách do bộ, cơ quan; trung ương, Hội đồng nhân dân các cấp xem xét, quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định phù hợp với định hướng ưu tiên và khả năng cân đối nguồn lực trong từng thời kỳ và quy định của pháp luật.

Thứ hai, thực tiễn triển khai hoạt động hỗ trợ

Trong giai đoạn 2013 - 2023, Liên minh HTX Việt Nam đã tiến hành xây dựng, triển khai nhiều chương trình xúc tiến thương mại kết hợp xúc tiến đầu tư, xây dựng chuỗi giá trị, chuyển đổi số và nâng cao hiệu quả cho HTXNN kiểu mới giai đoạn 2023-2025. Liên minh Hợp tác xã Việt Nam cũng đã tổ chức thành công 07 hội chợ xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu cho khu vực kinh tế tập thể, HTX, ký kết 140 hợp đồng, biên bản ghi nhớ, thực hiện 308 kết nối tiêu thụ, giới thiệu sản phẩm cho các HTX.

Bên cạnh đó, xây dựng gian thương mại điện tử của Liên minh HTX Việt Nam trên nền tảng điện tử Alibaba. Hướng dẫn cho một số HTX sản xuất, xuất khẩu nông sản với các lĩnh vực nông nghiệp đặc thù như dược liệu và hàng thủ công mỹ nghệ với các phiên tư vấn xuất khẩu vào thị trường Úc, Châu Âu và Châu phi; tư vấn cho 10 HTX tại Bắc Giang, Lào Cai, Bắc Kạn, Thái Bình, Đắk Lắk, Hậu Giang sản xuất nông sản, thủ công mỹ nghệ, cà phê tham gia Chương trình đào tạo, quảng bá trên nền tảng của TikTok. Một số

HTX đã đạt được những thành công bước đầu nhờ vào quá trình hỗ trợ kết nối thị trường như: HTX Sen Việt - Đồng Tháp xuất khẩu hoa quả đi Nhật;; HTX Hùng Thơm - Gia Lai xuất khẩu chanh leo; Hỗ trợ, hướng dẫn cho 35 HTX xuất khẩu nông sản và hàng thủ công mỹ nghệ tham gia các phiên tư vấn xuất khẩu vào thị trường Trung Đông, Châu Phi, Châu Âu và Trung Quốc.

Bảng 3.1: Quy mô các hội chợ trong quá trình hỗ trợ thị trường do Liên minh Hợp tác xã Việt Nam tổ chức

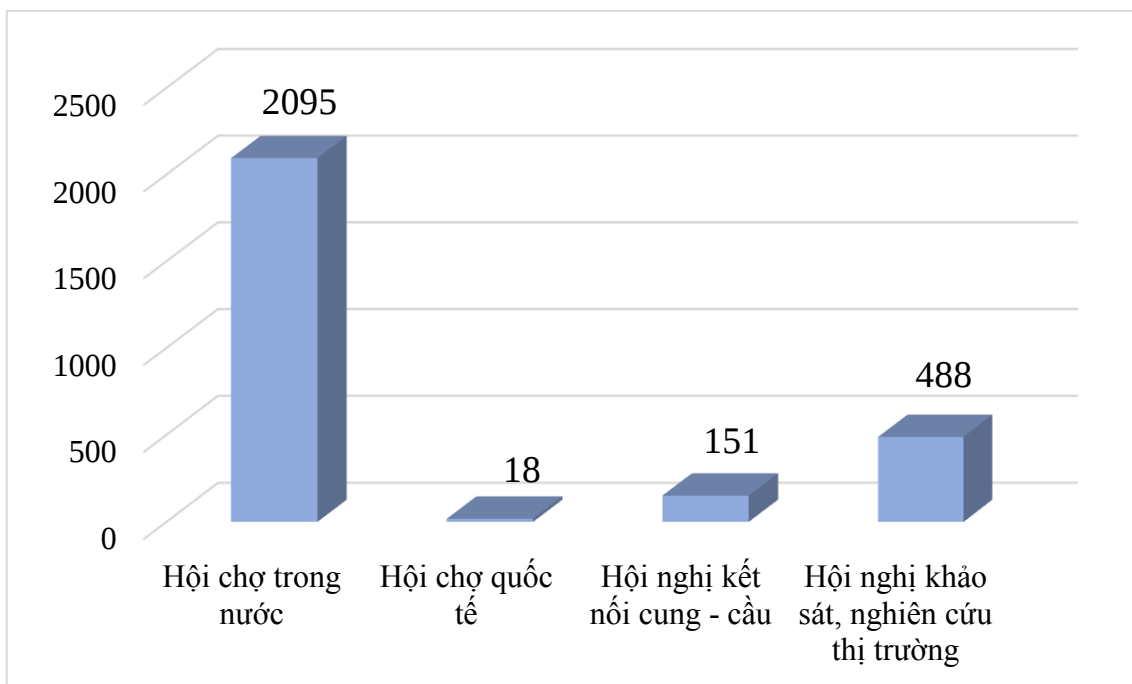
STT	Hội chợ	Số gian hàng
1	Hội chợ XTMM cho các HTX (Coop- Expo 2022)	250
2	Hội chợ khu vực Miền trung - Tây Nguyên	286
3	Hội chợ khu vực phía Nam tại thành phố Hồ Chí Minh	300
4	Hội nghị kết nối cung cầu, xúc tiến thương mại cho các HTX	435
5	Hội chợ xúc tiến thương mại cho khu vực KTTT, HTX khu vực miền Bắc	200
6	Hội chợ xúc tiến thương mại cho khu vực KTTT, HTX khu vực miền Nam	300

Nguồn: Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, 2025

Phối hợp tổ chức hội nghị, gian hàng, tuần lễ giới thiệu sản phẩm của HTX, Tổ chức Ngày hội chợ HTX, đào tạo, tập huấn kỹ năng kinh doanh, tiếp cận thị trường, kinh doanh trên nền tảng số; thu thập thông tin vùng trồng nhằm xây dựng chợ thương mại sản phẩm trực tuyến của hệ thống Liên minh HTX Việt Nam. Đặc biệt, trong bối cảnh dịch Covid, triển khai hỗ trợ xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm cho các HTX tại các khu vực ảnh hưởng dịch Covid-19 (Hải Dương, Bắc Ninh, Bắc Giang) và Chương trình kết nối cung cầu, tiêu thụ hàng hóa cho các HTX, tổ hợp tác (Chương trình 503), chủ

yếu là lương thực, thực phẩm, với 240.000 tấn nông sản và hàng ngàn đơn vị sản phẩm khác, giá trị gần 7.600 tỷ đồng qua Cổng Thông tin điện tử kết nối cung - cầu (B2B) của Liên minh HTX Việt Nam. Bên cạnh đó, tư vấn, hỗ trợ HTX xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh, dự án đầu tư và hỗ trợ vay vốn Quỹ hỗ trợ phát triển HTX Trung ương và địa phương; xúc tiến công nghệ, đào tạo nhân lực, chuyển đổi số trong quản trị hoạt động; đề nghị ngân hàng thương mại, Ngân hàng HTX, Quỹ TDND giảm lãi suất, giãn kỳ hạn trả nợ; hướng dẫn các HTX tiếp cận các chính sách hỗ trợ nhà nước, đã có 16.500 HTX được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, 2.700 HTX được miễn lệ phí môn bài, 1.200 HTX được gia hạn nộp thuế, 20 HTX được giảm thuế nhập khẩu, 5.300 HTX được tạm dừng đóng bảo hiểm xã hội vào Quỹ Hưu trí và tử tuất, 100% HTX được hỗ trợ tiền điện.

DVT: số hợp tác xã

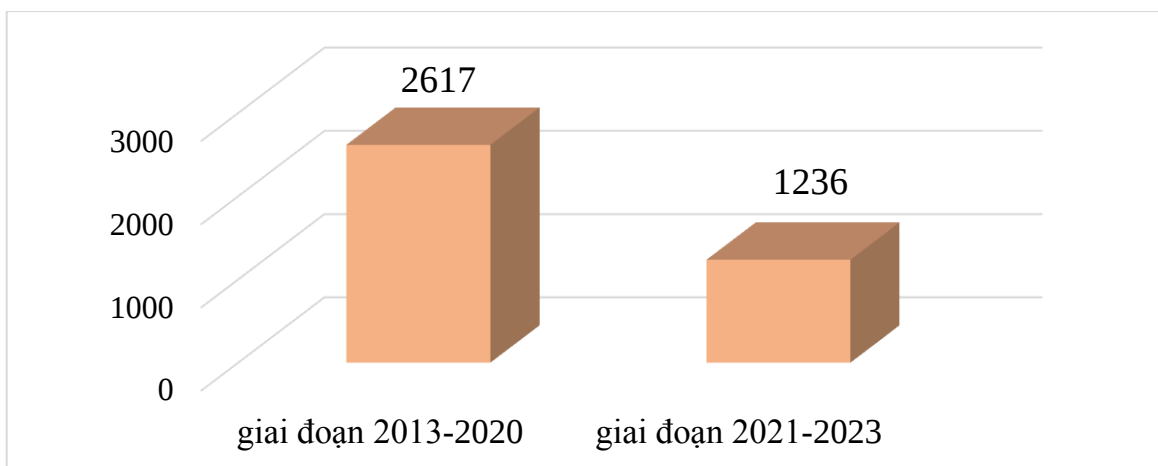


Hình 3.19. Các hình thức hỗ trợ thị trường đối với các HTXNN kiểu mới giai đoạn 2013 - 2023

Nguồn: Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, 2025

Liên minh HTX cấp tỉnh, HTX tích cực tham gia các chương trình xúc tiến thương mại hàng năm, chương trình 503; hỗ trợ cho 2.095 HTX tham gia hội chợ trong nước, 18 HTX tham gia hội chợ quốc tế, 151 hội nghị kết nối cung cầu giữa HTX với doanh nghiệp, 488 HTX khảo sát, nghiên cứu thị trường; phối hợp với các doanh nghiệp, tổ chức kết nối tiêu thụ sản phẩm, cung ứng máy móc thiết bị cho HTX; triển khai các điểm bán hàng bình ổn giá; chú trọng xây dựng, nâng cao chất lượng sản giao dịch sản phẩm, chợ đầu mối.

ĐVT: hợp tác xã



Hình 3.20. Số lượng các HTXNN được hỗ trợ xúc tiến thương mại

Nguồn: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, 2024

Đối với hỗ trợ kinh tế tập thể, HTX phát triển thương hiệu cũng được đẩy mạnh. Bộ Công Thương, Bộ Khoa học Công nghệ và Bộ NN&PTNT đã thống nhất ban hành Kế hoạch số 3926/KH - BKHCN - BCT - BNNPTNT về phối hợp hỗ trợ bảo hộ nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm xuất khẩu tiềm năng của Việt Nam ở nước ngoài giai đoạn 2022 - 2025.

Giai đoạn từ năm 2013-2020 có gần 2.617 HTXNN kiểu mới được hỗ trợ về xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ. Từ 2021-2023, tổng số HTX được hỗ trợ xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường là 1.236 HTX (xem hình 3.19). Chỉ trong vòng 3 năm, số lượng HTXNN được hỗ trợ xúc tiến thương mại gần bằng $\frac{1}{2}$ so với lượng HTXNN trong giai đoạn 2013-2020 là một sự nỗ lực khá lớn của Nhà nước ta trong việc tìm kiếm các cơ hội thị

trường lớn trong và ngoài nước đối với các HTXNN kiểu mới. Trong đó, các hình thức hỗ trợ thương mại chủ yếu dưới các dạng:

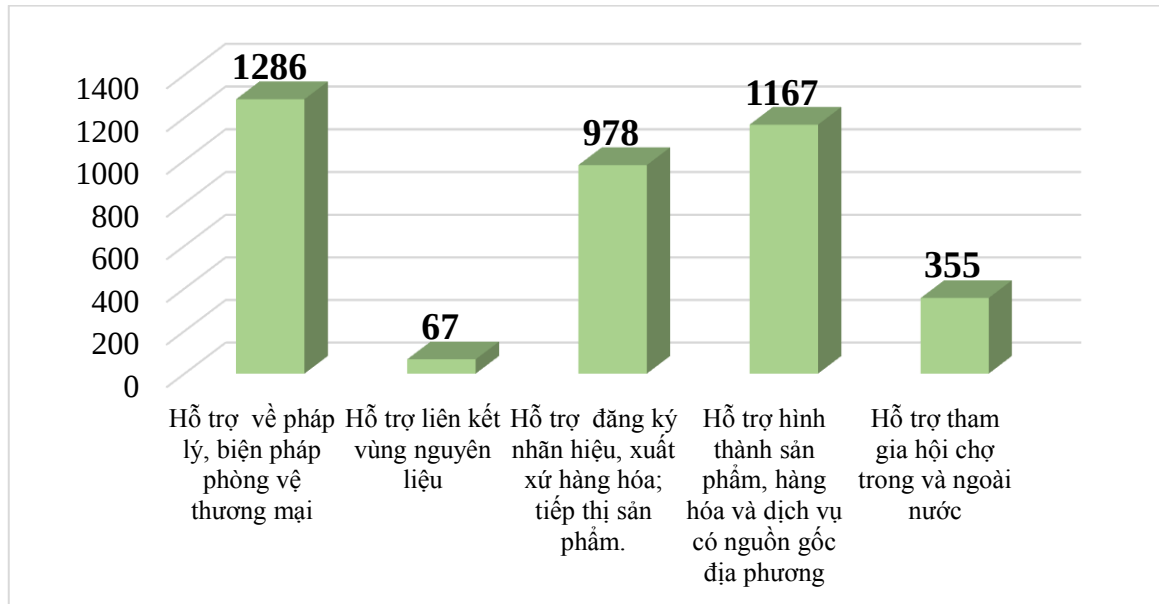
- Hỗ trợ tổ hợp tác, HTX, liên hiệp HTX được cung cấp thông tin về pháp lý, kinh tế; khảo sát và nghiên cứu thị trường; thông tin dự báo, cảnh báo các biện pháp phòng vệ thương mại áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam.

- Hỗ trợ HTXNN kiểu mới liên kết hình thành vùng nguyên liệu, sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, áp dụng và chứng nhận các tiêu chuẩn để phát triển thị trường.

- Hỗ trợ HTXNN kiểu mới xây dựng, đăng ký nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa; đăng ký, tiếp thị sản phẩm.

- Hỗ trợ hình thành sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ có nguồn gốc địa phương, có đặc trưng về giá trị kinh tế, văn hóa, lợi thế của địa phương.

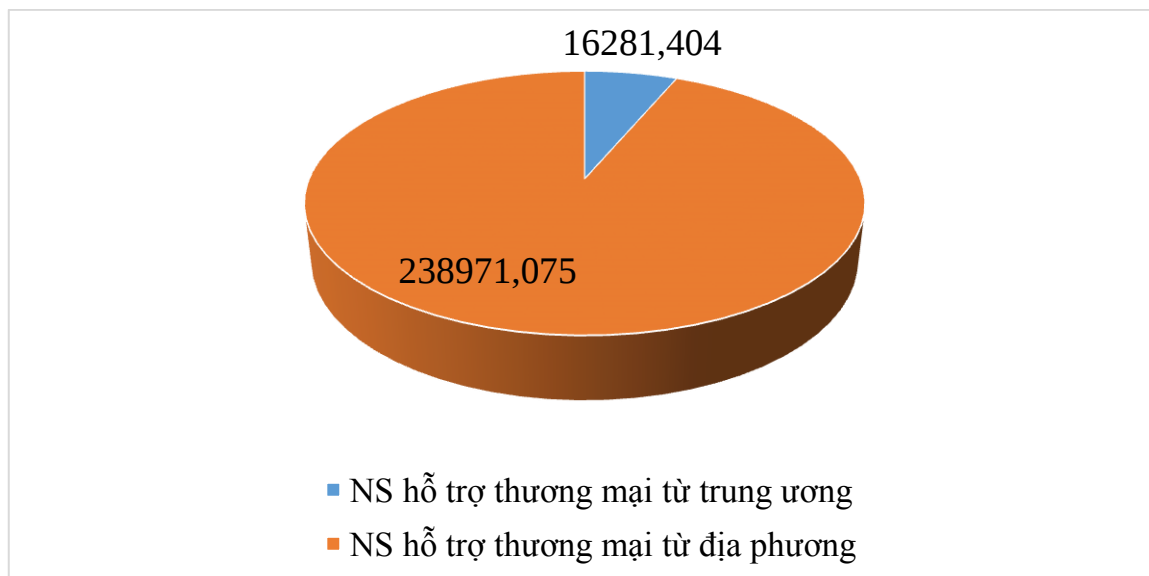
- Hỗ trợ HTXNN kiểu mới tổ chức, tham gia hội chợ, triển lãm trong nước và nước ngoài; xây dựng, triển khai, tham gia sàn giao dịch thương mại điện tử.



Hình 3.21. Phân bổ số lượng HTXNN kiểu mới nhận được hỗ trợ thương mại theo hình thức hỗ trợ

Nguồn: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, 2024

DVT: triệu đồng



Hình 3.22. Ngân sách hỗ trợ thương mại cho các HTXNN kiểu mới giai đoạn 2013-2023

Nguồn: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, 2024

Một điểm đặc biệt trong nguồn ngân sách hỗ trợ xúc tiến thương mại là phần lớn kinh phí hoạt động hỗ trợ này đến từ ngân sách địa phương hơn là ngân sách từ trung ương. Trong giai đoạn 2013-2023, ngân sách hỗ trợ cho xúc tiến thương mại vào khoảng 255,5 tỷ đồng trong đó 238,9 tỷ đồng đến từ ngân sách địa phương. Rõ ràng có thể thấy, hoạt động hỗ trợ của nhà nước đang có sự chủ động lớn từ chính quyền địa phương trong việc giúp đỡ đối với các HTXNN kiểu mới.

3.4. ĐÁNH GIÁ CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUÁ TRÌNH HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÁC HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP KIỂU MỚI Ở VIỆT NAM

3.4.1. Môi trường kinh tế vĩ mô

Trong những năm gần đây, môi trường kinh tế vĩ mô tại Việt Nam đang tạo ra cả cơ hội và thách thức rõ ràng cho việc Nhà nước hỗ trợ hợp tác xã nông nghiệp (HTXNN) kiểu mới. Thứ nhất, về tăng trưởng GDP và đóng góp của nông nghiệp: Quý I/2025, GDP cả nước ước tăng 6,93% so với cùng kỳ năm trước, đây là mức tăng cao nhất trong các quý I giai đoạn 2020-2025.

Trong đó, ngành nông, lâm, thủy sản tăng 3,74%, đóng góp khoảng 6,09% vào tổng giá trị tăng thêm của nền kinh tế (Tổng cục Thống kê, 2024). Sự tăng trưởng này cho thấy nông nghiệp vẫn giữ vai trò quan trọng, song mức tăng thấp hơn ngành công nghiệp và dịch vụ, điều này đòi hỏi hỗ trợ tập trung nhằm nâng cao năng suất và giá trị gia tăng cho HTXNN. Bên cạnh đó, quy mô và ứng dụng công nghệ trong các hợp tác xã nông nghiệp đang được cải thiện nhưng còn hạn chế. Hiện nay, trên cả nước có hơn 31.700 hợp tác xã, trong số đó hơn 20.000 là hợp tác xã nông nghiệp. Tuy nhiên, chỉ khoảng 10% (khoảng 2.000 HTXNN) đã áp dụng công nghệ cao vào sản xuất, và khoảng 2.200 HTX đã tiến tới thiết lập doanh nghiệp hoặc hợp tác đầu tư với doanh nghiệp. Quy mô thành viên trung bình của HTX nông nghiệp cũng tăng từ khoảng 170 lên trên 200 thành viên trong hai năm 2022; 2023, với tổng số thành viên đạt khoảng 3,85 triệu người. Điều này thể hiện Nhà nước và HTX đang hướng tới mô hình lớn hơn, kết nối hơn, nhưng tốc độ chuyển đổi vẫn còn chậm.

3.4.2. Năng lực cơ quan thực thi hỗ trợ của Nhà nước

Thứ nhất, năng lực nhân sự và cán bộ quản lý. Cán bộ chuyên trách về kinh tế tập thể ở nhiều địa phương còn thiếu và yếu về kỹ năng quản lý, tư vấn phát triển HTX. Nhiều nơi cán bộ kiêm nhiệm, dẫn đến việc triển khai hỗ trợ chưa sát thực tiễn. Sự hạn chế này làm giảm hiệu quả truyền tải chính sách từ cấp trung ương xuống HTX cơ sở.

Thứ hai, năng lực giám sát và đánh giá. Các cơ quan Nhà nước đã xây dựng hệ thống báo cáo định kỳ, song công tác theo dõi, giám sát hiệu quả hoạt động HTXNN còn nặng về hình thức, thiếu cơ chế đánh giá độc lập. Việc tổng kết và rút kinh nghiệm để điều chỉnh chính sách chưa kịp thời, khiến nhiều hỗ trợ chưa đúng đối tượng hoặc chưa phát huy hiệu quả mong muốn.

Thứ ba, năng lực phối hợp với các tổ chức xã hội - nghề nghiệp. Các cơ quan Nhà nước đã có sự kết hợp với Liên minh HTX Việt Nam, hội nông dân,

doanh nghiệp và viện trường trong đào tạo, chuyển giao khoa học - công nghệ. Tuy nhiên, cơ chế đối tác công - tư trong phát triển HTXNN còn yếu, chưa tạo được động lực dài hạn cho sự liên kết bền vững giữa Nhà nước, HTX và thị trường. Có thể thấy, năng lực của cơ quan thực thi hỗ trợ Nhà nước đối với HTXNN kiểu mới ở Việt Nam đã có bước tiến rõ rệt, nhưng vẫn tồn tại khoảng cách giữa chủ trương và thực thi. Để nâng cao năng lực, cần đẩy mạnh cải cách bộ máy, tăng cường đào tạo cán bộ, mở rộng nguồn lực tài chính, đồng thời hoàn thiện cơ chế giám sát và đối tác công - tư. Đây là những yếu tố quyết định để HTXNN kiểu mới thực sự trở thành động lực trong tái cơ cấu nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

3.4.3. Nguồn lực thực hiện hỗ trợ

Về nguồn vốn tín dụng và khả năng tiếp cận vốn: Theo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, đến cuối năm 2023, dư nợ tín dụng lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn đạt hơn 3,29 triệu tỷ đồng, chiếm khoảng 24,29% tổng dư nợ toàn nền kinh tế. Trong nửa đầu năm 2025, tín dụng cho nông nghiệp và vùng nông thôn tăng trưởng khoảng 5,31% so với cuối năm 2024, chiếm 23,16% tổng dư nợ của cả nước. Tuy nhiên, tín dụng cấp cho các HTX và liên hiệp HTX còn rất nhỏ: đến hết tháng 2/2024, tổng dư nợ cho các hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã chỉ đạt khoảng 6.043 tỷ đồng, trong đó chỉ khoảng 17,4% là cho hợp tác xã nông nghiệp (Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, 2024). Nhiều HTX vẫn khó đáp ứng các điều kiện vay vốn, thiếu tài sản thế chấp hoặc kế hoạch sản xuất chưa đủ rõ ràng để được ngân hàng ưu tiên.

3.4.4. Năng lực nội tại của các hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới

Trong bối cảnh tái cơ cấu nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, hợp tác xã nông nghiệp (HTXNN) kiểu mới đã và đang đóng vai trò quan trọng trong việc tổ chức sản xuất, liên kết thị trường và ứng dụng khoa học - công nghệ. Tuy nhiên, năng lực nội tại của các HTXNN hiện nay vẫn tồn tại nhiều điểm mạnh song song với những hạn chế cần được khắc phục.

Thứ nhất, về quy mô và số lượng. Tính đến năm 2023, cả nước có trên 20.000 HTXNN, chiếm hơn 65% tổng số HTX. Quy mô trung bình của một HTXNN đã tăng dần, với khoảng 200 thành viên và tổng số thành viên đạt hơn 3,8 triệu người. Điều này phản ánh sự mở rộng về mặt tổ chức và sức hút đối với nông dân, tạo cơ sở để hình thành vùng nguyên liệu tập trung, sản xuất hàng hóa quy mô lớn.

Thứ hai, về năng lực tài chính. Phần lớn HTXNN có vốn điều lệ thấp, trung bình chỉ khoảng 1,5 - 2 tỷ đồng/HTX. Nguồn vốn chủ yếu dựa vào sự đóng góp của xã viên, vốn vay ngân hàng hoặc hỗ trợ từ các chương trình Nhà nước. Tuy một số HTX đã huy động được nguồn lực từ doanh nghiệp đối tác hoặc tham gia các dự án liên kết chuỗi, nhưng nhìn chung tiềm lực tài chính còn mỏng, chưa đủ để mở rộng sản xuất, đầu tư máy móc hiện đại hay phát triển thương hiệu.

Thứ ba, về năng lực quản trị. Các HTXNN kiểu mới đã áp dụng nguyên tắc tự chủ, dân chủ, công khai, minh bạch. Một số HTX đã xây dựng chiến lược sản xuất - kinh doanh bài bản, áp dụng phần mềm quản lý và tổ chức sản xuất theo hợp đồng liên kết. Tuy nhiên, đa số ban quản trị còn hạn chế về năng lực quản lý kinh tế, kỹ năng tiếp thị, đàm phán và kiến thức pháp luật. Tình trạng quản lý mang tính truyền thống, thiếu chuyên nghiệp vẫn phổ biến, khiến HTX khó cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường.

Thứ tư, về năng lực khoa học - công nghệ. Khoảng 10% HTXNN hiện nay đã ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất như nhà kính, tưới nhỏ giọt, truy xuất nguồn gốc bằng mã QR hay thương mại điện tử. Một số mô hình tiêu biểu như HTX rau an toàn, HTX sản xuất lúa hữu cơ, HTX chăn nuôi VietGAP đã khẳng định hiệu quả. Tuy nhiên, số lượng HTX ứng dụng công nghệ tiên tiến còn quá ít so với nhu cầu, chủ yếu vẫn sản xuất nhỏ lẻ, thủ công, thiếu vốn đầu tư vào đổi mới công nghệ.

Thứ năm, về năng lực liên kết thị trường. Một số HTXNN đã ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm với doanh nghiệp, tham gia chuỗi giá trị nông sản, góp phần ổn định đầu ra cho nông dân. Tuy vậy, đa số HTX vẫn phụ thuộc vào thị trường tự do, khả năng xây dựng thương hiệu và tiếp cận kênh phân phối hiện đại còn hạn chế. Việc thiếu thông tin thị trường và kỹ năng xúc tiến thương mại khiến sản phẩm của HTX chưa tạo được sức cạnh tranh cao.

Thứ sáu, về năng lực xã hội - cộng đồng. HTXNN kiểu mới đã từng bước nâng cao tinh thần hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau giữa các xã viên, đồng thời đóng góp tích cực vào chương trình xây dựng nông thôn mới. Một số HTX trở thành hạt nhân trong phong trào giảm nghèo bền vững, tạo việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập cho xã viên. Song vẫn còn tình trạng xã viên tham gia HTX chỉ để “có tên” mà chưa gắn bó thực sự, dẫn đến tính gắn kết cộng đồng chưa cao.

3.4.5. Sự tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ tư và toàn cầu hoá đến hỗ trợ của Nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới

Trước hết, CMCN 4.0 với các công nghệ như Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), công nghệ blockchain và thương mại điện tử đang làm thay đổi phương thức sản xuất, quản trị và phân phối sản phẩm nông nghiệp. Điều này đòi hỏi Nhà nước phải hỗ trợ HTXNN trong việc tiếp cận và ứng dụng công nghệ hiện đại thông qua các chương trình đào tạo, chuyển giao kỹ thuật, hỗ trợ vốn vay và khuyến khích đổi mới sáng tạo. Ví dụ, các chính sách khuyến khích HTX ứng dụng công nghệ số trong truy xuất nguồn gốc, quản lý sản xuất và kết nối thị trường trực tuyến đã trở thành trọng tâm trong nhiều chương trình hỗ trợ nông nghiệp thời gian gần đây. Nếu thiếu sự hỗ trợ này, phần lớn HTXNN với quy mô vốn nhỏ và năng lực quản trị hạn chế sẽ khó có thể tận dụng cơ hội từ CMCN 4.0.

Thứ hai, toàn cầu hóa làm gia tăng mức độ hội nhập và cạnh tranh quốc tế. Việc tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (như CPTPP,

EVFTA, RCEP) mở ra cơ hội xuất khẩu nông sản, nhưng cũng đặt ra yêu cầu khắt khe về chất lượng, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và tiêu chuẩn môi trường. Do đó, Nhà nước phải tăng cường hỗ trợ HTXNN trong việc nâng cao năng lực quản lý chất lượng, xây dựng thương hiệu, tham gia chuỗi giá trị toàn cầu và đáp ứng các quy định kỹ thuật quốc tế. Những hỗ trợ này thể hiện ở các chính sách tín dụng ưu đãi, hỗ trợ chứng nhận VietGAP, GlobalGAP, hỗ trợ xúc tiến thương mại quốc tế và phát triển thương hiệu nông sản địa phương.

Thứ ba, CMCN 4.0 và toàn cầu hóa cũng làm thay đổi vai trò của Nhà nước trong hỗ trợ phát triển HTXNN kiểu mới. Thay vì chỉ tập trung vào hỗ trợ trực tiếp (vốn, hạ tầng, kỹ thuật), Nhà nước ngày càng chú trọng vào việc kiến tạo môi trường thể chế thuận lợi, xây dựng nền tảng pháp lý cho kinh tế số, tạo điều kiện liên kết công - tư, đồng thời khuyến khích doanh nghiệp đầu tư và hợp tác với HTX. Qua đó, HTXNN có thể phát triển năng lực nội tại, nâng cao tính tự chủ và giảm sự phụ thuộc vào trợ cấp truyền thống.

Cuối cùng, cả CMCN 4.0 và toàn cầu hóa đều đặt ra những thách thức lớn đối với HTXNN: nguy cơ tụt hậu về công nghệ, thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao, sự cạnh tranh gay gắt từ các doanh nghiệp nông nghiệp hiện đại, cũng như rào cản về vốn và kỹ năng số. Điều này đồng nghĩa với việc Nhà nước phải xây dựng chính sách hỗ trợ mang tính chiến lược, dài hạn, gắn liền với đào tạo nguồn nhân lực, chuyển đổi số nông nghiệp, phát triển kinh tế xanh - tuần hoàn và tăng cường liên kết vùng.

3.5. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP KIỂU MỚI Ở VIỆT NAM

3.5.1. Những kết quả đạt được

Quá trình hỗ trợ của nhà nước đối với HTXNN kiểu mới ở Việt Nam giai đoạn 2013-2023 đạt được những kết quả tích cực sau:

Thứ nhất, HTXNN kiểu mới phát triển trên nền tảng chủ trương, đường lối rõ ràng của Đảng và Nhà nước

Thời gian qua, các chủ trương, đường lối phát triển hợp tác xã của Đảng đã được tái khẳng định và củng cố, phù hợp với yêu cầu và tính chất của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng của nước ta. Các chủ trương, đường lối này đã được nêu cụ thể tại Nghị quyết số 20- NQ/TW, Hội nghị lần thứ 5, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XIII ngày 16/6/2022 về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới. Nghị quyết là kim chỉ nam cho các bộ, ngành, địa phương bám sát nhằm hoàn thiện các cơ chế, chính sách thúc đẩy hơn nữa sự phát triển của HTXNN kiểu mới.

Khu vực HTXNN kiểu mới phục hồi và phát triển sản xuất, kinh doanh; nhiều loại hình hợp tác xã liên kết trong sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, tạo chuỗi giá trị sản phẩm bền vững; góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của đất nước. Các HTXNN kiểu mới và các thành viên sản xuất và cung ứng thị trường trong nước và xuất khẩu các sản phẩm nông sản, OCOP, dịch vụ vận tải, tín dụng, thương mại; góp phần ổn định giá cả thị trường, phục hồi và tăng trưởng kinh tế, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, giữ vững chủ quyền của đất nước.

Chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về phát triển mô hình HTXNN kiểu mới đã có tác động nhiều mặt và trực tiếp đến việc củng cố, đổi mới, phát triển HTX nói chung, bước đầu làm thay đổi nhận thức của cán bộ, đảng viên và hộ nông dân về vai trò của HTXNN kiểu mới trong quá trình tái cơ cấu nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới. Một số HTX, tổ hợp tác đã biết phát huy nội lực, tranh thủ các điều kiện để phát triển, trong đó nhiều HTXNN kiểu mới đã có xu hướng chuyển dần từ hình thức chỉ tổ chức sản xuất hoặc chỉ tiêu thụ sản phẩm sang cung cấp

dịch vụ phục vụ sản xuất và đời sống của thành viên. Việc chuyển đổi này phù hợp với sự thay đổi của nền kinh tế thị trường, phù hợp với bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, cạnh tranh ngày càng gay gắt. Liên kết giữa các HTX và giữa HTX với các tổ chức kinh tế khác bước đầu được thiết lập và phát huy hiệu quả. Các HTXNN kiểu mới đã từng bước khẳng định là nhân tố góp phần bảo đảm ổn định chính trị, giữ gìn trật tự trị an ở cơ sở và phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương.

Thứ hai, HTXNN kiểu mới phát triển cả về số lượng và chất lượng

- Về cơ bản hoạt động của các HTXNN kiểu mới đã chuyển sang thực hiện theo Luật hợp tác xã năm 2012 (loại hình HTXNN kiểu mới), nhiều hợp tác xã hoạt động gắn với sản phẩm chủ lực của vùng, thực hiện liên kết với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị, trong đó có nhiều mô hình HTX liên kết với các doanh nghiệp xuất khẩu và các siêu thị lớn để mở rộng tiêu thụ sản phẩm; nhiều HTX đã áp dụng kỹ thuật công nghệ cao, tiên tiến vào sản xuất, công nghệ bảo quản sau thu hoạch, áp dụng nông nghiệp hữu cơ trong trồng trọt; đặc biệt một số HTX có quy mô lớn, phạm vi hoạt động rộng trên phạm vi nhiều tỉnh, doanh thu cao hàng trăm tỷ đồng đã khẳng định được vai trò của kinh tế tập thể trong phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Trình độ cán bộ quản lý các HTXNN kiểu mới được các cấp, các ngành quan tâm đào tạo, bồi dưỡng nên bước đầu được nâng lên; một số cán bộ quản lý các HTXNN kiểu mới có nhiều kinh nghiệm, tâm huyết và nhạy bén với cơ chế thị trường; một số HTXNN kiểu mới đã thực hiện thuê lao động có trình độ nên đã mạnh dạn áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào hoạt động sản xuất kinh doanh của HTX đem lại hiệu quả thiết thực cho hợp tác xã và thành viên.

- Thu nhập của HTXNN kiểu mới và thành viên trong các HTXNN kiểu mới hoạt động có hiệu quả tăng mạnh (nhiều HTXNN có thu nhập của

thành viên đạt trên 10 triệu đồng/người/tháng, có HTXNN đạt doanh thu trên 100 tỷ đồng) nên đã động viên các thành viên yên tâm tham gia và gắn bó với HTX, góp phần vào thực hiện có hiệu quả Chương trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới ở các địa phương.

Thứ ba, chất lượng hàng hóa HTXNN kiểu mới ngày càng được nâng cao

Nhiều HTXNN kiểu mới ở các tỉnh, thành phố phát triển tốt nhờ mạnh dạn thay đổi phương thức sản xuất và quản trị truyền thống; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động; đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu sản xuất; áp dụng sáng tạo các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới, công nghệ cao để tăng năng suất và nâng cao chất lượng sản phẩm đạt các tiêu chuẩn chất lượng (VietGap, hữu cơ, GlobalGap, JAS, OCOP,...). Nhiều HTXNN kiểu mới đã chủ động, tích cực trong nâng cao năng lực, khả năng cạnh tranh thông qua chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ cao, quản lý tổ chức sản xuất từ đầu vào tới sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trong nước và xuất khẩu qua các kênh bán hàng; thích ứng với thị trường nhằm vượt qua những tác động mạnh sau dịch Covid-19. Song song với đó, HTXNN kiểu mới góp phần hoàn thiện các chuỗi giá trị sản phẩm địa phương, vùng, quốc gia; phát triển mở rộng gắn với quy hoạch vùng sản xuất; nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ thành viên; đẩy mạnh liên kết các thành viên và các HTX, doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế khác.

3.5.2. Hạn chế và nguyên nhân

Quá trình hỗ trợ của Nhà nước đối với HTXNN kiểu mới ở Việt Nam giai đoạn 2013-2023 đối diện với các khó khăn sau:

Thứ nhất, khó khăn trong tiếp cận tín dụng và chuyển đổi số

Quá trình tiếp cận nguồn tín dụng ưu đãi của nhà nước thường có độ trễ về mặt thời gian quá lâu, chưa đáp ứng được một cách nhanh chóng nhu cầu mang tính chất hiện hữu trước mắt. Song song với đó, thực tế là các HTXNN kiểu mới rất khó trong việc tiếp cận nguồn vốn vay từ các tổ chức tín dụng

thương mại bởi thủ tục vay đối với các ngân hàng là khá rườm rà và điều kiện ngặt nghèo. Một vấn đề mà hiện nay các HTX đang đối mặt, đó là: vốn điều lệ quá khiêm tốn; một số HTX không có trụ sở giao dịch; phương án sản xuất kinh doanh ngắn hạn và tính rủi ro chưa được đánh giá đầy đủ; không có hợp đồng bao tiêu; độ mỏng trong năng lực quản trị của ban điều hành và một hiện nay, hình thức bảo hiểm trong sản xuất nông nghiệp chưa được thiết lập.

Lịch sử tín dụng với mức độ rủi ro cao đến từ thiên tai, dịch bệnh làm cho nhiều HTX khó lòng phục hồi nhanh và thực hiện đúng các cam kết vay mượn buổi đầu; do tài sản đảm bảo không có giá trị cao nên từ đó các tổ chức tín dụng rất ngại trong vấn đề giải ngân cũng như hình thành một tâm lý ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước.

Hiện nay, Nhà nước đã chính thức ban hành Luật hợp tác xã số 17/2023/QH15, có hiệu lực thực hiện từ tháng 7 năm 2024 (riêng điều khoản về dịch vụ tín dụng nội bộ được thực hiện từ tháng 9 năm 2023). Theo đó, Luật đã có những điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn phát triển của HTX; đặc biệt là hệ thống chính sách hỗ trợ phát triển HTX giai đoạn 2021 - 2025 vẫn được giữ nguyên nội dung, chỉ thay đổi điều kiện áp dụng của HTX phù hợp với Luật mới. Tuy nhiên, riêng về chính sách chuyên biệt hỗ trợ các HTX chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số thì chưa có. Cơ chế, chính sách hỗ trợ HTX ứng dụng công nghệ số được lồng ghép trong Chương trình Chuyển đổi số Quốc gia giai đoạn đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

Thứ hai, tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về HTX còn công kênh

Tính đến năm 2023, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn là một trong 2 Bộ (NN&PTNT và Kế Hoạch và Đầu tư) duy trì được bộ máy quản lý nhà nước riêng về HTX theo tinh thần chỉ đạo của Nghị quyết TW5 Khóa IX. Bộ máy tham mưu, quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, HTX trong lĩnh vực nông nghiệp bao gồm: 01 Cục chuyên ngành (Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn) trực thuộc Bộ và các cán bộ kiêm nhiệm của các Tổng cục, Cục

chuyên ngành thuộc Bộ chịu trách nhiệm quản lý kinh tế tập thể, HTX trong lĩnh vực chuyên môn của các Tổng Cục, Cục. Ở cấp tỉnh Chi cục Phát triển nông thôn, thuộc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, với biên chế trung bình từ 15 đến 20 người/Chi cục, thực thi quản lý nhà nước về HTXNN và một số nhiệm vụ khác ở tỉnh. Tổng biên chế ngành Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn cả nước hiện nay khoảng 1.200 cán bộ. Tuy nhiên, trong 2-3 năm gần đây một số tỉnh (Sơn La, Bình Phước, Đà Nẵng, Tây Ninh) giải thể Chi cục phát triển nông thôn, chỉ bố trí cán bộ chuyên trách về Kinh tế hợp tác tại Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn nên công tác chỉ đạo, hướng dẫn phát triển HTXNN kiểu mới gặp khó khăn.

Thứ ba, năng lực nội tại của HTXNN kiểu mới còn nhiều hạn chế

Hợp tác xã là loại hình doanh nghiệp đặc biệt thuộc sở hữu thành viên, được kiểm soát bởi các thành viên, quyết định chính sách được đưa ra bởi các thành viên, dựa trên nguyên tắc “một thành viên một phiếu”. Ra quyết định tập thể tuân theo các nguyên tắc dân chủ (như tuân theo quyết định đa số, nhưng đảm bảo rằng các ưu tiên và ý kiến thiểu số được tôn trọng) là một trong những vấn đề quan trọng trong hoạt động quản trị của HTXNN kiểu mới. Những người quản trị phải tuân theo các nguyên tắc riêng, thể hiện tính độc đáo của HTX so với các doanh nghiệp khác. Như vậy, công tác quản trị có thể rất khó khăn, nhưng nó cũng rất quan trọng đối với HTX nhưng trong nhiều HTXNN kiểu mới cán bộ quản lý chưa đáp ứng yêu cầu. Cụ thể là: năng lực quản lý tài chính, kế toán, hóa đơn, chứng từ còn yếu và thiếu; công tác hoạch định chiến lược, lập kế hoạch sản xuất kinh doanh, việc xây dựng báo cáo tài chính, lập dự án đầu tư sản xuất kinh doanh và hồ sơ vay vốn còn lúng túng, chưa bài bản, khả thi.

Việc triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ của Đảng và Nhà nước đối với khu vực kinh tế tập thể trong đó có HTXNN kiểu mới vào thực tiễn

còn nhiều bất cập. Ở nhiều địa phương, HTXNN kiểu mới gặp rất nhiều khó khăn trong việc xin thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất; việc đào tạo, ứng dụng chuyển giao khoa học công nghệ, xúc tiến thương mại, chính sách thuế; chính sách đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, chế biến sản phẩm và các chính sách khác chưa được các địa phương quan tâm thỏa đáng... Vì vậy, nhìn chung, các HTXNN kiểu mới gặp khó khăn trong việc đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển sản xuất kinh doanh, thiếu mặt bằng thực hiện dự án, do đó cũng thiếu tài sản thế chấp vay vốn.

Thứ tư, sự bất ổn từ nhu cầu thị trường đầu ra cùng với hoạt động sản xuất của HTXNN kiểu mới còn nhiều khó khăn

Các HTXNN kiểu mới còn gặp nhiều khó khăn: chi phí sản xuất cao do chi phí nhiên, nguyên vật liệu đầu vào tăng cao và nhiều biến động; thị trường tiêu thụ không ổn định; giá nông sản trong nước và xuất khẩu tăng nhưng mức độ hưởng lợi còn thấp và chưa hợp lý so với doanh nghiệp chế biến và tiêu thụ trong chuỗi giá trị.

Tại một số thời điểm sản lượng lớn lương thực, thực phẩm và nông sản khác do HTXNN kiểu mới sản xuất bị tồn đọng và khó tiêu thụ hoặc các hợp đồng không ổn định do chính sách zero Covid của thị trường Trung Quốc trong năm 2021. Nhiều HTXNN kiểu mới sản xuất nhỏ lẻ, chưa gắn với nhu cầu của thị trường; thiếu nhân lực quản trị và lao động đã qua đào tạo; thiếu vốn sản xuất, kinh doanh do khó tiếp cận vay vốn của các tổ chức tín dụng; gặp vướng mắc về quy hoạch vùng sản xuất, khó khăn về chi phí đầu vào tăng và xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc. Khoảng 80% số lượng nông sản do HTXNN kiểu mới sản xuất được lưu thông qua các chợ đầu mối, chợ truyền thống mà phần lớn chưa có truy xuất nguồn gốc và đáp ứng tiêu chuẩn VietGap, GlobalGap.

Số lượng các HTXNN kiểu mới tiếp cận các chính sách của Nhà nước

còn hạn chế, do sự hạn chế về nguồn kinh phí nên công tác triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ chưa đạt hiệu quả cao. Nội dung hỗ trợ phát triển HTXNN kiểu mới thường là các dự án có quy mô nhỏ, do đó HTXNN kiểu mới không đủ điều kiện để được bố trí vốn đầu tư công trung hạn từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương. Nhiều tỉnh bội chi ngân sách, không còn quỹ đất, hạn chế quy hoạch vùng sản xuất tập trung và chuyên canh, hạn chế nguồn lực để hỗ trợ, điều kiện và thủ tục hỗ trợ phức tạp, chưa thông tin đến HTXNN kiểu mới.

Sự phục hồi và phát triển của HTXNN kiểu mới ở các lĩnh vực ngành nghề, vùng miền chưa đồng đều; một số HTXNN kiểu mới bị thua lỗ, giảm sản lượng và quy mô; nhiều HTXNN kiểu mới chưa xây dựng được phương án sản xuất, kinh doanh hiệu quả, chưa chú trọng liên kết chuỗi giá trị, chưa mạnh dạn đầu tư ứng dụng công nghệ cao, lúng túng trong tiêu thụ đầu ra; tỷ lệ lớn sản phẩm tiêu thụ chưa có truy xuất nguồn gốc, chưa đạt chất lượng cao; trình độ lao động thấp, một số thành viên tham gia HTXNN kiểu mới còn mang tính hình thức, chưa phát huy tinh thần trách nhiệm của thành viên; việc tiêu thụ sản xuất còn bị động, không có các hợp đồng liên kết - tiêu thụ ổn định và bền vững, dựa nhiều vào thương lái.

Quá trình chuyển đổi số của các HTX diễn ra chậm; cơ sở hạ tầng thông tin của phần lớn HTXNN kiểu mới ở mức thấp, chưa đáp ứng yêu cầu của quá trình chuyển đổi số; nhiều HTXNN kiểu mới chưa có trụ sở làm việc, cán bộ quản trị và nhân lực của HTXNN kiểu mới hiểu và thực hành kỹ năng số còn hạn chế như: Kỹ năng xây dựng cơ sở dữ liệu, kỹ năng sử dụng thiết bị số, kỹ năng tìm kiếm, đánh giá và quản trị thông tin trên thiết bị số, kỹ năng sử dụng phần mềm trong quá trình sản xuất, kỹ năng truyền thông số (thông qua website, các trang thương mại điện tử, mạng xã hội), kỹ năng thương mại điện tử, kỹ năng thanh toán điện tử.

Thứ năm, kinh phí thực hiện hỗ trợ thương mại còn khá khiêm tốn

Việc triển khai chính sách xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường đến các HTXNN kiểu mới còn nhiều hạn chế. Cụ thể là kinh phí còn chiếm tỷ lệ rất nhỏ trong tổng số kinh phí từ Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia (khoảng 3.93%), nhiều nội dung xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường chưa được HTXNN kiểu mới tiếp cận như tuyên truyền xuất khẩu, phát triển sản phẩm, thâm nhập thị trường, thông tin thị trường và kết nối cung cầu... Trong khi, cơ hội cho nông sản xuất khẩu hiện nay rất lớn bởi Việt Nam đã ký Hiệp định thương mại tự do với hơn 60 thị trường.

Những hạn chế nêu trên do những nguyên nhân sau:

Thứ nhất, sự chưa phù hợp của chính sách đối với thực tiễn

Các cơ chế và chính sách hỗ trợ phát triển của Nhà nước chưa đồng bộ, chưa phù hợp với nhu cầu thực tế của HTXNN kiểu mới, nhiều chính sách chưa quy định đối tượng thụ hưởng là HTXNN kiểu mới; nguồn lực hỗ trợ cho HTXNN kiểu mới phân tán; một số địa phương chưa thực sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, cân đối kinh phí thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển HTXNN kiểu mới; số lượng và trình độ cán bộ theo dõi, tư vấn, hỗ trợ HTXNN kiểu mới ở cấp huyện, xã hạn chế. Năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý HTXNN kiểu mới chưa cao, hạn chế trong việc đưa ra chiến lược, kế hoạch kinh doanh theo cơ chế mới và tìm kiếm thị trường. Đối với lĩnh vực HTXNN kiểu mới, cán bộ làm công tác quản lý và hỗ trợ nhà nước thiếu gây khó khăn cho quá trình triển khai nhiệm vụ.

Như cách tiếp cận về khái niệm chính sách hỗ trợ nêu trên, có thể thấy, nhu cầu hỗ trợ chỉ thực sự cần khi bản thân các HTXNN kiểu mới đối diện các khó khăn nhất định về vốn, về khoa học công nghệ, về thị trường,... Tuy nhiên theo luật hợp tác xã mới nhất hiện nay, các HTXNN kiểu mới chỉ nhận được hỗ trợ khi đáp ứng một trong các điều kiện sau:

(1). Số lượng thành viên tăng trong 02 năm liên tiếp liên kế với năm nộp đơn đăng ký nhu cầu hỗ trợ; tỷ lệ giá trị giao dịch nội bộ tăng trong năm

trước liền kề với năm nộp đơn đăng ký nhu cầu hỗ trợ; tỷ lệ trích lập quỹ chung không chia cao hơn so với mức tối thiểu quy định tại Điều 84 Luật hợp tác xã trong năm trước liền kề với năm nộp đơn đăng ký nhu cầu hỗ trợ;

(2). Tăng giá trị tài sản chung không chia trong năm trước liền kề với năm nộp đơn đăng ký nhu cầu hỗ trợ; có ít nhất 5% tổng số thành viên, người lao động được tham gia các lớp giáo dục, đào tạo, phổ biến, bồi dưỡng, tập huấn do HTX, liên hiệp HTX tự tổ chức hoặc do các cơ quan, đoàn thể, tổ chức khác tổ chức và đã được cấp chứng nhận tham gia khóa học hoặc có danh sách thành viên, người lao động tham gia khóa học có đóng dấu của HTX, liên hiệp HTX (đối với các khóa học do HTX, liên hiệp HTX tự tổ chức, thì HTX, liên hiệp HTX phải có kế hoạch tổ chức khóa học, nội dung khóa học và danh sách khóa học có chữ ký của người tham gia khóa học) tính đến thời điểm năm trước liền kề với năm nộp đơn đăng ký nhu cầu hỗ trợ;

(3) HTXNN kiểu mới được thành lập không quá 36 tháng tại địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư tính đến thời điểm nộp đơn đăng ký nhu cầu hỗ trợ.

Nhìn vào các điều kiện nêu trên, có thể thấy các tiêu chí như tăng số lượng thành viên hoặc tăng giá trị tài sản chung không chia trong 2 năm liên tiếp là những “chỉ báo” cho một HTXNN đang phát triển tốt thay vì nhu cầu hỗ trợ đến từ các HTXNN đang gặp khó khăn. Chính điều này vô hình chung chỉ hướng đến hỗ trợ cho các HTXNN kiểu mới có tiềm năng phát triển thay vì các HTXNN kiểu mới thực sự khó khăn và có nhu cầu.

Thứ hai, một số HTXNN kiểu mới chưa thực sự chủ động, mạnh dạn đầu tư trong khôi phục và phát huy nội lực để vươn lên phát triển sản xuất kinh doanh

Năng lực nội tại của các HTXNN kiểu mới còn yếu, đặc biệt là vốn, cơ sở vật chất, thiết bị công nghệ, trình độ đội ngũ cán bộ quản lý của các HTXNN kiểu mới còn yếu; quy mô sản xuất nhỏ hoặc siêu nhỏ; tính liên kết

hợp tác trong hợp tác xã chưa cao, thành viên chưa tham gia tích cực vào hoạt động chung của HTXNN kiểu mới; khả năng mở rộng quy mô, đa dạng hóa ngành nghề, ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số, sản xuất theo chuỗi giá trị sản phẩm, tiếp cận với các chương trình, dự án cũng như các nguồn vốn tín dụng của các HTXNN kiểu mới còn hạn chế.

Các tổ chức kinh tế nói chung và HTXNN kiểu mới nói riêng vẫn bị ảnh hưởng bởi những tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19. Tình hình kinh tế và chính trị thế giới tác động gây lạm phát, đứt gãy chuỗi cung ứng và bất ổn về thị trường tiêu thụ nông sản. Điều này làm cho việc hỗ trợ thị trường còn nhiều khó khăn.

Một số địa phương chưa có sự quan tâm đúng mức trong việc chỉ đạo, định hướng, xây dựng cơ chế chính sách, tập trung tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc tạo điều kiện cho HTXNN kiểu mới phát triển; chưa tập trung chỉ đạo giải quyết những khó khăn, vướng mắc của các HTXNN kiểu mới và xử lý giải thể các HTXNN yếu kém, ngừng hoạt động.

Thứ ba, môi trường pháp lý cho hoạt động của HTXNN kiểu mới chưa thực sự hoàn thiện và đồng bộ. Nhận thức của xã hội về vai trò của HTXNN kiểu mới vẫn còn nhiều hạn chế. Sự cạnh tranh ngày càng gay gắt trong nền kinh tế thị trường cũng tạo ra nhiều thách thức cho sự phát triển của các HTXNN kiểu mới. Chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với HTX được ban hành nhưng thiếu đồng bộ và một số chính sách trong các lĩnh vực không quy định rõ đối tượng HTXNN kiểu mới; nguồn lực hỗ trợ phân tán ở nhiều kênh, chưa có sự bình đẳng, vướng mắc trong hỗ trợ các đối tượng, loại hình HTX tại địa phương.

Thứ tư, năng lực và trình độ của đội ngũ cán bộ trong hệ thống Liên minh HTX Việt Nam nói riêng và Nhà nước nói chung còn chưa đồng đều và chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của thực tiễn. Cơ cấu tổ chức còn chồng chéo, thiếu linh hoạt, chưa phát huy được hiệu quả. Nguồn lực tài chính còn hạn hẹp, phụ thuộc nhiều vào ngân sách nhà nước. Công tác điều phối và

phối hợp giữa các đơn vị, các cấp trong hệ thống chưa thực sự chặt chẽ và hiệu quả. Vai trò, trách nhiệm của các bên chưa được xác định rõ ràng, dẫn đến tình trạng chồng chéo hoặc bỏ trống trong thực hiện nhiệm vụ;

Thứ năm, chưa xây dựng được chiến lược phát triển dài hạn HTXNN kiểu mới một cách rõ ràng và khả thi. Công tác nghiên cứu, đánh giá nhu cầu của các thành viên chưa được chú trọng đúng mức, dẫn đến việc hoạch định chính sách và triển khai các hoạt động hỗ trợ thiếu tính đột phá và hiệu quả. Cơ chế phối hợp với các cơ quan nhà nước còn nhiều bất cập, thiếu các quy định chi tiết về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Hệ thống giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động chưa được xây dựng một cách khoa học và phù hợp.

Tiểu kết chương 3

Chương 3 đã đi sâu vào các nội dung:

Thứ nhất, đánh giá thực trạng về quá trình phát triển HTXNN kiểu mới ở Việt Nam trong giai đoạn 2013 - 2023.

Trong đó, số lượng HTXNN kiểu mới năm 2023 tăng gấp 2 lần so với năm 2013, điều này chứng tỏ HTXNN kiểu mới thực sự là một mô hình kinh tế có sức hút lớn và có những tiềm năng kinh tế lớn, giữ vai trò trọng yếu trong hoạt động kinh tế của người dân ở nông thôn. Trong giai đoạn 2013-2023; số lượng HTXNN kiểu mới bị giải thể và sáp nhập trong cả nước khá cao, khoảng 2.074 HTXNN. Hiện nay, ở Việt Nam có hai mô hình quản lý HTXNN được phân thành hai nhóm chính: (1) Quản lý riêng, điều hành riêng; (2) Vừa quản lý, vừa điều hành. Trong đó, mô hình quản lý thứ 2 được áp dụng phổ biến đối với HTXNN kiểu mới. Tính đến 12/2023, loại hình HTX dịch vụ tổng hợp chiếm tỷ trọng cao nhất trong số các HTXNN kiểu mới đang hoạt động ở nước ta. Loại hình HTX trồng trọt đứng vị thứ 2 với 38,5% tỷ trọng; HTX trong lĩnh vực thủy sản và chăn nuôi chiếm tỷ trọng bằng nhau 5,5% và thấp nhất là loại hình HTX diêm nghiệp tập trung ở các tỉnh thành ven biển. Trung du miền núi phía Bắc có số lượng HTXNN kiểu mới nhiều nhất với 5.535 hợp tác xã

(chiếm 27%); đồng bằng sông Hồng; có 5,248 hợp tác xã (chiếm 25,6%); Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung 4.510 hợp tác xã (chiếm 22%); Tây Nguyên có 1.599 hợp tác xã (chiếm 7,8%); Đông Nam Bộ có 861 hợp tác xã (chiếm 4,2%); Đồng bằng sông Cửu Long 2.747 hợp tác xã (chiếm 13,4%).

Thứ hai, thực trạng hỗ trợ của Nhà nước đối với HTXNN kiểu mới ở Việt Nam.

Một là, hỗ trợ về vốn tài chính: Hệ thống Quỹ hỗ trợ phát triển HTX được tổ chức từ Trung ương đến địa phương. Ở Trung ương, Quỹ hỗ trợ phát triển HTX được giao cho Liên minh hợp tác xã Việt Nam quản lý. Song trong thực tế, quá trình tiếp cận nguồn vốn tài chính hỗ trợ gặp không ít khó khăn hiện hữu bởi khá nhiều HTX chưa thoả mãn những điều kiện cơ bản trong tiếp cận tín dụng

Hai là, hỗ trợ đất đai. Với các quy định cụ thể trong Luật Hợp tác xã năm 2012 và Luật Đất đai năm 2013, cơ hội tiếp cận đất đai để mở rộng quy mô sản xuất của các Hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ở Việt Nam trong giai đoạn 2013 - 2013 đã có sự thay đổi rõ nét. Tỷ lệ các HTXNN kiểu mới được cấp và hỗ trợ thuê đất ổn định, lâu dài có sự gia tăng đáng kể trong giai đoạn 2013 - 2023. Có thể thấy, đây là dấu hiệu khá tích cực để HTXNN kiểu mới càng phát triển hơn về quy mô và chất lượng tăng trưởng bởi đặc trưng của ngành nông nghiệp Việt Nam nói chung và HTXNN kiểu mới nói riêng cho thấy đất đai là yếu tố mang tính chất “sống còn” để phát triển.

Ba là, hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực. Trong 04 năm qua, các địa phương đã hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cho 63.621 lượt cán bộ HTX với kinh phí 467,9 tỷ đồng, chiếm 43,8% số kinh phí hỗ trợ (trong đó ngân sách Trung ương 265.040 triệu đồng, ngân sách địa phương 202.854 triệu đồng). Đây là chính sách được hỗ trợ nhiều nhất, tuy nhiên, hiệu quả hỗ trợ chưa cao do việc hỗ trợ còn dàn trải, chưa trọng tâm, trọng điểm vào các nội dung cần đào tạo; mặt khác chương trình và giáo trình đào tạo còn chưa phù hợp với đối tượng học.

Bốn là, hỗ trợ trong tiếp cận và thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ. Với chính sách hỗ trợ ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới, các địa

phương đã thực hiện hỗ trợ 3.926 hợp tác xã với kinh phí 1206 tỷ đồng, chiếm 18,6% số kinh phí hỗ trợ (trong đó ngân sách Trung ương 627 tỷ đồng, ngân sách địa phương 579 tỷ đồng). Việc hỗ trợ chủ yếu do Bộ NN&PTNN sử dụng nguồn lực của Trung ương hỗ trợ cho các tỉnh theo Chương trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ mới, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm nông nghiệp.

Năm là, hỗ trợ tiếp cận và nghiên cứu thị trường của nhà nước đối với HTXNN kiểu mới. Trong giai đoạn 2013 - 2023, Liên minh HTX Việt Nam đã tiến hành xây dựng, triển khai nhiều chương trình xúc tiến thương mại kết hợp xúc tiến đầu tư, xây dựng chuỗi giá trị, chuyển đổi số và nâng cao hiệu quả cho HTXNN kiểu mới giai đoạn 2023-2025. Liên minh Hợp tác xã Việt Nam cũng đã tổ chức thành công 07 hội chợ xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu cho khu vực kinh tế tập thể, HTX, ký kết 140 hợp đồng, biên bản ghi nhớ, thực hiện 308 kết nối tiêu thụ, giới thiệu sản phẩm cho các HTX.

Chương 3 cũng đã rút ra những đánh giá chung khi đánh giá thực trạng hỗ trợ của Nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ở Việt Nam: (1). HTXNN kiểu mới phát triển trên nền tảng chủ trương, đường lối rõ ràng của Đảng và Nhà nước. (2). HTXNN kiểu mới phát triển cả về số lượng và chất lượng. (3). Chất lượng hàng hóa HTXNN kiểu mới ngày càng được nâng cao. Một số những hạn chế cũng được đề cập: (1). Khó khăn trong tiếp cận tín dụng và chuyển đổi số. (2) Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về HTX còn công kênh. (3). Năng lực nội tại của HTXNN kiểu mới còn nhiều hạn chế. (4). Sự bất ổn từ nhu cầu thị trường đầu ra cùng với hoạt động sản xuất của HTXNN kiểu mới còn nhiều khó khăn. (5). Kinh phí thực hiện hỗ trợ thương mại còn khá khiêm tốn.

Chương 4

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP KIỂU MỚI Ở VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

4.1. BỐI CẢNH TÁC ĐỘNG ĐẾN SỰ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP KIỂU MỚI Ở VIỆT NAM

4.1.1. Bối cảnh thế giới

Tình hình kinh tế và chính trị thế giới thay đổi một cách liên tục đặt ra những thách thức khá lớn đối với tình hình phát triển ngành nông nghiệp trong nước nói chung và các HTXNN kiểu mới nói riêng. Toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế tạo cơ hội lớn cho khả năng tiếp cận thị trường nông sản lớn trên thế giới nhưng cũng đặt ra không ít thách thức khi các chính sách bảo hộ hậu covid-19 lên ngôi. Tình hình diễn biến kinh tế thế giới phức tạp và các điểm nóng chính trị xã hội liên tục phát sinh đã làm ảnh hưởng đến khả năng kết nối thị trường nông sản giữa Việt Nam và phần còn lại của thế giới.

Chiến tranh thương mại giữa các nước gây áp lực lớn chưa từng có đối với các chuỗi cung ứng nông sản và thực phẩm toàn cầu. Kết quả là thế giới đã chứng kiến những điểm nghẽn trong các ngành đầu vào, sản xuất nông nghiệp, chế biến thực phẩm, vận tải và hậu cần, cũng như sự thay đổi lớn về nhu cầu đối với thực phẩm và dịch vụ ăn uống. Hơn nữa, các nước đang thực hiện các biện pháp để giải quyết các nguy cơ sức khỏe phổ biến, dẫn đến nền kinh tế tự co lại ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các HTXNN kiểu mới và người tiêu dùng trên toàn thế giới. Các HTXNN kiểu mới đang đối mặt với những bất ổn do cuộc khủng hoảng bất ngờ cần được tiếp cận thông tin và phân tích để đưa ra quyết định của họ (Ngân hàng Thế giới, 2020). Thứ nữa, chính sách bảo hộ đối với lĩnh vực nông nghiệp của các

quốc gia có xu hướng tăng lên để họ vực dậy lĩnh vực nông nghiệp của quốc gia họ, điều này làm ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng xuất khẩu nông sản của nước ta nói chung và tình hình sản xuất kinh doanh của các HTXNN kiểu mới nói riêng. Trong bối cảnh đó, các chính sách hỗ trợ của nhà nước cần hướng đến việc ưu tiên hơn các thị trường đầu ra để tránh tình trạng “tắc nghẽn” thị trường và ảnh hưởng đến tính lâu dài và bền vững của sản xuất nông nghiệp mô hình HTX.

Những đổi thay từ cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã tạo ra những cơ hội lớn trong việc tiếp cận công nghệ mới trong sản xuất nông nghiệp nhưng cũng đặt ra không ít những thách thức đối với hoạt động hỗ trợ của nhà nước đối với phát triển các HTXNN kiểu mới. Những yêu cầu về vệ sinh dịch tễ, an toàn thực phẩm được đặt lên hàng đầu, ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động của các HTXNN kiểu mới nếu như bản thân các HTXNN kiểu mới chưa có sự chuẩn bị và dự phòng. Yêu cầu đặt ra, tính kết nối về công nghệ của Nhà nước phải nhanh hơn và phù hợp với thị hiếu đầu ra của thị trường nhưng hài hòa đối với năng lực tài chính của các HTXNN kiểu mới - vốn là các cơ sở có sự khiêm tốn hơn về quy mô tài chính đối với các loại hình kinh doanh khác.

Hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, và với đặc thù là một quốc gia với độ mở kinh tế hơn 200% so với GDP như hiện nay, là một cơ hội lớn đối với việc tiếp cận thị trường nông sản thế giới của các HTXNN kiểu mới ở Việt Nam. Bên cạnh lợi thế chung đó, những khó khăn của hội nhập của khá là phức tạp. Một khi những rào cản chính thức (ví dụ như thuế) khi chúng ta gia nhập vào các tổ chức kinh tế như CPTPP, EVFTA được giảm để tiếp cận thị trường thế giới thì hàng hóa nông sản giá rẻ từ các quốc gia khác lại có cơ hội xâm nhập thị trường Việt Nam. So sánh trên sự tương quan về quy mô và nguồn lực, việc bị “lép vế” của HTXNN kiểu mới ở nước ta so với quy mô

của các quốc gia khác sẽ rất dễ làm cho các HTXNN kiểu mới ở nước ta bị mất “thị trường” ngay cả trên quốc gia mình. Do đó, việc hỗ trợ của Nhà nước cần hướng đến đánh giá toàn diện những lợi ích và khó khăn mà các HTXNN kiểu mới phải đối diện trong quá trình mở cửa hội nhập và từ đó có những chính sách và chế tài cụ thể.

4.1.2. Bối cảnh trong nước

Đất nước vừa trải qua những khó khăn do ảnh hưởng từ đại dịch Covid-19; hệ lụy từ đại dịch này không chỉ ảnh hưởng đến sức khỏe người dân mà còn gây ra những xáo trộn và suy thoái kinh tế nghiêm trọng. Một dấu hiệu mang tính chất điển hình là nguồn thu ngân sách trở nên hạn hẹp, chi quá nhiều để hỗ trợ y tế do Covid-19 nên ngân sách Việt Nam trở nên vô cùng khó khăn sau đại dịch. Chính điều này làm cho nguồn lực tài chính tham gia hỗ trợ phát triển ngành nông nghiệp nói chung và các HTXNN kiểu mới nói riêng ở nước ta sẽ bị ảnh hưởng và có xu hướng sụt giảm.

Xu hướng phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn là tất yếu trên toàn cầu, Việt Nam cần tăng cường hỗ trợ HTXNN ứng dụng công nghệ cao, truy xuất nguồn gốc, nông nghiệp số, thương mại điện tử.

Nông nghiệp Việt Nam nói chung và các HTXNN kiểu mới nói riêng còn thua kém các nước trong khu vực nếu xét về hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp, lao động và nước. Năng suất yếu tố tổng hợp từng tăng trưởng mạnh nhưng tốc độ tăng trưởng đã giảm xuống trong vài năm gần đây. Khoảng cách giữa thu nhập nông nghiệp và phi nông nghiệp ngày càng rộng và bất bình đẳng thu nhập tại khu vực nông thôn ngày càng tăng. Hầu hết hàng nông sản của Việt Nam được bán ở dạng nguyên liệu thô với giá thấp hơn các nước khác do còn thua kém về chất lượng và một số nguyên nhân khác. Ngay ở trong nước, an toàn thực phẩm đang trở thành vấn đề đáng quan ngại. Tăng trưởng sản lượng nông nghiệp đạt được nhờ sử dụng ngày càng nhiều đầu vào

với chi phí lớn hơn về môi trường. Phần lớn tăng trưởng nông nghiệp Việt Nam cho đến nay dựa vào mở rộng sản xuất hoặc tăng cường sử dụng đất và các tài nguyên thiên nhiên khác, cũng như sử dụng khá nhiều phân bón và các hóa chất khác trong nông nghiệp. Do đó tăng trưởng nông nghiệp cũng đi kèm tác động xấu về môi trường như phá rừng, hủy hoại nguồn lợi thủy sản, suy thoái đất và ô nhiễm nước. Nói cách khác, tăng trưởng nông nghiệp Việt Nam dựa khá nhiều vào sức lao động, tài nguyên thiên nhiên và hóa chất trong sản xuất. Nguồn lực công nghệ vẫn còn khá khiêm tốn, do đó yêu cầu đặt ra của nhà nước trong việc hỗ trợ phát triển cần tái cấu trúc lại các yếu tố đầu vào của sản xuất tại các HTXNN kiểu mới cho phù hợp, hướng đến gia tăng hàm lượng công nghệ cao vào trong sản xuất.

Nông nghiệp Việt Nam hiện đang đứng trước ngã ba đường. Ngành nông nghiệp đang bị cạnh tranh về nhân công, tài nguyên đất và nước bởi quá trình đô thị hóa, phát triển công nghiệp và dịch vụ. Chi phí lao động tăng làm ảnh hưởng tới năng lực cạnh tranh vốn dựa trên lợi thế về chi phí sản xuất thấp của nông sản thô. Sử dụng quá mức vật tư đầu vào và tài nguyên thiên liệu đang trở thành vấn đề nóng bỏng. Một số vấn đề môi trường đang cản trở tăng năng suất lao động và vị thế cạnh tranh của Việt Nam trên thị trường quốc tế. Việt Nam đang đứng trước các cơ hội hứa hẹn cả trên thị trường trong nước và quốc tế, nhưng muốn thành công thì các HTXNN kiểu mới phải có khả năng tạo ra các sản phẩm (gồm thực phẩm và các sản phẩm khác) có độ tin cậy, chất lượng, an toàn và bền vững. Trong tương lai ngành nông nghiệp phải đảm bảo “tăng giá trị, giảm đầu vào”. Tức là, phải tạo ra nhiều giá trị gia tăng hơn mang lại hiệu quả cao hơn cho nông dân và người tiêu dùng đồng thời sử dụng ít hơn tài nguyên, nhân công và hóa chất độc hại. Tăng trưởng sẽ dựa chủ yếu trên hiệu quả, đổi mới sáng tạo, đa dạng hóa và tạo thêm giá trị mới (Ngân hàng Thế giới, 2018).

4.2. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ MỤC TIÊU HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP KIỂU MỚI Ở VIỆT NAM

4.2.1. Phương hướng hỗ trợ của nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới

Thứ nhất, điều chỉnh, bổ sung hoàn thiện chính sách hỗ trợ theo hướng có chọn lọc và trọng tâm, kích thích khởi nghiệp HTX trong nông nghiệp, thúc đẩy sự phát triển bền vững của HTXNN kiểu mới

Những chính sách hỗ trợ của nhà nước đối với HTXNN kiểu mới nên hướng đến các nút thắt mang tính chất trọng yếu mà HTX đang đối diện, đơn cử như: khó khăn trong quá trình thẩm định năng lực tài chính cho các khoản vay; cơ hội tiếp cận các công nghệ sản xuất mới còn nhiều khó khăn hay cơ hội thúc đẩy tìm kiếm thị trường tiêu dùng tiềm năng trên thế giới.

Chuyển đổi tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp; thực hiện tư duy kiến tạo trong nông nghiệp; triển khai chủ trương tri thức hóa nông dân, hình thành đội ngũ nông dân chuyên nghiệp. Tư duy kinh tế là tư duy thị trường, khơi thông thị trường quyết định sản xuất bền vững, tín hiệu thị trường là chỉ dấu cho đầu vào sản xuất. Tư duy kinh tế là “chuyển từ tăng trưởng đơn giá trị sang tăng trưởng tích hợp đa giá trị”.

Thứ hai, giảm bớt hỗ trợ trực tiếp cho HTXNN kiểu mới, hướng đến khuyến khích phát triển, tạo môi trường sản xuất và kinh doanh thuận lợi

Hỗ trợ của Nhà nước đối với phát triển HTXNN kiểu mới là một nhu cầu cần thiết dù ở bất kỳ hoàn cảnh hay thời kỳ nào. Câu hỏi đặt ra ở đây là: liệu rằng sự hỗ trợ trực tiếp có còn phù hợp với bối cảnh hiện tại khi mà gia nhập kinh tế quốc tế - các yêu cầu về hỗ trợ mang tính chất “bảo hộ” đòi hỏi phải xóa bỏ. Cùng với đó, do đặc thù ngân sách nhà nước hạn hẹp hơn sau Covid-19, các chính sách hỗ trợ sẽ có phần thu hẹp; bản thân các HTXNN kiểu mới nếu quá “dựa dẫm” vào các chính sách hỗ trợ vô hình chung sẽ gây ra những phản ứng trái chiều so với mục đích ban đầu của chính sách.

Phải xác định rõ HTXNN kiểu mới tồn tại và phát triển là yếu tố khách quan và xuất phát từ nhu cầu "hợp tác" để mang lại lợi ích cho các thành viên và lợi nhuận cho HTX. Là tổ chức kinh tế tập thể có hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, HTXNN kiểu mới cần được đối xử bình đẳng như các thành phần kinh tế khác của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta, tức là Nhà nước chỉ nên có các chính sách khuyến khích phát triển HTXNN kiểu mới một cách hài hoà mà không nên coi HTX là khu vực tập hợp của những người yếu thế cần "hỗ trợ, ưu đãi". Chỉ có như vậy mới tạo ra sự phát triển lành mạnh, bền vững cho khu vực HTX, phát huy tính tự chủ của HTXNN kiểu mới, hạn chế được tình trạng càng "hỗ trợ, ưu đãi" thì khu vực này càng thụ động và càng kém phát triển, hoặc khi Nhà nước dừng "hỗ trợ, ưu đãi" là HTXNN kiểu mới sẽ hoạt động kém hiệu quả, thậm chí dừng hoạt động hoặc giải thể như trước đây. Trong các văn bản chính sách nên sử dụng cụm từ "khuyến khích phát triển" thay cho cụm từ "hỗ trợ, ưu đãi". "Khuyến khích phát triển" là những hoạt động chính sách tạo động lực và những điều kiện thuận lợi để thúc đẩy khu vực HTXNN kiểu mới phát triển mạnh mẽ hơn. Hay nói cách khác, phương thức khuyến khích phát triển HTXNN kiểu mới là phải tác động vào đúng nhu cầu thực tế của HTXNN kiểu mới, đó là: Thiết lập thể chế phù hợp cho phát triển; xây dựng môi trường thông tin minh bạch; tạo điều kiện dễ dàng tiếp cận vốn, khoa học, công nghệ; hỗ trợ xây dựng thương hiệu và thông tin thị trường.

Thứ ba, phân định rõ ràng chức năng, nhiệm vụ của cơ quan chuyên trách trong việc triển khai các chính sách hỗ trợ cho HTXNN kiểu mới

a) Đối với các bộ, ngành

- Tích cực triển khai Luật HTX năm 2023 và các văn bản hướng dẫn thi hành; chủ động rà soát, sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh hoặc bãi bỏ các cơ chế, chính sách thuộc ngành, lĩnh vực mình quản lý chưa phù hợp với tình hình thực tế, có mâu thuẫn với Luật HTX năm 2023 và các văn bản hướng dẫn.

- Bộ Tài chính: Theo dõi, tháo gỡ khó khăn trong việc lập và phân bổ dự toán thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, HTX theo quy định tại Luật HTX năm 2023 và Nghị định số 113/2024/NĐ-CP, cân đối bố trí vốn để thực hiện; nghiên cứu, sửa đổi chính sách thuế, phí và lệ phí cho các hợp tác xã theo định hướng tại Nghị quyết số 20-NQ/TW và đồng bộ với Luật Hợp tác xã năm 2023. Tư vấn giải pháp chuyển đổi số đối với quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ và chuyển đổi mô hình kinh doanh; thuê, mua các giải pháp chuyển đổi số để tự động hóa, nâng cao hiệu quả quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ trong cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và chuyển đổi mô hình kinh doanh; tư vấn xác lập quyền sở hữu trí tuệ; tư vấn quản lý và phát triển các sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; tư vấn chuyển giao công nghệ; Nhà nước phát triển một số phần mềm, ứng dụng phục vụ cho sản xuất, kinh doanh để các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã dùng chung và không thu tiền. Xây dựng trang thông tin điện tử cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và kết nối với Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã.

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện các chính sách hỗ trợ HTXNN kiểu mới phù hợp với quy định của Luật HTX năm 2023 và theo định hướng của Chính phủ tại Nghị quyết số 106/NQ-CP ngày 18/7/2023 về phát triển HTX nông nghiệp trong tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới; nghiên cứu, sửa đổi chính sách đất đai theo định hướng tại Nghị quyết số 20-NQ/TW và đồng bộ với Luật Hợp tác xã năm 2023; nghiên cứu, hướng dẫn hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền quy định cụ thể về điều kiện mặt bằng đất đai (quy định riêng) để tham gia dự án khi HTXNN kiểu mới được hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng như nhà kho, sân phơi, kho lạnh,... giúp các HTX tháo gỡ khó khăn, vướng mắc khi thực hiện dự án đầu tư cơ sở hạ tầng.

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: Hướng dẫn, hỗ trợ các HTX, nhất là các HTX ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp được tiếp cận, vay vốn tại các ngân hàng, tổ chức tín dụng; báo cáo Thủ tướng Chính phủ về gói tín dụng ưu đãi cho HTX theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 132/TB-VPCP ngày 01/4/2024.

- Liên minh HTX Việt Nam: Phát huy vai trò đại diện nông cốt, hỗ trợ các tổ chức kinh tế tập thể; tích cực tuyên truyền về vị trí, vai trò của khu vực trọng yếu này; tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của khu vực kinh tế tập thể về vai trò, ý nghĩa của tăng trưởng xanh, nhiệm vụ chuyển đổi xanh; nâng cao năng lực nhận diện nhãn năng lượng, nhãn sinh thái, nhãn xanh đối với hàng hóa, sản phẩm; tăng cường phổ biến thông tin sản phẩm, dịch vụ phát thải thấp, thân thiện môi trường; nâng cao hiệu quả hoạt động của Quỹ Hỗ trợ phát triển HTX trung ương và hướng dẫn nghiệp vụ cho các Quỹ HTX địa phương, nghiên cứu tiếp cận các nguồn tài chính xanh.

b) Các địa phương

- Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế tập thể, HTX; nghiên cứu triển khai các quy định tại Luật HTX năm 2023, các quy định tại Nghị định số 92/NĐ-CP ngày 18/7/2024, Nghị định số 113/NĐ-CP ngày 12/9/2024.

- Phối hợp chặt chẽ với Ban Chỉ đạo quốc gia về kinh tế tập thể, các bộ ngành có liên quan trong quá trình triển khai các nhiệm vụ, chương trình, đề án phát triển kinh tế tập thể; tổng hợp, kịp thời báo cáo các vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai Luật Hợp tác xã, các văn bản hướng dẫn Luật và các nhiệm vụ phát triển kinh tế tập thể về Bộ Tài chính để kịp thời giải quyết.

- Cân đối bố trí kinh phí năm 2025 và hàng năm để triển khai các chính sách hỗ trợ, phát triển kinh tế tập thể, HTX từ nguồn ngân sách địa phương quản lý, kinh phí lồng ghép từ các chương trình mục tiêu quốc gia và các

nguồn hợp pháp khác; kiện toàn Quỹ hỗ trợ phát triển HTX đảm bảo hỗ trợ thúc đẩy HTX phát triển; chỉ đạo cơ quan chức năng nghiên cứu các quy định tại Nghị định số 113/2024/NĐ-CP, tổng hợp nhu cầu vốn, hoàn tất hồ sơ thủ tục để hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, trang thiết bị cho HTX trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030.

- **Củng cố, tăng cường hoạt động của Liên minh HTX tỉnh và các tổ chức đại diện, trong đó vai trò của Liên minh HTX là bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp và thúc đẩy phát triển kinh tế tập thể; hướng dẫn, chia sẻ thông tin, vận động thực hiện các chính sách đối với kinh tế tập thể; cùng với các tổ chức kinh tế tập thể thực hiện tốt một số nội dung dịch vụ công theo quy định của pháp luật.**

4.2.2. Mục tiêu hỗ trợ của nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ở Việt Nam

- Mục tiêu chung

Thiết lập một hệ thống HTXNN kiểu mới phát triển hiệu quả về mặt kinh tế và bền vững về xã hội và môi trường. HTXNN kiểu mới sẽ đóng vai trò chủ đạo trong việc góp phần đẩy mạnh năng lực xuất khẩu nông sản của quốc gia với số lượng và chất lượng ngày càng gia tăng.

- Mục tiêu cụ thể:

Phấn đấu đến năm 2030 đạt 50,000 HTXNN kiểu mới; quy mô vốn một hợp tác xã 35 tỷ đồng; khu vực kinh tế tập thể đạt 15% GDP; số HTX tốt chiếm 15%, khá 30%, trung bình 50%, yếu kém 15%. Không còn hộ nghèo là thành viên HTX.

4.3. GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP KIỂU MỚI Ở VIỆT NAM

4.3.1. Giải pháp hỗ trợ tài chính của nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới

Khả năng tiếp cận nguồn vốn là yếu tố có ý nghĩa quyết định đối với việc nâng cao khả năng cạnh tranh của HTX nói chung và HTXNN kiểu mới nói

riêng. Tuy nhiên, không thể giải quyết các vấn đề tiếp cận nguồn vốn chỉ đơn giản bằng cách thực hiện các chương trình, kế hoạch cấp vốn một cách riêng lẻ. Ngoài các hình thức hỗ trợ trực tiếp, các cơ quan hoạch định chính sách cần nghiên cứu, phát triển các hình thức hỗ trợ tài chính như Quỹ Bảo lãnh tín dụng; Quỹ khuyến khích phát triển các ngành nghề truyền thống; Quỹ phát triển HTX, Quỹ đầu tư mạo hiểm ngành nông nghiệp; Chương trình thuê mua tài chính, tín dụng thương mại; ưu đãi về tài khóa dưới dạng miễn giảm thuế hay các chương trình tài chính vi mô phục vụ riêng nhóm HTXNN kiểu mới,... Bên cạnh đó, vấn đề quan trọng hơn là các biện pháp khắc phục sự yếu kém của các thể chế thực thi các chính sách tài chính nêu trên, điều này tác động trên một phạm vi rộng lớn từ cấp độ vĩ mô đến vi mô và đi kèm với chúng là sự yếu kém về năng lực. Để tăng cường khả năng tiếp cận các tổ chức tín dụng cho HTX trong lĩnh vực nông nghiệp trước hết cần thúc đẩy sự thay đổi nhận thức của các ngân hàng thương mại về hoạt động tín dụng cho HTXNN kiểu mới.

(1). Hỗ trợ các ngân hàng điều chỉnh cơ cấu tín dụng hướng đến các HTXNN kiểu mới thông qua các biện pháp sau:

Thứ nhất, đơn giản hóa thủ tục cho vay, nới lỏng các điều kiện cho vay đối với các HTXNN kiểu mới đồng thời khuyến khích các tổ chức tài chính, tín dụng tăng cường cung cấp các dịch vụ liên quan đến hỗ trợ phát triển kinh doanh như tư vấn tài chính, quản lý đầu tư, lập kế hoạch kinh doanh.

Thứ hai, đẩy nhanh việc thành lập Quỹ Bảo lãnh tín dụng tại các địa phương và thí điểm triển khai các chương trình cấp tín dụng cho HTXNN kiểu mới thông qua các ngân hàng thương mại, tổ chức tài chính tại địa phương, các quỹ hội,... để tạo điều kiện cho HTXNN kiểu mới tiếp cận được nguồn vốn đầu tư phục vụ cho sản xuất, kinh doanh. Theo chương trình cấp tín dụng cho HTXNN kiểu mới qua ngân hàng thương mại, chính quyền từ trung ương đến cơ sở sẽ hỗ trợ cấp tín dụng cho HTXNN kiểu mới thông qua

các tổ chức tài chính bằng cách cung cấp một nguồn tài chính nhất định cho các tổ chức tài chính này để thúc đẩy chúng cho các HTXNN kiểu mới vay lại. Với việc tăng cấp vốn cho các tổ chức tài chính, Nhà nước có quyền yêu cầu các ngân hàng thương mại, tổ chức tài chính dành tỷ lệ tín dụng nhất định cho đối tượng là HTXNN kiểu mới. Về phần mình, các tổ chức cho vay cũng có thể có biện pháp riêng nhằm tạo thuận lợi hơn trong việc cho các HTXNN kiểu mới vay vốn như đưa vào sử dụng hệ thống chấm điểm tín dụng đối với HTXNN kiểu mới đi vay.

Thứ ba, mở rộng diện cho vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay và cho vay không đảm bảo sang khu vực HTXNN kiểu mới, đơn giản hóa thủ tục thế chấp tài sản, giảm thời gian định giá tài sản trong quá trình cho vay đối với HTXNN kiểu mới. Nhà nước cần phải thành lập các tổ chức, đơn vị hỗ trợ bảo lãnh thế chấp cho các HTXNN kiểu mới trong hoạt động vay vốn. Các HTXNN kiểu mới vốn có sự khác biệt lớn so với các loại hình sản xuất kinh doanh khác trước hết là hoạt động trong lĩnh vực có rất nhiều rủi ro (sâu bệnh, thời tiết khí hậu,...), thứ hai là có rất ít tài sản dùng để thế chấp vay vốn ngân hàng mặc dù nhu cầu sử dụng tài nguyên đất là rất lớn nhưng phần diện tích đất này lại không thể thế chấp hay rất khó thế chấp để vay vốn do cơ chế hoặc do định giá thấp trên thị trường. Chính vì vậy, Nhà nước thành lập các tổ chức (có thể tự nhân hóa) hoạt động độc lập đánh giá tính khả thi của các dự án đầu tư vào nông nghiệp sau đó hỗ trợ bằng cách đứng ra bảo lãnh cho HTXNN kiểu mới có thể vay vốn ngân hàng để triển khai các dự án sản xuất kinh doanh là hết sức cần thiết.

Thứ tư, đẩy mạnh hoạt động của hệ thống thông tin tín dụng, chú trọng các giải pháp đổi mới hỗ trợ quản lý rủi ro tín dụng, xếp hạng tín dụng, chấm điểm tín dụng, cảnh báo sớm, góp phần nâng cao chất lượng tín dụng theo hướng hiệu quả, an toàn. Hiện đại hóa hệ thống thông tin tín dụng, tăng cường hội nhập kiểm soát thông tin quốc tế. Cần xây dựng một hệ thống

thông tin tín dụng thống nhất trong cả nước, công khai thông tin tín dụng với nguồn thông tin chính xác minh bạch để làm cơ sở xếp hạng các HTXNN kiểu mới. Trên cơ sở xếp hạng này, các ngân hàng có thể xếp nhóm để cho vay, các HTX có điểm tín dụng cao sẽ nhiều ưu đãi tốt hơn và ngược lại để giúp các HTXNN kiểu mới thử thách và động lực để đảm bảo độ tin cậy trong quá trình tiếp cận vốn.

(2). Việc thực hiện chính sách ưu đãi tín dụng cho các HTXNN kiểu mới cần lưu ý mức độ can thiệp. Có nhiều trường hợp thực tế, các HTXNN kiểu mới vay được vốn ưu đãi với lãi suất rẻ lại chuyển sang đầu tư ở những mảng khác ngoài ngành nông nghiệp hoặc không theo những cam kết thẩm định ban đầu. Về lý thuyết, các khoản tín dụng rẻ sẽ làm biến dạng thị trường tài chính và không hẳn là yếu tố quyết định hiệu quả đầu tư mặc dù nó là động lực để hút các HTX đầu tư vào nông nghiệp nhiều hơn tuy nhiên nó không phải là giải pháp lâu dài. Nhiều khi, chính tín dụng rẻ lại là mảnh đất màu mỡ cho các dự án đầu tư thiếu thận trọng, không hiệu quả. Đó là chưa nói đến việc dễ phát sinh các tiêu cực trong việc xem xét quyết định cho vay. Do đó, để đảm bảo các chính sách hỗ trợ của Nhà nước không làm méo mó thị trường tài chính, tín dụng lãi suất thấp hơn mức thị trường thường chỉ áp dụng ở một mức độ hẹp, trong một khoảng thời gian không dài.

(3). Ngoài hình thức vay vốn ngân hàng truyền thống, Nhà nước cần có các biện pháp phát triển các thị trường vốn khác cho các HTXNN kiểu mới, thúc đẩy và hỗ trợ việc phát triển các sản phẩm, dịch vụ tài chính phù hợp cho HTXNN. Trong thời gian tới, Nhà nước cần đẩy mạnh các biện pháp sau để tạo thêm kênh cung cấp vốn cho các HTXNN kiểu mới:

Một là, thành lập thí điểm một số Quỹ đầu tư mạo hiểm vào khu vực nông nghiệp. Với đặc thù của lĩnh vực nông nghiệp là tính rủi ro khá cao bởi sự bất ổn và phụ thuộc lớn vào điều kiện tự nhiên, do đó, các quỹ hỗ trợ tài chính cho các HTXNN kiểu mới cần phải có một cơ chế đảm bảo tính công bằng,

khách quan và tránh tình trạng thành lập các quỹ hỗ trợ HTXNN kiểu mới để tăng quyền lực của các cơ quan quản lý nhà nước. Thêm vào đó, các Quỹ này cần phải cân nhắc xây dựng quy chế, cơ chế hoạt động phụ thuộc vào tính đặc thù của ngành nông nghiệp đặc biệt khi xác định các khoản cấp tín dụng thì cán bộ theo dõi phải có kiến thức am hiểu về chuyên môn hoặc phải có sự tham khảo, phối hợp chéo chặt chẽ với các cơ quan chuyên môn.

Hai là, phát triển mạnh hơn nữa hoạt động tài chính vi mô tại các địa phương thông qua các tổ chức chính trị như hội phụ nữ, hội nông dân, đoàn thanh niên phường, xã,... để hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân, hợp tác xã,... phát triển các dịch vụ hỗ trợ nhằm cung cấp nguyên liệu đầu vào cho các hoạt động sản xuất của HTXNN kiểu mới đặc biệt các dịch vụ này có sử dụng công nghệ cao, tiên tiến vào sản xuất. Các hoạt động tài chính vi mô này thường là các khoản trợ cấp trực tiếp bằng tiền hoặc cơ chế từ chính quyền nhà nước các cấp thông qua các tổ chức chính trị địa phương.

Ba là, hoàn thiện khung pháp lý cho các hoạt động của thị trường cho thuê tài chính, xây dựng chính sách huy động vốn dài hạn cho các công ty cho thuê tài chính như phát hành trái phiếu, huy động vốn trên thị trường chứng khoán,... Việc nhà nước hỗ trợ tài chính cho các HTXNN kiểu mới thông qua các hình thức thuê mua tài chính; là một hình thức giải quyết vốn dài hạn và trung hạn cho các HTXNN kiểu mới. Hình thức này khá phù hợp với các HTX không có tài sản thế chấp nhưng có các kế hoạch kinh doanh hiệu quả; đây cũng là hình thức giúp đỡ HTXNN kiểu mới giảm thiểu rủi ro trong kinh doanh mà nhiều nước trên thế giới đang áp dụng.

Bốn là, cố gắng giải quyết vấn đề về vốn tài chính không phải là trách nhiệm của các cấp chính quyền. HTXNN kiểu mới cần có sự chủ động hơn là chỉ nêu vấn đề này như là trở ngại lớn nhất đối với họ. Các HTXNN kiểu mới huy động những hỗ trợ và đề xuất chung thông qua các hiệp hội HTX, hiệp hội nghề nghiệp trên cơ sở những phân tích kỹ càng. Quan trọng nhất, các

HTXNN kiểu mới cần có văn hóa kinh doanh vững chắc và không ngừng đầu tư cho hệ thống quản lý nội bộ tốt trong các lĩnh vực kế toán, lập kế hoạch tài chính, vận hành và quản lý nhân sự một cách chuyên nghiệp và hiệu quả.

Năm là, cung ứng vốn hỗ trợ cho các HTXNN kiểu mới theo hướng phát triển theo chuỗi giá trị. Do đó, đánh giá tổng kết đầy đủ về chương trình thí điểm cho vay theo chuỗi giá trị sản xuất và ứng dụng công nghệ cao để hoàn thiện chính sách tín dụng cho vay theo chuỗi giá trị, cơ sở nhân rộng trong các ngành hàng của sản xuất nông nghiệp (quy mô nhu cầu thị trường; chủ thể tham gia chuỗi; nhu cầu sản phẩm tài chính; các dịch vụ khác.). Trong chính sách cho vay đối với HTXNN kiểu mới cần nghiên cứu làm rõ vai trò trung tâm trong chuỗi giá trị của HTX để áp dụng các phương thức cho vay và cung ứng sản phẩm dịch vụ tài chính phù hợp. Ví dụ cho vay trước thu hoạch thì không nhất thiết ngân hàng phải đưa vốn trực tiếp cho người nông dân mà có thể thông qua doanh nghiệp ứng trước vật tư hàng hóa đầu vào và sẽ khấu trừ khi thu mua sản phẩm.

Thực hiện đánh giá rủi ro, tư vấn, hỗ trợ nhằm tăng cường tính minh bạch trong quản lý tài chính, bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật trong vận hành và nâng cao hiệu quả trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của tổ hợp tác, HTX, liên hiệp HTX: **(1)** Tiến hành đánh giá rủi ro tài chính, pháp lý đối với các HTX, liên hiệp HTX và đề xuất các biện pháp giảm thiểu rủi ro; **(2)** Cung cấp dịch vụ tư vấn về quản lý tài chính, xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ và các quy trình báo cáo tài chính cho tổ hợp tác, HTX, liên hiệp HTX; **(3)** Tổ chức các khóa đào tạo, hội thảo về quản lý tài chính, tuân thủ pháp luật, và các kỹ năng nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cho các cán bộ quản lý và thành viên; **(4)** Hướng dẫn các tổ chức thực hiện các quy định pháp lý về thuế, kế toán, báo cáo tài chính và các yêu cầu về minh bạch tài chính theo quy định của pháp luật; **(5)** Tư vấn, hỗ trợ xây dựng chiến lược phát triển kinh tế bền vững, tăng cường hiệu quả hoạt động

sản xuất, kinh doanh thông qua việc áp dụng các mô hình quản lý tiên tiến, công nghệ mới; **(6)** Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ về kiểm toán, đánh giá độc lập các hoạt động tài chính, giúp tổ hợp tác, HTX đảm bảo minh bạch và uy tín trong giao dịch và quản lý tài chính; **(7)** Giám sát và đánh giá định kỳ tình hình tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh của các tổ chức thành viên, giúp họ kịp thời khắc phục các vấn đề phát sinh; **(8)** Đề xuất các biện pháp cải tiến, nâng cao năng lực tài chính và tổ chức cho các tổ hợp tác, HTX để đảm bảo sự tuân thủ và phát triển bền vững.

4.3.2. Giải pháp hỗ trợ đất đai của nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới

Thứ nhất, rà soát và hoàn thiện cơ chế thực hiện Luật đất đai năm 2024, cơ chế thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng bảo đảm hài hòa mối quan hệ giữa nhà nước, thị trường và xã hội.

Thứ hai, đổi mới cơ chế điều tiết giá trị tăng thêm từ đất bằng cách lập bản đồ giá đất trước khi lập quy hoạch, sau khi lập quy hoạch, sau khi xây dựng công trình kết cấu hạ tầng giao thông, kinh tế, xã hội, chỉnh trang đô thị, ưu tiên cho người bị thu hồi đất ở được giao đất hoặc mua nhà trên diện tích đất đã thu hồi, phát triển hệ sinh thái đô thị, công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch dọc theo các hướng tuyến hạ tầng giao thông theo phương pháp tiếp cận định hướng phát triển theo hạ tầng giao thông (TOD) trên cơ sở bổ sung cơ chế, chính sách thu hồi đất vùng phụ cận các dự án hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang khu đô thị, khu dân cư nông thôn (để đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện dự án nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh) bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, người dân và doanh nghiệp.

Thứ ba, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hồi đất đối với các dự án chậm/muộn đưa đất vào sử dụng, thu hồi giá trị tăng thêm từ đất để bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, người dân và doanh nghiệp.

Thứ tư, nghiên cứu bổ sung quy định thu hồi đất đối với phần diện tích

đất chủ đầu tư và người sử dụng đất không thỏa thuận được việc nhận chuyển nhượng bằng quyền sử dụng đất theo nền kinh tế thị trường, bảo đảm môi trường kinh doanh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế trên cơ sở đồng thuận của người dân.

Thứ năm, bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất phải bảo đảm sinh kế lâu dài cho người có đất thu hồi, giảm khiếu kiện khi Nhà nước thu hồi đất.

Thứ sáu, nghiên cứu mở rộng diện tích và đối tượng giao đất

Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16.6.2022 Hội nghị lần thứ Năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới đặt ra yêu cầu: Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các tổ chức kinh tế tập thể tích tụ đất đai cho sản xuất kinh doanh, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp; hoàn thiện lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của các cấp, trong đó bố trí quỹ đất cho các tổ chức kinh tế tập thể thuê; ưu đãi hợp lý về giá và thời gian cho thuê đất đối với các tổ chức kinh tế tập thể chuyển đổi và thành lập mới chưa được hỗ trợ thuê đất...

Để thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, hoàn thiện luật pháp, chính sách đất đai đối với HTXNN kiểu mới cần có chỉ đạo từ Trung ương đến các địa phương rà soát, hoàn thiện quy hoạch đất đai ở địa phương, bố trí quỹ đất công phục vụ phát triển kinh tế nông thôn để giao hoặc cho các HTXNN kiểu mới có nhu cầu thuê ổn định. Cần có quy định các điều kiện để HTXNN kiểu mới tiếp cận và chuyển đổi mục đích sử dụng đất để đầu tư bến bãi, kho tàng nhà xưởng chế biến nông sản; bổ sung các quy định về cấp giấy chứng nhận sử dụng đất cho HTXNN kiểu mới trong trường hợp các thành viên góp đất, góp vốn mua đất để sử dụng theo mục đích chung phục vụ cộng đồng thành viên. Bên cạnh đó, cần xây dựng nguyên tắc góp vốn bằng quyền sử dụng đất, điều kiện góp vốn, giá trị vốn góp (theo giá đất, theo sự phát triển của doanh nghiệp), cơ chế minh bạch trong hạch toán kinh doanh. Xây dựng cơ chế ưu đãi cho doanh nghiệp, HTX đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo hình thức nhận vốn góp

bằng đất của người dân tại địa bàn khó khăn. Có chính sách khuyến khích hình thức góp vốn bằng quyền sử dụng đất; ví dụ hỗ trợ người nghèo, người ít đất và dân tộc thiểu số khi góp vốn bằng quyền sử dụng đất về khuyến nông, đào tạo nghề, tạo việc làm, phát triển kinh doanh), chi phí công chứng, định giá đất...

Cùng với đó, cần nghiên cứu bổ sung vào chính sách HTXNN kiểu mới được thuê đất công ích 5% và thời hạn thuê đất từ 5 năm như hiện nay lên 20 - 30 năm/hợp đồng để HTX có kế hoạch đầu tư tài sản trên đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh và cung ứng các dịch vụ, tiêu thụ sản phẩm cho thành viên HTXNN kiểu mới.

Theo dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi), một trong những trường hợp được miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất là “sử dụng đất làm mặt bằng xây dựng trụ sở, sân phơi, nhà kho; xây dựng cơ sở dịch vụ trực tiếp phục vụ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối đối với HTXNN”. Để cụ thể hóa Nghị quyết số 20-NQ/TW, cần bổ sung nội dung: “Ưu đãi hợp lý về giá và thời gian cho thuê đất đối với các tổ chức kinh tế tập thể chuyển đổi và thành lập mới chưa được hỗ trợ thuê đất”.

Thứ bảy, linh hoạt trong chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp

Việc quy định tập trung, tích tụ đất có tác động vô cùng tích cực trong công tác quản lý và phát triển đất đai. Tuy nhiên, hiện vẫn chưa có quy định cụ thể nào về trình tự thủ tục hay phương án khuyến khích được sử dụng. Vì thế, khi Luật được thông qua, Chính phủ sớm quy định chi tiết về vấn đề này để có cơ sở thi hành. Dự thảo Luật cũng cần linh hoạt trong phương án chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp để tạo điều kiện cho những đối tượng có nhu cầu phát triển sản xuất, phát huy tốt nhất giá trị của đất.

Về hạn mức giao đất nông nghiệp, dự thảo Luật quy định hạn mức đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối cho cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp không quá 3 ha khu vực Đông Nam Bộ và khu vực đồng bằng sông Cửu Long; không quá 2 ha đối với vùng khác là mức quá thấp. Cần

khảo sát, đánh giá thực tế, trên cơ sở đó xem xét mở rộng hạn mức này cũng như mở rộng đối tượng áp dụng cho các tổ chức kinh tế tập thể. Có như vậy mới khuyến khích kinh tế tập thể, bao gồm HTX, phát triển.

4.3.3. Giải pháp hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực cho hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới

Thứ nhất, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Chính phủ, phát huy vai trò của các bộ, ngành, địa phương trong đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực của HTXNN kiểu mới. Cần xác định những chủ trương, biện pháp đột phá nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực HTX trong những năm tới. Đối với Chính phủ, cần quy định rõ chức năng, trách nhiệm cụ thể về quản lý nhà nước của các bộ, ngành, UBND các cấp đối với khu vực kinh tế tập thể, HTXNN kiểu mới. Các bộ, ngành, địa phương cụ thể hóa theo chức năng, nhiệm vụ, ban hành các chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về HTXNN kiểu mới.

Thứ hai, củng cố, nâng cao chất lượng các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng và đội ngũ cán bộ, giảng viên làm công tác giảng dạy về HTXNN kiểu mới. Tập trung nâng cao chất lượng các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng hiện có và các trường dạy nghề do Liên minh Hợp tác xã Việt Nam quản lý. Đầu tư nâng cao chất lượng kết cấu hạ tầng, chuẩn hóa hệ thống giáo trình, tài liệu đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập. Nghiên cứu thành lập Học viện HTX Việt Nam trên cơ sở các trung tâm, viện, các trường hiện có; từ đó có quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý HTX, dạy nghề cho thành viên một cách bài bản, từ khâu tuyển sinh, đào tạo, bồi dưỡng cho đến khi ra trường.

Đối với đội ngũ cán bộ, giảng viên làm công tác giảng dạy về kinh tế tập thể, HTX cần được đào tạo bài bản và được chuẩn hóa theo quy định. Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về tình hình kinh tế - xã hội, kiến thức chuyên sâu về kinh tế tập thể, HTX; tổ chức

tham quan, nghiên cứu thực tế, học tập kinh nghiệm các mô hình HTX điển hình cả ở trong và ngoài nước, góp phần nâng cao trình độ, kiến thức, đáp ứng yêu cầu công tác giảng dạy.

Thứ ba, mở rộng đối tượng, đổi mới nội dung, hình thức đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực của các HTXNN kiểu mới. Theo đó, ngoài việc bồi dưỡng đội ngũ cán bộ liên quan đến HTXNN kiểu mới, cần mở rộng ra cả đối tượng đào tạo là cán bộ phụ trách lĩnh vực phát triển kinh tế tập thể, HTX ở các bộ, ngành và đội ngũ cán bộ công tác ở chính quyền địa phương trong cả nước. Nội dung bồi dưỡng toàn diện nhưng có trọng tâm, trọng điểm, chuyên sâu gắn với từng ngành, nghề, lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và đặc thù của vùng, miền, địa phương, đáp ứng với yêu cầu phát triển HTX trong điều kiện mới, nhất là sự phát triển mạnh mẽ của khoa học - công nghệ và môi trường cạnh tranh, hội nhập quốc tế sâu rộng. Hình thức đào tạo, bồi dưỡng linh hoạt, sáng tạo, vận dụng phù hợp với từng đối tượng, loại hình HTX, điều kiện, khả năng hiện có của cả đơn vị tổ chức và cả đối tượng được đào tạo, bồi dưỡng.

Thứ tư, thiết lập và mở rộng hợp tác đào tạo nguồn nhân lực về HTXNN kiểu mới với các cơ sở đào tạo ở trong và ngoài nước. Đa dạng hóa các hình thức liên kết, hợp tác đào tạo với các trường cao đẳng, đại học, viện nghiên cứu. Đưa chương trình đào tạo về HTXNN kiểu mới vào một số trường đại học, một số cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tại các tỉnh, thành phố; đưa nội dung kinh tế tập thể, HTX giảng dạy chính thức tại các lớp lý luận chính trị, lớp bồi dưỡng quản lý nhà nước cho đội ngũ cán bộ, công chức.

Tăng cường hợp tác với các nước, đặc biệt là tổ chức HTXNN của các nước có điều kiện phát triển tương đồng với Việt Nam; hằng năm, cử cán bộ trẻ đi đào tạo chính quy về kinh tế tập thể, HTX tại một số quốc gia có phong trào HTXNN phát triển mạnh và có cơ sở đào tạo tốt. Ngoài ra, thường xuyên phối hợp với các nước tổ chức hội thảo, tọa đàm, trao đổi kinh nghiệm trong

lĩnh vực kinh tế tập thể, HTX nói chung và trong lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của các HTXNN kiểu mới nói riêng.

4.3.4. Giải pháp hỗ trợ trong tiếp cận và thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ

Đích hướng đến của ngành nông nghiệp Việt Nam nói chung và các HTXNN kiểu mới nói riêng là sản xuất và kinh doanh nông sản hiện đại, sạch, xanh ứng dụng công nghệ cao; do đó cần chú trọng đến vấn đề nghiên cứu và phát triển, tiếp cận và ứng dụng công nghệ tiên tiến hiện đại vào trong sản xuất nông nghiệp. Để thực hiện điều này, Nhà nước cần phải triển khai một hệ thống các giải pháp sau:

(1). ***Ban hành, công khai các tiêu chuẩn, quy chuẩn về chất lượng hàng hóa*** đồng thời đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá đối với sản phẩm đầu ra của quá trình sản xuất nông nghiệp.

Đây là vấn đề quan trọng mà bất kỳ địa phương hay lĩnh vực nào cũng cần phải triển khai, áp dụng. Điều này đặc biệt quan trọng đối với lĩnh vực sản xuất nông nghiệp bởi nó liên quan trực tiếp đến sức khỏe cộng đồng, do đó cần phải thực hiện và triển khai đồng bộ trên cơ sở đánh giá tác động trực tiếp tới sức khỏe người tiêu dùng trên nền tảng chúng ta có thể tham khảo các bộ tiêu chuẩn, quy chuẩn trên thế giới đang vận dụng.

Với các bộ tiêu chuẩn, quy chuẩn này sẽ giúp cho các HTXNN kiểu mới xác định rõ hướng đầu tư phát triển công nghệ để đáp ứng được các yêu cầu đó. Thêm vào đó, việc đẩy mạnh công tác thanh kiểm tra, đánh giá chất lượng hàng hóa đầu ra theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn này sẽ giúp loại bỏ các tổ chức, cá nhân kém chất lượng cũng như thôi thúc các HTXNN kiểu mới làm ăn chân chính cải tiến công nghệ một cách phù hợp.

(2). ***Thực hiện một số hình thức hỗ trợ của nhà nước***, cụ thể:

Thứ nhất, thành lập quỹ nghiên cứu phát triển:

Quỹ này hỗ trợ trực tiếp cho các tổ chức chuyên nghiên cứu tiên bộ công nghệ ứng dụng vào hoạt động sản xuất nông nghiệp dưới dạng các khoản vay

ngắn và trung hạn. Các tổ chức cá nhân hoặc trung tâm, viện nghiên cứu nhà nước đều có thể tiếp cận khoản vốn này để triển khai thực hiện dự án xây dựng, phát triển công nghệ mới của mình. Tuy nhiên, phải hiểu rõ đây là khoản vay và việc nghiên cứu xây dựng các công nghệ mới phải có tính thực tiễn cao, thu hút sự quan tâm và sử dụng của các HTXNN kiểu mới. Lợi nhuận khi bán sản phẩm sẽ dùng để thanh toán, trả lại các khoản vay này. Do đó, các tổ chức, cá nhân tham gia vào lĩnh vực nghiên cứu công nghệ tiên tiến sẽ phải xác định rõ nhu cầu của thị trường trên cơ sở tham khảo, phân tích các thông tin thị trường để lập nên các dự án công nghệ mới có tính khả thi khi ứng dụng vào thực tiễn cao. Đồng thời phải cân đối, tính toán hoạt động theo đúng cơ chế thị trường, tránh tình trạng nghiên cứu không ứng dụng được trong thực tế.

Thứ hai, thành lập trung tâm chuyển giao công nghệ

Trung tâm chuyển giao công nghệ có thể là một bộ phận nằm trong Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn ở các tỉnh/thành với chức năng tìm kiếm các công nghệ mới tiên tiến trong và ngoài nước, tạo các diễn đàn trao đổi để chia sẻ kiến thức về các tiến bộ công nghệ cao cũng như áp dụng chúng trong sản xuất nông nghiệp cho các HTXNN kiểu mới có sự quan tâm. Đồng thời, trực tiếp hoặc gián tiếp chuyển giao công nghệ cho các HTXNN kiểu mới. Bên cạnh đó, trung tâm này có trách nhiệm khảo sát và tham vấn lại các công nghệ mới này có thể cải thiện các quy trình sản xuất, vận hành và quản lý các HTXNN đang ở mức độ nào? để có thể đưa ra các giải pháp cải thiện tốt hơn. Thêm vào đó, trung tâm này còn cung cấp thêm các hỗ trợ kỹ thuật (như nâng cao nhận thức, tư vấn,...) về các vấn đề có liên quan đến công nghệ mới cho các HTXNN kiểu mới.

Việc chuyển giao công nghệ theo phương thức chia khóa trao tay, hợp tác quản lý, hợp đồng ủy thác, các dịch vụ đào tạo nhân sự và tư vấn công nghệ. Trung tâm cũng hỗ trợ các HTXNN kiểu mới đang sử dụng các công nghệ cũ và lỗi thời và muốn nâng cấp lên công nghệ mới cùng lĩnh vực để

giảm thiểu chi phí đầu tư với mục tiêu tăng giá trị, năng suất chất lượng và giảm tác động xấu đến môi trường.

Công bố công khai và cấp bằng sáng chế cũng như bảo vệ việc sao chép ăn cắp bản quyền đối với các công nghệ mới được tạo ra. Tại Việt Nam, việc đảm bảo bản quyền vẫn còn nhiều hạn chế do đó các cá nhân và tổ chức cảm thấy khá rủi ro khi đầu tư vào lĩnh vực này. Để giải quyết vấn đề này, ngoài việc nhà nước đẩy mạnh công tác kiểm tra xử lý đối với các đối tượng vi phạm thì cần phải hình thành các chế tài xử lý nghiêm khắc hơn. Chỉ khi các vấn đề bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ được phổ biến thì mới khuyến khích được cá nhân, tổ chức, HTXNN kiểu mới tham gia mạnh mẽ vào các hoạt động nghiên cứu và phát triển các công nghệ mới trong nông nghiệp.

4.3.5. Giải pháp hỗ trợ thông tin, dự báo của nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới

Đối với hoạt động hỗ trợ tìm kiếm thị trường, Chính phủ nên giao Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì phối hợp với Bộ Công thương chịu trách nhiệm chính tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ này. Để xây dựng hệ thống mạng lưới cung cấp thông tin thị trường trong và ngoài nước, cần thực hiện một cách có hệ thống các biện pháp: hoạt động thu thập và cung cấp thông tin; hỗ trợ gia nhập thị trường; xúc tiến thương mại giới thiệu và quảng bá sản phẩm.

Thứ nhất, đối với thu nhập, xử lý thông tin thị trường

Hệ thống thu thập thông tin gồm có: hệ thống báo cáo thông tin thị trường tại các nước trên thế giới, tại các tỉnh/thành trong cả nước và tại các trung tâm thương mại xuất nhập khẩu. Bên cạnh đó, các đại sứ quán, các chi nhánh doanh nghiệp ở nước ngoài, các cá nhân sinh sống ở nước ngoài cũng là một kênh thu thập thông tin về thị trường rất hiệu quả. Có thể thấy có nhiều kênh để thu thập thông tin nhưng sẽ dễ khiến các HTXNN kiểu mới lúng túng vì tính xác thực cũng như chất lượng của thông tin, do đó Nhà nước cần thiết phải đứng ra để đảm nhiệm công việc này.

Thứ hai, xử lý và phân tích thông tin

Thông tin thị trường thu thập được hầu hết là sản phẩm thô, chưa thể sử dụng để các HTXNN có thể đưa ra các quyết định. Chính vì vậy, nhiệm vụ của trung tâm thông tin thị trường cần thiết phải có bộ phận chuyên gia sử dụng các công cụ, công nghệ mới để thực hiện phân tích, đánh giá, tổng hợp và loại bỏ các thông tin thị trường sai lệch. Đồng thời dựa trên kết quả phân tích, có thể đưa ra những kiến nghị mang tính chất tham khảo để các HTXNN kiểu mới có căn cứ lựa chọn các hình thức phát triển và mở rộng thị trường.

Thứ ba, sản phẩm thông tin

Trên cơ sở thông tin thu thập được và kết quả phân tích thông tin, trung tâm thông tin thị trường sẽ tiến hành công bố các sản phẩm thông tin thông qua:

- Các báo cáo thường niên mang tính tổng quát có thể công bố công khai trên các website của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm xúc tiến thương mại lĩnh vực nông nghiệp,...giúp cho các HTXNN kiểu mới có thể tìm hiểu một cách tổng quan cũng như tìm được những mối quan tâm riêng phù hợp với năng lực và cơ cấu hàng hóa của HTX mình.

- Các báo cáo chuyên đề, chuyên sâu theo yêu cầu hoặc đơn đặt hàng của các HTXNN kiểu mới quy mô lớn khi có nhu cầu.

Như vậy, việc tham gia hỗ trợ thông tin thị trường cho các HTXNN kiểu mới cần phải có sự chung tay và vào cuộc của nhiều đối tượng khác nhau; tuy nhiên vai trò của Nhà nước nên được coi là “nhạc trưởng” và phải đảm bảo tính chân thực, chính xác các thông tin cũng như đưa ra các chính sách hỗ trợ cụ thể tốt nhất cho các HTXNN kiểu mới. Hoạt động của trung tâm thông tin thị trường phải được thực hiện theo cơ chế thị trường tức là sản phẩm thông tin tốt thì các HTXNN kiểu mới sẽ mau chóng tìm đến và sử dụng; còn chất lượng kém thì rõ ràng sẽ không một HTXNN kiểu mới nào tiếp cận và sử dụng; điều này đồng nghĩa với việc Trung tâm hoạt động

không hiệu quả sẽ bị giải tán. Nhà nước khuyến khích thành lập các tổ chức cung cấp dịch vụ thông tin thứ cấp do các doanh nghiệp hoặc cá nhân đứng ra thành lập hoạt động độc lập và cạnh tranh nhau.

Thứ tư, xúc tiến thương mại

- Tăng cường công tác xây dựng thương hiệu cho sản phẩm bằng các hoạt động: nghiêm túc đánh giá về chất lượng an toàn thực phẩm, xây dựng kênh thông tin chung về sản phẩm, hỗ trợ các HTXNN kiểu mới đăng thông tin cxung như cung cấp mã QR code về sản phẩm của mình.

- Đẩy mạnh chương trình OCOP (mỗi xã một sản phẩm) thông qua chương trình tổ chức hoạt động đánh giá chấm điểm, xếp hạng sản phẩm làm cơ sở để giới thiệu và quảng bá ra thị trường trong và ngoài nước.

- Gửi thông tin sản phẩm và sản phẩm tham gia các hội chợ, các hội thảo thương mại trong và ngoài nước nhằm tăng cường quảng bá, giới thiệu sản phẩm nông sản ở các HTXNN kiểu mới.

Tăng cường tổ chức hội thảo, tọa đàm phổ biến cho các doanh nghiệp và địa phương về thời cơ và thách thức khi Việt Nam tham gia các hiệp định thương mại tự do nhằm tận dụng triệt để điều kiện thuận lợi về tiếp cận thị trường và cắt giảm thuế quan ngày càng sâu hơn của các đối tác. Tăng cường nâng cao hiệu quả công tác thông tin, cơ chế trao đổi thông tin tình hình của các thị trường (nhu cầu, thị hiếu, tập quán thương mại, cơ chế chính sách nhất là về lĩnh vực quản lý, kiểm soát chất lượng sản phẩm hàng hóa) tại các thị trường xuất khẩu và có kế hoạch cung cấp thông tin bằng nhiều hình thức tới các doanh nghiệp để có phương án sản xuất kinh doanh phù hợp, để cân đối hiệu quả về cơ cấu sản phẩm sản xuất được trong nước với nhu cầu, thị hiếu, yêu cầu chất lượng ngày càng cao của thị trường nước ngoài.

Tiểu kết chương 4

Chương 4 đi vào tìm hiểu bối cảnh quốc tế và trong nước ảnh hưởng đến quá trình hỗ trợ của Nhà nước đối với các HTXNN kiểu mới ở Việt Nam, trong đó một số nội dung có thể thấy: chính sách bảo hộ nông nghiệp của một số quốc gia sau đại dịch Covid-19, điều này ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của các HTXNN. Sức ảnh hưởng từ cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đã tạo ra những lợi thế trong quá trình hỗ trợ công nghệ nhưng cũng thách thức lớn trong duy trì nguồn vốn hỗ trợ. Hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, và với đặc thù là một quốc gia với độ mở kinh tế hơn 200% so với GDP như hiện nay, là một cơ hội lớn đối với việc tiếp cận thị trường nông sản thế giới của các HTXNN kiểu mới ở Việt Nam. Nông nghiệp Việt Nam hiện đang đứng trước ngã ba đường. Ngành nông nghiệp đang bị cạnh tranh về nhân công, tài nguyên đất và nước bởi quá trình đô thị hóa, phát triển công nghiệp và dịch vụ. Chi phí lao động tăng làm ảnh hưởng tới năng lực cạnh tranh vốn dựa trên lợi thế về chi phí sản xuất thấp của nông sản thôn. Nguồn lực công nghệ vẫn còn khá khiêm tốn, do đó yêu cầu đặt ra của nhà nước trong việc hỗ trợ phát triển cần tái cấu trúc lại các yếu tố đầu vào của sản xuất tại các HTXNN kiểu mới cho phù hợp, hướng đến gia tăng hàm lượng công nghệ cao vào trong sản xuất. Phấn đấu đến năm 2030 đạt 50,000 HTXNN kiểu mới; quy mô vốn một hợp tác xã 35 tỷ đồng; khu vực kinh tế tập thể đạt 15% GDP; số HTX tốt chiếm 15%, khá 30%, trung bình 50%, yếu kém 15%. Không còn hộ nghèo là thành viên HTX. Chương 4 cũng đưa ra các nhóm giải pháp tương ứng với thực trạng hỗ trợ của Nhà nước đối với HTXNN kiểu mới được phân tích ở chương 3 như: (1) hỗ trợ tài chính; (2) hỗ trợ đất đai; (3) hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; (4) hỗ trợ trong tiếp cận và thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ; (5) hỗ trợ thông tin, dự báo của nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới.

KẾT LUẬN

Hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới là một loại hình HTX đang dần trở nên phổ biến và nhận được sự quan tâm lớn không chỉ các xã viên mà các nhà đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp. Giai đoạn 2013 - 2023, khu vực kinh tế tập thể trong đó có HTXNN kiểu mới đã có những bước tiến rất đáng ghi nhận. Bình quân mỗi năm có khoảng 1.600 đến 2000 HTX NN kiểu mới được thành lập. Doanh số bình quân mỗi HTX đã tăng gần gấp đôi từ 1,6 tỷ đồng năm 2013 lên 2,3 tỷ đồng năm 2023. Cả nước thu hút được xấp xỉ 3,8 triệu hộ (bằng 38,5% tổng số hộ nông, lâm, thủy sản) tham gia; bình quân mỗi HTX có khoảng 180 thành viên. Mỗi HTXNN kiểu mới cung ứng từ 7 đến 16 dịch vụ khác nhau, trong đó có 4.200 HTX đã thực hiện được dịch vụ sơ chế, bảo quản, tiêu thụ sản phẩm cho thành viên và nông dân. Có trên 2.200 HTX NN đã liên kết đầu tư thành lập dự án, doanh nghiệp trực thuộc [2]. Bên cạnh những thành quả tích cực nêu trên, do đặc thù là “kiểu mới” nên trong giai đoạn đầu phát triển rất khó tránh khỏi những khó khăn và rào cản; do đó để đạt được hiệu quả cao về kinh tế và xã hội cần thiết có những chính sách hỗ trợ kịp thời của Nhà nước trong quá trình phát triển.

Hiện nay, Nhà nước đã chính thức ban hành Luật HTX số 17/2023/QH15, có hiệu lực thực hiện từ tháng 7 năm 2024 (riêng điều khoản về dịch vụ tín dụng nội bộ được thực hiện từ tháng 9 năm 2023). Theo đó, Luật đã có những điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn phát triển của HTX; đặc biệt là hệ thống chính sách hỗ trợ phát triển HTX giai đoạn 2021 - 2025 vẫn được giữ nguyên nội dung, chỉ thay đổi điều kiện áp dụng của HTX phù hợp với Luật mới. Tuy nhiên, riêng về chính sách chuyên biệt hỗ trợ các HTX chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số thì chưa có. Cơ chế, chính sách hỗ trợ HTX ứng dụng công nghệ số được lồng ghép trong Chương trình Chuyển đổi số Quốc gia giai đoạn đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

Khuôn khổ chính sách hỗ trợ HTX nông nghiệp kiểu mới ở Việt Nam khá đa dạng với nhiều loại hình chính sách, điều chỉnh trên nhiều khía cạnh khác nhau, trong đó có 5 chính sách nổi bật đó là chính sách đất đai; chính sách hỗ trợ đầu tư; chính sách tiếp cận vốn tín dụng; chính sách khoa học công nghệ; chính sách về lao động và đào tạo nhân lực; chính sách hỗ trợ xúc tiến thương mại và mở rộng thị trường. Nghiên cứu cũng chỉ ra những hạn chế còn thiếu trong quá trình hỗ trợ của Nhà nước đối với phát triển H NN kiểu mới ở Việt Nam, như: chính sách hỗ trợ phát triển của Nhà nước chưa đồng bộ, chưa phù hợp với nhu cầu thực tế của HTXNN kiểu mới, nhiều chính sách chưa quy định đối tượng thụ hưởng là HTX; nguồn lực hỗ trợ cho HTX phân tán; một số địa phương chưa thực sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, cân đối kinh phí thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển HTX; số lượng và trình độ cán bộ theo dõi, tư vấn, hỗ trợ HTX ở cấp huyện, xã hạn chế.

Nghiên cứu cũng đề xuất một số giải pháp hướng đến nâng cao năng lực hỗ trợ của Nhà nước đối với quá trình phát triển các HTXNN kiểu mới, cụ thể: (1). Hỗ trợ tài chính của nhà nước đối với HTXNN kiểu mới; (2) hỗ trợ đất đai của nhà nước đối với HTXNN kiểu mới; (3) hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; (4) hỗ trợ trong tiếp cận và thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ và (5) hỗ trợ thông tin, dự báo của nhà nước đối với HTXNN kiểu mới.

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ
ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Nguyễn Danh Hùng (2023), “Phát triển mô hình HTXNN kiểu mới ở Việt Nam”, *Tạp chí Tài chính*, kỳ 2, tháng 12, (815).
2. Nguyễn Danh Hùng (2024), “Phát huy hiệu quả các mô hình HTXNN kiểu mới tại thành phố Cần Thơ”, *Tạp chí Tài chính*, kỳ 2, tháng 03, (821).
3. Nguyễn Danh Hùng (2024), “Giải pháp phát triển HTXNN kiểu mới ở Việt Nam”, *Tạp chí Tài chính*, kỳ 2, tháng 08, (831).

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng Việt

1. Ban Chấp hành Trung ương (2002), *Nghị quyết hội nghị lần thứ V khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể*, Hà Nội.
2. Ban Chỉ đạo đổi mới, Phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã (2023), *Báo cáo tình hình kinh tế tập thể, hợp tác xã năm 2022 và kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã năm 2023*, Hà Nội.
3. Bùi Bảo Tuấn (2020), *Pháp luật về hỗ trợ của nhà nước đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Luật học, trường Đại học Luật Hà Nội.
4. Chính phủ (2015), *Nghị định số 55/2015/NĐ-CP của Chính phủ: Về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn*, Hà Nội.
5. Chu Tiến Quang (2012), *Kinh nghiệm hoạt động của một số hợp tác xã sau sáu năm thực hiện luật hợp tác xã*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XII*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
8. Đinh Quang Hiếu và cộng sự (2019), *Diễn đàn pháp lý Liên minh hợp tác xã quốc tế khu vực Châu Á- Thái Bình Dương*, TP. Hồ Chí Minh.
9. Harm Haverkort (2019), *Sự khác biệt trong khuôn khổ pháp lý giữa Hà Lan và Việt Nam*, Diễn đàn kinh tế hợp tác hợp tác xã năm 2019, Trung tâm Hội nghị Quốc gia, Hà Nội.
10. Hoàng Vũ Quang và cộng sự (2016), *Nghiên cứu đề xuất chính sách và giải pháp phát triển hợp tác xã trong nông, lâm, ngư nghiệp*, Đề tài

nghiên cứu cấp Bộ thuộc Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Hà Nội.

11. Lê Thiết Lĩnh (2016), *Hỗ trợ Nhà nước đối với hoạt động của Doanh nghiệp nhỏ và vừa Hà Nội trong lĩnh vực nông nghiệp*, Luận án Tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế, Đại học quốc gia Hà Nội.
12. Lê Văn Nghị và cộng sự (2016), *Liên kết, hợp tác mô hình HTX NN trong thời đại mới - một tất yếu khách quan*, Kỷ yếu hội thảo khoa học, Bộ Nông nghiệp, Hà Nội.
13. Liên minh Hợp tác xã Việt Nam (2010 - 2013), *Báo cáo tổng kết các năm từ năm 2010 đến 2023*, Hà Nội.
14. Minh Thư (2021), *Giải pháp hỗ trợ cho doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao*. Tạp chí Con số và Sự kiện (ISSN 2734 -9144).
15. Nguyễn Hồng Thư (2015), *Phát triển Nông nghiệp, nông thôn của Nhật Bản - kinh nghiệm cho Việt Nam*, Viện khoa học kỹ thuật nông nghiệp miền nam, Hà Nội.
16. Nguyễn Minh Ngọc (2012), *Sự phát triển của hợp tác xã và vai trò của hợp tác xã đối với an sinh xã hội*, Báo cáo nghiên cứu RS, Ủy ban kinh tế của Quốc hội và UNDP tại Việt Nam.
17. Nguyễn Minh Tú (2011), *Mô hình tổ chức hợp tác xã kiểu mới góp phần xây dựng xã hội hợp tác, đoàn kết, cùng chia sẻ sự thịnh vượng và quản lý một cách dân chủ*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
18. Nguyễn Thiện Nhân (2015), *Hợp tác xã kiểu mới: Giải pháp đột phá phát triển nông nghiệp Việt Nam*, tại trang <http://vca.org.vn/hop-tac-xa-kieu-moi-giai-phap-dot-pha-phat-trien-nong-nghiep-viet-nam-a11154.html>, [truy cập ngày 06/8/2024].
19. Nguyễn Văn Hậu (2009), “Phát triển hợp tác xã ở Việt Nam hiện nay: Thực trạng và giải pháp”, *Tạp chí kinh tế và phát triển*, tr.46 - 49.

20. Phạm Ngọc Quang (2009), Vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay, Tạp chí Cộng sản ngày 28/4/2009. Link truy cập:
<https://tapchicongsan.org.vn/web/guest/ngghien-cu/-/2018/2205/vai-tro-cua-nha-nuoc-trong-nen-kinh-te-thi-truong-dinh-huong-xa-hoi-chu-nghia-o-viet-nam-hien-nay.aspx>
21. Phạm Thanh Hương (2011), “Khu vực kinh tế hợp tác xã nông nghiệp tiềm năng còn bỏ ngỏ”, *Tạp chí công nghiệp*, 1(3/2011), tr. 29 - 31.
22. Phạm Thị Dung (2001), *Thực trạng và nhu cầu đào tạo cán bộ quản lý HTXNN Hà Nội*, Đề tài nghiên cứu thuộc dự án HAU-JICA ERCB, Trường Đại học Nông nghiệp I, Hà Nội.
23. Phạm Thị Dung (2004), *Hoàn thiện công tác bồi dưỡng quản lý HTXNN Hà Nội*, Đề tài nghiên cứu cấp Bộ B 2001/32/24, Bộ Giáo dục - Đào tạo, Hà Nội.
24. Phạm Thị Tân (2011), “Giải pháp nâng cao khả năng cạnh tranh của HTX trong hội nhập”, *Tạp chí Quản lý Kinh tế*, (41), 6/2011.
25. Phan Xuân Thắng (2015), *Nghiên cứu đánh giá tác động của chính sách hỗ trợ ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ mới giai đoạn 2013-2019 đối với HTXNN*, Đề tài khoa học cấp Ban, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Hà Nội.
26. Quốc hội (2012), *Luật Hợp tác xã năm 2012*, Hà Nội.
27. Quốc hội (2023), *Luật Hợp tác xã năm 2023*, Hà Nội.
28. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn TP.HCM (2017), *Xây dựng mô hình HTXNN tiên tiến, hiện đại, phù hợp với tình hình và lợi thế sản xuất trên địa bàn 5 huyện của TP.HCM*. Kỷ yếu hội thảo khoa học.
29. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (2015), *Chính sách nông nghiệp Việt Nam*, tại trang <https://www.oecd.org/countries/vietnam/OECD-Review-Agricultural-Policies-Vietnam-Vietnamese-Preliminaryversion.pdf>, [truy cập ngày 20/5/2024].

30. Trần Quốc Nhân cùng cộng sự (2017), *Phát triển HTX nông nghiệp đăng ký và tổ chức hoạt động hiệu quả theo Luật HTX 2012-khâu đột phá để tái cơ cấu nông nghiệp và nâng cao thu nhập bền vững cho người nông dân, Những hợp tác xã kiểu mới điển hình giai đoạn 2014-2016*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
31. Trần Thị Thanh Thúy (2010), “Nguồn nhân lực cho các HTX và một số kiến nghị”, *Tạp chí Kinh tế và dự báo*, (6), tr. 21 - 24.
32. Vụ hợp tác xã thuộc Bộ Kế hoạch - Đầu tư, (2017), *Bản chất hợp tác xã - thực tiễn Việt Nam, kinh nghiệm quốc tế và khả năng vận dụng ở Việt Nam*, Đề tài khoa học cấp Ban, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Hà Nội.
33. Vụ Hợp tác xã thuộc Bộ Kế hoạch - Đầu tư, (2019), *Khảo sát, đánh giá kết quả hoạt động mô hình kinh tế hợp tác và HTX; xây dựng thí điểm mô hình HTX kiểu mới tại vùng ĐBSCL*, Đề án nghiên cứu cấp Bộ, Bộ Kế hoạch - Đầu tư, Hà Nội.

Tài liệu tiếng Anh

34. Abdelrahman, A. H., & Smith, C., (2007), *Cooperatives and agricultural development: A case study of groundnut farmers in western Sudan*. Community Development journal, 31(1): 13-19.
35. Agle, B. R., Mitchell, R. K., and Sonnenfeld J. A., (1999), *Who matters to CEOs? An investigation of stakeholder attributes and salience, corporate performance and CEO values*. Academy of Management Journal, 42(5), 507-525.
36. Aimin, Shunfeng Song (2016), *Agricultural Co-operatives: Role in Food Security and Rural Development*, New York: UN Department of Economic and Social Affairs, USA.

37. Aini, Y. M., Hafizah, H. A. K., and Zuraini, Y., (2012), *Factors Affecting Cooperatives' Performance in Relation to Strategic Planning and Members' Participation*. Procedia-Social and Behavioral Sciences, 65, 100-105.
38. Albanese, R., (1989), *Competency-based management education*. Journal of Management Development, 8 (2), 66-76.
39. Alderson, S., (1993), *Reframing Management Competence: Focusing on the Top Management Team*. Personnel Review, 22(6), pp. 53 - 62.
40. Amini, A. M. and Ramezani, M., (2008), *Investigating the Success Factors of Poultry Growers' Cooperatives in Iran's Western Provinces*. World Applied Sciences Journal, 5(1), pp. 81 - 87.
41. Antona, E. P., and FitzGerald, L., (1996), *Reframing competency in management development*. Human Resource Management Journal, 6(1), pp.27-48.
42. Arayest, B., (2011), *Identifying the Factors Affecting the Participation of Agricultural Cooperatives' Members*. American Journal of Agricultural and Biological Sciences, 6 (4): 560-566, 2011.
43. Banaszak, I., (2008), *Determinants of successful cooperation in agricultural markets: evidence from producer groups in Poland*. Strategy and Governance of Networks, Heidelberg: Physica-Verlag.
44. Bernthal, P., Colteryahn, K., Davis, P., Naughton, J., Rothwell, W. J., and Wellins, R., (2004), *ASTD competency study: Mapping the future*. Alexandria, VA: ASTD Press.
45. Bhuyan, S., (2007), *The "People" Factor in Cooperatives: An Analysis of Members' Attitudes and Behavior*, Canadian Journal of Agricultural Economics, 55, pp. 275 - 298.
46. Birchall, J., (2004), *Cooperatives and the Millenium Development Goals*. Geneva, International Labour Organization.

47. Blayney, C., (2009), *Management competencies: Are they related to hotel performance?* International journal of management and marketing research, 2(1), pp.59-71.
48. Boam, R. and Sparrow, P., (1992), *Designing & Achieving Competency*. London: McGraw-Hill.
49. Borgen, S., (2001), *Identification as a trust-generating mechanism in cooperatives*. Annals of public and Cooperative Economics, 72(2), 209-228.
50. Boyatzis, R. E., (1982), *The Competent Manager: A model for Effective performance*. New York: John Wiley & Sons, pp. 21.
51. Boyatzis, R. E., and Ratti, F., (2009), *Emotional, social and cognitive intelligence competencies distinguishing effective Italian managers and leaders in a private company and cooperatives*, Journal of Management Development, 28(9/2009), pp. 821-838.
52. Cardy, R. L., and Selvarajan, T. T., (2006), *Competencies: Alternative frameworks for competitive advantage*. Business Horizons, 49, pp.235-245.
53. Carlberg, J., Clement, E. W., and Rodney, B. H., (2006), *Success Factors for New Generation Cooperatives*. Int. Food. Agri. Bus. Man. J, 9 (1): 62-81.
54. Carroll, A., and McCrackin, J., (1998), *The Competent Use of Competency- Based Strategies for Selection and Development*. Performance Improvement Quarterly, 11(3), pp.45-63.
55. Clegg, J., (2006), *Rural cooperative in China: policy and practice*. Journal of Small Business and Enterprise Development, 13(2), 219-234.
56. Cook, M. (1994), *The role of management behavior in agricultural cooperatives*. Journal of Agricultural Cooperation, 9, 42 - 58.

57. Cornforth, C. (2004), *The governance of cooperatives and mutual associations: a paradox perspective*. Annals of Public and Cooperative Economics, 75(1), 11-32.
58. Dainty, A. R., Cheng Mei-I, and Moore, D. R., (2003), *Redefining performance measures for construction project managers: An empirical examination*. Construction Management and Economics, 21(2), 209 - 218.
59. Eddie Oczkowski; Kay Plummer (2013), *The meaning, importance and practice of the co-operative principles: Qualitative evidence from the Australian co-operative sector*, Journal of Co-operative Organization and Management 1(2) DOI:10.1016/j.jcom.2013.10.006
60. Elena Garnevskaja, Guozhong Liu and Nicola Mary Shadbolt (2011), *Factors for successful development of Agricultural Cooperatives in Northwest China (Tạm dịch: Các yếu tố tạo nên sự thành công trong phát triển các hợp tác xã nông nghiệp ở Tây Bắc Trung Quốc)*.
61. FAO (2001), *Agricultural Cooperative Development - A manual for Trainers*, Food and Agriculture Organization of the United Nations, Viale delle Terme di Caracalla, 00100 Rome, Italy.
62. GF Ortmann & RP King (2020), *Agricultural Cooperatives I: History, Theory and Problems*, Agrekon, Vol 46, No 1, © 2008-2020 ResearchGate GmbH.
63. <https://www.researchgate.net/publication/228249003>, truy cập ngày 20/3/2024.
64. ICA (2019), *World Cooperative Monitor is now available*, COOP, <https://monitor.coop/en>
65. International Assessment of Agricultural Science and Technology (2007) *Agriculture at a Crossroads: Synthesis Report*, Rome: FAO, Italia.
66. Kimberly A. Zeuli và Robert Cropp (2012), *History of the development of*

international and American cooperatives, Cooperative ideology and international experience.

67. Kurimoto (2014), *Agricultural Cooperatives in Japan: An Institutional Approach*, *Journal of rural cooperation*. Link truy cập: <https://www.researchgate.net/publication/227366459>, truy cập ngày 09/12/2024.
68. Maureen Casile (2019), *A Study of the Organizational Characteristics of Successful Cooperatives*, Bowling Green State University Department of Management, BAA 3018 Bowling Green.
69. Maureen Casile (2020), *The success of agricultural cooperatives - A case study in the state of California*, *Public Administration and Development* 30(4): 261-76.
70. Mohamed và Temu, (2008), *Enabling Policy Environments for Co-operative Development A Comparative Experience*, Published by: University of Toronto Press on behalf of Canadian Public Policy.
71. Monica Juarez Adeler (2019), *Enabling Policy Environments for Co-operative Development A Comparative Experience*, Published by: University of Toronto Press on behalf of Canadian Public Policy.
72. Muzari và cộng sự, (2013), *The Relationship Between Members' Trust and Participation in the Governance of Cooperatives: The Role of Organizational Commitment*, *International Food and Agribusiness Management Review* Volume 15, Issue 1, 2012.
73. Osterberg, P. Nilsson (2009), *Member's Perception of Their Participation in the Governance of Cooperatives: The Key to Trust and Commitment in Agricultural Cooperatives*, *Agribusiness*.
74. Pauline Moris (2017), *Chain Interdependencies, Measurement Problems, and Efficient Governance Structure*,

75. Pauline Moris (2018), *Cooperative development - viewed from a social perspective*” (Tạm dịch: *Phát triển hợp tác xã - Nhìn từ góc độ xã hội*) *Journal of Peasant Studies* 37(1): 149-75.
76. Rodney B. Holcomb (2018), *What are the key agribusiness policy issues?* Annual Meeting, February 2-6, 2018, Jacksonville, Florida 266458, Southern Agricultural Economics Association.
77. Spielman, D.J., Hartwich, F. and Grebmer, K.V. (2010), *Public-private Partnerships and Developing Country Agriculture: Evidence from the International Agricultural Research System Research*. *Public Administration and Development* 30(4): 261-76.
78. Yamashita Kazuhito (2009), *Building Sustainable Farmer Cooperatives in the Mekong Delta, Vietnam: Is Social Capital the Key?* International Conference on Engaging Communities, Brisbane.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1

TÌNH HÌNH CHUYỂN ĐỔI VÀ GIẢI THỂ HTXNN NĂM 2022

STT	Loại hình/lĩnh vực	ĐVT	Đang hoạt động				Không hoạt động					
			Tổng số HTX đang hoạt động	Đã chuyển đổi theo Luật HTX 2012	Chưa đăng ký lại, chưa chuyển đổi theo Luật HTX 2012	Đã chuyển sang loại hình tổ chức khác	Tổng số HTX không hoạt động	Tạm ngừng hoạt động (dưới 12 tháng liên tục hoặc có đơn xin tạm ngừng hoạt động)	Ngừng hoạt động, chờ giải thể (liên lạc được với HTX)	Ngừng hoạt động (mất liên lạc với HTX, vẫn tồn tại trên sổ sách)	Đang làm thủ tục giải thể, phá sản không vướng mắc	Đang làm thủ tục giải thể nhưng gặp khó khăn vướng mắc hoặc tranh chấp
I	Tổng số HTX NN, trong đó:	HTX	17049	17011	27	11	1278	296	621	209	62	109
1	HTX Trồng trọt	HTX	5851	5851	12	0	280	64	124	40	25	35
2	HTX Chăn nuôi		1031	1031	3	0	149	73	44	13	8	14
3	HTX Lâm nghiệp		155	155	2	0	18	4	10	4	0	0
4	HTX Thủy sản		1005	1005	0	0	85	22	40	8	3	12
5	HTX Diêm nghiệp		34	34	0	0	7	0	5	0	0	2
6	HTX Nước sạch nông thôn		29	29	0	0	6	0	1	1	0	0
7	HTXNN tổng hợp		8906	8906	10	11	733	133	397	143	26	46

Nguồn: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, 2024

PHỤ LỤC 2

SỐ LƯỢNG HTX NN KIỂU MỚI ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO NĂM 2022

TT	Tên vùng	Số lượng HTX ứng dụng công nghệ cao (HTX)						Công nghệ áp dụng trong nông nghiệp theo Quyết định số 738/QĐ-BNN-KHCN ngày 14/3/2014				
		Tổng số	Trong đó theo lĩnh vực									
			Trồng trọt	Chăn nuôi	Lâm nghiệp, diêm nghiệp	Thủy sản	Tổng hợp	Công nghệ sinh học trong nông nghiệp	Kỹ thuật canh tác, nuôi trồng, bảo quản	Công nghệ tự động hóa	Công nghệ sản xuất vật tư nông nghiệp	Công nghệ tin học trong quản lý và kinh doanh ở HTX
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG	1716	1340	74	5	74	223	60	1490	151	16	90
1	Đồng bằng sông Hồng	379	335	13	0	7	24	10	348	26	1	7
2	Trung du miền núi phía Bắc	440	347	19	0	10	64	27	402	12	3	3
3	Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	263	165	26	5	28	39	14	196	44	8	2
4	Tây nguyên	156	96	7	0	1	52	3	114	29	3	7
5	Đông Nam Bộ	184	133	6	0	7	38	4	164	17	0	2
6	Đồng bằng sông Cửu Long	294	264	3	0	21	6	2	266	23	1	69

Nguồn: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, 2024

PHỤ LỤC 3**NGÂN SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HTX NN KIỂU MỚI Ở VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2013-2023**

STT	Nội dung chính sách	ĐVT	Tổng cộng cả giai đoạn 01/7/2013 - 31/12/2023			
			Số lượng	Kinh phí (Triệu đồng)		
				Tổng cộng	NSTW	NSDP
1	Đào tạo nguồn nhân lực	Lượt người	6349	13997.896	7761.336	6236.56
2	Bồi dưỡng nguồn nhân lực	Lượt người	180576	579009.613	339614.606	239395.007
3	Xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường	HTX	2617	255252.479	16281.404	238971.075
4	Ứng dụng KHKT, công nghệ cao	HTX	1613	1206000	627120	578880
5	Tiếp cận vốn và Quỹ hỗ trợ phát triển HTX	HTX	3449	1768000	919360	848640
6	Tạo điều kiện tham gia các chương trình mục tiêu, phát triển KT-XH	HTX	1293	42164.1	31612.9	10551.2
7	Thành lập mới	HTX	7396	78139.236	14740.35	63398.886
8	Tổ chức lại hoạt động hợp tác xã	HTX	1428	16344.143	10143.22	6200.923
9	Hỗ trợ đặc thù khác của địa phương	HTX	784	112742.113	25761.7	86980.413
10	Hỗ trợ đầu tư phát triển Kết cấu hạ tầng	HTX	2439	1861152.079	1479746.3	381405.779
11	Hỗ trợ miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất	HTX	47	8697.55	8478.55	219
12	Ưu đãi tín dụng	HTX	455	327151.397	89999.7	237151.697
13	Hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh	HTX	549	112437.3	39150.3	73287
14	Hỗ trợ về chế biến sản phẩm	HTX	387	110808.17	65423.87	45384.3
15	Hỗ trợ HTX do tác động của dịch bệnh Covid 19	HTX	69	589	0	589

Nguồn: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, 2024

PHỤ LỤC 4

NHỮNG ĐIỂM MỚI TRONG LUẬT HTX 2023

Luật Hợp tác xã (HTX) 2023 có các điểm mới nổi bật như sau:

Bổ sung hành vi bị nghiêm cấm liên quan đến hợp tác xã

Điều 7, Luật HTX 2023 đã bổ sung thêm nhiều hành vi bị nghiêm cấm so với trước:

- **Hành vi bị nghiêm cấm đối với cơ quan quản lý Nhà nước:** Hỗ trợ, ưu đãi cho tổ hợp tác, HTX, liên hiệp HTX không đúng nguyên tắc, đối tượng, thẩm quyền, nội dung, trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật; Lợi dụng quyền hạn để làm trái quy định của pháp luật về hỗ trợ, ưu đãi cho tổ hợp tác, HTX, liên hiệp HTX; Gây chậm trễ, phiền hà, cản trở, sách nhiễu tổ hợp tác, HTX, liên hiệp HTX... trong đăng ký, hoạt động và thực hiện hỗ trợ tổ hợp tác, HTX, liên hiệp HTX...

- **Hành vi bị nghiêm cấm đối với tổ hợp tác, HTX, liên hiệp HTX và các thành viên:** Sử dụng nguồn lực hỗ trợ không đúng mục đích đã cam kết; Lợi dụng chức vụ, quyền hạn vì lợi ích cá nhân hoặc của một nhóm thành viên...

Bổ sung quyền và nghĩa vụ của HTX - Liên minh HTX

Bên cạnh các quyền, nghĩa vụ của HTX, liên hiệp HTX đã được ghi nhận trước đây, *Điều 8, Điều 9* Luật HTX 2023 đã bổ sung thêm một số quyền và nghĩa vụ sau:

- **Về quyền của HTX, liên hiệp HTX:** Cho vay nội bộ theo quy định; Huy động vốn theo quy định; Theo dõi riêng các khoản doanh thu, chi phí của giao dịch nội bộ và giao dịch bên ngoài; Tham gia tổ chức đại diện của HTX, liên hiệp HTX...

- **Về nghĩa vụ của HTX, liên hiệp HTX:** Thực hiện công bố thông tin cho thành viên theo quy định tại Luật HTX và công bố thông tin theo quy định của pháp luật có liên quan; Bồi thường thiệt hại do HTX, liên hiệp HTX

gây ra cho thành viên theo quy định và Điều lệ; Lập, cập nhật và lưu trữ sổ đăng ký thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn...

Trong đó, Luật HTX 2023 cũng bổ sung thêm các quy định mới về Chế độ lưu trữ tài liệu (*Điều 12*); Công bố thông tin cho thành viên HTX, liên hiệp HTX (*Điều 14*); Sổ đăng ký thành viên của HTX, liên hiệp HTX (*Điều 15*).

Thêm 01 Chương về chính sách phát triển HTX, liên hiệp HTX

Cụ thể, Luật HTX 2023 đã bổ sung thêm Chương II: Chính sách của nhà nước về phát triển tổ hợp tác, HTX, liên hiệp HTX. Các chính sách này gồm:

- Chính sách phát triển nguồn nhân lực, thông tin, tư vấn (*Điều 20*);
- Chính sách đất đai (*Điều 21*);
- Chính sách thuế, phí và lệ phí (*Điều 22*);
- Chính sách tiếp cận vốn, bảo hiểm (*Điều 23*);
- Chính sách ứng dụng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (*Điều 24*);
- Chính sách tiếp cận và nghiên cứu thị trường (*Điều 25*);
- Chính sách đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, trang thiết bị (*Điều 26*);
- Chính sách hỗ trợ tư vấn tài chính và đánh giá rủi ro (*Điều 27*);
- Chính sách hỗ trợ hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp (*Điều 28*);

Theo đó, Điều 18 Luật HTX 2023 nêu rõ, HTX, liên hiệp HTX được xem xét thụ hưởng chính sách trên khi đáp ứng các tiêu chí sau:

- Không trong thời gian thi hành quyết định xử lý vi phạm hành chính do vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm; không trong thời gian chấp hành bản án hình sự của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật;
- Phát triển thành viên hoặc tăng tỷ lệ giá trị giao dịch nội bộ hoặc phát triển quỹ chung không chia, tài sản chung không chia hoặc thực hiện giáo dục, đào tạo cho thành viên, người lao động hoặc mới thành lập tại địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

- Có báo cáo kiểm toán trong trường hợp có yêu cầu.

Thêm điều kiện nhà đầu tư nước ngoài trở thành thành viên HTX

Theo Khoản 1 Điều 30, cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài muốn trở thành thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn của HTX phải có Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định pháp luật về đầu tư. Ngoài ra, cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài khi tham gia là thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn của HTX phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài;
- Điều kiện đảm bảo quốc phòng, an ninh theo quy định.

Trong đó, tổng số thành viên chính thức là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài phải chiếm tỷ lệ dưới 35% tổng số thành viên chính thức của HTX.

Bổ sung quy định cho vay nội bộ trong HTX.

Theo đó, tại Điều 83, cho vay nội bộ là việc HTX và liên hiệp HTX cho thành viên chính thức vay trong thời hạn không quá 12 tháng nhằm hỗ trợ sản xuất, kinh doanh và đời sống. Tuy nhiên, việc cho vay phải bảo toàn vốn, có hoàn trả và bù đắp đủ các khoản chi phí của hoạt động cho vay nội bộ; đồng thời đáp ứng các điều kiện sau:

- HTX, liên hiệp HTX tổ chức theo tổ chức quản trị đầy đủ và số lượng thành viên Ban kiểm soát tối thiểu từ 03 thành viên trở lên;
- Cho vay nội bộ sau khi đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, không sử dụng nguồn vốn huy động trong và ngoài thành viên để cho vay nội bộ.

PHỤ LỤC 5
DANH SÁCH CHUYÊN GIA

STT	Họ tên	Số điện thoại	Vị trí công tác
1	Lê Đức Thịnh	0904xxx053	Cục trưởng cục Kinh tế Hợp tác - Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
2	Phạm Thị Tổ Oanh	0912xxx779	Trưởng ban chính sách - Liên minh Hợp tác xã Việt Nam
3	Dương Tuấn Cường	0914xxx566	Phó ban chính sách - Liên minh Hợp tác xã Việt Nam
4	Nguyễn Thị Thuỷ	0985xxx737	Viện trưởng viện Kinh tế hợp tác.- Liên minh Hợp tác xã Việt Nam
5	Nguyễn Đình Long	0942xxx678	Giám đốc trung tâm các chương trình kinh tế xã hội - Liên minh HTX Việt Nam
6	Nguyễn Hùng Tiến	0913xxx546	Chủ tịch quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã - Liên minh HTX Việt Nam
7	Nguyễn Quốc Oánh	0904xxx393	Hiệu trưởng trường Cán bộ quản lý Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
8	Trần Thu Hằng	0904xxx727	Trưởng ban quan hệ quốc tế - Liên minh Hợp tác xã Việt Nam
9	Đỗ Nhân Đạo	0912xxx067	Chủ tịch liên minh hợp tác xã tỉnh Yên Bái
10	Đào Văn Lập	0943xxx968	Trung tâm xúc tiến - Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

PHỤ LỤC 6

PHIẾU PHỎNG VẤN CHUYÊN GIA

Xin chào anh/chị, tôi tên là Nguyễn Danh Hùng- là nghiên cứu sinh chuyên ngành Kinh tế Chính trị, thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. Hiện tôi đang nghiên cứu đề tài: **“Hỗ trợ của Nhà nước đối với HTXNN kiểu mới ở Việt Nam”**. Tôi xin phép quý anh/chị một chút ít thời gian để tiếp cận rõ hơn về một số thông tin phục vụ đề tài. Rất mong nhận được sự hỗ trợ từ quý anh/chị.

I/ Các thông tin chung

1. Họ và tên:.....Năm sinh:.....
2. Đơn vị công tác.....

II/ Nội dung phỏng vấn

- 1/ Theo anh/chị, điểm khác biệt của loại hình HTXNN kiểu cũ và kiểu mới là gì?

.....

.....

.....

- 2/ Theo anh/chị, các chính sách hỗ trợ tài chính cho các HTX NN kiểu mới hiện nay đối diện với những thuận lợi và khó khăn gì?

Thuận lợi	Khó khăn
1.	1.
2.	2.
3.	3.

- 3/ Theo anh/chị, các chính sách hỗ trợ đất đai cho các HTX NN kiểu mới hiện nay đối diện với những thuận lợi và khó khăn gì?

Thuận lợi	Khó khăn
1.	1.
2.	2.
3.	3.

- 4/ Theo anh/chị, các chính sách hỗ trợ và phát triển nguồn nhân lực cho các HTX NN kiểu mới hiện nay đối diện với những thuận lợi và khó khăn gì?

Thuận lợi	Khó khăn
1.	1.
2.	2.
3.	3.

5/ Theo anh/chị, các chính sách hỗ trợ tiếp cận và thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ cho các HTX NN kiểu mới hiện nay đối diện với những thuận lợi và khó khăn gì?

Thuận lợi	Khó khăn
1.	1.
2.	2.
3.	3.

6/ Theo anh/chị, quá trình hỗ trợ thông tin, các dự báo của nhà nước cho các HTX NN kiểu mới hiện nay đối diện với những thuận lợi và khó khăn gì?

Thuận lợi	Khó khăn
1.	1.
2.	2.
3.	3.

7/ Bộ máy hỗ trợ của nhà nước đối với các HTX NN kiểu mới hiện nay có những điểm gì cần cải thiện?

.....

8/ Bối cảnh thế giới hiện nay có những ảnh hưởng gì đến quá trình triển khai các chính sách hỗ trợ của nhà nước đối với các HTX NN kiểu mới?

.....

9/ Bối cảnh trong nước hiện nay có những ảnh hưởng gì đến quá trình triển khai các chính sách hỗ trợ của nhà nước đối với các HTX NN kiểu mới?

.....

.....
.....
10/ Theo anh/chị; quá trình hỗ trợ các HTXNN kiểu mới chịu ảnh hưởng từ các yếu tố nào?

.....
.....
.....
11/ Mong anh/chị chia sẻ một số thông tin trong việc đưa ra các giải pháp để các chính sách hỗ trợ của nhà nước đối với HTXNN kiểu mới hiệu quả hơn trong tương lai?

.....
.....
.....
Xin cảm ơn những thông tin quý giá từ quý anh/chị.